

UBND TỈNH ĐỒNG NAI  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG NAI

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**THÔNG BÁO**  
**Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế của cơ sở giáo dục đại học**  
**năm học 2021 - 2022**

A. Công khai thông tin về quy mô đào tạo hiện tại

STT	Khối ngành	Quy mô sinh viên hiện tại	
		Đại học	
		Chính quy	VHVL
1	Khối ngành I	2555	641
2	Khối ngành III	1540	0
3	Khối ngành IV	14	0
4	Khối ngành V	21	0
5	Khối ngành VII	1003	0
	<b>Tổng số</b>	<b>5133</b>	<b>641</b>

B. Công khai thông tin về sinh viên tốt nghiệp và tỷ lệ sinh viên có việc làm sau 01 năm

STT	Khối ngành	Số sinh viên tốt nghiệp	Phân loại tốt nghiệp (%)			Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm sau 1 năm ra trường (%)*
			Loại xuất sắc	Loại giỏi	Loại khá	
	<b>Tổng số</b>					
1	Khối ngành I (Sur phạm)	771	4	57	250	

**Biểu mẫu 18**  
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

2	Khối ngành III (Kinh doanh và quản lý)	240	3	52	155	
3	Khối ngành V (Kỹ thuật)	0	0	0	0	
4	Khối ngành VII (Nhân văn, Môi trường)	160	0	4	89	

(\*) Tỷ lệ SVTN có việc làm tính theo công thức: ((SL SVTN có việc làm + SL SVTN đang học nâng cao)/tổng số SVTN được khảo sát)\* 100

C. Công khai các môn học của từng khóa học, chuyên ngành

### 1. NGÀNH GIÁO DỤC MÀM NON (7140201)

TT	Tên học phần	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Triết học Mac- Lênin.	<p><b>Mục tiêu của học phần:</b> Sau khi hoàn thành học phần sinh viên đạt được những mục tiêu sau:</p> <p><b>1.Mục tiêu chung:</b> Xác lập hệ thống tri thức lý luận cơ bản của Triết học Mác – Lênin làm cơ sở tiếp cận nội dung các môn học Kinh tế Chính trị Mác – Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Từ đó vận dụng tri thức triết học vào giải quyết các vấn đề thực tiễn, đời sống, học tập và công tác. Trang bị cho người học những phẩm chất chính trị, đạo đức, kỹ năng, thái độ tích cực, sáng tạo, trách nhiệm với cộng đồng, xã hội.</p> <p><b>2.Mục tiêu cụ thể</b> <b>Về kiến thức:</b> Cung cấp cho sinh viên những hiểu biết có tính căn bản, hệ thống về tri thức Triết học Mác - Lênin. Xây dựng thế giới quan duy vật và phương pháp</p>	3	HK2	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%

**Biểu mẫu 18**  
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

TT	Tên học phần	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<p>luận biện chứng duy vật làm nền tảng lí luận cho việc nhận thức các vấn đề, nội dung của các môn khoa học khác.</p> <p>Giúp sinh viên nhận thức được bản chất khoa học, cách mạng, nhân văn của Triết học Mác - Lênin.</p> <p><b>Về kỹ năng:</b></p> <p>Hình thành cho sinh viên kỹ năng phân tích, đánh giá và giải quyết các vấn đề của tự nhiên, xã hội và tư duy trên lập trường duy vật biện chứng và phương pháp luận biện chứng duy vật.</p> <p>Giúp sinh viên biết vận dụng kiến thức lý luận của môn học vào việc tiếp cận các môn khoa học chuyên ngành, vào hoạt động thực tiễn của đất nước và bản thân một cách năng động và sáng tạo.</p> <p><b>Về thái độ:</b></p> <p>Rèn luyện cho sinh viên phẩm chất đạo đức cách mạng; có lập trường, tư tưởng chính trị vững vàng, thái độ đúng đắn, khách quan, khoa học, toàn diện; xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng.</p> <p>Sinh viên đánh giá được một cách khách quan về vai trò của triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội và trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay.</p>			
2	Kinh tế chính trị Mac – Lênin	<p><b>1 Mục tiêu chung:</b></p> <p>- Cung cấp hệ thống tri thức về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa và những vấn đề chính trị của thời kì quá độ lên chủ nghĩa Việt Nam nhằm phát huy những giá trị bền vững của kinh tế chính trị Mac- LêNin. Đồng thời nâng</p>	2	HK3	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%

**Biểu mẫu 18**  
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

TT	Tên học phần	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<p>cao kỹ năng, tầm nhìn của sinh viên sau này khi ra trường.</p> <p><b>2 Mục tiêu cụ thể:</b></p> <p><b>Kiến thức:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- SV nắm được những kiến thức cơ bản của Chủ Nghĩa Mác- LêNin</li> <li>- SV hiểu được mối quan hệ giữa học phần kinh tế chính trị Mac- LêNin với các học phần lí luận chính trị khác.</li> <li>- SV vận dụng kiến thức học phần này để tiếp cận với nội dung của các vấn đề lí luận của các học phần khác vfa giải thích các vấn đề thực tiễn.</li> </ul> <p><b>Kĩ năng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>-Sv có kĩ năng chọn lọc, phân tích, đánh giá thông tin khi tìm hiểu nội dung chính trị Mac- lêNin.</li> <li>- Có kĩ năng vận dụng các kiến thức vào trong thực tiễn</li> </ul> <p><b>Thái độ:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có thái độ đúng đắn trong nhìn nhận và đánh giá giá trị khoa học của kinh tế chính trị Mac- LêNin trong quá khứ, hiện tại và tương lai.</li> <li>- SV luôn tin tưởng vào đường lối phát triển kinh tế của Đảng, chính sách phát triển kinh tế của nhà nước, tranh thành với mục tiêu lý tưởng của Đảng.</li> </ul>			
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	<p>1. Mục tiêu chung:</p> <p>Trang bị một cách có hệ thống những nội dung cơ bản của học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học, cùng với các môn lí luận chính trị khác giúp các SV nhận thức toàn diện về Mac – LêNin và con đường đi lên Chủ nghĩa xã hội ở Việt</p>	2	HK4	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%

**Biểu mẫu 18**  
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

TT	Tên học phần	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<p>Nam. Từ đó SV có khả năng vận dụng kiến thức vào việc xem xét đánh giá những vấn đề chính trị, xã hội của đất nước liên quan đến chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Xây dựng thái độ chính trị, tư tưởng đúng đắn, củng cố niềm tin vào mục tiêu, lí tưởng và sự thành công của công cuộc đổi mới do Đảng cộng sản Việt Nam lãnh đạo.</p> <p>2. Mục tiêu cụ thể:</p> <p>Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trang bị cho Sv những tri thức cơ bản cốt lõi nhất của Chủ nghĩa xã hội khoa học một trong những bộ phận cấu thành của chủ nghĩa Mac- Lênin.</li> <li>- SV hiểu được mối quan hệ logic giữa CNXH KH với các học phần chính trị khác.</li> <li>- SV biết liên hệ và giải thích các vấn đề chính trị xã hội có tính quy luật trong tiến trình xã hội chủ nghĩa và vận dụng ở Việt Nam</li> </ul> <p>Kĩ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có năng lực hiểu biết thực tiễn và có khả năng vận dụng kiến thức và luận giải những vấn đề chính trị, xã hội của đất nước liên quan đến chủ nghĩa xã hội và con đường lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.</li> <li>- Hình thành kỹ năng phân tích, đánh giá, tư duy, phản biện, sáng tạo gắn skết với thực tiễn trên lập trường thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác- lenin</li> </ul>			

**Biểu mẫu 18**  
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

TT	Tên học phần	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<p>Thái độ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có thái độ chính trị, tư tưởng đúng đắn về môn học chủ nghĩa khoa học nói riêng và nền tảng tư tưởng của Đảng nói chung.</li> <li>- Rèn cho SV phẩm chất đạo đức cách mạng, bản lĩnh chính trị vững vàng củng cố niềm tin và kiên định mục tiêu con đường độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, khơi dậy và phát huy tinh thần trách nhiệm xây dựng, phát triển đất nước giàu mạnh, phồn vinh.</li> </ul>			
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	<p><b>Mục tiêu chung:</b>            Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh trang bị những kiến thức về hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh cho sinh viên hệ Đại học. Giúp cho sinh viên hiểu rõ được giá trị Tư tưởng Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam và sự phát triển của cách mạng thế giới. Đồng thời củng cố niềm tin của sinh viên với Đảng Cộng sản Việt Nam và chế độ chính trị. Có ý thức rèn luyện, tu dưỡng học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.</p> <p><b>Mục tiêu cụ thể</b></p> <p><i>i. Về kiến thức:</i> Sinh viên hiểu được những kiến thức cơ bản về khái niệm, nguồn gốc, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; những nội dung cơ bản về tư tưởng Hồ Chí Minh; sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và trong cách mạng xã hội chủ nghĩa.</p>	2	HK5	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%

**Biểu mẫu 18**  
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

TT	Tên học phần	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<p>ii. <i>Về kỹ năng:</i> Hình thành cho sinh viên khả năng tư duy độc lập, phân tích, đánh giá, vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn đời sống, học tập và công tác.</p> <p>iii. <i>Về thái độ:</i> Sinh viên được nâng cao bản lĩnh chính trị, yêu nước, trung thành với mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền chủ nghĩa xã hội; nhận thức được vai trò, giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với Đảng và dân tộc Việt Nam; thấy được trách nhiệm của bản thân trong việc học tập, rèn luyện để góp phần vào xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.</p>			
5	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	<p>1. Mục tiêu chung: Nâng cao nhận thức, hiểu biết về Đảng cộng sản Việt Nam – đội tiên phong lãnh đạo cách mạng Việt Nam đưa đến những thắng lợi và thành tựu có ý nghĩa lịch sử to lớn trong sự nghiệp phát triển của lịch sử dân tộc. Cũng cố, bồi đắp niềm tin đối với sự lãnh đạo của Đảng, tự hào về Đảng, nâng cao nhận thức cho thế hệ trẻ khi gia nhập Đảng, tham gia xây dựng Đảng ngày càng vững mạnh, tiếp tục thực hiện sứ mệnh vẻ vang của Đảng là lãnh đạo và bảo vệ vững chắc Tổ quốc và xây dựng thành công Chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.</p> <p>2. Mục tiêu cụ thể: Kiến thức: Cung cấp tri thức có hệ thống về sự ra đời, lãnh đạo trong công cuộc đấu tranh giành chính quyền, trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước</p>	2	HK5	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%

**Biểu mẫu 18**  
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

TT	Tên học phần	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<p>thời kì quá độ lên Chủ nghĩa xã hội, tiến hành cuộc đổi mới đến nay.</p> <p>Kĩ năng: Trang bị phương pháp tư duy, khoa học về lịch sử, lựa chọn tài liệu nghiên cứu, học tập môn học và khả năng vận dụng nhận thức lịch sử vào công tác thực tiễn, phê phán quan niệm sai trái về lịch sử Đảng.</p> <p>Thái độ: Thông qua các sự kiện lịch sử và kinh nghiệm về lãnh đạo của Đảng để xây dựng ý thức tôn trọng sự thật khách quan, nâng cao tự hào, niềm tin của SV vào sự lãnh đạo của Đảng, quá khứ và hiện tại.</p>			
6	Tin học	<p>3. Trang bị cho sinh viên các kiến thức đại cương về tin học, đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định hiện hành về Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành.</p>	2	HK2	<p>Đánh giá quá trình 50%</p> <p>Đánh giá cuối kì 50%</p>
7	Tiếng Anh không chuyên 1	<p><b>1. Mục tiêu của học phần</b></p> <p>- <b>Mục tiêu:</b> Môn học nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức kĩ năng và thái độ học tập tích cực</p> <p>- <b>Kết quả dự kiến/ Chuẩn đầu ra của môn học:</b> Sau khi hoàn tất môn học, sinh viên có thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• <b>Kiến thức:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sinh viên nắm được những điểm ngữ pháp cơ bản về các thì cơ bản (simple present, present continuous, simple past, past continuous, present perfect, simple future).</li> </ul> </li> </ul>	2	HK1	<p>Đánh giá quá trình 30%</p> <p>Đánh giá cuối kì 70%</p>



**Biểu mẫu 18***(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT**ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)*

TT	Tên học phần	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<ul style="list-style-type: none"><li>- Những mẫu câu đơn giản: câu đơn, câu kép cùng với những từ nối: and, but, so, because, when...</li><li>- Nắm từ vựng có liên quan chủ đề bài học về giao tiếp, du lịch, tiền bạc và cuộc sống xã hội.</li><li>• <b>Kỹ năng:</b><ul style="list-style-type: none"><li>Kết thúc học phần tiếng Anh cơ bản học phần 1, sinh viên có khả năng<ul style="list-style-type: none"><li>- Nghe hiểu những mẫu đối thoại trong cuộc sống hàng ngày, trong công việc để có thể tự tin giao tiếp.</li><li>- Luyện tập nói thường xuyên theo chủ đề liên quan đến cuộc sống, thể thao, du lịch.</li><li>- Đọc đúng âm cuối -ED</li><li>- Đọc đúng nguyên âm dài, ngắn.</li><li>- Đọc hiểu những bài đọc ngắn, bài báo, thư điện tử và trả lời tốt những yêu cầu liên quan đến bài đọc.</li><li>- Viết những đoạn ngắn những hoạt động hằng ngày của mình hay bạn bè, những chuyến du lịch trải nghiệm (travel blog), viết hay trả lời một lời mời...</li></ul></li><li>• <b>Thái độ</b><ul style="list-style-type: none"><li>- Kết thúc học phần, sinh viên ý thức tầm quan trọng của việc luyện tập bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết. Sinh viên thường xuyên đọc, nghe thêm tài liệu, sách báo bằng tiếng Anh ngoài giờ chính thức lên lớp. Làm thêm bài tập ngữ pháp ở nhà để làm nền tảng cơ bản cho việc học tiếp học phần II, III.</li></ul></li></ul></li></ul>			

**Biểu mẫu 18**  
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

TT	Tên học phần	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
8	Tiếng Anh không chuyên 2	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Mục tiêu:</b> Môn học nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức kỹ năng và thái độ học tập tích cực</li> <li>- <b>Kết quả dự kiến/ Chuẩn đầu ra của môn học:</b> Sau khi hoàn tất môn học, sinh viên có thể: <ul style="list-style-type: none"> <li>• <b>Kiến thức:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sinh viên nắm được những điểm ngữ pháp cơ bản modal verbs (can/can't/could/couldn't for ability); have to/don't have to; Imperative; cấu trúc động từ nguyên mẫu (To infinitive); tính từ tận cùng ING/ED (-Ing/ -Ed Adjectives); so sánh (Comparatives and superlatives); Used to; thể bị động ( The passive).</li> <li>- Những mẫu câu giao tiếp đơn giản như đề nghị , gợi ý; những lời khuyên cho những vấn đề trong cuộc sống.</li> <li>- Nắm từ vựng có liên quan chủ đề bài học về nghề nghiệp, các sự kiện trong cuộc sống, sở thích âm nhạc nghệ thuật</li> </ul> </li> <li>• <b>Kỹ năng:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết thúc học phần tiếng Anh cơ bản học phần 2, sinh viên có khả năng: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghe hiểu những mẫu đối thoại trong cuộc sống hàng ngày, trong công việc để có thể tự tin giao tiếp.</li> <li>- Luyện tập nói thường xuyên theo chủ đề liên quan đến thể thao, nghệ thuật âm nhạc, phim, sách báo)</li> <li>- Luyện nhấn trọng âm trong từ và câu để nói được chuẩn xác.</li> </ul> </li> </ul> </li> </ul> </li> </ul>	2	HK2	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%

**Biểu mẫu 18***(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT**ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)*

TT	Tên học phần	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc hiểu những bài đọc ngắn, bài báo, thư điện tử và trả lời tốt những yêu cầu liên quan đến bài đọc.</li> <li>- Viết mô tả những kinh nghiệm bản thân về một sự việc; những thay đổi trong cuộc sống-sức khỏe.               <ul style="list-style-type: none"> <li>• Thái độ</li> </ul> </li> </ul> <p>Kết thúc học phần, sinh viên ý thức tầm quan trọng của việc luyện tập bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết. Sinh viên thường xuyên đọc, nghe thêm tài liệu, sách báo bằng tiếng Anh ngoài giờ chính thức lên lớp. Làm thêm bài tập ngữ pháp ở nhà để làm nền tảng cơ bản cho việc học tiếp học phần III.</p>			
9	Tiếng Anh không chuyên 3	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Mục tiêu:</b> Môn học nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức kỹ năng và thái độ học tập tích cực</li> <li>- <b>Kết quả dự kiến/ Chuẩn đầu ra của môn học:</b> Sau khi hoàn tất môn học, sinh viên có thể:               <ul style="list-style-type: none"> <li>• <b>Kiến thức:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiến thức: sinh viên nắm được những điểm ngữ pháp cơ bản về thì (thì hiện tại hoàn thành, thì quá khứ hoàn thành,...); câu điều kiện loại 1, loại 2; mẫu động từ: động từ theo sau bởi to infinitive hoặc V-ing; từ chỉ số lượng too/not enough; mạo từ; mệnh đề tính ngữ ; lời nói gián tiếp.</li> <li>- Mẫu câu: câu đơn, câu kép, câu phức cùng với những từ nối: and, or, but, so , because, when, if...</li> </ul> </li> </ul> </li> </ul>	3	HK3	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%

**Biểu mẫu 18**  
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

TT	Tên học phần	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nắm từ vựng có liên quan chủ đề bài học về giao tiếp, du lịch, tiền bạc và cuộc sống, xã hội.</li> <li>• <b>Kỹ năng:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>Kết thúc học phần tiếng Anh cơ bản học phần 3, sinh viên có khả năng               <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghe hiểu những mẫu đối thoại trong cuộc sống hàng ngày, trong công việc để có thể tự tin giao tiếp.</li> <li>- Luyện tập nói thường xuyên theo chủ đề liên quan đến cuộc sống với bạn bè, thầy cô và mọi người,                   <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát âm chuẩn xác 24 phụ âm.</li> <li>- Luyện nhấn trọng âm trong từ và câu để nói được chuẩn xác.</li> <li>- Đọc đúng âm cuối –ED ở thì quá khứ.</li> <li>- Đọc đúng âm cuối –S/- ES trong danh từ số nhiều và ngôi thứ ba số ít của động từ ở thì hiện tại đơn.</li> <li>- Đọc đúng nguyên âm dài, ngắn.</li> <li>- Đọc hiểu những bài đọc ngắn, bài báo, thư điện tử và trả lời tốt những yêu cầu liên quan đến bài đọc.</li> <li>- Viết thư điện tử nội dung liên quan đến cuộc sống hàng ngày như mời dự tiệc, xem phim, trải nghiệm đi từ thiện, hay viết blog theo chủ đề trải nghiệm ngày nghỉ, ngày đầu tiên đi làm...</li> <li>- Viết thư điện tử nội dung liên quan đến cuộc sống hàng ngày, viết những đoạn văn ngắn theo chủ đề bài học, viết bình luận về phim hay câu chuyện ngắn đã xem hay đã đọc.</li> </ul> </li> </ul> </li> </ul> </li> <li>• <b>Thái độ</b></li> </ul>			

**Biểu mẫu 18**  
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

TT	Tên học phần	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết thúc học phần, sinh viên ý thức tầm quan trọng của việc luyện tập bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết. Sinh viên thường xuyên đọc, nghe thêm tài liệu, sách báo bằng tiếng Anh ngoài giờ chính thức lên lớp. Làm thêm bài tập ngữ pháp ở nhà để làm tốt bài thi cuối học phần và thi chuẩn đầu ra.</li> </ul>			
10	Phương pháp NCKH giáo dục	<p style="text-align: center;"><i>Mục tiêu của học phần</i></p> <p>Nội dung môn học đề cập tới các bước tiến hành nghiên cứu đề tài về Khoa học giáo dục và giúp người học có khả năng nghiên cứu khoa học một cách độc lập.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ <b>Kiến thức:</b> Sinh viên có kiến thức về các bước tiến hành nghiên cứu đề tài thuộc lĩnh vực khoa học giáo dục.</li> <li>+ <b>Kỹ năng:</b> Sinh viên có khả năng nghiên cứu khoa học một cách độc lập.</li> <li>+ <b>Thái độ:</b> Yêu thích nghiên cứu khoa học</li> </ul> <p style="text-align: center;"><i>3. Tóm tắt nội dung học phần</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chương 1 chủ yếu tập trung vào trình bày lý thuyết về quá trình nhận thức chung và phương pháp luận nghiên cứu khoa học giáo dục.</li> <li>- Chương 2 đi sâu phân tích hệ thống các phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục, kèm theo các ví dụ minh họa trong thực tiễn nghiên cứu giáo dục.</li> <li>- Chương 3 là chương quan trọng nhất, yêu cầu người dạy xây dựng đề cương các bước tiến hành nghiên cứu một đề tài và đưa nhiều đề tài nghiên cứu để minh họa.</li> </ul>	2	HK3	2 Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%

**Biểu mẫu 18***(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT**ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)*

<b>TT</b>	<b>Tên học phần</b>	<b>Mục đích môn học</b>	<b>Số TC</b>	<b>Lịch trình giảng dạy</b>	<b>Phương pháp đánh giá sinh viên</b>
11	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý GD đào tạo	<p>+ Tri thức:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Nắm được những lý luận chung về Nhà nước và QLHCNN ở Việt Nam, những nội dung chủ yếu của cuộc vận động CCHC hiện nay.</li><li>- Trình bày được các khái niệm cơ bản quản lý, quản lý hành chính nhà nước, quản lý nhà nước về giáo dục.</li><li>- Trình bày được nội dung, quy trình hoạt động quản lý hành chính nhà nước, công cụ, hình thức và phương pháp quản lý hành chính nhà nước.</li><li>- Phân tích các yếu tố nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý hành chính nhà nước.</li><li>- Trình bày được các khái niệm và những vấn đề liên quan đến công chức, công vụ; cơ sở pháp lý và sự cần thiết của Luật cán bộ, công chức</li><li>- Nắm vững đường lối, quan điểm về giáo dục và đào tạo của Đảng và Nhà nước Tổng hợp được tình hình giáo dục hiện nay của Việt Nam – những nguyên nhân của thành tựu và hạn chế của giáo dục; mục tiêu và giải pháp phát triển giáo dục.</li><li>- Hiểu và nắm chắc luật giáo dục, Điều lệ trường trung học.</li></ul> <p>+ Kỹ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Vận dụng các kiến thức đã học vào việc thực hiện các quy định trong giáo dục học sinh</li><li>- Nhận diện và giải quyết được những vấn đề liên quan đến công tác quản lý hành chính trong nhà trường.</li></ul>	2	HK4	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%

**Biểu mẫu 18***(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT**ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)*

TT	Tên học phần	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Từ nội dung môn học dần hình thành giá trị hành vi (tuân thủ nội quy quy định, tôn trọng quy chế, có khả năng thương thuyết, có tinh thần đoàn kết, sáng tạo, có đạo đức nghề nghiệp).</li> <li>- Quản lý, hướng đạo giáo dục cá nhân và tập thể học sinh tuân theo pháp luật, quy chế, quy định của nhà nước</li> <li>- Xây dựng kế hoạch, làm việc cẩn thận, chính xác theo quy định của ngành.</li> </ul> <p>+ Thái độ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận thức sâu sắc về trách nhiệm và vai trò của bản thân đối với sự nghiệp cải cách nâng cao hiệu quả quản lý giáo dục đào tạo.</li> <li>- Ý thức trách nhiệm với sự giá trị hành vi của mình</li> <li>- Hình thành ý thức thường xuyên rèn luyện và trau dồi kiến thức và đạo đức cho bản thân.</li> </ul>			
12	Giáo dục thể chất		3		
13	Giáo dục quốc phòng		165		
14	Tâm lí học đại cương	<p><b>2.1 Mục tiêu đào tạo chung của học phần:</b></p> <p>Học xong học phần, sinh viên phải đạt các mục tiêu sau đây:</p> <p>* Về kiến thức:</p> <p>Nắm vững các phạm trù, khái niệm, các qui luật cơ bản cơ bản về tâm lí; từ đó người học có cơ sở tiếp tục học tập các bộ môn khác như Tâm lí học lứa tuổi và TLH sư phạm, Giáo dục học, Rèn</p>	2	HK1	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%

**Biểu mẫu 18**  
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

TT	Tên học phần	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<p>luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên và Phương pháp dạy học bộ môn.</p> <p><i>* Về kỹ năng:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có kỹ năng vận dụng kiến thức tâm lí học vào việc giải các bài tập thực hành; giải thích, phân tích các hiện tượng tâm lí và các biểu hiện đa dạng của nó theo quan điểm khoa học.</li> <li>- Có kỹ năng vận dụng kiến thức tâm lí học vào việc học tập, rèn luyện nghiệp vụ sư phạm và rèn luyện bản thân.</li> </ul> <p><i>* Về thái độ:</i></p> <p>Yêu thích, hứng thú môn tâm lí học, coi trọng môn học này; làm tăng thêm lòng yêu người, yêu nghề. Tình cảm nghề nghiệp ngày càng được củng cố, nâng cao.</p>			
15	Tâm lí học trẻ em	<p><b>Mục tiêu của học phần</b></p> <p>+ <b>Kiến thức:</b> SV nắm được những kiến thức cơ bản và có hệ thống về:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu Tâm lí học trẻ em</li> <li>- Quy luật phát triển tâm lý của trẻ em</li> <li>- Đặc điểm phát triển tâm lý của trẻ em lứa tuổi nhà trẻ (0 - 3 tuổi)</li> <li>- Các hoạt động, đặc điểm phát triển tâm lý và nhân cách của trẻ em lứa tuổi mẫu giáo (3 - 6 tuổi).</li> </ul> <p>+ <b>Kỹ năng:</b> Bước đầu hình thành và phát triển cho SV những kỹ năng sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kỹ năng tự học, tự nghiên cứu sách giáo khoa và những tài liệu tham khảo.</li> </ul>	2	HK2	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%



**Biểu mẫu 18**  
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

TT	Tên học phần	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kỹ năng quan sát sự phát triển tâm lý của trẻ trong thực tiễn.</li> <li>- Kỹ năng làm việc với trẻ, có những tác động sư phạm phù hợp trên cơ sở nắm được đặc điểm phát triển tâm lý của trẻ ở từng độ tuổi.</li> <li>+ <b>Thái độ:</b></li> <li>- SV nhận thức được tầm quan trọng của việc học tập và nghiên cứu TLHTE nói chung và TLHTE lứa tuổi mầm non nói riêng đối với công tác chăm sóc và giáo dục trẻ em ở trường Mầm non sau này.</li> <li>- Có thái độ yêu trẻ, tôn trọng sự phát triển của trẻ; từ đó có ý thức học tập, rèn luyện tri thức, kỹ năng chăm sóc, giáo dục trẻ, giúp trẻ có được sự phát triển toàn diện.</li> </ul>			
16	Giáo dục học đại cương	<p><b>Mục tiêu học phần:</b></p> <p>+ <b>Tri thức:</b> Nắm vững những vấn đề cơ bản về Giáo dục học như bản chất, tính chất, chức năng của giáo dục, xác định Giáo dục học là một khoa học; vai trò của giáo dục đối với sự phát triển nhân cách; mục đích, nhiệm vụ giáo dục trong nhà trường...</p> <p>+ <b>Kỹ năng:</b></p> <p>- Hình thành, phát triển những kỹ năng cơ bản trong học tập Giáo dục học, kỹ năng xác định mục đích của hoạt động dạy học- giáo dục, các kỹ năng cơ bản tổ chức và ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động dạy học nhà trường.</p>	2	HK2	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%

**Biểu mẫu 18**  
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

TT	Tên học phần	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<p>- Hình thành và phát triển kỹ năng, phương pháp học tập và nghiên cứu khoa học giáo dục</p> <p>+ <b>Thái độ:</b> Bước đầu sinh viên có tình cảm tích cực về nghề sư phạm, có trách nhiệm, hợp tác trong quá trình học tập bộ môn, tích cực, chủ động, sáng tạo vận dụng tri thức, kỹ năng đã học vào việc rèn luyện tay nghề người giáo viên.</p>			
17	Giáo dục học Mầm non	<p><b>Mục tiêu của học phần</b></p> <p>+ <b>Kiến thức:</b></p> <p>- Sinh viên cần nắm được một cách hệ thống các tri thức về mục tiêu, nguyên tắc, phương pháp giáo dục trẻ tuổi mầm non, các nhiệm vụ chăm sóc, giáo dục trẻ ở nhà trường mầm non.</p> <p>- Trang bị cho sinh viên kiến thức về các hình thức tổ chức đời sống cho trẻ mầm non, các nội dung cần chuẩn bị cho trẻ vào lớp 1, vai trò của gia đình trong sự phối hợp giáo dục trẻ.</p> <p>+ <b>Kỹ năng:</b> Sinh viên có khả năng vận dụng những tri thức đã học vào công tác chăm sóc, giáo dục trẻ ở trường mầm non.</p> <p>+ <b>Thái độ:</b> SV có thái độ đúng đắn, khoa học về công tác chăm sóc, giáo dục trẻ, từ đó rèn luyện nhân cách cho bản thân mình.</p>	3	HK3	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
18	Giao tiếp sư phạm	<p><b>2. Mục tiêu của học phần</b></p> <p>+ <b>Kiến thức:</b> sv nắm được những vấn đề chung về giao tiếp, đặc điểm giao tiếp của trẻ mầm non và giao tiếp sư phạm với trẻ mầm non + <b>Kỹ năng:</b> sv phát triển các kỹ năng học tập. kỹ năng giao</p>	2	HK4	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%

**Biểu mẫu 18**  
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

TT	Tên học phần	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		tiếp với <b>trở</b> mầm non + Thái độ: s V nhận thức được tầm quan trọng của học phần, có thái độ yêu trẻ, tôn trọng sự phát triển của trẻ và có V thức rèn luyện để giao tiếp với trẻ một cách hiệu quả			
19	Đánh giá kết quả giáo dục	<p><b>Mục tiêu của học phần:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cung cấp cho sinh viên hệ thống tri thức cơ bản về một số vấn đề đánh giá trong giáo dục mầm non như khái niệm, ý nghĩa, nguyên tắc, nội dung, phương pháp và các kỹ thuật đánh giá (đánh giá các hoạt động nghề nghiệp của giáo viên mầm non; chương trình giáo dục mầm non; sự phát triển của trẻ dưới sự tác động của chương trình giáo dục mầm non...)</li> <li>- Hướng dẫn cho sinh viên biết cách sử dụng các công cụ đánh giá và xử lý số liệu trong khi đo lường, định giá trị các nội dung đánh giá trong giáo dục mầm non nhằm mục đích thiết kế các hoạt động và môi trường giáo dục phù hợp cho sự phát triển toàn diện của trẻ.</li> <li>- Góp phần hình thành những năng lực cần thiết của người giáo viên mầm non trong tương lai</li> </ul>	2	HK4	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
20	Rèn nghiệp vụ sư phạm 1	<p><b>1. Mục đích</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hình thành và rèn luyện cho SV một số kỹ năng cơ bản, cần thiết trong cách tính khẩu phần và xây dựng thực đơn theo ngày cho trẻ mầm non</li> <li>- Hình thành và rèn luyện cho SV một số kỹ năng cơ bản, cần thiết của phương pháp cho trẻ làm quen tác phẩm văn học.</li> </ul> <p><b>2. Yêu cầu</b></p>	2	HK3	Đánh giá quá trình 40% Đánh giá cuối kì 60%

**Biểu mẫu 18**  
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

TT	Tên học phần	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<p>+ <b>Kiến thức</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết cách tính khẩu phần và xây dựng thực đơn theo ngày cho trẻ mầm non. Biết những kiến thức về dinh dưỡng để chế biến món ăn cho trẻ mầm non phù hợp theo lứa tuổi</li> <li>- Nắm vững một số vấn đề cơ bản của hoạt động đọc, kể diễn cảm tác phẩm văn học: khái niệm, vai trò, các thủ thuật, quy trình, các phương pháp của hoạt động đọc, kể diễn cảm.</li> </ul> <p>+ <b>Kỹ năng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát triển kỹ năng chế biến món ăn cho trẻ ở từng độ tuổi khác nhau. Phát triển kỹ năng xây dựng khẩu phần, thực đơn cho từng lứa tuổi</li> <li>- Lựa chọn và phân tích tác phẩm văn học phù hợp với hoạt động đọc kể diễn cảm ở trường mầm non. Vận dụng được các thủ thuật, phương pháp của đọc, kể diễn cảm vào hoạt động làm quen tác phẩm văn học ở trường mầm non.</li> </ul> <p>+ <b>Thái độ:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát triển ý thức trách nhiệm của sinh viên trong công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho trẻ ở trường mầm non.</li> <li>- Bồi dưỡng tình cảm nghề nghiệp. Rèn luyện những phẩm chất đạo đức của người giáo viên mầm non trong tương lai.</li> <li>- Tích cực, chủ động, sáng tạo trong học tập; có ý thức vận dụng lí thuyết vào giải quyết các tình huống dạy học trong thực tế.</li> </ul>			

**Biểu mẫu 18**  
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

TT	Tên học phần	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Có ý thức rèn luyện đọc, kể diễn cảm thường xuyên.			
21	Rèn Nghiệp vụ sư phạm 2	<p>+ <b>Kiến thức</b></p> <p>- Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản lập kế hoạch giáo dục; tổ chức thực hiện và đánh giá chương trình giáo dục mầm non; xây dựng môi trường giáo dục trong trường mầm non.</p> <p>- Vận dụng kiến thức về xử lý tình huống sư phạm.</p> <p>+ <b>Kỹ năng</b></p> <p>- Rèn kỹ năng lập kế hoạch thực hiện chương trình giáo dục mầm non dựa trên các hoạt động giáo dục trong trường mầm non.</p> <p>- Luyện kỹ năng xử lý tình huống sư phạm trong GDMN</p> <p>+ <b>Thái độ, chuyên cần</b></p> <p>- Nâng cao lòng yêu ngành, yêu nghề trong sinh viên.</p>	2	HK4	Đánh giá quá trình 40% Đánh giá cuối kì 60%
22	Rèn Nghiệp vụ sư phạm 3	<p><b>. Mục tiêu của học phần</b></p> <p><b>1. Kiến thức</b></p> <p>- Biết tổng hợp một số bài hát múa cho trẻ theo các chủ đề, lứa tuổi.</p> <p>- Biết cách vẽ tay theo tiết tấu, múa minh họa cho trẻ xem và biết cách xây dựng một số chương trình sinh hoạt văn nghệ vào cuối chủ đề.</p> <p>- Vận dụng phương pháp tổ chức HĐ vui chơi và tổ chức hoạt động xã hội cho trẻ MN.</p> <p><b>2. Kỹ năng</b></p> <p>- Hình thành kỹ năng vẽ tay theo tiết tấu và kỹ năng xây dựng một bài múa múa cho trẻ xem.</p>	2	HK5	Đánh giá quá trình 40% Đánh giá cuối kì 60%

**Biểu mẫu 18**  
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

TT	Tên học phần	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng chương trình sinh hoạt văn nghệ vào cuối chủ đề.</li> <li>- Tổ chức HĐ vui chơi và tổ chức hoạt động xã hội cho trẻ MN.</li> </ul> <p><b>3. Thái độ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có tinh thần làm việc nhóm cao.</li> <li>- Tích cực rèn luyện năng lực nghề nghiệp, cập nhật thông tin về đổi mới phương pháp trong giáo dục mầm non.</li> <li>- Có ý thức cao về việc rèn luyện, bồi dưỡng các kỹ năng nghiệp vụ.</li> </ul>			
23	Thực hành dạy học 1	<p><b>. Mục tiêu của học phần:</b></p> <p><b>+ Kiến thức</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản để tổ chức các hoạt động giáo dục trong lĩnh vực phát triển nhận thức, lĩnh vực phát triển thể chất cho trẻ MN</li> </ul> <p><b>+ Kỹ năng</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Rèn kỹ năng xây dựng và tổ chức các hoạt động giáo dục trong lĩnh vực phát triển nhận thức</li> <li>- Rèn kỹ năng xây dựng và tổ chức các hoạt động giáo dục trong lĩnh vực phát triển thể chất</li> </ul> <p><b>+ Thái độ, chuyên cần</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nâng cao lòng yêu ngành, yêu nghề trong sinh viên.</li> </ul>	2	HK6	Đánh giá quá trình 40% Đánh giá cuối kì 60%
24	Thực hành dạy học 2	<p><b>Mục tiêu của học phần</b></p> <p><b>2.1. Kiến thức</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân tích và cho ví dụ cụ thể các nhóm phương pháp và hình thức tổ chức HĐTH.</li> <li>- Biết cách lập kế hoạch và tổ chức giờ HĐTH theo kế hoạch đã lập.</li> </ul>	2	HK7	Đánh giá quá trình 40% Đánh giá cuối kì 60%

**Biểu mẫu 18**  
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

TT	Tên học phần	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết cách đánh giá giờ HĐTH.</li> <li>- Hệ thống các kiến thức về phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động cho trẻ làm quen với văn học.</li> <li>- Hiểu được một số vấn đề về tổ chức hoạt động giáo dục trong trường mầm non theo hướng tích hợp.</li> </ul> <p style="text-align: center;"><b>2.2. Kỹ năng</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lựa chọn và sử dụng linh hoạt các phương pháp để tổ chức giờ HĐTH nhằm đạt được mục tiêu của hoạt động.</li> <li>- Lựa chọn, thiết kế và sử dụng các phương tiện, nguyên vật liệu để tổ chức 1 giờ HĐTH.</li> <li>- Lập kế hoạch, tổ chức và đánh giá kế hoạch, đánh giá kết quả kết quả tổ chức 1 giờ HĐTH</li> <li>- Rèn kỹ năng đọc, kể diễn cảm một số bài thơ, câu chuyện dành cho trẻ em lứa tuổi mầm non.</li> <li>- Rèn kỹ năng tổ chức hoạt động dạy trẻ kể chuyện sáng tạo</li> <li>- Rèn luyện kỹ năng thiết kế và tổ chức một số hoạt động giáo dục ở trường MN theo hướng tích hợp.</li> </ul> <p style="text-align: center;"><b>2.3. Thái độ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có tinh thần làm việc nhóm cao.</li> <li>- Xác định được vai trò của người giáo viên và trẻ trong tổ chức HĐTH, tổ chức hoạt động theo hướng tích hợp, làm quen tác phẩm văn học.</li> <li>- Tích cực rèn luyện năng lực nghề nghiệp, cập nhật thông tin về đổi mới phương pháp trong giáo dục mầm non.</li> </ul>			

**Biểu mẫu 18**  
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

TT	Tên học phần	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Có ý thức cao về việc rèn luyện, bồi dưỡng các kỹ năng nghiệp vụ.			
25	Kiến tập sư phạm		2	HK4	
26	Thực tập sư phạm		5	HK8	
27	Sinh lý trẻ em	<p><b>Mục tiêu của học phần:</b></p> <p>+ <b>Kiến thức:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mô tả sơ lược được cấu tạo giải phẫu và xác định được chức năng, cơ chế sinh lý của các hệ cơ quan của trẻ em.</li> <li>- Giải thích được nguyên nhân gây một số dấu hiệu bất thường về cấu tạo cơ thể cũng như những bệnh thường gặp ở trẻ.</li> <li>- Xác định được nguyên tắc và phương pháp giáo dục chăm sóc trẻ em</li> </ul> <p>+ <b>Kỹ năng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quan sát, phân tích được những phát triển cơ thể của trẻ.</li> <li>- Thu thập tài liệu phục vụ cho việc chăm sóc trẻ</li> <li>- Tổ chức hoạt động chăm sóc giáo dục sức khỏe cho trẻ.</li> </ul> <p>+ <b>Thái độ:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quan tâm đến công tác chăm sóc và giáo dục sức khỏe cho trẻ</li> <li>- Chủ động đề xuất nội dung và phương pháp chăm sóc và giáo dục sức khỏe cho trẻ, tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển thể chất ở trẻ.</li> </ul>	3	HK1	* Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
28	Con người và môi trường	<p><b>Mục tiêu của học phần:</b></p> <p>+ <b>Kiến thức:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày được những kiến thức cơ bản của khoa học môi trường, hiện</li> </ul>	2	HK1	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%.



**Biểu mẫu 18***(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT**ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)*

TT	Tên học phần	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<p>trạng của môi trường hiện nay và hướng phát triển bền vững.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giải thích được nguyên nhân gây suy thoái và ô nhiễm môi trường hiện nay</li> <li>- Xác định được nguyên tắc và phương pháp giáo dục môi trường cho trẻ.</li> <li>+ <b>Kỹ năng:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quan sát, phân tích được hiện trạng môi trường hiện nay.</li> <li>- Thu thập tài liệu phục vụ cho việc giáo dục lồng ghép môi trường cho trẻ.</li> <li>- Tổ chức hoạt động giáo dục môi trường.</li> </ul> </li> <li>+ <b>Thái độ:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quan tâm đến công tác bảo vệ môi trường.</li> <li>- Chủ động đề xuất nội dung và phương pháp giáo dục lồng ghép môi trường.</li> </ul> </li> </ul> <p><i>3. Tóm tắt nội dung học phần</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giới thiệu về khoa học môi trường.</li> <li>- Các nguyên lý sinh thái học ứng dụng trong khoa học môi trường.</li> <li>- Dân số học và sự phát triển dân số.</li> <li>- Vai trò và thực trạng tài nguyên thiên nhiên và vấn đề sử dụng chúng.</li> <li>- Phương hướng và chương trình hành động về bảo vệ môi trường.</li> </ul>			
29	Toán cơ sở	<p><b>Mục tiêu của học phần</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ <b>Kiến thức:</b> Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản ban đầu về cơ sở lý thuyết tập hợp và Cung cấp cho</li> </ul>	2	HK1	Đánh giá quá trình 30% Đánh

**Biểu mẫu 18**  
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

TT	Tên học phần	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<p>sinh viên một cách có hệ thống những kiến thức về các phép toán tập hợp số tự nhiên.</p> <p>+ <b>Kĩ năng:</b> Sinh viên giải được các bài tập cơ bản liên quan đến cơ sở lý thuyết tập hợp. Bước đầu phân tích và thấy được những cơ sở của toán học hiện đại nói chung, những kiến thức trong học phần Toán học 1 này nói riêng trong chương trình môn toán ở tiểu học.</p> <p>+ <b>Thái độ, chuyên cần:</b> Sinh viên có thái độ học tập nghiêm túc, tích cực.</p>			giá cuối kì 70%
30	Tiếng việt	<p><b>Mục tiêu của học phần</b></p> <p><b>Kiến thức:</b> Giúp sinh viên nâng cao kiến thức và phát triển các kỹ năng sử dụng tiếng Việt trong hoạt động lĩnh hội văn bản và tạo lập văn bản.</p> <p><b>Kĩ năng:</b> Thông qua việc rèn luyện kỹ năng sử dụng tiếng Việt để sinh viên chiếm lĩnh các tri thức chuyên môn trong nhà trường, góp phần cùng các môn học khác phát triển ở người học một tư duy khoa học.</p> <p><b>Thái độ, tình cảm:</b> Chuẩn bị tiềm lực để dạy tốt những nội dung tương ứng trong chương trình Ngữ văn ở bậc phổ thông.</p>	3	HK1	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
31	Cơ sở văn hoá Việt Nam	<p><b>MỤC TIÊU CỦA HỌC PHẦN:</b></p> <p><b>2.1. Mục tiêu đào tạo chung của học phần:</b></p> <p>Mục tiêu chung: Học phần nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản mang tính hệ thống về văn hóa Việt Nam cùng phương pháp tiếp cận để</p>	2	HK1	. Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%

**Biểu mẫu 18**  
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

TT	Tên học phần	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<p>sau này sinh viên có thể tự mình tiếp tục tìm hiểu và nghiên cứu.</p> <p><b>2.2. Mục tiêu đào tạo cụ thể về kiến thức của học phần:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>* Về nhận thức, sinh viên cần nắm vững: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Những khái niệm chung về văn hóa học và văn hóa Việt Nam</li> <li>- Hệ thống các thành tố của văn hóa Việt Nam và các đặc trưng của chúng.</li> </ul> </li> <li>* Về kỹ năng, sinh viên cần biết: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tự mình tiếp tục tìm hiểu và nghiên cứu về văn hóa Việt Nam</li> <li>- Xếp sắp và phân loại các kiến thức thu thập được vào hệ thống.</li> </ul> </li> </ul>			
32	Văn học trẻ em	<p><b>Mục tiêu của học phần</b></p> <p><b>.1. Mục tiêu đào tạo chung của học phần</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Kiến thức:</b> sinh viên cần nắm vững các kiến thức khái quát cũng như chi tiết về phần văn học thiếu nhi, đồng thời cùng có được kỹ năng đọc, kể diễn cảm tác phẩm văn học trong chương trình chăm sóc trẻ mầm non.</li> <li>- <b>Kỹ năng:</b> sinh viên biết cách đọc, tổng hợp kiến thức từ chương trình và rèn kỹ năng đọc kể diễn cảm.</li> </ul> <p><b>9- Thái độ :</b> sinh viên có ý thức nghiên cứu, tìm hiểu về các tác phẩm văn học từ đó nâng cao cảm thụ văn học để đọc, kể đúng và hay tất phẩm văn học cho trẻ mầm non.</p> <p><b>.2. Mục tiêu đào tạo cụ thể:</b> Chương 1. Văn học</p>	3	HK3	_Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%

**Biểu mẫu 18**  
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

TT	Tên học phần	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Sinh viên cần nắm vững kiến thức về quá trình phát triển cũng như thành tựu của văn học thiếu nhi qua từng giai đoạn.</li> <li>+ Nắm được những đặc điểm nội dung và nghệ thuật của mạng thơ, chuyện dành cho trẻ mầm non.</li> <li>+ Nắm được những kiến thức cơ bản về thơ truyện viết cho thiếu nhi của các tác giả: Phạm Hồ, Võ Quảng, Tô Hoài, Trần Đăng Khoa</li> <li>+ Nắm được những kiến thức cơ bản về mạng thơ của thiếu nhi</li> <li>Chương 2 : Văn học nước ngoài dành cho thiếu nhi</li> <li>+ Sinh viên nắm được khái quát về mà văn học dành cho trẻ em cũng như có được những kiến thức cơ bản về các tác giả, tác phẩm tiêu biểu: Grim và Truyện cổ Grim, An-đec- xen và Truyện cổ An đéc xen, Hec- to Ma-lo và Không gia đình.</li> <li>+ Biết cách phân tích một tác phẩm văn học • Phân thực hành: đọc kể diễn cảm</li> <li>+ Sinh viên hiểu và cảm thụ tốt thôi chuyện của văn học trong chương trình thiếu nhi chăm sóc giáo dục trẻ mầm non</li> <li>+ Có kỹ năng đọc, kể diễn cảm tác phẩm văn học.</li> </ul>			
33	Âm nhạc 1	<p><i>Mục tiêu của học phần</i></p> <p>Cung cấp những kiến thức âm nhạc cơ bản và kỹ năng đọc ghi nhạc phổ thông.</p>	2	HK3	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%

**Biểu mẫu 18**

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

<b>TT</b>	<b>Tên học phần</b>	<b>Mục đích môn học</b>	<b>Số TC</b>	<b>Lịch trình giảng dạy</b>	<b>Phương pháp đánh giá sinh viên</b>
34	Âm nhạc 2	<i>Mục tiêu của học phần:</i> Trang bị cho sinh viên một số kiến thức và kỹ năng cơ bản về hát và đàn phím điện tử phục vụ cho việc dạy học âm nhạc ở trường mầm non.	2	HK4	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%

**Biểu mẫu 18**

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

TT	Tên học phần	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
35	Mỹ thuật	<p><b>. Mục tiêu:</b></p> <p>2.1. Về kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giúp sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về Nguồn gốc và vai trò của mỹ thuật đối với đời sống xã hội. Các khái niệm và ngôn ngữ của hội họa, đồ họa, điêu khắc.</li> <li>- Giúp sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về Màu sắc, trang trí, luật xa gân, giải phẫu, bố cục, xếp dán giấy.</li> <li>- Bồi dưỡng thị thiếu thẩm mỹ, nâng cao lí luận thẩm mỹ cho sinh viên, giúp họ có được những kiến thức cơ bản để tự nghiên cứu và biết cách thưởng thức các chuyên ngành mỹ thuật (hội họa, điêu khắc, đồ họa).</li> </ul> <p>2.2. Về kỹ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Rèn luyện năng lực tư duy logic, có tư duy độc lập trong phân tích.</li> <li>- Có khả năng tổng hợp các lý luận về mỹ thuật.</li> <li>- Có các kỹ năng cơ bản về trang trí, về xây dựng bố cục, về xếp dán giấy.</li> </ul> <p>2.2. Về thái độ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có quan điểm tình cảm thẩm mỹ đúng đắn.</li> <li>- Có thái độ yêu cái đẹp, trân trọng các sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật.</li> </ul>	3	HK2	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
36	Vệ sinh phòng bệnh cho trẻ Mn	<p><b>Mục tiêu của học phần</b></p> <p><b>1. Kiến thức:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về vệ sinh ,nắm vững cơ sở lý luận,</li> </ul>	4	HK4	Đánh giá quá trình 30% Đánh

**Biểu mẫu 18***(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT**ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)*

TT	Tên học phần	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<p>phương pháp ,biện pháp vệ sinh khoa học phù hợp lứa tuổi, với thực tiễn giáo dục hiện nay.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết được nguyên nhân , triệu chứng, tác hại, cách chăm sóc và phòng một số bệnh thường gặp ở trẻ mầm non.</li> </ul> <p><b>.2. Kỹ năng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hình thành và rèn luyện kỹ năng tổ chức chăm sóc, giáo dục vệ sinh, trang bị phương pháp nghiên cứu tìm hiểu, đánh giá công tác chăm sóc và giáo dục vệ sinh</li> <li>- Phát hiện các dấu hiệu sớm của bệnh</li> <li>- Sinh viên biết được kỹ năng phát hiện, phòng tránh một số bệnh nguy hiểm hay gặp của trẻ mầm non.</li> </ul> <p><b>3. Thái độ:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quan tâm chăm sóc trẻ</li> <li>- Bồi dưỡng tình cảm, tay nghề... cho sinh viên.</li> </ul>			<p>giá cuối kì 70%</p>
37	Dinh dưỡng trẻ em	<p><b>Mục tiêu của học phần</b> Sinh viên cần đạt các mục tiêu sau:</p> <p>+ <b>Kiến thức:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu được những kiến thức cơ bản về lương thực thực phẩm và an toàn vệ sinh thực phẩm.</li> <li>- Xác định được các nguyên tắc dinh dưỡng cơ bản đối với trẻ mầm non.</li> <li>- Biết nguyên nhân một số bệnh thường gặp trẻ do dinh dưỡng không hợp lí, cách phòng và trị bệnh.</li> </ul> <p>+ <b>Kĩ năng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tính được khẩu phần ăn và xây dựng thực đơn dành cho trẻ theo lứa tuổi</li> </ul>	3	HK2	<p>Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%</p>

**Biểu mẫu 18**  
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

TT	Tên học phần	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chế biến được một số món ăn dành cho trẻ theo lứa tuổi. Tổ chức ăn uống cho trẻ tại nhà trẻ mẫu giáo.</li> <li>- Điều tra, đánh giá khẩu phần ăn của trẻ ở trường mầm non.</li> <li>- Thu thập được các tài liệu phục vụ chăm sóc dinh dưỡng cho trẻ.</li> <li>+ <b>Thái độ:</b> Quan tâm chăm sóc dinh dưỡng cho trẻ.</li> </ul>			
38	Thiết kế và làm đồ dùng, đồ chơi dạy học	<p><b>Mục tiêu của học phần:</b></p> <p><i>3.1. Về phẩm chất:</i></p> <p>Sau khi học xong học phần, sinh viên sẽ nhạy bén với cái mới, linh hoạt, năng động, sáng tạo trong việc làm đồ dùng dạy học, đồ chơi cho trẻ mầm non.</p> <p><i>3.2. Về năng lực nền tảng:</i></p> <p>Có khả năng vận dụng các nguyên tắc và một số kỹ thuật để làm đồ dùng, đồ chơi phục vụ cho các hoạt động của trẻ ở trường mầm non từ các nguyên vật liệu có sẵn ở địa phương.</p> <p><i>3.3 Về năng lực giáo dục trẻ:</i></p> <p>Có khả năng lựa chọn và sử dụng các đồ dùng, đồ chơi phù hợp với sự phát triển, của trẻ và nội dung giáo dục trẻ ở từng độ tuổi trong các hoạt động ở trường mầm non.</p>	3	HK7	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
39	Phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ MN	<p><b>Mục tiêu của học phần</b></p> <p>+ <b>Kiến thức:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trang bị cho sinh viên những kiến thức chung nhất về lý luận giáo dục thể chất mầm non như mục đích, nguyên tắc, nội dung và hình thức, các phương tiện giáo dục thể chất mầm non.</li> </ul>	3	HK6	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%



**Biểu mẫu 18**  
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

TT	Tên học phần	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quy luật hình thành kỹ năng, kỹ xảo vận động, từ đó chỉ ra các giai đoạn giảng dạy vận động cho trẻ mầm non, cũng như các phương pháp dạy vận động cho trẻ mầm non qua các độ tuổi.</li> <li>+ <b>Kỹ năng:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Rèn luyện kỹ năng soạn giáo án và thực hiện các giáo án về giáo dục thể chất cho trẻ mầm non.</li> <li>- Phát triển kỹ năng nghiên cứu các vấn đề về giáo dục thể chất mầm non. Giúp sinh viên thích ứng nhanh với sự thay đổi chương trình giáo dục trẻ, với thực tiễn giáo dục mầm non.</li> </ul> </li> <li>+ <b>Thái độ:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát triển ý thức trách nhiệm của sinh viên trong công việc giáo dục thể chất cho trẻ ở trường mầm non.</li> <li>- Bồi dưỡng tình cảm nghề nghiệp. Rèn luyện những phẩm chất đạo đức của người giáo viên mầm non trong tương lai.</li> </ul> </li> </ul>			
40	Phương pháp cho trẻ mầm non làm quen với toán	<p style="color: blue;"><i>Mục tiêu của học phần</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ <b>Kiến thức:</b> Nắm vững cơ sở lí luận của nội dung, phương pháp hình thành cho trẻ những biểu tượng toán học sơ đẳng.</li> <li>+ <b>Kĩ năng:</b> Hình thành và rèn luyện kĩ năng tiến hành dạy trẻ trong các tiết toán và trong các hoạt động chung của trẻ đặc biệt là trong trò chơi.</li> </ul>	3	HK5	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%

**Biểu mẫu 18**  
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

TT	Tên học phần	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		+ <b>Thái độ, chuyên cần:</b> Tham gia đầy đủ các tiết học, tự học, tự nghiên cứu.			
41	Phương pháp tổ chức hoạt động khám phá môi trường xung quanh cho trẻ mầm non	<p><b>Mục tiêu:</b></p> <p><b>.Kiến thức</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu rõ tầm quan trọng của hoạt động khám phá môi trường xung quanh đối với sự phát triển của trẻ và đặc điểm hoạt động khám phá ở lứa tuổi mầm non.</li> </ul> <p><b>. Kỹ năng</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có khả năng lập kế hoạch tổ chức hoạt động khám phá môi trường xung quanh cho trẻ MN theo từng lứa tuổi; xây dựng môi trường thúc đẩy trẻ khám phá; khích lệ hứng thú khám phá của trẻ và tổ chức các hoạt động khám phá MTXQ cho trẻ MN hiệu quả.</li> </ul> <p><b>.Thái độ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có tinh thần không ngừng học hỏi trau dồi các phẩm chất và năng lực nghề nghiệp để nâng cao khả năng tổ chức các hoạt động khám phá môi trường xung quanh trong trường mầm non;</li> <li>- Có tinh thần chủ động thích ứng với sự thay đổi, linh hoạt, năng động, sáng tạo trong việc tổ chức các hoạt động khám phá môi trường xung quanh trong trường mầm non.</li> </ul>	3	HK6	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
42	Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non	<p><i>Mục tiêu của học phần</i></p> <p>+ <b>Kiến thức:</b> Nắm được kiến thức của chương trình phát triển ngôn ngữ cho trẻ, nắm được các nội dung, phương pháp tiến hành dạy trẻ phát triển ngôn ngữ</p>	3	HK6	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%

**Biểu mẫu 18**  
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

TT	Tên học phần	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<p>+ <b>Kĩ năng:</b> Rèn luyện kỹ năng xây dựng kế hoạch phát triển ngôn ngữ cho trẻ, kỹ năng tổ chức hoạt động cho trẻ</p> <p>+ <b>Thái độ:</b> Xác định đúng vai trò, vị trí của môn học trong quá trình CSGD trẻ để có thái độ tiếp thu bài chủ động, tích cực, tham dự học tập đầy đủ...</p>			
43	Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non	<p><b>Mục tiêu của học phần</b></p> <p><b>.1. Kiến thức</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xác định và phân tích được mục đích, nhiệm vụ, vai trò và nội dung của hoạt động tạo hình (HĐTH) đối với trẻ ở trường mầm non.</li> <li>- Trình bày được khái niệm, mục đích, yêu cầu và cách sử dụng, vận dụng phù hợp và đánh giá được ưu và nhược điểm của từng phương pháp tổ chức HĐTH.</li> <li>- Nhận biết rõ các hình thức tổ chức HĐTH và vận dụng phù hợp với thực tế ở trường mầm non</li> <li>- Hiểu mục đích ý nghĩa của việc lập kế hoạch và đánh giá HĐTH trong trường mầm non. Vận dụng được các phương pháp đánh giá kết quả học tập của trẻ</li> </ul> <p><b>2. Kỹ năng</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lựa chọn và sử dụng linh hoạt các phương pháp trong từng bài, từng phần, từng nội dung của HĐTH nhằm đạt được mục tiêu của hoạt động.</li> <li>- Lựa chọn, thiết kế và sử dụng các phương tiện, nguyên vật liệu (có sự hỗ trợ của công nghệ), các đồ dùng trực quan, các hình thức tổ chức các HĐTH ở trường mầm non.</li> </ul>	3	HK6	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%

**Biểu mẫu 18**  
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

TT	Tên học phần	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<p>Lập kế hoạch và kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của trẻ theo từng năm, từng kỳ, từng tháng và theo từng chủ đề.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lựa chọn được các tác phẩm tạo hình phù hợp với từng lứa tuổi để trẻ cảm thụ được cái đẹp.</li> </ul> <p><b>3. Thái độ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có tình yêu đối với nghệ thuật, say mê môn học, tình yêu với trẻ mầm non.</li> <li>- Có một số phẩm chất nhân cách: Kiên trì, chịu khó, sáng tạo.</li> <li>- Xác định được vai trò của người giáo viên môn tạo hình; tự định hướng phát triển các kỹ năng nghề nghiệp trong tương lai.</li> <li>- Tích cực rèn luyện năng lực nghề nghiệp, cập nhật thông tin về đổi mới phương pháp trong giáo dục mầm non..</li> </ul>			
44	Phương pháp tổ chức hoạt động âm nhạc cho trẻ mầm non	<p><b>Mục tiêu đào tạo chung của học phần:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Kiến thức: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trang bị cho sinh viên cơ sở lý luận và phương pháp tổ chức động giáo dục âm nhạc trong trường mầm non.</li> <li>- Sinh viên biết lập kế hoạch, có khả năng thực hiện và vận dụng sáng tạo chương trình giáo dục âm nhạc hiện hành.</li> </ul> </li> <li>+ Kỹ năng: <ul style="list-style-type: none"> <li>Sinh viên có khả năng lựa chọn, sử dụng các bài hát, bản nhạc có tính nghệ thuật, tính giáo dục để dạy trẻ một cách phù hợp theo độ tuổi.</li> <li>Giúp sinh viên vận dụng những kiến thức, kỹ năng đã học, để hát đúng, diễn</li> </ul> </li> </ul>	3	5	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%

**Biểu mẫu 18**  
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

TT	Tên học phần	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<p>cảm, phù hợp với nhu cầu, nhiệm vụ giáo dục âm nhạc cho trẻ.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sinh viên có ý thức và khả năng liên hệ với thực tiễn dạy học bộ môn âm nhạc ở trường mầm non theo hướng đổi mới của chương trình dạy học âm nhạc.</li> <li>- Một số sinh viên có khả năng âm nhạc sẽ thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học về sự phát triển khả năng âm nhạc của trẻ hoặc áp dụng cải tiến phương pháp dạy học âm nhạc.</li> </ul> <p>+ Thái độ:</p> <p>Có thái độ tích cực, chủ động, sáng tạo trong học tập, có ý thức vận dụng lý thuyết vào giải quyết các tình huống dạy học âm nhạc trong thực tế.</p> <p><b>2.2 Mục tiêu đào tạo cụ thể:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giúp sinh viên nắm được những vấn đề chung về phương pháp tổ chức hoạt động âm nhạc trong trường mầm non</li> <li>- Sinh viên có những kỹ năng thực hành, kỹ năng sư phạm</li> </ul>			
45	Phương pháp cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học	<p><i>Mục tiêu của học phần</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ <b>Kiến thức:</b> Có kiến thức, hiểu biết về vai trò, vị trí của môn học trong chương trình CSGD trẻ MN, các phương pháp tổ chức cho trẻ làm quen tác phẩm văn học (TPVH) ...</li> <li>+ <b>Kỹ năng:</b> Rèn kỹ năng đọc kể diễn cảm TPVH, kỹ năng tổ chức dạy trẻ làm quen TPVH, kỹ năng chuyển thể TPVH sang kịch bản, kỹ năng dạy trẻ đóng kịch...</li> </ul>	3	HK5	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%

**Biểu mẫu 18***(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT**ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)*

TT	Tên học phần	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		+ <b>Thái độ, chuyên cần:</b> Xác định đúng vai trò, vị trí của môn học trong quá trình CSGD trẻ để có thái độ tiếp thu bài chủ động, tích cực...			
46	Múa và phương pháp biên dạy múa cho trẻ mầm non	<p><i>Mục tiêu của học phần</i></p> <p>+ <b>Kiến thức:</b> Hiểu được một số vấn đề lý luận cơ bản về nghệ thuật múa; nắm rõ vai trò, tác dụng của nghệ thuật múa đối với trẻ mầm non; nắm vững một số động tác múa dân gian Việt Nam; biết cách dạy múa cho trẻ ở trường mầm non.</p> <p>+ <b>Kỹ năng:</b> Thao tác thuần thục một số động tác múa dân gian Việt Nam và những bài hát múa trong chương trình chăm sóc - giáo dục mầm non.</p> <p>+ <b>Thái độ:</b> Hình thành, phát triển tính tích cực, chủ động, sáng tạo trong quá trình học tập và rèn luyện.</p>	3	HK3	
47	Phương pháp tổ chức hoạt động vui chơi	<p><i>Mục tiêu của học phần</i></p> <p>+ <b>Kiến thức:</b> Có những kiến thức cơ bản và nắm được phương pháp tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ trong trường MN.</p> <p>+ <b>Kỹ năng:</b> Kỹ năng tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ.</p> <p>+ <b>Thái độ:</b> Xác định đúng vai trò, vị trí của môn học trong quá trình chăm sóc và giáo dục trẻ để có thái độ tiếp thu bài chủ động, tích cực, tham dự học tập đầy đủ...</p>	3	HK7	
48	Chương trình và tổ chức thực hiện chương trình giáo	<p><i>Mục tiêu đào tạo chung của học phần:</i></p> <p>- Giúp sinh viên khái quát được chương trình giáo dục mầm non với những mục tiêu giáo dục, nội dung, phương pháp,</p>	3	5	

**Biểu mẫu 18**  
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

TT	Tên học phần	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	dục mầm non	<p>các điều kiện thực hiện chương trình đối với trẻ nhà trẻ và trẻ mẫu giáo.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cung cấp cho sinh viên cơ sở lý luận và thực tiễn của việc phát triển chương trình giáo dục mầm non nói chung và của giáo dục mầm non Việt Nam nói riêng</li> <li>- Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phát triển chương trình và lập kế hoạch giáo dục; tổ chức thực hiện và đánh giá chương trình giáo dục mầm non; xây dựng môi trường giáo dục trong trường mầm non. Giúp sinh viên biết lập kế hoạch thực hiện chương trình giáo dục mầm non dựa trên các hoạt động giáo dục trong trường mầm non..</li> </ul> <p><b>Mục tiêu đào tạo cụ thể:</b></p> <p><b>A. Chương trình giáo dục mầm non</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giúp sinh viên nắm được mục tiêu GDMN, các yêu cầu về nội dung, phương pháp và điều kiện thực hiện chương trình</li> <li>- Giúp sinh viên biết được các nguyên tắc phân phối thời gian, chế độ sinh hoạt của trẻ trong từng độ tuổi nhà trẻ và mẫu giáo qua đó xác định nội dung chăm sóc-giáo dục phù hợp</li> </ul> <p><b>B. Phát triển và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát triển chương trình giáo dục mầm non (GDMN)</li> </ul> <p>Giúp sinh viên hiểu được cơ sở lý luận và thực tiễn của việc phát triển chương trình GDMN, nắm được các bước phát triển chương trình GDMN. Đánh giá</p>			

**Biểu mẫu 18**  
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

TT	Tên học phần	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<p>được tính ưu việt của chương trình GDMN hiện nay là theo hướng phát huy tính tích cực của trẻ và sự năng động sáng tạo của Giáo viên mầm non.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lập kế hoạch tổ chức thực hiện chương trình GDMN</li> <li>+ Hướng dẫn sinh viên lập kế hoạch tổ chức thực hiện chương trình dựa trên các nguyên tắc cơ bản qua đó nắm vững cấu trúc và nội dung của từng loại kế hoạch trong dạy học ở trường mầm non</li> <li>+ Sinh viên biết cách xây dựng môi trường giáo dục trong trường mầm non (môi trường chung, môi trường nhóm, lớp và các góc hoạt động..) Đồng thời, sinh viên cũng biết cách đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục mầm non.</li> </ul>			
49	Trò chơi với sự hình thành biểu tượng toán học cho trẻ	<p><i>Mục tiêu của học phần</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ <b>Kiến thức:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ý nghĩa và tầm quan trọng của trò chơi trong giáo dục nói chung và trong hình thành biểu tượng Toán học cho trẻ.</li> <li>- Hệ thống phân loại, phương pháp tổ chức hướng dẫn và lựa chọn trò chơi trong dạy học nhằm hình thành biểu tượng Toán học cho trẻ</li> </ul> </li> <li>+ <b>Kĩ năng:</b> Có những kĩ năng thiết kế và tổ chức các trò chơi Toán học nhằm hình thành biểu tượng Toán học cho trẻ</li> <li>+ <b>Thái độ:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sinh viên học tập nghiêm túc, tích cực, có ý thức tham gia hoạt động Xémina và thực hành dạy học.</li> </ul> </li> </ul>	2	HK4	



**Biểu mẫu 18**  
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

TT	Tên học phần	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Có thái độ hợp tác, tôn trọng trong học tập.			
50	Trò chơi dân gian với việc cho trẻ làm quen với môi trường xung quanh	<p><i>Mục tiêu của học phần</i></p> <p>+ <b>Kiến thức:</b> Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lý luận tổ chức trò chơi dân gian với việc cho trẻ làm quen với môi trường xung quanh; mục đích, ý nghĩa, nguyên tắc, nội dung và hình thức, các phương tiện để tổ chức trò chơi dân gian với việc cho trẻ làm quen với môi trường xung quanh (MTXQ).</p> <p>+ <b>Kĩ năng:</b></p> <p>- Bước đầu trang bị cho học viên các phương pháp, kỹ năng tổ chức trò chơi dân gian với việc cho trẻ làm quen với môi trường xung quanh.</p> <p>- Biết tổ chức các hình thức tổ chức trò chơi dân gian với việc cho trẻ làm quen với môi trường xung quanh.</p> <p>+ <b>Thái độ:</b></p> <p>- Hình thành cho sinh viên có hứng thú học tập và tích cực tìm hiểu các trò chơi dân gian với việc cho trẻ làm quen với môi trường xung quanh ở trường mầm non.</p> <p>- Có ý thức để rèn luyện tay nghề đáp ứng với thực tiễn của giáo dục mầm non.</p>	2	HK4	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
51	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học và quản lý mầm non	<p><b>Mục tiêu đào tạo chung của học phần:</b></p> <p>- Kiến thức:</p> <p>+ Các kiến thức cơ bản về tin học, cấu trúc máy tính.</p>	2	HK6	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%

**Biểu mẫu 18***(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT**ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)*

TT	Tên học phần	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Soạn thảo văn bản trên MS. Word và lập bảng tính trên MS. Excel.</li> <li>+ Phần mềm IBM Kidsmart dành cho giáo viên mầm non.               <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kỹ năng:</li> </ul> </li> <li>+ Quản lý hệ thống thư mục, tập tin trên máy tính.</li> <li>+ Sử dụng phần mềm MS. Word để soạn thảo văn bản các văn bản thông thường.</li> <li>+ Sử dụng phần mềm MS. Excel để làm việc trên các bảng tính.</li> <li>+ Sử dụng thành thạo phần mềm IBM Kidsmart chuẩn bị cho công việc giảng dạy ở trường mầm non.               <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thái độ: học tập đầy đủ các giờ lý thuyết, tham gia đầy đủ các giờ bài tập, học bài và nghiên cứu đầy đủ tại nhà.</li> </ul> </li> </ul> <p><b>Mục tiêu đào tạo cụ thể:</b>            Học phần gồm 3 phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Phần 1: Các kiến thức chung về tin học, cấu trúc máy tính và biểu diễn thông tin trên máy tính.</li> <li>+ Phần 2: Hệ điều hành Windows, phần mềm MS. Word và MS. Excel.</li> <li>+ Phần 3: Phần mềm IBM dành cho giáo viên mầm non.</li> </ul>			
52	Giáo dục môi trường cho trẻ mầm non	Sinh viên cần đạt các mục tiêu sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tạo điều kiện cho sinh viên tiếp cận với thực tế môi trường</li> <li>- Vận dụng những kiến thức đã học vào thực tế môi trường.</li> </ul>	2	HK6	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%

**Biểu mẫu 18**

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

TT	Tên học phần	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<ul style="list-style-type: none"><li>+ <b>Kiến thức:</b><ul style="list-style-type: none"><li>- Hiểu được những kiến thức cơ bản về tầm quan trọng của giáo dục môi trường, khái niệm, phát triển bền vững và giáo dục môi trường, các hoạt động, Module giáo dục môi trường, sơ lược về tình hình giáo dục môi trường hiện nay.</li><li>- Biết được khái niệm “ giáo dục môi trường cho trẻ mầm non”, ý nghĩa; bản chất; đặc điểm lĩnh hội, các quan điểm cơ bản trong giáo dục môi trường.</li><li>- Xác định được mục đích, nhiệm vụ, nội dung, phương pháp, hình thức, điều kiện giáo dục môi trường cho trẻ Mầm non.</li></ul></li><li>+ <b>Kĩ năng:</b><ul style="list-style-type: none"><li>+ Sinh viên có khả năng tổ chức các hoạt động giáo dục môi trường cho trẻ thông qua các hoạt động giáo dục ở trường mầm non</li><li>+ Sinh viên có kỹ năng thiết kế các hoạt động giáo dục môi trường cho trẻ qua các hoạt động giáo dục và qua chế độ sinh hoạt hàng ngày ở trường mầm non.</li><li>+ Sinh viên có kỹ năng tổ chức các hoạt động tham quan thực tế cho trẻ Mầm non.</li><li>+ Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng bảo vệ môi trường</li></ul></li><li>+ <b>Thái độ:</b> Giáo dục cho sinh viên ý thức biết giữ gìn môi trường sống, sinh viên có thái độ đúng đắn trong công tác giáo dục môi trường nói chung và giáo</li></ul>			

**Biểu mẫu 18**  
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

TT	Tên học phần	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		dục môi trường cho trẻ trong trường mầm non nói riêng.			
53	Phát triển tính tích cực vận động cho trẻ mầm non	<p><b>. Mục tiêu của học phần:</b></p> <p><b>2.1. Mục tiêu đào tạo chung:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Kiến thức: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cung cấp cho sinh viên hệ thống tri thức khoa học cơ bản, hiện đại về phát triển tính tích cực vận động cho trẻ mầm non.</li> <li>- Phương pháp chuyên môn để tổ chức các quá trình giáo dục phát triển tính tích cực vận động cho trẻ mầm non.</li> </ul> </li> <li>+ Kỹ năng: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng thực hành, kỹ năng sư phạm.</li> <li>- Rèn luyện khả năng nhận xét, đánh giá và tự học.</li> <li>- Bồi dưỡng cho sinh viên kỹ năng tổ chức, thực hiện các quá trình giáo dục phát triển tính tích cực vận động cho trẻ mầm non.</li> </ul> </li> <li>+ Thái độ: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Rèn luyện cho sinh viên có ý thức, thái độ đúng đắn về công tác giáo dục thể chất cho trẻ ở trường mầm non đặc biệt là các quá trình giáo dục phát triển tính tích cực vận động cho trẻ mầm non, biểu hiện bằng thái độ học tập nghiêm túc.</li> </ul> </li> </ul> <p>Giáo dục lòng yêu nghề, mến trẻ, có tác phong nhanh nhẹn, có ý thức tổ chức kỷ luật cao, có sức khỏe tốt để làm gương cho các cháu.</p> <p><b>2.2. Mục tiêu đào tạo cụ thể:</b></p>	2	HK6	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%

**Biểu mẫu 18**  
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

TT	Tên học phần	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sinh viên nắm được những vấn đề chung về các quá trình giáo dục phát triển tính tích cực vận động cho trẻ mầm non.</li> <li>- Sinh viên có được những kỹ năng thực hành, kỹ năng sư phạm trong quá trình dục phát triển tính tích cực vận động cho trẻ mầm non.</li> </ul>			
54	Cấp cứu ban đầu cho trẻ mầm non	<p><b>Mục tiêu của học phần</b></p> <p><b>2.1.Kiến thức:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sinh viên biết được tác dụng và cách sử dụng của một số thuốc tây y và đồng y tránh được hiện tượng lờn thuốc.</li> <li>- Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về cách phát hiện ra những rủi ro trong sinh hoạt hàng ngày của trẻ mầm non và kịp thời cấp cứu ban đầu nhanh chóng.</li> </ul> <p><b>2..2. Kỹ năng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sinh viên biết cách phân biệt, sử dụng, cách trồng ...một số loại thuốc thông thường,.</li> <li>- Sinh viên biết được kỹ năng xử lý nhanh chóng trẻ mầm non trong các trường hợp rủi ro bất thường xảy ra trong sinh hoạt hàng ngày để tránh được hậu quả đáng tiếc.</li> </ul> <p><b>2.3. Thái độ:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quan tâm chăm sóc trẻ</li> <li>- Bồi dưỡng tình cảm, tay nghề... cho sinh viên.</li> </ul>	2	HK6	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
55	Giáo dục hòa nhập	<p><i>Mục tiêu của học phần</i></p> <p>+ <b>Kiến thức:</b> SV nắm được những vấn đề chung về can thiệp sớm và giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật mầm non và</p>	2	HK7	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%

**Biểu mẫu 18**

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

TT	Tên học phần	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<p>quá trình tổ chức can thiệp sớm và giáo dục hòa nhập trẻ khiếm thính, khiếm thị và chậm phát triển trí tuệ mầm non.</p> <p>+ <b>Kĩ năng:</b> SV phát triển kĩ năng học tập, kĩ năng phát hiện, chăm sóc và giáo dục trẻ khiếm thính, khiếm thị và chậm phát triển trí tuệ lứa tuổi mầm non.</p> <p>+ <b>Thái độ:</b> SV nhận thức được tầm quan trọng của học phần, có thái độ yêu trẻ khuyết tật, tôn trọng sự phát triển của trẻ khuyết tật và có ý thức rèn luyện để tham gia chăm sóc và giáo dục trẻ khuyết tật.</p>			
56	Nghề giáo viên mầm non	<p>Mục tiêu của học phần:</p> <p>+ Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cung cấp cho sinh viên hệ thống tri thức khoa học cơ bản, hiện đại về nghề giáo viên mầm non hoạt động sư phạm và nhân cách nghề của giáo viên mầm non.</li> </ul> <p>+ Kỹ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng đánh giá hoạt động nghề nghiệp của GVMN</li> <li>- Rèn luyện khả năng nhận xét, đánh giá và tự học.</li> </ul> <p>+ Thái độ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giáo dục lòng yêu nghề cho người học.</li> <li>- Giáo dục lòng yêu nghề, mến trẻ, có tác phong nhanh nhẹn, có ý thức tổ chức kỷ luật cao, có sức khỏe tốt để làm gương cho các cháu.</li> </ul>	2	HK7	

**Biểu mẫu 18***(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT**ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)*

TT	Tên học phần	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
57	Quản lý giáo dục Mầm non	<p><i>Mục tiêu của học phần</i></p> <p>+ <b>Kiến thức:</b> Hiểu được những kiến thức cơ bản về công tác quản lý trường MN và quản lý công tác CSGD trẻ MN. Biết được những chức năng, nhiệm vụ, công việc... của người làm công tác quản lý GDMN...</p> <p>+ <b>Kĩ năng:</b> Rèn luyện theo những tiêu chuẩn về phẩm chất, năng lực, kiến thức... để chuẩn bị cho việc quản lý nhà trường MN và quản lý công tác CSGD trẻ MN.</p> <p>+ <b>Thái độ:</b> Xác định đúng vai trò, vị trí của môn học trong quá trình quản lý, CSGD trẻ để có thái độ tiếp thu bài chủ động, tích cực, tham dự học tập đầy đủ...</p>	2	HK7	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
58	Giáo dục tích hợp trong giáo dục mầm non	<p><b>Mục tiêu của học phần</b></p> <p>- Giới thiệu cho sinh viên cơ sở lý luận định hướng của vấn đề giáo dục tích hợp nói chung và tích hợp trong GDMN nói riêng.</p> <p>- Giúp sinh viên nắm được hướng đổi mới trong GDMN của một số nước trên thế giới, trong khu vực và ở Việt Nam.</p> <p>- Giúp sinh viên có kỹ năng thiết kế, tổ chức và đánh giá hoạt động giáo dục cho trẻ ở trường mầm non theo hướng tích hợp. Từ đó giúp cho sinh viên có cách tiếp cận đúng đắn với khoa học GDMN theo hướng tích hợp.</p> <p>- Phát huy tính tích cực, tính độc lập của sinh viên trong học tập và nghiên cứu học phần này.</p>	2	HK7	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%

**Biểu mẫu 18**  
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

TT	Tên học phần	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Giáo dục lòng yêu nghề cho sinh viên.			
59	Thể loại và phương pháp thể hiện bài hát cho trẻ mầm non	<p>+ <b>Kiến thức:</b> Cung cấp một số kiến thức về phương pháp diễn tả tác phẩm Âm nhạc với những cấu trúc hình thức âm nhạc đơn giản nhất.</p> <p>+ <b>Kĩ năng:</b> Giúp sinh viên vận dụng những kiến thức, kỹ năng đã học để hát đúng, diễn cảm, phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ giáo dục âm nhạc cho trẻ.</p> <p>+ <b>Thái độ, chuyên cần:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sinh viên có ý thức và khả năng liên hệ với thực tiễn dạy học bộ môn Âm nhạc ở trường Mầm non, tích lũy kiến thức cho quá trình giảng dạy sau này.</li> <li>- Có thái độ tích cực, chủ động, sáng tạo trong học tập; có ý thức vận dụng lý thuyết vào giải quyết các tình huống dạy học Âm nhạc trong thực tế.</li> </ul>	2	HK7	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
60	Phương pháp biên đạo múa ở trường mầm non	<p>+ <b>Kiến thức:</b> Giúp sinh viên có được những hiểu biết cơ bản về biên đạo múa và một số kỹ năng biên đạo, các bước tiến hành biên đạo một tác phẩm múa; hiểu mối quan hệ giữa nghệ thuật biên đạo múa với sự phát triển của trẻ lứa tuổi mầm non để từ đó biết cách biên đạo múa cho trẻ ở trường mầm non theo nguyên tắc, nội dung, yêu cầu, phương pháp, quy trình nhất định.</p> <p>+ <b>Kỹ năng:</b> Hình thành, rèn luyện kỹ năng biên đạo múa cho trẻ ở trường mầm non</p> <p>+ <b>Thái độ:</b> Hình thành, phát triển tính tích cực, chủ động, sáng tạo trong quá trình học tập và rèn luyện.</p>	2	HK7	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%



**Biểu mẫu 18***(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT**ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)*

TT	Tên học phần	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
61	Trò chơi với việc cho trẻ làm quen tác phẩm văn học	<p><b>Mục tiêu của học phần:</b></p> <p><b>Kiến thức:</b> hiểu được vị trí tầm quan trọng của trò chơi trong công tác chăm sóc giáo dục trẻ và trong việc làm quen với TPVH</p> <p><b>Kỹ năng:</b> có kỹ năng thiết kế, tổ chức trò chơi trong hoạt động làm quen văn học.</p> <p><b>Thái độ:</b> xác định đúng vai trò, vị trí của môn học trong chương trình để có thái độ chủ động, tích cực.</p>	2	HK7	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
62	Phương pháp đọc, kể diễn cảm tác phẩm văn học	<p><b>Kiến thức:</b> Nắm vững cơ sở khoa học cơ bản của hoạt động đọc diễn cảm tác phẩm văn học; nắm được khái niệm đọc diễn cảm, cơ sở tâm lí học, ngôn ngữ học và văn học của việc đọc diễn cảm; đồng thời hình thành hiểu biết về các yếu tố âm thanh liên quan đến đọc diễn cảm.</p> <p>+ <b>Kĩ năng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có khả năng phân tích các chỉ số âm thanh trong tác phẩm văn học, phục vụ cho việc đọc diễn cảm.</li> <li>- Biết xác định giọng điệu, kĩ năng đọc và thể hiện giọng đọc một cách diễn cảm.</li> <li>- Có kỹ năng soạn giáo án tiết học đọc diễn cảm cho trẻ lứa tuổi mầm non.</li> <li>- Hướng dẫn, tổ chức cho trẻ mầm non làm quen và đọc diễn cảm tác phẩm văn học.</li> </ul> <p>+ <b>Thái độ, chuyên cần:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có ý thức và khả năng liên hệ với thực tiễn dạy học ở trường mầm non, tích lũy kiến thức cho quá trình giảng dạy sau này.</li> </ul>	2	HK7	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%

**Biểu mẫu 18***(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT**ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)*

TT	Tên học phần	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tích cực, chủ động, sáng tạo trong học tập; có ý thức vận dụng lí thuyết vào giải quyết các tình huống dạy học trong thực tế.</li> <li>- Có ý thức rèn luyện đọc diễn cảm thường xuyên.</li> </ul>			
63	Giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ mầm non	<p><b>Mục tiêu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ <b>Kiến thức:</b> Trang bị cho sinh viên một hệ thống kiến thức chuyên sâu về giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ dưới 6 tuổi, đây chính là một nhiệm vụ quan trọng bậc nhất của giáo dục mầm non.</li> <li>+ <b>Kĩ năng:</b> Sinh viên có khả năng vận dụng các nội dung kiến thức, phương pháp đã học vào công tác giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ.</li> <li>+ <b>Thái độ:</b> Sinh viên có cách nhìn nhận đúng đắn, khoa học về bản chất về nội dung, các phương pháp giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ dưới 6 tuổi, từ đó hoàn thiện chính bản thân mình.</li> </ul>	2	HK8	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
64	Đệm đàn	Trang bị cho sinh viên một số kiến thức và kỹ năng cơ bản về đệm hát bằng đàn phím điện tử phục vụ cho việc dạy học âm nhạc và tổ chức các hoạt động âm nhạc ở trường mầm non.	2	HK8	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
65	Tiếp cận tích hợp trong việc phát triển ngôn ngữ mạch lạc cho trẻ mầm non	<p><b>Kiến thức:</b> Cung cấp cho sinh viên các lí thuyết cơ bản và chuyên sâu về đặc điểm ngôn ngữ mạch lạc của trẻ, nhận biết các cách thức giúp trẻ sử dụng ngôn ngữ mạch lạc như là phương tiện giao tiếp quan trọng nhằm phát triển tư duy, góp phần giáo dục trẻ mầm non một cách toàn diện. Đồng thời, qua học phần, người học cũng được tiếp cận và phân</p>	3	HK8	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%

**Biểu mẫu 18***(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT**ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)*

TT	Tên học phần	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<p>tích, đánh giá chương trình phát triển ngôn ngữ mạch lạc ở trường mầm non hiện nay.</p> <p>+ <b>Kĩ năng:</b> Sinh viên được tập dượt, xây dựng một số chương trình, mô hình về phương pháp phát triển ngôn ngữ mạch lạc cơ bản cho trẻ mầm non; từ đó góp phần hình thành kĩ năng thiết kế bài dạy, kĩ năng dạy học phát triển ngôn ngữ mạch lạc phù hợp cho trẻ.</p> <p>+ <b>Thái độ:</b> Từ việc nhận thức đúng đắn về vai trò của ngôn ngữ mạch lạc trong đời sống của trẻ Mầm non, sinh viên sẽ tích cực tìm hiểu và vận dụng các biện pháp phát triển vốn từ ngữ và khả năng giao tiếp của trẻ; ý thức rõ hơn vai trò, nhiệm vụ của người giáo viên mầm non trong quá trình chăm sóc, giáo dục trẻ thơ.</p>			
66	Chuẩn bị cho trẻ vào lớp 1	<p>- Giới thiệu cho sinh viên cơ sở lý luận định hướng của vấn đề Chuẩn bị cho trẻ vào lớp Một.</p> <p>- Giúp sinh viên nắm được tầm quan trọng của việc chuẩn bị cho trẻ vào lớp 1 cũng như các nội dung, hình thức phương pháp chuẩn bị cho trẻ vào lớp một</p> <p>- Giúp sinh viên có kỹ năng thiết kế, tổ chức và đánh giá hoạt động giáo dục cho trẻ ở trường mầm non theo hướng tích hợp để chuẩn bị cho trẻ vào lớp 1. Từ đó giúp cho sinh viên có cách tiếp cận đúng đắn với khoa học GDMN trong việc chuẩn bị cho trẻ vào lớp Một</p>	2	HK8	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%

**Biểu mẫu 18**

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

TT	Tên học phần	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát huy tính tích cực, tính độc lập của sinh viên trong học tập và nghiên cứu học phần này.</li> <li>- Giáo dục lòng yêu nghề cho sinh viên.</li> </ul>			

**2. NGÀNH GIÁO DỤC TIỂU HỌC (7140202)**

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Triết học Mác – Lênin	Học phần Triết học Mác - Lênin là học phần cung cấp thế giới quan khoa học và phương pháp luận biện chứng cho sinh viên, giúp sinh viên phát triển năng lực tư duy biện chứng và có khả năng vận dụng các nguyên lý, nguyên tắc phương pháp luận triết học vào trong thực tiễn cuộc sống; xác lập được phẩm chất đạo đức cách mạng, có lập trường tư tưởng chính trị vững vàng.	3	HK 2	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
2	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin là một trong ba bộ phận lý luận cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin. Kiến thức của học phần này kết hợp với kiến thức của học phần Triết học Mác - Lênin và học phần chủ nghĩa xã hội khoa học sẽ giúp sinh viên có được hệ thống tri thức cơ bản, cốt lõi của chủ nghĩa Mác - Lênin.	2	HK 3	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Chủ nghĩa xã hội khoa học là một môn khoa học lý luận chính trị, một trong ba bộ phận hợp thành chủ nghĩa Mác - Lênin. Chủ nghĩa xã hội là chủ nghĩa Mác - Lênin, luận giải trên góc độ	2	HK 4	Đánh giá quá trình 30%

**Biểu mẫu 18***(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)*

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		triết học, kinh tế chính trị - xã hội về quy luật chính trị - xã hội của tiến trình lịch sử quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa cộng sản trên phạm vi toàn thế giới.			Đánh giá cuối kì 70%
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh; Về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; Tư tưởng Hồ Chí Minh về: Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; Đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; Văn hóa, đạo đức, con người.	2	HK 5	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
5	Lịch sử đảng Cộng sản Việt Nam	Học phần trang bị cho sinh viên sự hiểu biết về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (1920-1930), quá trình Đảng lãnh đạo uộc đấu tranh giành chính quyền(1930 – 1945), Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 – đến nay).	2	HK 6	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
6	Tin học đại cương	Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng cơ bản để làm việc trên máy tính. Kiến thức của	2	HK 2	Đánh giá quá trình 30%

**Biểu mẫu 18**

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		học phần là kiến thức nền giúp cho sinh viên dễ dàng tiếp cận, học tập các học phần khác có sử dụng máy tính. Ngoài ra sinh viên còn có khả năng sử dụng máy tính làm công cụ học tập và sưu tầm tài liệu giúp cho hiệu quả học tập được nâng cao hơn.			Đánh giá cuối kì 70%
7	Ngoại ngữ không chuyên (Tiếng Anh 1)	Học phần Tiếng Anh 1 là điều kiện tiên quyết để học các học phần Tiếng Anh 2 và Tiếng Anh 3. - Học phần tiếng Anh 1 cung cấp kiến thức và kỹ năng tiếng Anh ở trình độ sơ cấp nhằm giúp người học có thể hiểu và sử dụng các cấu trúc ngữ pháp và từ ngữ cơ bản đáp ứng nhu cầu giao tiếp và trình bày về các chủ đề cuộc sống hàng ngày: thông tin cá nhân, thói quen, nhu cầu, sở thích, hỏi đáp về những thông tin đơn giản.	2	HK 1	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
8	Ngoại ngữ không chuyên (Tiếng Anh 2)	Học phần Tiếng Anh 2 là điều kiện tiên quyết để học tiếp học phần Tiếng Anh 3. Học phần cung cấp kiến thức và kỹ năng tiếng Anh ở trình độ sơ cấp nhằm giúp người học có thể hiểu, sử dụng các cấu trúc ngữ pháp; các từ ngữ cơ bản đáp ứng nhu cầu giao tiếp và trình bày về các chủ đề liên quan đến hoạt động trong thời gian rảnh rỗi, ăn uống, tiền tệ, cách phân biệt giữa tiếng Anh của người Anh và tiếng Anh của người Mỹ.	2	HK 2	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
9	Ngoại ngữ không chuyên (Tiếng Anh 3)	Học phần Tiếng Anh 3 cung cấp kiến thức và kỹ năng tiếng Anh ở trình độ trung cấp nhằm giúp người học có thể hiểu, sử dụng các cấu trúc ngữ pháp; các từ ngữ nâng cao nhằm đáp ứng nhu	3	HK 3	Đánh giá quá trình 30%

**Biểu mẫu 18**

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		cầu giao tiếp và trình bày về các chủ đề liên quan đến các lĩnh vực khoa học, công nghệ, ngành du lịch, môi trường trên trái đất. English 3 giúp người học củng cố lại những kiến thức về cấu trúc ngữ pháp và vốn từ vựng Tiếng Anh giao tiếp đã học ở học phần English 1, English 2, đồng thời mở rộng kiến thức giao tiếp ở trình độ sơ cấp.			Đánh giá cuối kì 70%
10	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Học phần trang bị cho người học những khái niệm, tính chất của nghiên cứu khoa học nói chung, nghiên cứu khoa học giáo dục nói riêng và những đặc trưng của nghiên cứu khoa học giáo dục tiểu học. Kết thúc học phần người học có khả năng xác định được vấn đề cần nghiên cứu, mục đích, mục tiêu, phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục tiểu học. Đồng thời người học cũng có thể xây dựng một đề cương và triển khai được trình tự các bước để thực hiện thành công một đề tài nghiên cứu khoa học giáo dục tiểu học.	2	HK 3	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
11	Quản lí hành chính nhà nước và Quản lí ngành Giáo dục - Đào tạo	Môn học cung cấp hệ thống hệ thống tri thức cơ bản về quản lí hành chính nhà nước và quản lí ngành GD tiểu học, đường lối quan điểm của Đảng và Nhà nước về phát triển giáo dục, Luật giáo dục, những điều lệ, quy định, quy chế về giáo dục & đào tạo, ... làm cơ sở cho người học vận dụng vào công tác giáo dục và quản lí các hoạt động giáo dục trong thực tiễn trường tiểu học.	2	HK 4	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%

**Biểu mẫu 18**  
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
12	Giáo dục thể chất*	Học phần giáo dục cho sinh viên những hiểu biết và những kỹ năng cần thiết về thể dục thể thao, trên cơ sở phát triển thể lực toàn diện và củng cố sức khỏe.	3	HK 1,2,3	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
13	Giáo dục quốc phòng*	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức, kỹ năng cơ bản về đường lối quân sự của Đảng trong sự nghiệp bảo vệ Tổ Quốc, các quan điểm của Đảng về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, chiến tranh nhân dân, an ninh nhân dân, đấu tranh phòng chống chiến lược diễn biến hòa bình bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch với cách mạng Việt Nam trong tình hình mới.	165t		Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
14	Tâm lí học đại cương	Học phần “Tâm lí học đại cương” cung cấp kiến thức về bản chất của hiện tượng tâm lí người; hoạt động, giao tiếp đối với sự hình thành và phát triển tâm lí, ý thức; hoạt động nhận thức, trí nhớ, tình cảm, hành động ý chí và nhân cách. Từ những kiến thức đó sinh viên liên hệ để giải thích hiện tượng tâm lí trong học tập và trong cuộc sống, rèn luyện tâm lí và nhân cách. Đồng thời hình thành phát triển kỹ năng thấu hiểu, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình thông qua giải quyết nhiệm vụ học tập môn tâm lí học đại cương.	2	HK 1	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
15	Tâm lí học giáo dục tiểu học	Môn học cung cấp hệ thống tri thức khoa học về tâm lí con người, tránh các quan điểm duy tâm, phản khoa học về tâm lí. Sinh viên có kiến thức về các quy luật phát triển tâm lí, hiểu biết về tâm lí	3	HK 2	Đánh giá quá trình 30%



**Biểu mẫu 18**  
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		lứa tuổi học sinh tiểu học, hiểu biết về quy luật tâm lí của quá trình dạy học và giáo dục học sinh, hiểu biết về mô hình nhân cách của người giáo viên. Từ đó rèn cho sinh viên có kĩ năng vận dụng kiến thức tâm lí học trên vào việc nghiên cứu, phân tích, lí giải các đặc điểm về tâm lí của học sinh và tìm ra những biện pháp tác động phù hợp, khoa học đến tâm lí của lứa tuổi tiểu học, xác định được các cơ sở tâm lí học của dạy học, các yêu cầu về năng lực, phẩm chất nhân cách của người giáo viên hiện nay và từ đó đề ra hướng rèn luyện của bản thân. sinh viên hình thành hiểu biết về nghề nghiệp, có cơ sở trong việc khéo léo ứng xử sư phạm và bồi dưỡng lòng yêu nghề cho sinh viên sư phạm.			Đánh giá cuối kì 70%
16	Giáo dục học đại cương	Học phần GDH đại cương bao gồm hai khối kiến thức chủ yếu về những vấn đề chung của Giáo dục học nhằm cung cấp cho sinh viên sư phạm hệ thống tri thức và kỹ năng cơ bản về giáo dục, Giáo dục học, làm cơ sở khoa học chung cho việc nghiên cứu Giáo dục học.	2	HK 3	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
17	Giáo dục học tiểu học	Học phần bao gồm một số kiến thức về quá trình DH, nguyên tắc DH, nội dung DH, phương pháp và hình thức tổ chức DH ở tiểu học, những kiến thức về quá trình GD, nguyên tắc GD, nội dung GD, PPGD ở tiểu học.	3	HK 4	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%

**Biểu mẫu 18***(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT**ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)*

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
18	Đánh giá trong giáo dục của học sinh tiểu học	<p>Học phần cung cấp các kiến thức nền tảng về hoạt động đánh giá ở trường tiểu học hướng đến việc giúp người học có năng lực đánh giá hiệu quả hoạt động học tập của học sinh tiểu học. Học phần này cũng hướng đến việc giúp người học có được tư duy và năng lực tổ chức các hoạt động đánh giá trong môi liên hệ chặt chẽ với các hoạt động dạy học, làm cho hoạt động đánh giá thể hiện đúng vai trò của nó là nâng cao việc học và năng lực tự học, tự giáo dục của học sinh, góp phần cải thiện chất lượng và hiệu quả giáo dục.</p>	3	HK 5	<p>Đánh giá quá trình 30%</p> <p>Đánh giá cuối kì 70%</p>
19	Rèn nghiệp vụ sư phạm tiểu học 1	<p>Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về kỹ năng nói và các yếu tố ảnh hưởng đến việc luyện nói, đọc, kể, thuyết trình (chính âm, ngữ điệu, các bình diện âm thanh, thể loại văn bản, các yếu tố hỗ trợ ...). Giúp sinh viên có kỹ năng đọc đúng, nhanh, diễn cảm; có kỹ năng thuyết trình và nói trước đông người ; có kỹ năng kể chuyện... Vận dụng được các kỹ năng đọc, nói, kể đã học vào quá trình giao tiếp một cách hiệu quả và phục vụ tốt cho công việc học tập, rèn luyện để trở thành người giáo viên Tiểu học. Đánh giá được mức độ và kỹ năng đọc, nói, kể cơ bản của học sinh. Có ý thức rèn luyện để phát triển năng lực đọc, nói, kể phục vụ cho quá trình giao tiếp và dạy học Tiếng Việt ở Tiểu học. Ý thức được tầm quan trọng và vai trò định hướng của người giáo viên Tiểu học, từ đó tích cực, chủ</p>	2	HK 2	<p>Đánh giá quá trình 30%</p> <p>Đánh giá cuối kì 70%</p>

**Biểu mẫu 18**

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		động trong việc trau dồi, rèn luyện nghiệp vụ sư phạm.			
20	Rèn Nghiệp vụ sư phạm tiểu học 2	Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về chữ viết ( cấu tạo chữ viết, các nét cơ bản, mẫu chữ...). Sinh viên nắm được cấu tạo các chữ cái, quy trình viết chữ cái; có kỹ năng viết các chữ cái, mẫu chữ ... Vận dụng được các kỹ năng viết vào việc viết vở, viết bảng, trình bày bảng ... Biết cách đánh giá, nhận xét chất lượng viết (viết vở, trình bày bảng) của người khác. Có ý thức rèn luyện để phát triển năng lực viết phục vụ cho quá trình giao tiếp và dạy học Tiếng Việt ở Tiểu học. Ý thức được tầm quan trọng và vai trò định hướng của người giáo viên Tiểu học, từ đó tích cực, chủ động trong việc trau dồi, rèn luyện nghiệp vụ sư phạm.	2	HK 4	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
21	Rèn Nghiệp vụ sư phạm tiểu học 3	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên là một học phần bắt buộc giúp hình thành và rèn luyện thường xuyên những kỹ năng cần thiết nhất cho sinh viên ngành Sư phạm Tiểu học. Những tri thức lí thuyết liên quan được cung cấp một cách cơ bản, hệ thống để sinh viên thực hành luyện tập rèn các kỹ năng. Những kỹ năng cơ bản cần hình thành và rèn luyện khi học học phần này là: kỹ năng đọc - nói (bao gồm các kỹ năng đọc, kể, thuyết trình), kỹ năng viết chữ, kỹ năng thiết kế - sử dụng đồ dùng dạy học, kỹ năng phân tích chương trình và soạn soạn giáo án lên lớp.	2	HK 5	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%

**Biểu mẫu 18**

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
22	Kiến tập sự phạm-Thực hành sự phạm	“Thực tập sự phạm 1” là học phần bắt buộc thuộc nhóm Thực hành sự phạm. Sinh viên sẽ được đến các trường tiểu học trong thời gian 4 tuần để bước đầu tìm hiểu về môi trường, đối tượng giáo dục, được xây dựng và thực hiện kế hoạch thực tập dạy học, giáo dục dưới sự hướng dẫn của các giáo viên tiểu học tại trường. Qua đó, sinh viên sẽ vận dụng những tri thức, kỹ năng tiếp thu được để thực hiện nhiệm vụ dạy học và giáo dục một cách độc lập; đồng thời rèn luyện phẩm chất đạo đức, tác phong, lối sống phù hợp với nghề nghiệp.	2	HK 5	Đánh giá báo cáo kiến tập
23	Thực tập sự phạm	“Thực tập sự phạm 2” là học phần bắt buộc thuộc nhóm Thực hành sự phạm. Sinh viên sẽ được đến các trường tiểu học trong thời gian 8 tuần để tìm hiểu về môi trường, đối tượng giáo dục, được xây dựng và thực hiện kế hoạch thực tập dạy học, giáo dục dưới sự hướng dẫn của các giáo viên tiểu học tại trường. Qua đó, sinh viên sẽ vận dụng những tri thức, kỹ năng tiếp thu được để thực hiện nhiệm vụ dạy học và giáo dục một cách độc lập; đồng thời rèn luyện phẩm chất đạo đức, tác phong, lối sống phù hợp với nghề nghiệp.	5	HK 8	Đánh giá báo cáo thực tập
24	Tiếng Việt thực hành	“Tiếng Việt thực hành” là học phần bắt buộc, thuộc khối kiến thức cơ sở ngành. Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về tiếng Việt và các kỹ năng sử dụng tiếng Việt: rèn luyện kỹ năng chính tả, rèn luyện kỹ năng dùng từ, rèn	2	HK 1	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%

**Biểu mẫu 18**  
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		luyện kỹ năng đặt câu, rèn luyện kỹ năng xây dựng đoạn văn và rèn luyện kỹ năng tạo lập văn bản. Qua đó, giúp cho người học rèn luyện năng lực sử dụng ngôn ngữ và nâng cao kỹ năng sử dụng tiếng Việt phục vụ cho hoạt động học tập, nghiên cứu và giảng dạy cho học sinh bậc Tiểu học.			
25	Cơ sở văn hóa Việt Nam	“Cơ sở văn hóa Việt Nam” là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức cơ sở của ngành và là môn học đại cương giúp sinh viên nắm được những khái niệm cơ bản về văn hóa; đặc trưng văn hóa; nhận diện được các vùng văn hóa trên lãnh thổ Việt Nam; tiến trình văn hóa Việt Nam từ nguồn gốc cho đến nay. Học phần còn hướng dẫn sinh viên tìm hiểu các thành tố văn hóa: văn hóa nhận thức và văn hóa tổ chức cộng đồng; văn hóa giao tiếp ứng xử với môi trường tự nhiên và xã hội; tìm hiểu sự giao lưu ảnh hưởng của văn hóa Việt Nam với văn hóa Trung Hoa, Ấn Độ và văn hóa phương Tây.	2	HK 1	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
26	Cơ sở Việt ngữ của dạy học tiếng Việt tiểu học 1	“Cơ sở Việt ngữ của dạy học tiếng Việt tiểu học 1” là học phần bắt buộc thuộc nhóm học phần cơ sở ngành cung cấp tri thức cơ bản về: (1) Dẫn luận ngôn ngữ học trình bày những vấn đề khái quát về ngôn ngữ và ngôn ngữ học, bản chất và chức năng của ngôn ngữ, ngôn ngữ là một hệ thống tín hiệu, phân loại ngôn ngữ. (2) Ngữ âm học tiếng Việt trình bày về ngữ âm, ngữ âm học, các đơn vị ngữ âm, âm tiết tiếng Việt và	4	HK 2	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%

**Biểu mẫu 18**

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		hệ thống âm vị tiếng Việt hiện đại, một số vấn đề liên quan đến ngữ âm học trong nhà trường. (3) Từ vựng – ngữ nghĩa tiếng Việt trình bày một số vấn đề về từ vựng và từ vựng – ngữ nghĩa học, đơn vị từ vựng và hệ thống từ vựng.			
27	Cơ sở Việt ngữ của dạy học tiếng Việt tiểu học 2	<p>“Cơ sở Việt ngữ của dạy học tiếng Việt tiểu học 2” là học phần nối tiếp của học phần Cơ sở Việt ngữ của dạy học tiếng Việt tiểu học 1. Là học phần bắt buộc, thuộc nhóm học phần cơ sở ngành. Nó cung cấp cho người học những tri thức và kỹ năng cơ bản về: (i) Ngữ pháp tiếng Việt (từ loại, cú pháp...) (ii) Ngữ pháp văn bản (nhận diện văn bản, đoạn văn, các phương tiện liên kết câu, đoạn...) và (iii) Phong cách học tiếng Việt (khái niệm, các dạng phong cách và đặc trưng của chúng, các biện pháp tu từ...). Đây là những tri thức cần thiết để vận dụng vào việc dạy, học ngữ pháp; dạy viết văn; tìm hiểu tác phẩm văn chương... và góp phần hình thành năng lực ngôn ngữ cho giáo viên và học sinh tiểu học.</p>	4	HK 4	<p>Đánh giá quá trình 30%</p> <p>Đánh giá cuối kì 70%</p>
28	Văn học	<p>“Văn học” là học phần bắt buộc, thuộc khối kiến thức cơ sở ngành. Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về lí luận văn học và văn học thiếu nhi. Phần lí luận văn học gồm những vấn đề chủ yếu như: lí luận văn học, tác phẩm văn học... Phần văn học thiếu nhi gồm những kiến thức về một số tác giả, tác phẩm tiêu biểu của văn học Việt Nam và văn học nước</p>	3	HK 3	<p>Đánh giá quá trình 30%</p> <p>Đánh giá cuối kì 70%</p>

**Biểu mẫu 18**

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		ngoài trong chương trình Sách giáo khoa Tiếng Việt tiểu học. Thông qua học phần, người học có khả năng nhận diện, phân tích và đánh giá tác phẩm văn học để vận dụng linh hoạt, hiệu quả trong quá trình học tập, nghiên cứu và giảng dạy cho học sinh bậc Tiểu học.			
29	Cơ sở Toán học 1	Học phần này cung cấp các kiến thức cơ bản về toán cao cấp như tập hợp, ánh xạ, quan hệ hai ngôi, cơ sở logic toán. Đây là các kiến thức rất cần thiết và quan trọng để có thể học tập và nghiên cứu các học phần toán tiếp theo. Các cấu trúc đại số hiện đại như nhóm, vành trường cũng được giới thiệu sơ lược trong học phần này. Dựa trên quan điểm của lý thuyết tập hợp, sinh viên được học cách xây dựng các tập hợp số tự nhiên, số hữu tỉ không âm, số thực và số phức.	4	HK 1	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
30	Cơ sở Toán học 2	Học phần này cung cấp các kiến thức cơ bản về Đại số sơ cấp và Hình học sơ cấp cho người học. Đây là các kiến thức quan trọng và cần thiết để người học có thể vận dụng khi học các học phần về Thực hành giải toán ở tiểu học. Dựa trên các kiến thức cơ bản được cung cấp từ học phần này, người học hiểu rõ cơ sở khoa học của nội dung chương trình môn Toán ở tiểu học, từ đó có thể dạy tốt các nội dung này.	3	HK 3	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
31	Thống kê trong giáo dục	“Thống kê trong giáo dục” là học phần bắt buộc đối với sinh viên chuyên ngành Giáo dục Tiểu học, và đây là kiến thức cơ sở ngành của ngành Giáo dục	2	HK 2	Đánh giá quá trình 30%

**Biểu mẫu 18**

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Tiểu học. Học phần cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về lí thuyết xác suất: Phép thử, biến cố, xác suất của biến cố, xác suất có điều kiện; Đại lượng ngẫu nhiên; Luật phân phối xác suất của đại lượng ngẫu nhiên; Các đặc trưng của đại lượng ngẫu nhiên; Một số phân phối xác suất đặc biệt của đại lượng ngẫu nhiên. Bên cạnh đó, học phần cũng cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về lí thuyết thống kê toán học: lí thuyết về mẫu ngẫu nhiên; các bài toán thống kê suy luận: bài toán ước lượng các tham số đặc trưng của tổng thể, các bài toán kiểm định giả thuyết thống kê.			Đánh giá cuối kì 70%
32	Cơ sở Tự nhiên và Xã hội 1	Môn học cung cấp cho sinh viên một số kiến thức cơ bản cập nhật về: thế giới thực vật, thế giới động vật, con người và sức khỏe, nguyên nhân, tác hại và cách phòng tránh một số bệnh cho học sinh tiểu học; những đặc tính cơ bản và công dụng của một số loại vật chất, sự biến đổi của chất; các loại năng lượng, môi trường và mối quan hệ của chúng với đời sống con người.	2	HK 1	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
33	Cơ sở Tự nhiên và Xã hội 2	Học phần cung cấp hệ thống kiến thức cơ bản về lịch sử: lịch sử văn hóa và truyền thống Việt Nam, những quốc gia đầu tiên trên lãnh thổ Việt Nam, quá trình đấu tranh, xây dựng và bảo vệ tổ quốc, về cộng đồng các dân tộc ở Việt Nam, sự phân bố và các đặc trưng văn hóa tộc người ở Việt Nam. Lịch sử các nước láng giềng; Dân	2	HK 2	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%



**Biểu mẫu 18***(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT**ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)*

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		số và các chủng tộc trên thế giới; Một số nền văn minh trên thế giới. Học phần cũng trang bị những nguyên tắc cơ bản của phương pháp và thao tác trong nguyên cứu lịch sử, vận dụng vào việc tiếp cận các vấn đề lịch sử Việt Nam và thế giới.			
34	Cơ sở Tự nhiên và Xã hội 3	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cung cấp một số kiến thức cơ bản về tự nhiên và kinh tế - xã hội, giới thiệu khái quát về các châu lục.</li> <li>- Tìm hiểu Địa lí Việt Nam.</li> <li>- Nhận diện sự phân hóa lãnh thổ tự nhiên, tìm hiểu khả năng sử dụng tự nhiên và vấn đề sử dụng tự nhiên của địa bàn nghiên cứu.</li> </ul>	2	HK 2	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
35	Ứng dụng Công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy học ở tiểu học	Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin trong việc soạn bài giảng, trò chơi trong giảng dạy ở bậc học tiểu học và làm quen với lập trình cơ bản dành cho lứa tuổi tiểu học. Trang bị cho sinh viên một số kiến thức về sử dụng phần mềm PowerPoint (hình ảnh, nhạc, video, trắc nghiệm, ...), soạn bài giảng và tổ chức trò chơi cho bậc tiểu học; cung cấp kiến thức lập trình cơ bản với phần mềm Microsoft Windows Logo. Đây là cơ sở để tạo nên các bài giảng hấp dẫn, gần gũi và phù hợp với bậc học tiểu học.	2	HK 4	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
36	Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học 1	“Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở Tiểu học 1” là học phần bắt buộc thuộc nhóm học phần chuyên ngành, cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Phương pháp dạy học Tiếng Việt	4	HK 5	Đánh giá quá trình 30%

**Biểu mẫu 18***(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)*

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<p>nói chung và phương pháp dạy học Tiếng Việt ở Tiểu học; Các cơ sở khoa học của dạy học Tiếng Việt; chương trình và các tài liệu dạy học Tiếng Việt ở Tiểu học; Các nguyên tắc và phương pháp dạy học Tiếng Việt ở Tiểu học; Các phương tiện dạy học và cách thiết kế bài dạy môn Tiếng Việt ở Tiểu học. Đây là những kiến thức nền tảng và kỹ năng quan trọng để dạy học môn Tiếng Việt ở Tiểu học. Bên cạnh đó, học phần cũng trang bị những kiến thức, kỹ năng và cách tổ chức dạy học Đọc- hiểu và Nói – nghe ở Tiểu học với các phân môn Học văn, Tập đọc và Luyện từ và câu.</p>			<p>Đánh giá cuối kì 70%</p>
37	<p>Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học 2</p>	<p>Là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành, cung cấp những kiến thức, kỹ năng được tích hợp trong các bài học rèn kỹ năng viết, nói và nghe ở tiểu học với các mức độ căn bản thông qua Phương pháp dạy học viết ở tiểu học và Phương pháp dạy học nói và nghe ở tiểu học. Học phần còn giúp người học vận dụng hiệu quả các phương pháp dạy học tích hợp các kỹ năng ngôn ngữ: đọc, viết, nói và nghe trong môn Tiếng Việt ở tiểu học qua các phân môn Tập viết, Chính tả, Tập làm văn, Kể chuyện; Vận dụng phương pháp kiểm tra đánh giá phát triển năng lực và phẩm chất của học sinh tiểu học để xây dựng kế hoạch và tổ chức các hoạt động dạy học Tiếng Việt phù hợp</p>	4	HK 6	<p>Đánh giá quá trình 30%</p> <p>Đánh giá cuối kì 70%</p>

**Biểu mẫu 18***(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)*

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		với mục tiêu, điều kiện thực tế và đối tượng học sinh tiểu học.			
38	Phương pháp dạy học Toán ở tiểu học	Học phần “Phương pháp dạy học Toán ở tiểu học” giới thiệu những vấn đề chung về mục tiêu, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp dạy học Toán ở tiểu học bao gồm: Mục tiêu, nhiệm vụ, nội dung của việc dạy học toán ở tiểu học. Những đặc điểm tâm lí của trẻ em tiểu học khi học toán; Các phương pháp suy luận thường dùng ở môn toán tiểu học; Các phương pháp và hình thức dạy học toán ở tiểu học; Phương pháp kiểm tra đánh giá; Sử dụng thiết bị dạy học toán ở tiểu học.	3	HK 5	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
39	Thực hành vận dụng phương pháp dạy học Toán ở tiểu học 1	Học phần “Thực hành vận dụng phương pháp dạy học Toán ở Tiểu học 1” cung cấp cho sinh viên các phương pháp dạy học các chủ đề toán học cụ thể ở Tiểu học như: Phương pháp dạy học số học và các phép tính; Phương pháp dạy học đại lượng và đo đại lượng; Phương pháp dạy học các yếu tố hình học; Phương pháp dạy học các yếu tố thống kê; Phương pháp dạy học giải toán có lời văn; Thực hành dạy học Toán ở Tiểu học.	4	HK 6	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
40	Thực hành vận dụng phương pháp dạy học Toán ở tiểu học 2	Học phần “Thực hành vận dụng phương pháp dạy học Toán ở Tiểu học 2” gồm ba chương: Chương 1: Trình bày các khái niệm và các vấn đề liên quan đến hoạt động dạy học giải toán ở Tiểu học; Chương 2: Tìm hiểu các phương pháp giải toán đặc thù và vận dụng vào dạy học học ở Tiểu học.	3	HK 7	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%

**Biểu mẫu 18**

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Chương này gồm 16 phương pháp đặc thù thường dùng để giải các bài toán ở Tiểu học; Chương 3: Thực hành hoạt động dạy học giải toán ở trường Tiểu học với các nội dung như: Thực hành giải toán, thực hành hướng dẫn học sinh giải toán, thực hành thiết kế đề toán và thực hành đánh giá bài làm của học sinh.			
41	Phương pháp dạy học Tự nhiên - Xã hội ở tiểu học	Học phần cung cấp các kiến thức về dạy học môn Tự nhiên và Xã hội, Khoa học, Lịch sử và Địa lí ở trường tiểu học, cụ thể như: mục tiêu, nội dung chương trình; phương pháp dạy học; phương tiện và hình thức tổ chức tổ chức dạy học; kiểm tra đánh giá kết quả trong dạy học. Thông qua học phần này, người học có khả năng phân tích nội dung chương trình; lựa chọn phương pháp dạy học, hình thức tổ chức dạy học, phương tiện dạy học phù hợp với mục tiêu, nội dung, đối tượng học sinh để xây dựng và tổ chức các hoạt động dạy học một cách hiệu quả.	4	HK 5	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
42	Thủ công-Kỹ thuật và phương pháp dạy học ở tiểu học	Giới thiệu kiến thức chung về phương pháp dạy học Thủ công - Kỹ thuật ở trường tiểu học; mục tiêu, đối tượng, nhiệm vụ, vai trò, vị trí, nội dung chương trình Thủ công - Kỹ thuật ở tiểu học; các phương pháp dạy học và đánh giá kết quả học tập Thủ công - Kỹ thuật ở tiểu học; Biết cách tổ chức dạy học Thủ công – Kỹ thuật theo hướng đổi mới nhằm tích cực hóa hoạt động của học sinh, thực hành một số bài tập về: Xây	4	HK 7	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%

**Biểu mẫu 18**  
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		dụng thiết kế và đánh giá kết quả bài học, tổ chức dạy học theo chương trình, sách giáo khoa tiểu học.			
43	Phương pháp dạy học Đạo đức ở tiểu học	Học phần “Phương pháp dạy học Đạo đức ở Tiểu học” cung cấp cho sinh viên những vấn đề cơ bản về Đạo đức học Mác - Lênin, của quá trình giáo dục đạo đức cho học sinh Tiểu học, có tác dụng định hướng cho quá trình dạy học môn Đạo đức. Đồng thời, giúp cho sinh viên nắm được cách thức tổ chức quá trình dạy học môn Đạo đức hiệu quả - từ việc xác định vị trí, vai trò xây dựng nhiệm vụ và nội dung môn Đạo đức, cho đến vận dụng những phương pháp, hình thức tổ chức dạy học thích hợp để đạt được những mục tiêu của môn Đạo đức ở Tiểu học, và cuối cùng là kiểm tra, đánh giá kết quả dạy học môn Đạo đức nói chung và kết quả học tập môn Đạo đức của học sinh nói riêng.	2	HK 7	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
44	Âm nhạc	a. Nhạc lí: Lí thuyết âm nhạc sơ giản là học phần nằm trong khối kiến thức cơ sở ngành bắt buộc, có vai trò rất quan trọng đối với sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học. Học phần này cung cấp cho sinh viên một số kiến thức cơ bản như sau: Giới thiệu những kiến thức sơ giản về nhạc lí phổ thông: Âm thanh – Âm nhạc, Độ cao âm thanh, Độ dài âm thanh; Tìm hiểu ký hiệu, ký hiệu điều chỉnh và các phương pháp ghi chép nhạc về: Cao độ, Trường độ...; Tìm hiểu phương pháp và cách thức thể hiện các	2	HK 6	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%

**Biểu mẫu 18**

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<p>yếu tố trong âm nhạc: Loại nhịp, Cung, Quãng, Dấu hóa, Hóa biểu, Điệu thứ...; Làm quen với một số nguyên tắc cơ bản trong âm nhạc về hòa âm: Quãng, Hợp âm, biến thể của các loại điệu thức, Dịch giọng... Những kiến thức trên nhằm trang bị cho sinh viên để tiếp tục học môn Đọc nhạc và hát, môn Đàn phím điện tử, phương pháp giáo dục âm nhạc Tiểu học.</p> <p>b. Tập đọc nhạc:</p> <p>Đọc nhạc là học phần rất cần thiết đối với sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học. Trong học phần này, sinh viên vận dụng lí thuyết âm nhạc sơ giản vào thực hành Đọc nhạc. Bước đầu hình thành các kĩ năng thực hành âm nhạc về sau rèn luyện thêm đọc nhạc có sắc thái biểu hiện các bản nhạc và đọc ứng dụng vào các bài hát trong chương trình âm nhạc ở Tiểu học. Sau khi ra trường các em có thể đọc các bài tập đọc nhạc và có khả năng ca hát tốt.</p>			
45	Phương pháp dạy học Âm nhạc ở tiểu học	<p>Học phần "Phương pháp dạy học âm nhạc ở tiểu học" là môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo giáo viên tiểu học, nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về phương pháp dạy học âm nhạc ở tiểu học. Qua đó, người học rèn luyện để hình thành năng lực dạy học môn Âm nhạc, đáp ứng yêu cầu của Chương trình giáo dục phổ thông.</p>	2	HK 7	<p>Đánh giá quá trình 30%</p> <p>Đánh giá cuối kì 70%</p>

**Biểu mẫu 18**

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
46	Giáo dục Mỹ thuật ở tiểu học	Học phần Giáo dục Mỹ thuật ở tiểu học là một học phần bắt buộc trong khung chương trình đào tạo giáo viên trình độ đại học ngành Giáo dục Tiểu học. Học phần cung cấp cho SV một lượng kiến thức cơ bản về lí luận Mỹ thuật, giúp SV hiểu biết được các kiến thức, kĩ năng cơ bản về luật xa gần, vẽ trang trí, vẽ tranh, nặn tạo dáng và các xu hướng, tình hình dạy học Mỹ thuật ở bậc tiểu học; một số vấn đề chung về PPDH Mỹ thuật ở trường tiểu học; lí luận về dạy học, các phương pháp dạy – học các phân môn Mỹ thuật ở trường tiểu học; xây dựng được cấu trúc bài giảng theo các phân môn Mỹ thuật ở tiểu học; thực hành sư phạm về mỹ thuật, hỗ trợ, nâng cao hiểu biết, năng lực sư phạm cho Sinh viên. Đồng thời giúp sinh viên có khả năng tự nghiên cứu, vận dụng các kiến thức Mỹ thuật và PPDH Mỹ thuật vào quá trình học tập và công tác sau khi ra trường.	4	HK 6	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
47	Phương pháp dạy học Thể dục ở tiểu học	Học phần được trình bày theo module, bao gồm ba chủ đề: Những vấn đề chung về giáo dục thể chất, các phương tiện giáo dục thể chất cho học sinh tiểu học; Đặc điểm phát triển thể chất ở lứa tuổi học sinh tiểu học, cơ sở phương pháp giáo dục thể chất cho học sinh tiểu học; Nội dung và hình thức giáo dục thể chất cho học sinh tiểu học. Mỗi chủ đề được cấu trúc thành 4 vấn đề: Mục tiêu; Giới thiệu chung về	2	HK 7	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%

**Biểu mẫu 18***(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)*

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		chuyên đề; Tài liệu và thiết bị dạy học; Nội dung cụ thể của chủ đề.			
48	Tổ chức hoạt động Đội và Sao nhi đồng	Học phần “Tổ chức hoạt động Đội trong trường tiểu học” là một học phần bắt buộc trong khung chương trình đào tạo giáo viên trình độ đại học ngành Giáo dục Tiểu học. Thông qua học phần cung cấp cho sinh viên một lượng kiến thức về tổ chức Đội TNTP- HCM và sao nhi đồng, đồng thời được tìm hiểu về hoạt động giáo dục ở trường Tiểu học, nắm được các nội dung về thực hành, tham gia các hoạt động của Đội thiếu niên TP HCM. Từ đó sinh viên có thể xây dựng, tổ chức được các hoạt động Đội, hoạt động sao nhi đồng ở trường Tiểu học. Giúp sinh viên có được kiến thức, kỹ năng quản lí, tổ chức, kỹ năng đề tự nghiên cứu và vận dụng vào quá trình công tác sau khi ra trường đồng thời biết cách tổ chức, thực hành hoạt động Đội và sao nhi đồng trong trường Tiểu học.	2	HK 4	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
49	Đàn phím điện tử	Học phần "Đàn phím điện tử" là môn học tự chọn trong chương trình đào tạo giáo viên tiểu học, nhằm trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản về sử dụng đàn organ. Qua đó, người học rèn luyện để hình thành năng lực sử dụng nhạc cụ, đáp ứng được yêu cầu dạy học môn Âm nhạc của Chương trình giáo dục phổ thông.	2	HK 7	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
50	Thể loại và phương pháp	Học phần "Thể loại và phương pháp thể hiện bài hát" là môn học tự chọn trong chương trình đào tạo giáo viên	2	HK 7	Đánh giá quá trình 30%



**Biểu mẫu 18**

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	thể hiện bài hát	tiểu học, nhằm trang bị cho người học những kiến thức về thể loại bài hát và kỹ năng thể hiện bài hát ở cấp Tiểu học. Qua đó, người học rèn luyện để hình thành năng lực phân tích và thể hiện bài hát, góp phần nâng cao chất lượng dạy học môn Âm nhạc trong Chương trình giáo dục phổ thông.			Đánh giá cuối kỳ 70%
51	Mỹ thuật nâng cao	Giới thiệu một số kiến thức chung về trang trí các nguyên tắc cơ bản của bố cục trang trí và một số hình thức được sử dụng trong trang trí, vai trò của nghệ thuật trang trí trong đời sống; luyện tập khả năng quan sát, nhận xét, kỹ năng vẽ các vật mẫu (khối cơ bản, đồ vật, tĩnh vật) thông qua cấu trúc, hình thể, tỉ lệ và các tương quan đậm nhạt, màu sắc... của vật mẫu. Cách nhìn xa gần đối với các sự vật hình thể trong không gian. Giới thiệu một số kiến thức cơ bản về vẽ trang trí. Màu sắc và cách dùng màu trong trang trí; vẽ các bài trang trí cơ bản (hình vuông, hình tròn, đường diềm); chép và thể hiện các họa tiết trang trí dân tộc.	2	HK 7	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kỳ 70%
52	Tổ chức hoạt động tìm hiểu về thế giới thực vật và động vật cho học sinh tiểu học	Học phần “Tổ chức hoạt động tìm hiểu thế giới thực vật và động vật cho học sinh tiểu học” giới thiệu những kiến thức khái quát về giới thực vật và giới động vật. Quan sát và nhận biết các cơ quan sinh dưỡng (lá, thân, rễ), các cơ quan sinh sản (hoa, quả, hạt) của những loài thực vật bản địa, đặc điểm sinh học của một số động vật thường gặp; tìm hiểu các cơ chế sinh sản và tăng trưởng	2	HK 7	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kỳ 70%

**Biểu mẫu 18**

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		của thực vật, vai trò của các hoocmon thực vật, sự thích nghi của thực vật với môi trường, quá trình sinh sản và phát triển, tập tính và khả năng thích nghi với môi trường của động vật.			
53	Biển và Đảo Việt Nam	Học phần gồm một số nội dung cơ bản sau: Khái quát về điều kiện tự nhiên biển Đông; Vai trò và đặc điểm tự nhiên của hệ thống đảo và quần đảo của nước ta; Tiềm năng và hiện trạng khai thác tài nguyên biển và đảo Việt Nam.	2	HK 7	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
54	Phát triển năng lực sử dụng ngôn ngữ Toán học cho học sinh tiểu học	Học phần giới thiệu các khái niệm cơ bản về ngôn ngữ Toán học và năng lực sử dụng ngôn ngữ Toán học nhằm chú trọng phát triển năng lực phát hiện sử dụng ngôn ngữ Toán học cho học sinh thông qua dạy học giải toán ở tiểu học.	3	HK 7	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
55	Phát triển năng lực giải quyết vấn đề Toán học cho học sinh tiểu học	Học phần giới thiệu các khái niệm cơ bản về năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề, đổi mới phương pháp dạy học nhằm chú trọng phát triển năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề của học sinh trong dạy học khái niệm ở tiểu học, phát triển năng lực giải quyết vấn đề cho học sinh thông qua dạy học giải toán ở tiểu học.	3	HK 7	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
56	Thực hành giải bài tập Tiếng Việt ở tiểu học	“Thực hành giải bài tập Tiếng Việt” là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành, cung cấp cho người học những kiến thức chuyên sâu về hệ thống bài tập Tiếng Việt ở tiểu học : Đọc, Viết, Nói và Nghe qua các phân môn Tiếng Việt ở tiểu học. Học phần giúp người học có khả năng ứng dụng vào thực tiễn việc tổ chức các hoạt động	3	HK 8	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%

**Biểu mẫu 18**  
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		hướng dẫn học sinh tiểu học giải bài tập Tiếng Việt đúng qui trình và đạt hiệu quả cao. Rèn luyện cho người học cách thức đánh giá năng lực giải bài tập và vận dụng bài tập vào thực tiễn giao tiếp của học sinh tiểu học.			
57	Từ Hán Việt và dạy từ Hán Việt ở tiểu học	“Từ Hán Việt và dạy từ Hán Việt ở tiểu học” là học phần tự chọn thuộc nhóm học phần chuyên ngành. Học phần cung cấp những kiến thức chung về: (1) Hiện tượng vay mượn trong ngôn ngữ và trong tiếng Việt. (2) Từ Hán Việt. (3) Giảng dạy từ Hán Việt ở trường tiểu học. Qua đó, người học có tri thức, kỹ năng nhận diện, giải nghĩa và hệ thống hóa vốn từ Hán Việt, có khả năng sử dụng lớp từ này hiệu quả. Đồng thời biết vận dụng hiểu biết về từ Hán Việt để định hướng, tổ chức cho học sinh tiểu học tiếp cận, khai thác một cách có hiệu quả lớp từ này trong tiếp nhận và tạo lập ngôn bản.	3	HK 8	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
58	Phát triển lời nói cho học sinh tiểu học trên bình diện ngữ âm	Học phần gồm có hai chương. Chương 1: Chính âm và phương pháp chữa lỗi phát âm cho HSTH. Chương này giúp SV mô tả hệ thống âm chuẩn trong tiếng Việt hiện đại, trên cơ sở đó xác định lỗi phát âm, xác định biến thể phát âm theo các vùng phương ngữ; sau đó, tổ chức chữa lỗi phát âm do phương ngữ cho HSTH. Chương 2: Luyện đọc diễn cảm cho HSTH. SV sẽ tìm hiểu cơ sở khoa học của việc luyện đọc diễn cảm; nghiên cứu nội dung, biện pháp	3	HK 8	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%

**Biểu mẫu 18***(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT**ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)*

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		luyện đọc diễn cảm và tổ chức luyện đọc diễn cảm.			
59	Phát triển năng lực giải quyết vấn đề cho học sinh tiểu học trong dạy học Tiếng Việt	Là học phần thay thế khoá luận tốt nghiệp thuộc khối kiến thức chuyên ngành, Học phần Phát triển năng lực giải quyết vấn đề cho học sinh tiểu học trong dạy học Tiếng Việt nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng cơ bản về phương pháp dạy học phát huy tính tích cực học sinh qua các kỹ năng Tiếng Việt: Đọc, Viết, Nói và Nghe ở tiểu học. Cụ thể là : Đọc (Học vần, Tập đọc); Viết (Tập viết, Chính tả, Tập làm văn), Nói và Nghe (Luyện từ và câu, Kể chuyện). Giúp người học củng cố và rèn luyện các kỹ năng cơ bản thiết kế bài học theo hướng phát triển năng lực để vận dụng thực hành phương pháp dạy học phát triển năng lực giải quyết vấn đề cho học sinh tiểu học trong môn Tiếng Việt.	3	HK 8	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
	Phát triển năng lực tư duy cho học sinh tiểu học trong dạy học môn Toán	Học phần này giúp sinh viên rèn luyện các thao tác tư duy như phân tích, tổng hợp, so sánh, khái quát hóa, trừu tượng hóa, cụ thể hóa và đặc biệt hóa. Học phần cũng giúp sinh viên được rèn luyện tư duy và ngôn ngữ chính xác. Sinh viên sẽ được rèn luyện và phát triển các kỹ năng thông qua việc giải các dạng toán điển hình ở Tiểu học. Cuối cùng, sinh viên sẽ biết cách tìm hiểu các đặc điểm cá nhân của học sinh để từ đó có thể phân loại học sinh, có kế hoạch phụ đạo hoặc bồi dưỡng các học sinh có năng khiếu toán.	2	HK 8	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%

**Biểu mẫu 18**

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

**3. NGÀNH SƯ PHẠM TOÁN HỌC (7140209)**

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Triết học Mac-Lênin	Cung cấp thế giới quan khoa học và phương pháp luận biện chứng cho sinh viên, giúp sinh viên phát triển năng lực tư duy biện chứng và có khả năng vận dụng các nguyên lý, nguyên tắc phương pháp luận triết học vào trong thực tiễn cuộc sống; xác lập được phẩm chất đạo đức cách mạng, có lập trường tư tưởng chính trị vững vàng.	3	HK1	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kỳ: 70%
2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Kiến thức của học phần này kết hợp với kiến thức của học phần Triết học Mác - Lênin và học phần chủ nghĩa xã hội khoa học sẽ giúp sinh viên có được hệ thống tri thức cơ bản, cốt lõi của chủ nghĩa Mác - Lênin. Đây sẽ là kiến thức nền tảng để sinh viên có thể học tập tốt các học phần khác như Tư tưởng Hồ Chí Minh và Lịch sử đảng Cộng sản Việt Nam.	2	HK2	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kỳ: 70%
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản sau: quá trình hình thành, phát triển của chủ nghĩa xã hội khoa học, đối tượng nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu Chủ nghĩa xã hội khoa học; sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; dân chủ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước xã hội chủ nghĩa; cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.	2	HK3	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kỳ: 70%

**Biểu mẫu 18**  
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

<b>STT</b>	<b>Tên môn học</b>	<b>Mục đích môn học</b>	<b>Số tín chỉ</b>	<b>Lịch trình giảng dạy</b>	<b>Phương pháp đánh giá sinh viên</b>
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh; Về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; Tư tưởng Hồ Chí Minh về: Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; Đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; Văn hóa, đạo đức, con người.	2	HK3	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kỳ: 70%
5	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	Cung cấp cho sinh viên sự hiểu biết về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (1920-1930), quá trình Đảng lãnh đạo uộc đấu tranh giành chính quyền(1930 – 1945), Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 – đến nay).	2	HK4	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kỳ: 70%
6	Tin học đại cương	Cung cấp cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng cơ bản để làm việc trên máy tính. Kiến thức của học phần là kiến thức nền giúp cho sinh viên dễ dàng tiếp cận, học tập các học phần khác có sử dụng máy tính. Ngoài ra sinh viên còn có khả năng sử dụng máy tính làm công cụ học tập và sưu tầm tài liệu giúp cho hiệu quả học tập được nâng cao hơn.	3	HK1	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kỳ: 70%

**Biểu mẫu 18**  
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

<b>STT</b>	<b>Tên môn học</b>	<b>Mục đích môn học</b>	<b>Số tín chỉ</b>	<b>Lịch trình giảng dạy</b>	<b>Phương pháp đánh giá sinh viên</b>
7	Ngoại ngữ không chuyên 1 (Tiếng Anh 1)	Cung cấp kiến thức và kỹ năng tiếng Anh ở trình độ sơ cấp nhằm giúp người học có thể hiểu và sử dụng các cấu trúc ngữ pháp và từ ngữ cơ bản đáp ứng nhu cầu giao tiếp và trình bày về các chủ đề cuộc sống hàng ngày: thông tin cá nhân, thói quen, nhu cầu, sở thích, hỏi đáp về những thông tin đơn giản.	2	HK1	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kỳ: 70%
8	Ngoại ngữ không chuyên 2 (Tiếng Anh 2)	Cung cấp kiến thức và kỹ năng tiếng Anh ở trình độ sơ cấp nhằm giúp người học có thể hiểu, sử dụng các cấu trúc ngữ pháp; các từ ngữ cơ bản đáp ứng nhu cầu giao tiếp và trình bày về các chủ đề liên quan đến hoạt động trong thời gian rảnh rỗi, ăn uống, tiền tệ, cách phân biệt giữa tiếng Anh của người Anh và tiếng Anh của người Mỹ.	2	HK2	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kỳ: 70%
9	Ngoại ngữ không chuyên 3 (Tiếng Anh 3)	Cung cấp kiến thức và kỹ năng tiếng Anh ở trình độ trung cấp nhằm giúp người học có thể hiểu, sử dụng các cấu trúc ngữ pháp; các từ ngữ nâng cao nhằm đáp ứng nhu cầu giao tiếp và trình bày về các chủ đề liên quan đến các lĩnh vực khoa học, công nghệ, ngành du lịch, môi trường trên trái đất	3	HK3	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kỳ: 70%
10	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý giáo dục và đào tạo				
11	Giáo dục thể chất 1	Trang bị cho sinh viên các kiến thức và kỹ thuật, kỹ năng vận động 2 môn Điền kinh: chạy cự ly ngắn và nhảy xa kiểu “ngồi”, phát triển các tổ chức vận động.	1	HK1	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kỳ: 70%

**Biểu mẫu 18**  
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	<i>Giáo dục thể chất 2</i>		1	HK2	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kỳ: 70%
11	Bóng chuyền	Trang bị cho sinh viên các kiến thức và kỹ thuật, kỹ năng vận động về kỹ thuật chuyền bóng thấp tay cơ bản, kỹ thuật phát bóng thấp tay và cao tay (chính diện) và phát triển các tố chất vận động	1	HK2	
	Bóng đá	Trang bị cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng như: kỹ thuật, thể lực và một số chiến thuật cơ bản trong môn bóng đá.	.1	HK2	
	Cầu lông	Trang bị cho sinh viên các kiến thức và kỹ thuật, kỹ năng vận động cầu lông nhằm phát triển các tố chất vận động.	1	HK2	
	Võ Taekwondo	Trang bị cho sinh viên các kiến thức căn bản môn võ Taekwondo (xuất xứ, luật thi đấu và những ích lợi của tập luyện môn Taekwondo	1	HK2	
	<i>Giáo dục thể chất 3</i>		1	HK3	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kỳ: 70%
	Bóng chuyền	Trang bị cho sinh viên các kiến thức căn bản môn võ Taekwondo (xuất xứ, luật thi đấu và những ích lợi của tập luyện môn Taekwondo	1	HK3	
	Bóng đá	Trang bị cho sinh viên các kiến thức như: kỹ thuật, thể lực, một số chiến thuật cơ bản, phương pháp tổ chức thi đấu và phương pháp trọng tài trong môn bóng đá.	1	HK3	



**Biểu mẫu 18**  
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

<b>STT</b>	<b>Tên môn học</b>	<b>Mục đích môn học</b>	<b>Số tín chỉ</b>	<b>Lịch trình giảng dạy</b>	<b>Phương pháp đánh giá sinh viên</b>
	Cầu lông	Trang bị cho sinh viên các kiến thức và kỹ thuật, kỹ năng vận động cầu lông nhằm phát triển các tố chất vận động.	1	HK3	
	Võ Taekwondo	Trang bị cho sinh viên các kiến thức căn bản môn võ Taekwondo (xuất xứ, luật thi đấu và những ích lợi của tập luyện môn Taekwondo	1	HK3	
12	<b>Giáo dục quốc phòng</b>	<p>Cung cấp cho sinh viên Quan điểm cơ bản của Chủ nghĩa Mác- Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; Chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam; Kết hợp phát triển kinh tế, xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh và đối ngoại; Những vấn đề cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam... để giúp người học phân tích được những vấn đề thuộc về lĩnh vực đường lối quân sự và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam.</p> <p>Trang bị cho sinh viên những vấn đề về Đội ngũ đơn vị; sử dụng bản đồ địa hình quân sự; phòng chống địch tiến công</p> <p>bằng vũ khí công nghệ cao; ba môn quân sự phối hợp; trung đội bộ binh tiến công;</p> <p>trung đội bộ binh bộ binh phòng ngự; kỹ thuật bắn súng ngắn K54. thực hành sử dụng một số loại lựu đạn Việt Nam.</p>			

**Biểu mẫu 18**  
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
13	Tâm lý học đại cương		2		
14	Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm		3		
15	Giáo dục học đại cương		2		
16	Lý luận dạy học và lý luận giáo dục		2		
17	Đánh giá kết quả giáo dục của học sinh	Học phần nhằm trang bị cho sinh viên sư phạm toán những kiến thức cơ bản về các phương pháp kiểm tra, đánh giá trong dạy học toán, các kỹ thuật biên soạn đề kiểm tra đánh giá; một số xu hướng mới trong công tác kiểm tra, đánh giá.	2	HK6	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
17	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên	Học phần nhằm trang bị cho sinh viên các kỹ năng nghiệp vụ sư phạm cơ bản trên cơ sở đó sinh viên tiếp tục rèn luyện sau này.	3	HK5	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
18	Kiến tập sư phạm- Thực hành sư phạm		2		

**Biểu mẫu 18***(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)*

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
19	Thực tập sư phạm		5		
20	Lý luận dạy học môn Toán	Học phần nhằm trang bị cho sinh viên năm thứ hai các kiến thức cơ bản về lý luận dạy học môn toán gồm mục tiêu, nội dung chương trình toán trung học phổ thông, các phương pháp dạy học và các tình huống điển hình trong dạy học toán.	3	HK3	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
21	Thực hành dạy học tại trường sư phạm	Học phần nhằm giúp sinh viên biết cách soạn một giáo án; biết cách tổ chức các hoạt động học tập: học tập theo nhóm, phiếu học tập; biết thiết kế các hoạt động dạy học; rèn luyện các kỹ năng dạy học: diễn đạt, trình bày bảng, động viên thu hút học sinh tham gia học tập.	2	HK6	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
22	Giao tiếp sư phạm				
23	Phương pháp dạy học môn Toán	Về kiến thức, người học hiểu biết được mục đích - yêu cầu về việc dạy học các chủ đề như: vectơ, các phép biến hình, phương pháp tọa độ trong chương trình và nội dung của SGK nâng cao và chuẩn; hay hiểu biết được mục đích - yêu cầu về việc dạy học phương trình, hàm số, đạo hàm, tích phân. Về kỹ năng, người học biết soạn giáo án, nắm được cách dạy của từng bài, theo từng chủ đề phù hợp đối tượng học sinh.	3	HK6	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%

**Biểu mẫu 18**  
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Về thái độ, chuyên cần, người học tham dự lớp đầy đủ, tích cực thảo luận ở lớp.			
24	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Về tri thức: Hình thành cho sinh viên những quan điểm phương pháp luận khoa học và hệ thống phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục. Về kỹ năng: Giúp sinh viên có năng lực tổ chức các hoạt động nghiên cứu khoa học. Về thái độ: người học được hình thành thái độ đúng đắn, nghiêm túc trong nghiên cứu khoa học.	2	HK4	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
25	Nhập môn Toán cao cấp	Tạo nền tảng để trên đó xây dựng các cấu trúc toán và mối quan hệ giữa các cấu trúc đó.	3	HK1	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
26	Giải tích một biến số 1	Trang bị cơ sở toán học của bộ môn giải tích hàm một biến thực.	3	HK1	Thường xuyên: 20% Kiểm tra giữa kỳ: 20% Thi cuối kỳ: 60%
27	Giải tích một biến số 2	SV nắm được các kiến thức cơ bản về lý thuyết tích phân (tích phân không xác định, tích phân xác định, tích phân suy rộng), lý thuyết chuỗi (chuỗi số, dãy hàm, chuỗi hàm). Tính tích phân, khảo sát sự hội tụ của tích phân suy rộng, khảo sát sự hội tụ	3	HK2	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%

**Biểu mẫu 18**  
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		của chuỗi số, sự hội tụ đều của dãy hàm và chuỗi hàm.			
28	Đại số tuyến tính 1	Nội dung môn học bao gồm: những kiến thức cơ bản về không gian vectơ; ánh xạ tuyến tính và ma trận; định thức và hệ phương trình tuyến tính.	3	HK1	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
29	Đại số tuyến tính 2	Học phần bao gồm 3 chương. Chương 1: Trình bày chéo hoá tự đồng cấu, dạng chuẩn Jordan, đa thức tối thiểu của tự đồng cấu. Chương 2: Trình bày dạng song tuyến tính, dạng toàn phương, các tính chất của chúng. Chương 3: Trình bày về không gian véc tơ Euclid, ánh xạ trực giao và đối xứng.	3	HK2	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
30	Giải tích nhiều biến 1	Trang bị những kiến thức cơ bản về hàm nhiều biến, tính vi phân và đạo hàm của hàm nhiều biến, ứng dụng của phép tính vi phân hàm nhiều biến.	2	HK3	Thường xuyên: 15% Kiểm tra giữa kỳ: 25% Thi cuối kỳ: 60%
31	Giải tích nhiều biến 2	Trang bị cơ sở toán học của bộ môn giải tích hàm nhiều biến thực.	3	HK4	Thường xuyên: 15% Kiểm tra giữa kỳ: 25% Thi cuối kỳ: 60%
32	Hình học tuyến tính	Mục tiêu của học phần là cung cấp các kiến thức về: hình học trên các không gian Euclid và không gian affine, cụ	3	HK 3	Thường xuyên: 20%

**Biểu mẫu 18**

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		thể: Không gian affine và phẳng, ánh xạ affine, siêu mặt bậc hai, không gian Euclid, ánh xạ đẳng cự, siêu mặt bậc hai Euclid. Thông qua quá trình học tập giúp sinh viên rèn luyện những phẩm chất năng lực như làm việc nhóm, biết vận dụng nền tảng tri thức cũ khám phá tri thức mới,...			Kiểm tra giữa kỳ:10% Thi cuối kỳ: 70%
<b>33</b>	Không gian mêtric - Không gian tôpô	Trang bị những kiến thức cơ bản về không gian mêtric và không gian tôpô.	<b>3</b>	HK4	Thường xuyên: 20% Kiểm tra giữa kỳ:20% Thi cuối kỳ: 60%
<b>34</b>	Độ đo - Tích phân	Học phần nhằm cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về lý thuyết độ đo và tích phân. Qua đó sinh viên nắm được sự mở rộng của các khái niệm độ dài, diện tích, thể tích trong các không gian Euclide 1, 2 và 3 chiều. Làm cho sinh viên thấy được sự mềm dẻo của tích phân Lebesgue và ưu thế vượt trội của tích phân Lebesgue so với tích phân Riemann. Giúp cho sinh viên nắm được mối liên hệ của tích phân Lebesgue với tích phân Riemann và tích phân Riemann suy rộng.	<b>2</b>	HK5	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ:10 % Thi cuối kỳ: 70%
<b>35</b>	Số học	Trang bị những kiến thức cơ bản về số học.	<b>3</b>	HK6	Thường xuyên: 15% Kiểm tra giữa kỳ:25% Thi cuối kỳ: 60%

**Biểu mẫu 18**  
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
36	Xác suất thống kê 1	Trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về lý thuyết xác suất và thống kê toán. Học phần giúp người học có thể vận dụng kiến thức xác suất và thống kê để tiếp cận và giải quyết các vấn đề trong toán học và trong các lĩnh vực khác. Thông qua đó từng bước hình thành đạo đức nghề nghiệp cho người học.	3	HK2	Thường xuyên: 20% Kiểm tra giữa kỳ: 20% Thi cuối kỳ: 60%
37	Phương trình vi phân	Trang bị cho sinh viên lý thuyết cơ bản về phương trình và hệ phương trình vi phân.	2	HK4	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
38	Hàm biến phức	Trang bị những kiến thức cơ bản về số phức, các hàm giải tích, tích phân phức và một số ứng dụng thặng dư để tính tích phân.	3	HK5	Thường xuyên: 15% Kiểm tra giữa kỳ: 25% Thi cuối kỳ: 60%
39	Lý thuyết Galois	Học phần có 2 chương, ứng với Lý thuyết mở rộng trường và Lý Thuyết Galois. Lý thuyết Galois được xây dựng theo quan điểm của mở rộng trường. Phần mở rộng trường cần nghiên cứu các kiểu mở rộng: đơn, hữu hạn, đại số, trường phân rã, tách được, chuẩn tắc, Galois. Phần Lý thuyết Galois cần nghiên cứu nhóm Galois, tương ứng Galois, tiêu chuẩn của mở rộng Galois, tiêu chuẩn giải được bằng căn thức của phương trình đa thức. Phần ứng dụng	3	HK5	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%

**Biểu mẫu 18**  
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		tập trung vào các nội dung về dựng hình bằng thước kẻ và compa, trường hữu hạn, đa thức và trường chia đường tròn.			
40	Giải tích hàm	<p>Trang bị những kiến thức cơ bản về các không gian tuyến tính định chuẩn, ánh xạ tuyến tính liên tục, biết vận dụng ba nguyên lý cơ bản của giải tích hàm vào các bài toán cụ thể.</p> <p>Trang bị những kiến thức cơ bản về các toán tử tuyến tính liên tục, toán tử compact, lý thuyết phổ các toán tử và những kiến thức quan trọng của không gian Hilbert.</p>	4	HK7	<p>Thường xuyên: 15%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ: 25%</p> <p>Thi cuối kỳ: 60%</p>
41	Quy hoạch tuyến tính	Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về Quy hoạch tuyến tính. Qua đó, sinh viên nắm được các thuật toán giải các bài toán quy hoạch tuyến tính, bài toán vận tải. Liên hệ được với các tính chất cơ bản của Đại số tuyến tính, giải tích lồi và các bài toán cực trị. Đồng thời sinh viên phải làm quen với tư duy tối ưu nhằm áp dụng vào công việc dạy học và các hoạt động khác của việc dạy học.	3	HK7	<p>Thường xuyên: 20%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ: 20%</p> <p>Thi cuối kỳ: 60%</p>
42	Hình học xạ ảnh	Có bốn môn hình học được giảng dạy trong chương trình của ngành Toán trường ĐHSP: Hình học giải tích, Hình học affine và hình học Euclid; Hình học xạ ảnh và hình học vi phân. Đây là môn hình học thứ ba. Môn học chủ yếu đề cập đến các tính chất xạ ảnh, các tính chất bất biến qua các phép biến đổi xạ ảnh. Hình học xạ ảnh nghèo nàn về đối tượng	3	HK5	<p>Chuyên cần: 10%</p> <p>Thường xuyên: 10%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ: 10 %</p> <p>Thi cuối kỳ: 70%</p>



**Biểu mẫu 18***(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT**ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)*

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<p>ngiên cứu (các tính chất liên quan đến số đo sẽ không được xét đến, tính song song giữa các phẳng cũng không có) nhưng tổng quát hơn các hình học khác.</p> <p>Cái còn lại chủ yếu trong hình học xạ ảnh là quan hệ liên thuộc. Theo một nghĩa nhất định, có thể nói hình học Euclid là hình học của thước kẻ và compass còn hình học xạ ảnh là hình học của chỉ thước kẻ.</p> <p>Thế mạnh của môn học là giúp SV giải quyết các bài toán về tính đồng qui và thẳng hàng (đặc biệt là hình học phẳng) một cách tổng quát. Các định lý liên quan đến các đường conic sẽ rất thú vị cho SV khi nhìn lại các bài tập tương tự ở PTTH. Môn học còn giúp SV có thể sáng tạo các bài toán sơ cấp qua nguyên lý đối ngẫu, mô hình xạ ảnh của không gian affine...</p> <p>Phương pháp nghiên cứu vẫn là phương pháp tọa độ. Phần mềm Geometer's Sketchpad sẽ rất có ích khi dùng để giải các bài toán xạ ảnh phẳng.</p>			
<b>43</b>	Hình học vi phân	<p>Về kiến thức: Giúp SV có cái nhìn tổng quát về hơn về các đối tượng hình học quen thuộc đã được biết đến ở PTTH như đường và mặt. Các đối tượng này trước đây chỉ được biết đến như là đồ thị của một hàm số hoặc được xác định từ phương trình hoặc hệ phương trình đại số. Một số chủ đề về khảo sát hàm số sẽ được trình bày lại một cách tổng quát. Qua môn học này</p>	<b>3</b>	HK7	<p>Chuyên cần: 10%</p> <p>Thường xuyên: 10%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ: 10 %</p> <p>Thi cuối kỳ: 70%</p>

**Biểu mẫu 18**  
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<p>tư duy trừu tượng của SV sẽ được nâng cao. Điều này sẽ giúp cho SV sau này sẽ có thể giảng dạy bộ môn hình học ở PTTH một cách chủ động.</p> <p>Về kỹ năng: Sinh viên có thể tính toán được các độ cong, độ xoắn của đường; độ cong Gauss, độ cong trung bình, độ cong pháp dạng; xác định các đường đặc biệt trên mặt.</p>			
44	Đại số sơ cấp	Mục tiêu của học phần là cung cấp kiến thức thuộc lĩnh vực đại số sơ cấp, như: Biểu thức đại số, Hàm số, Phương trình và hệ phương trình, Bất phương trình và hệ bất phương trình. thông qua tích lũy kiến thức còn góp phần giúp sinh viên rèn luyện những phẩm chất năng lực như làm việc nhóm, biết vận dụng nền tảng tri thức cũ khám phá tri thức mới.	3	HK 6	<p>Thường xuyên: 20%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ: 10 %</p> <p>Thi cuối kỳ: 70%</p>
45	Hình học sơ cấp	Mục tiêu của học phần là cung cấp kiến thức hình học trên không gian Euclid, cụ thể: Các hệ tiên đề, Các hình hình học, Quan hệ song song và quan hệ vuông góc, Các phép biến hình. Thông qua quá trình học tập giúp sinh viên rèn luyện những phẩm chất năng lực như làm việc nhóm, biết vận dụng nền tảng tri thức cũ khám phá tri thức mới,...	3	HK 5	<p>Thường xuyên: 20%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ: 10%</p> <p>Thi cuối kỳ: 70%</p>
46	Đại số đại cương 1	Học phần trình bày các kiến thức cơ bản về nhóm, vành và trường, bao gồm các khái niệm về nhóm, nhóm con, nhóm con chuẩn tắc, nhóm thương, đồng cấu nhóm, vành, vành con, idêan,	3	HK3	<p>Chuyên cần: 10%</p> <p>Thường xuyên: 10%</p>

**Biểu mẫu 18**  
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		vành thương, đồng cấu vành, trường, trường con			Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
47	Đại số đại cương 2	Học phần trình bày các kiến thức cơ bản về vành đa thức, miền nguyên, miền các ideal chính, miền Euclide, đa thức trên trường số.	2	HK4	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
48	Logic Toán	Học phần nhằm trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản, toàn diện về logic toán và tư duy toán học, giúp sinh viên có những kiến thức cơ sở để học tập và nghiên cứu toán học, đồng thời biết vận dụng logic toán vào dạy học ở phổ thông.	2	HK2	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
49	Phương trình đạo hàm riêng	Trang bị các khái niệm cơ bản của phương trình đạo hàm riêng và phương trình tuyến tính cấp hai.	2	HK6	Thường xuyên: 15% Kiểm tra giữa kỳ: 25% Thi cuối kỳ: 60%
50	Các không gian hàm	Trang bị những kiến thức cơ bản về các không gian hàm quan trọng và một số kiến thức chuyên biệt cho chuyên ngành giải tích. Nhờ đó sinh viên có thể vận dụng để giải một số bài toán trong phương trình vi phân phi tuyến và các bất đẳng thức liên quan đến các đạo hàm.	2	HK8	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%

**Biểu mẫu 18**  
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
51	Nhập môn giải tích lồi	<p>Về kiến thức: Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về tập lồi, nón lồi, định lý Carathéodory, tập affine và bao affine, phần trong tương đối, hàm lồi, hàm liên hợp, đạo hàm theo hướng và dưới vi phân.</p> <p>Về kỹ năng: Cung cấp các kỹ năng để xác định tập lồi, hàm lồi; tính toán hàm liên hợp, dưới vi phân.</p>	2	HK7	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
52	Lý thuyết nhóm	<p>Học phần này bao gồm hai chương. Chương 1 trình bày các khái niệm nhóm, đồng cấu nhóm, định lý Lagrange, các định lý đẳng cấu. Chương 2 trình bày tác động của một nhóm lên một tập hợp, tác động liên hợp, <math>p</math>-nhóm hữu hạn, các định lý Sylow, nhóm giải được, nhóm lũy linh.</p>	2	HK6	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
53	Xác suất nâng cao	<p>Về kiến thức; Giúp sinh viên nắm vững những kiến thức cơ bản của Lý thuyết xác suất. Biết trình bày một cách chặt chẽ các khái niệm và tính chất cơ bản nhất của lý thuyết xác suất: Không gian xác suất; biến ngẫu nhiên và phân phối xác suất; các biến ngẫu nhiên độc lập; một số định lý giới hạn. Hiểu rõ cơ sở khoa học của các khái niệm và tính chất cơ bản của lý thuyết xác suất (dựa trên lý thuyết độ đo và tích phân).</p> <p>Về kỹ năng: Giúp sinh viên có kỹ năng thảo luận, hoạt động nhóm hiệu quả, kỹ năng làm việc độc lập; Giúp sinh viên sử dụng được công nghệ thông tin để tìm kiếm tổng hợp tài liệu, tự học và chuẩn bị bài học. Giúp sinh viên biết vận dụng các kiến thức đã học trong giáo</p>	2	HK7	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%

**Biểu mẫu 18**  
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		trình để giải được các bài tập tương đối trừu tượng về xác suất của biến cố, phân phối xác suất, kỳ vọng của biến ngẫu nhiên, một số định lý giới hạn... Về thái độ: Giúp sinh viên yêu thích môn học, có ý thức tự học, tự nghiên cứu, phát triển chuyên môn nghề nghiệp. Sinh viên có tác phong làm việc khoa học, cẩn thận, chính xác. Sinh viên có tinh thần trung thực, nghiêm túc trong học tập và thi cử, đánh giá.			
54	Lý thuyết vành không giao hoán	Học phần này bao gồm ba chương. Chương 1 trình bày tổng và tích trực tiếp môđun, môđun đơn, môđun nửa đơn, tổng và tích trực tiếp vành. Chương 2 trình bày định nghĩa căn Jacobson dựa vào các môđun đơn và các tính chất căn bản của căn Jacobson. Chương 3 trình bày Định lý Wedderburn-Artin về cấu trúc vành đơn artin, Định lý Wedderburn về cấu trúc vành artin J-nửa đơn.	2	HK8	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
55	Lý thuyết nhóm	Học phần này bao gồm hai chương. Chương 1 trình bày các khái niệm nhóm, đồng cấu nhóm, định lý Lagrange, các định lý đẳng cấu. Chương 2 trình bày tác động của một nhóm lên một tập hợp, tác động liên hợp, $p$ -nhóm hữu hạn, các định lý Sylow, nhóm giải được, nhóm lũy linh.	2	HK6	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
56	Lý thuyết môđun	Học phần này giới thiệu cho sinh viên ngành Toán các kiến thức cần thiết về môđun và đại số, nhằm giúp cho sinh viên sau này có thể tiếp cận các lĩnh vực	2	HK7	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10%

**Biểu mẫu 18**

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		đang được các nhà toán học nghiên cứu trong Đại số, Hình học đại số và các ngành có liên quan.			Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
57	Phương trình đạo hàm riêng	Trang bị các khái niệm cơ bản của phương trình đạo hàm riêng và phương trình tuyến tính cấp hai.	2	HK6	Thường xuyên: 15% Kiểm tra giữa kỳ: 25% Thi cuối kỳ: 60%
58	Nhập môn lý thuyết vành chia	Học phần này bao gồm hai chương. Chương 1 trình bày khái niệm vành chia, một số ví dụ về vành chia, và các định lý giao hoán. Chương 2 trình bày các tính chất của đa thức trên vành chia.	2	HK8	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
59	Một số xu hướng mới trong dạy học toán	Học phần nhằm trang bị và cập nhật những phương pháp dạy học toán theo những xu hướng mới cho sinh viên sư phạm toán, những tiếp cận khác nhau để nâng cao chất lượng dạy học toán.	2	HK8	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
60	Phép tính vi phân trong không gian Banach	Về kiến thức: Nhớ lại được các toán tử tuyến tính (đa tuyến tính) bị chặn. Hiểu được: các khái niệm khả vi, khai triển Taylor, dưới vi phân và trên vi phân của một ánh xạ. Hiểu được nội dung và cách chứng minh: định lý giá trị trung bình, bất đẳng thức giá trị trung bình, định lý hàm ẩn, định lý hàm ngược và phương pháp nhân tử Lagrange.	3	HK8	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%

**Biểu mẫu 18**

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Về kỹ năng: Biết cách xét khả vi, khai triển Taylor, dưới vi phân và trên vi phân của một ánh xạ. Biết cách chứng minh định lý giá trị trung bình, bất đẳng thức giá trị trung bình, định lý hàm ngược và sử dụng thành thạo phương pháp nhân tử Lagrange..			
<b>61</b>	Đa thức và nhân tử hóa	Vành đa thức đóng một vai trò hết sức quan trọng trong sự phát triển của đại số và có các ứng dụng phong phú. Lý thuyết về vành nhân tử hoá tổng quát và hệ thống hoá những thuật toán và tính chất có ứng dụng chặt chẽ và sâu rộng trong chương trình toán phổ thông. Môn học này, ngoài việc hệ thống các kiến thức đã học trong đại số đại cương về vành đa thức, còn cung cấp cho sinh viên lý thuyết về nhân tử hoá trên các miền nguyên, những tính chất cơ bản và mở rộng của vành đa thức, đặc biệt xét các ứng dụng cơ bản trên các miền nguyên quen thuộc, cung cấp những công cụ hiệu quả soi sáng các bài toán sơ cấp.	<b>3</b>	HK8	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%

**4. NGÀNH: SƯ PHẠM VẬT LÝ (7140211)**

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
<b>I</b>	<b>Học phần cơ sở ngành</b>		10		
1	Phương pháp nghiên cứu	Hiểu rõ các vấn đề liên quan đến phương pháp nghiên cứu khoa học, gồm: các bước tiến hành một đề tài nghiên cứu khoa học; nội dung	2	HK4	Đánh giá quá trình 10% Đánh giá giữa kỳ 30%

**Biểu mẫu 18**  
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	khoa học trong Vật lý	nghiên cứu của một đề tài nghiên cứu khoa học; đánh giá một đề tài nghiên cứu khoa học; công bố một công trình nghiên cứu khoa học.			Đánh giá cuối kỳ 60%
2	Đại số tuyến tính	Trang bị cho sinh viên những kiến thức về tập hợp, ánh xạ, định thức và ma trận, không gian vectơ, cách giải hệ phương trình tuyến tính, ánh xạ tuyến tính, dạng toàn phương. Sinh viên biết vận dụng lý thuyết để áp dụng để giải được các bài tập, để học các học phần vật lý, đặc biệt là vật lý đại cương và vật lý lý thuyết, cũng như áp dụng vào nghiên cứu vật lý nói chung.	2	HK1	Đánh giá quá trình 10% Đánh giá giữa kỳ 30% Đánh giá cuối kỳ 60%
3	Giải tích	Học phần Giải tích cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về số thực, số phức, giới hạn của dãy số và hàm số; phép tính vi phân hàm một biến và nhiều biến; chuỗi số và chuỗi hàm; Phép tính tích phân và các dạng tích phân bội để có thể hiểu và vận dụng khi học tiếp các môn học tiếp theo của ngành Vật lý. Học phần cũng nhằm trang bị một số kỹ năng tính toán theo yêu cầu chung đối với sinh viên đại học ngành Sư phạm Vật lý.	3	HK2	Đánh giá quá trình 10% Đánh giá giữa kỳ 30% Đánh giá cuối kỳ 60%
4	Toán cho Vật lý	Trang bị cho sinh viên kiến thức toán học về tích phân đường, tích phân mặt; trường vô hướng và trường véc-tơ; phương trình vi phân. Sinh viên được rèn luyện các kỹ năng vận dụng các kiến thức này để giải quyết các bài toán vật lý trong cơ học.	3	HK3	Đánh giá quá trình 10% Đánh giá giữa kỳ 30% Đánh giá cuối kỳ 60%



**Biểu mẫu 18**  
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Kiến thức của học phần này làm nền tảng để sinh viên học tiếp các học phần khác như Phương trình Vật lý - Toán, Cơ học lý thuyết, Điện động lực học, Cơ học lượng tử.			
<b>II</b>	<b>Học phần nghề nghiệp</b>		35		
<b>A</b>	<b>Học phần nghề nghiệp bắt buộc</b>				
5	Tâm lý học đại cương		2	HK1	
6	Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm		3	HK2	
7	Giáo dục học		2	HK1	
8	Giao tiếp sư phạm		2	HK3	
9	Kiểm tra đánh giá trong dạy học Vật lý	Sinh viên trình bày được những kiến thức cơ bản về kiểm tra đánh giá trong giáo dục, nêu được vai trò và yêu cầu của kiểm tra đánh giá trong giáo dục. Vận dụng được quy trình, phương pháp xây dựng công cụ để đánh giá kết quả học tập của HS trong dạy học môn Vật lý.	2	HK6	Đánh giá quá trình 10% Đánh giá giữa kỳ 30% Đánh giá cuối kỳ 60%
10	Lý luận dạy học Vật lý	Học phần trình bày cho người học những nhiệm vụ cụ thể của việc dạy học Vật lý ở trường trung học phổ thông và phương pháp thực hiện; cách đánh giá, kiểm tra kết quả học tập của học sinh trong học tập.	3	HK5	Đánh giá quá trình 10% Đánh giá giữa kỳ 30% Đánh giá cuối kỳ 60%
11	Phân tích chương	Sinh viên trình bày được cấu trúc nội dung và đặc điểm của các phần, các chương, các chuyên đề trong	3	HK7	Đánh giá quá trình 10%

**Biểu mẫu 18**

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	trình Vật lí THPT	chương trình môn Vật lí trung học phổ thông. Từ đó lựa chọn được các phương pháp phù hợp trong việc thiết kế các tiến trình dạy học với từng đơn vị kiến thức cụ thể.			Đánh giá giữa kỳ 30% Đánh giá cuối kỳ 60%
12	Thí nghiệm Vật lí THPT	Sinh viên trình bày được những kiến thức cơ bản về khái niệm, vai trò và phân loại của thí nghiệm ở trường phổ thông. Thực hành được các bài thí nghiệm ở trường phổ thông, có thể đề xuất được các phương án thiết kế, cải tiến các thí nghiệm có sẵn.	2	HK6	Đánh giá quá trình 10% Đánh giá giữa kỳ 30% Đánh giá cuối kỳ 60%
13	Phương pháp dạy bài tập Vật lí THPT	Học phần giúp người học có khả năng vận dụng kỹ năng phân tích hiện tượng vật lí, diễn đạt bằng lời nói, vẽ hình, tính toán; đồng thời có khả năng lựa chọn phát triển hệ thống bài tập Vật lí trung học phổ thông theo hướng phát triển năng lực học sinh.	2	HK7	Đánh giá quá trình 10% Đánh giá giữa kỳ 30% Đánh giá cuối kỳ 60%
14	Rèn luyện NVSP thường xuyên	Sinh viên bước đầu làm quen với quy trình lên lớp của một giáo viên tương lai, thực hiện tốt các khâu cơ bản của quá trình lên lớp, xây dựng tác phong sư phạm chuẩn mực và khả năng xử lý các vấn đề nảy sinh trong tiết học.	3	HK3	Đánh giá quá trình 10% Đánh giá giữa kỳ 30% Đánh giá cuối kỳ 60%
15	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học vật lí	Sinh viên có khả năng sử dụng thành thạo công nghệ thông tin hỗ trợ cho việc dạy và học Vật lí bao gồm: sử dụng các phần mềm hỗ trợ dạy học; khai thác Internet trong việc tìm kiếm và xây dựng kho học liệu; thiết kế các bài giảng có ứng dụng của	2	HK5	Đánh giá quá trình 10% Đánh giá giữa kỳ 30% Đánh giá cuối kỳ 60%

**Biểu mẫu 18***(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT**ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)*

<b>STT</b>	<b>Tên môn học</b>	<b>Mục đích môn học</b>	<b>Số tín chỉ</b>	<b>Lịch trình giảng dạy</b>	<b>Phương pháp đánh giá sinh viên</b>
		CNTT và thực hành giảng dạy hiệu quả với các giáo án đã thiết kế.			
16	Thực hành sư phạm Vật lý THPT	Sinh viên soạn thảo được giáo án lên lớp và thực hành giảng dạy thuần thục các kiến thức vật lý với các phương pháp dạy học tích cực và phương tiện dạy học phù hợp. Xây dựng tác phong sư phạm chuẩn mực và kỹ năng giao tiếp, xử lý các tình huống sư phạm trong quá trình lên lớp.	3	HK7	Đánh giá quá trình 10% Đánh giá giữa kỳ 30% Đánh giá cuối kỳ 60%
17	Kiến tập sư phạm	Đây là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo giáo viên. Học phần giúp cho sinh viên nắm bắt được những hoạt động chủ yếu của người giáo viên ở trường THPT. Bước đầu giúp sinh viên vận dụng những kiến thức về Tâm lý học, Giáo dục học và Lý luận dạy học bộ môn để thực hiện một số công việc của người giáo viên ở trường thực tập. Thông qua quan sát và thực hành nghiệp vụ góp phần hình thành những kỹ năng cần thiết để trở thành người giáo viên THPT.	2	HK5	Đánh giá toàn bộ quá trình từ cơ sở tham gia kiến tập
18	Thực tập sư phạm	Đây là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo giáo viên. Học phần giúp cho sinh viên vận dụng những kiến thức đã được trang bị ở trường đại học vào công tác giảng dạy và công tác chủ nhiệm ở trường THPT; Rèn luyện các kỹ năng cơ bản của người giáo viên phổ thông trung học. Thực hành công tác giảng dạy và công tác chủ nhiệm lớp, thực hiện	5	HK8	Đánh giá toàn bộ quá trình từ cơ sở tham gia thực tập

**Biểu mẫu 18**  
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		các hoạt động nghiệp vụ của một người giáo viên ở trường THPT. Nâng cao ý thức nghề nghiệp và lòng yêu nghề cho sinh viên.			
<b>B</b>	<b>Học phần nghề nghiệp tự chọn (chọn 1 trong 3)</b>				
19	Tổ chức các hoạt động dạy học vật lí theo hướng phát triển năng lực học sinh	Sinh viên trình bày được những kiến thức cơ bản về năng lực của học sinh trong học tập môn Vật lí. Xác định được các biện pháp, quy trình bồi dưỡng năng lực học sinh. Thiết kế được các công cụ để đánh giá năng lực học sinh. Thiết kế và thực hành các tiến trình dạy học theo hướng phát triển năng lực học sinh đối với một số đơn vị kiến thức cụ thể.	2	HK7	Đánh giá quá trình 10% Đánh giá giữa kỳ 30% Đánh giá cuối kỳ 60%
20	Dạy học tích hợp trong Vật lí	Học phần trang bị cho người học một số vấn đề về xây dựng các chuyên đề dạy học tích hợp phù hợp với phương pháp và kĩ thuật dạy học tích cực.	2	HK7	Đánh giá quá trình 10% Đánh giá giữa kỳ 30% Đánh giá cuối kỳ 60%
21	Phương tiện dạy học	Sinh viên có khả năng thiết kế, lựa chọn, sử dụng phối hợp các loại phương tiện dạy học khác nhau và vận dụng chúng vào giảng dạy một cách hiệu quả.	2	HK7	Đánh giá quá trình 10% Đánh giá giữa kỳ 30% Đánh giá cuối kỳ 60%
<b>III</b>	<b>Học phần chuyên ngành</b>				
<b>A</b>	<b>Học phần chuyên ngành tự chọn</b>				
22	Cơ học	Học phần Cơ học trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về các dạng chuyển động cơ, phân tích các loại chuyển động trong cơ học, hiểu được các loại lực trong tự nhiên	3	HK1	Đánh giá quá trình 10% Đánh giá giữa kỳ 30%

**Biểu mẫu 18**  
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		và vai trò của các lực ứng dụng trong thực tiễn. Vận dụng được các kiến thức đã học để giải thích được các hiện tượng xảy ra trong tự nhiên, vào các bài tập ứng dụng thực tiễn.			Đánh giá cuối kỳ 60%
23	Vật lí phân tử và nhiệt học	Cung cấp những kiến thức cơ bản, hiện đại về Vật lí phân tử và nhiệt học, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo sinh viên ngành Vật lí.	3	HK1	Đánh giá quá trình 10% Đánh giá giữa kỳ 30% Đánh giá cuối kỳ 60%
24	Điện và từ	Học phần này trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản của trường điện từ để có thể tiếp tục theo học các học phần cao hơn về Vật lí, đồng thời cung cấp cho sinh viên các khái niệm, định luật cơ bản của trường điện từ, ứng dụng trường điện từ trong khoa học kỹ thuật và thực tế đời sống.	3	HK2	Đánh giá quá trình 10% Đánh giá giữa kỳ 30% Đánh giá cuối kỳ 60%
25	Quang học	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, hiện đại của bộ môn Quang học. Vận dụng kiến thức để giải bài tập, giải thích một số hiện tượng liên quan, chuẩn bị tốt kiến thức để giảng dạy phần Quang học trong chương trình vật lí THPT sau khi ra trường.	3	HK3	Đánh giá quá trình 10% Đánh giá giữa kỳ 30% Đánh giá cuối kỳ 60%
26	Dao động và sóng	Làm rõ các khái niệm và tính chất chung của quá trình truyền sóng, bản chất và sự lan truyền sóng cơ học, sóng âm, sóng điện từ. Làm rõ sự tương tự giữa dao động cơ và dao động điện.	2	HK6	Đánh giá quá trình 10% Đánh giá giữa kỳ 30% Đánh giá cuối kỳ 60%

**Biểu mẫu 18**

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
27	Vật lý nguyên tử và hạt nhân	Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản, đại cương về vật lý nguyên tử, vật lý hạt nhân và sơ lược về hạt sơ cấp (hạt cơ bản)	3	HK4	Đánh giá quá trình 10% Đánh giá giữa kỳ 30% Đánh giá cuối kỳ 60%
28	Thực hành VLĐC 1	Sinh viên hiểu sâu sắc hơn về kiến thức vật lý đại cương I, thiết lập các phương án thí nghiệm và <b>thực hiện thành thạo</b> các bài thực hành cơ – nhiệt học, từ đó hoàn thiện kiến thức đã học và vận dụng được vào thực tiễn.	2	HK3	Đánh giá quá trình 10% Đánh giá giữa kỳ 40% Đánh giá cuối kỳ 50%
29	Thực hành VLĐC 2	Sinh viên trình bày được những kiến thức cơ bản về khái niệm, vai trò và phân loại của thí nghiệm ở trường phổ thông. Thực hành được các bài thí nghiệm ở trường phổ thông, có thể đề xuất được các phương án thiết kế, cải tiến các thí nghiệm có sẵn.	2	HK4	Đánh giá quá trình 10% Đánh giá giữa kỳ 40% Đánh giá cuối kỳ 50%
30	Thiên văn học	Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản của thiên văn học như; kỹ năng quan sát thiên thể trên bầu trời đêm, giải thích các mùa trong năm, cách làm lịch âm và lịch dương, giải thích các hiện tượng thủy triều, nhật thực, nguyệt thực. Qua đó nuôi dưỡng lòng yêu nghề và vận dụng nâng cao các bài học ở chương trình vật lý phổ thông.	3	HK5	Đánh giá quá trình 10% Đánh giá giữa kỳ 30% Đánh giá cuối kỳ 60%
31	Cơ lý thuyết	Học phần này cung cấp cho người kiến thức cơ bản của cơ học bằng ngôn ngữ toán học hiện đại. Đồng thời trang bị cho người học những cơ	3	HK4	Đánh giá quá trình 10% Đánh giá giữa kỳ 30%

**Biểu mẫu 18***(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT**ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)*

<b>STT</b>	<b>Tên môn học</b>	<b>Mục đích môn học</b>	<b>Số tín chỉ</b>	<b>Lịch trình giảng dạy</b>	<b>Phương pháp đánh giá sinh viên</b>
		sở cần thiết để có thể tiếp thu các học phần cơ lượng tử, vật lý lượng tử và một số môn học khác.			Đánh giá cuối kỳ 60%
32	Điện động lực	Học phần này trang bị cho sinh viên các kiến thức sâu sắc về trường điện từ, về các trường hợp riêng của trường điện từ như trường điện từ tĩnh, trường điện từ dừng, trường điện từ chuẩn dừng. Qua đó tạo tiền đề cho sinh viên có thể tiếp cận các kiến thức chuyên sâu hơn về vật lý lý thuyết, vật lý hiện đại, lý thuyết trường lượng tử...	3	HK6	Đánh giá quá trình 10% Đánh giá giữa kỳ 30% Đánh giá cuối kỳ 60%
33	Nhiệt động lực học	Học phần này trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản của Nhiệt động lực học, hệ nhiệt động, các nguyên lý nhiệt động lực học, phương pháp nhiệt động lực học.	2	HK5	Đánh giá quá trình 10% Đánh giá giữa kỳ 30% Đánh giá cuối kỳ 60%
34	Vật lý thống kê	Giúp học sinh hiểu về các loại phân bố thống kê, các hệ vật lý nằm trong trạng thái cân bằng nhiệt động và đề cập đến một số vấn đề cơ bản của thống kê lượng tử và một số ứng dụng của thống kê lượng tử.	2	HK6	Đánh giá quá trình 10% Đánh giá giữa kỳ 30% Đánh giá cuối kỳ 60%
35	Cơ học lượng tử	Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về Cơ học lượng tử, từ sự ra đời của thuyết lượng tử cho đến việc xây dựng hoàn chỉnh Cơ học lượng tử trong phạm vi phi tương đối tính. Đây là các cơ sở cần thiết cho việc ứng dụng Cơ học lượng tử để giải một số bài toán đơn giản. Các kiến thức mà Cơ học lượng tử cung	3	HK6	Đánh giá quá trình 10% Đánh giá giữa kỳ 30% Đánh giá cuối kỳ 60%

**Biểu mẫu 18***(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT**ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)*

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		cấp sẽ làm cơ sở cho các môn vật lý lý thuyết như Điện động lực học, Vật lý thống kê, Vật lý nguyên tử - hạt nhân, Vật lý chất rắn...			
36	Vật lý chất rắn	Hiểu rõ những kiến thức cơ bản về cấu trúc tinh thể, sai hỏng mạng, vùng Brillouin, dao động mạng, tính chất nhiệt của vật rắn, khái niệm phonon, nhiệt dung, lý thuyết vùng năng lượng vật rắn.	2	HK6	Đánh giá quá trình 10% Đánh giá giữa kỳ 30% Đánh giá cuối kỳ 60%
37	Điện kỹ thuật	Sau khi học xong môn học này, sinh viên nắm vững các khái niệm và định luật cơ bản của mạch điện, cấu tạo và nguyên lý làm việc của các loại máy điện, các định luật điện từ dùng trong máy điện. Biết sử dụng các dụng cụ đo lường để đo các đại lượng điện phổ biến. Từ đó giúp sinh viên dạy tốt các phần có liên quan đến kỹ thuật điện trong kiến thức phổ thông.	2	HK3	Đánh giá quá trình 10% Đánh giá giữa kỳ 30% Đánh giá cuối kỳ 60%
38	Thí nghiệm điện kỹ thuật	Nắm vững những kiến thức cơ bản về mạch 3 pha, về kiểm tra các dụng cụ đo điện, về các loại máy điện, khí cụ điện, biết vận hành, điều khiển và khảo sát các loại máy điện. Kỹ năng sử dụng dụng cụ đo và kiểm tra các dụng cụ đo điện, kỹ năng vận hành và khảo sát các loại máy điện. Ngăn nắp, khoa học, tác phong công nghiệp.	1	HK3	Đánh giá quá trình 10% Đánh giá giữa kỳ 30% Đánh giá cuối kỳ 60%
39	Kỹ thuật điện tử	Hiểu rõ cấu tạo, phân loại, nguyên lý làm việc, một số ứng dụng các linh	2	HK5	Đánh giá quá trình 10%



**Biểu mẫu 18**  
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		kiện bán dẫn và một số linh kiện thu động khác.			Đánh giá giữa kỳ 30% Đánh giá cuối kỳ 60%
40	Thí nghiệm Vật lý điện tử	Sau khi học xong học phần này sinh viên có các kiến thức cơ bản về thực hành điện tử, nghiệm lại các công thức đã học trong học phần Vô tuyến điện đại cương và Điện tử học, sử dụng các kiến thức đã học để thực hiện các mạch điện tử ứng dụng. Thực hành được các kỹ năng cơ bản về kỹ thuật lắp ráp và đo các thông số các mạch điện tử. Hình thành thói quen làm việc cẩn thận, nghiêm túc, tác phong công nghiệp.	1	HK5	Đánh giá quá trình 10% Đánh giá giữa kỳ 30% Đánh giá cuối kỳ 60%
41	Phương trình vật lý toán	Sinh viên có kiến thức về phương trình đạo hàm riêng và các phép tính nâng cao, các hàm đặc biệt,... Vận dụng vào khảo sát các quá trình vật lý như truyền sóng, truyền nhiệt... Qua đó, sinh viên hiểu sâu hơn về các hiện tượng vật lý và nhận thức được tầm quan trọng của môn học với sự phát triển của vật lý.	3	HK4	Đánh giá quá trình 10% Đánh giá giữa kỳ 30% Đánh giá cuối kỳ 60%
42	Lập trình ứng dụng trong vật lý	Sinh viên có kiến thức cơ bản về ngôn ngữ lập trình và tính toán trong vật lý, biết cách sử dụng một phần mềm lập trình (cụ thể là Matlab) giải toán về phương trình vi tích phân, phương trình đạo hàm riêng và mở rộng để giải quyết một số bài toán thường gặp trong Vật lý.	2	HK8	Đánh giá quá trình 10% Đánh giá giữa kỳ 30% Đánh giá cuối kỳ 60%
<b>B</b>	<b>Học phần chuyên ngành bắt buộc nhóm 1</b>				

**Biểu mẫu 18**  
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
43	Lịch sử vật lí	Sinh viên có những hiểu biết sâu rộng về sự hình thành và phát triển của Vật lí học qua các thời kì, từ đó có củng cố và khắc sâu các kiến thức, xây dựng cho mình một bức tranh khái quát về vật lí học. Đồng thời, sinh viên có thể liên hệ và sử dụng các kiến thức về lịch sử vật lí vào dạy học một cách có hiệu quả.	2	HK4	Đánh giá quá trình 10% Đánh giá giữa kỳ 30% Đánh giá cuối kỳ 60%
44	Hoá học đại cương	Cung cấp các kiến thức về các khái niệm, định luật cơ bản của hóa học và lý thuyết của các quá trình hóa học.	2	HK4	Đánh giá quá trình 10% Đánh giá giữa kỳ 30% Đánh giá cuối kỳ 60%
45	Sinh học đại cương	Có được những kiến thức cơ bản thuộc lĩnh vực sinh học để giải thích được những hiện tượng xảy ra trong tự nhiên liên quan đến sinh học. Phát triển được tình yêu thiên nhiên, thể giới quan khoa học, có thái độ ứng xử với thế giới tự nhiên phù hợp với yêu cầu phát triển bền vững.	2	HK4	Đánh giá quá trình 10% Đánh giá giữa kỳ 30% Đánh giá cuối kỳ 60%
<b>C</b>	<b>Học phần chuyên ngành nhóm 2</b>				
46	Vật lý thiên văn và vũ trụ	Người học có cái nhìn khái quát về các hiện tượng thiên văn được gắn liền với các quá trình vật lí, nắm được các phương pháp nghiên cứu và giải thích được các quá trình vật lí bên trong các thiên thể.	2	HK4	Đánh giá quá trình 10% Đánh giá giữa kỳ 30% Đánh giá cuối kỳ 60%
47	Vật lý Laser và ứng dụng	Sinh viên có kiến thức cơ bản về nguyên lý, cấu tạo của laser, thấy được vai trò và ứng dụng của laser trong khoa học và đời sống. Qua đó,	2	HK4	Đánh giá quá trình 10% Đánh giá giữa kỳ 30%

**Biểu mẫu 18**  
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		sinh viên hiểu biết sâu hơn về vật lý hiện đại và nhận thức được tầm quan trọng của môn học với ngành nghề của mình.			Đánh giá cuối kỳ 60%
48	Tiếng anh chuyên ngành	Đọc hiểu, dịch từ tiếng Anh sang tiếng Việt hoặc từ tiếng Việt sang tiếng Anh các vấn đề về Vật lý từ Vật lý đại cương đến Vật lý lý thuyết	2	HK4	Đánh giá quá trình 10% Đánh giá giữa kỳ 30% Đánh giá cuối kỳ 60%
<b>D</b>	<b>Học phần chuyên ngành nhóm 3</b>				
49	Lý thuyết chất rắn	Trang bị cho người học những kiến thức tổng quan về lý thuyết chất rắn, đồng thời cung cấp các công cụ tính toán và phương pháp quan trọng (cổ điển, lượng tử và lượng tử hóa thứ cấp) của lý thuyết chất rắn.	2	HK4	Đánh giá quá trình 10% Đánh giá giữa kỳ 30% Đánh giá cuối kỳ 60%
50	Vật lý hạt cơ bản	Giúp sinh viên hiểu được lịch sử cũng như phương pháp phát hiện các hạt cơ bản, hiểu được bản chất bốn loại tương tác trong tự nhiên, phân biệt rõ tương tác mạnh và tương tác yếu. Nắm được tính chất các hạt cơ bản, các đại lượng bảo toàn và phân loại các hạt cơ bản.	2	HK4	Đánh giá quá trình 10% Đánh giá giữa kỳ 30% Đánh giá cuối kỳ 60%
51	Cơ học lượng tử nâng cao	Trang bị các kiến thức mở rộng và nâng cao về Cơ học lượng tử bao gồm lý thuyết biểu diễn của các trạng thái và toán tử; spin của hạt vi mô, hệ hạt đồng nhất, hàm sóng của hệ Fermion và Boson; các phương pháp tính gần đúng theo lý thuyết nhiễu loạn. Làm cơ sở cho sinh viên nghiên cứu các vấn đề chuyên sâu về Vật lý khi học các học phần tự chọn, các	2	HK4	Đánh giá quá trình 10% Đánh giá giữa kỳ 30% Đánh giá cuối kỳ 60%

**Biểu mẫu 18**  
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		học phần nâng cao và học lên Thạc sĩ.			
<b>IV</b>	<b>Khoá luận tốt nghiệp hoặc học phần thay thế</b>				
<b>IV.1</b>	<b>Học phần thay thế nhóm 1</b>				
52	Các kiểu tổ chức dạy học hiện đại	Sinh viên có khả năng lựa chọn, thiết kế các hoạt động dạy học phù hợp với các kiểu tổ chức dạy học hiện đại khác nhau. Từ đó triển khai dạy học hiệu quả với các mô hình dạy học hiện đại này.	3	HK8	Đánh giá quá trình 10% Đánh giá giữa kỳ 30% Đánh giá cuối kỳ 60%
53	Dạy học theo định hướng giáo dục stem	Học phần tập trung trang bị cho người học cơ sở lý luận về dạy học Stem.	3	HK8	Đánh giá quá trình 10% Đánh giá giữa kỳ 30% Đánh giá cuối kỳ 60%
54	Thiết kế thí nghiệm trong dạy học Vật lý	Sinh viên trình bày được những kiến thức cơ bản về khái niệm, vai trò và phân loại của thí nghiệm tự tạo; cách thức thiết kế chế tạo thí nghiệm; phương pháp sử dụng độc lập hoặc kết hợp với thí nghiệm có sẵn vào dạy học Vật lý.	3	HK8	Đánh giá quá trình 10% Đánh giá giữa kỳ 30% Đánh giá cuối kỳ 60%
<b>IV.2</b>	<b>Học phần thay thế nhóm 2</b>				
55	Vật lý quang phổ và ứng dụng	Sinh viên có được các kiến thức cơ bản và những ứng dụng về quang phổ, hiểu về một số phương pháp phân tích quang phổ được ứng dụng hiện nay. Qua đó, sinh viên hiểu biết sâu hơn về vật lý học hiện đại và nhận thức được tầm quan trọng của môn học với ngành nghề của mình.	2	HK8	Đánh giá quá trình 10% Đánh giá giữa kỳ 30% Đánh giá cuối kỳ 60%

**Biểu mẫu 18**

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
56	Vật lí hạt nhân và ứng dụng	Người học hiểu được những tương tác các bức xạ hạt nhân và những ứng dụng của chúng. Qua học phần này người học cũng nắm được những phương pháp cơ bản trong nghiên cứu các ứng dụng của vật lí hạt nhân. Học phần còn giúp cho người học hiểu rõ vật lí hạt nhân đã và đang được áp dụng rộng rãi trong công nghiệp, y học, địa chất, sinh học... để người học tư duy tích cực, đam mê nghiên cứu khoa học và tình yêu với nghề nghiệp.	2	HK8	Đánh giá quá trình 10% Đánh giá giữa kỳ 30% Đánh giá cuối kỳ 60%
57	Vật lí hiện đại	Trang bị cho sinh viên những kiến thức về: lý thuyết tương đối; lý thuyết lượng tử của bức xạ; sóng vật chất; bức tranh về nguyên tử đồng dạng Hidrô; hạt nhân và các hạt sơ cấp. Đó là cơ sở để sinh viên hình thành nên thế giới quan về vật lí học hiện đại, giúp sinh viên có được tầm nhìn và bức tranh vật lí hiện đại, khá bao quát khi dạy các kiến thức vật lí ở trường phổ thông.	2	HK8	Đánh giá quá trình 10% Đánh giá giữa kỳ 30% Đánh giá cuối kỳ 60%

**5. NGÀNH SƯ PHẠM HÓA HỌC (7140212)**

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
-----	-------------	------------------	------------	----------------------	--------------------------------

**Biểu mẫu 18**

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

1	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 1	Giúp cho sinh viên: Xác lập cơ sở lý luận cơ bản nhất để từ đó có thể tiếp cận được nội dung môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh và Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, hiểu biết nền tảng tư tưởng của Đảng. Xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên. Từng bước xác lập thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận chung nhất để tiếp cận các khoa học chuyên ngành được đào tạo.	2	HK1	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
2	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 2	Kiến thức của học phần này kết hợp với kiến thức của học phần Triết học Mác - Lênin và học phần chủ nghĩa xã hội khoa học sẽ giúp sinh viên có được hệ thống tri thức cơ bản, cốt lõi của chủ nghĩa Mác - Lênin. Đây sẽ là kiến thức nền tảng để sinh viên có thể học tập tốt các học phần khác như Tư tưởng Hồ Chí Minh và Lịch sử đảng Cộng sản Việt Nam.	3	HK2	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh; Về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; Tư tưởng Hồ Chí Minh về: Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; Đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; Văn hóa, đạo đức, con người.	2	HK3	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
4	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	Cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản của đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, trong đó chủ yếu tập trung vào đường lối của Đảng thời kỳ đổi mới trên một số lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội phục vụ cho cuộc sống và công tác. Xây dựng cho sinh viên niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, theo mục tiêu, lý tưởng của Đảng.	3	HK4	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%

**Biểu mẫu 18**

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

5	Tin học	Cung cấp cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng cơ bản để làm việc trên máy tính. Kiến thức của học phần là kiến thức nền giúp cho sinh viên dễ dàng tiếp cận, học tập các học phần khác có sử dụng máy tính. Ngoài ra sinh viên còn có khả năng sử dụng máy tính làm công cụ học tập và sưu tầm tài liệu giúp cho hiệu quả học tập được nâng cao hơn.	2	HK2	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
6	Ngoại ngữ không chuyên 1 (Tiếng Anh 1)	Cung cấp kiến thức và kỹ năng tiếng Anh ở trình độ sơ cấp nhằm giúp người học có thể hiểu và sử dụng các cấu trúc ngữ pháp và từ ngữ cơ bản đáp ứng nhu cầu giao tiếp và trình bày về các chủ đề cuộc sống hàng ngày: thông tin cá nhân, thói quen, nhu cầu, sở thích, hỏi đáp về những thông tin đơn giản.	2	HK1	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
7	Ngoại ngữ không chuyên 2 (Tiếng Anh 2)	Cung cấp kiến thức và kỹ năng tiếng Anh ở trình độ sơ cấp nhằm giúp người học có thể hiểu, sử dụng các cấu trúc ngữ pháp; các từ ngữ cơ bản đáp ứng nhu cầu giao tiếp và trình bày về các chủ đề liên quan đến hoạt động trong thời gian rảnh rỗi, ăn uống, tiền tệ, cách phân biệt giữa tiếng Anh của người Anh và tiếng Anh của người Mỹ.	2	HK2	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
8	Ngoại ngữ không chuyên 3 (Tiếng Anh 3)	Cung cấp kiến thức và kỹ năng tiếng Anh ở trình độ trung cấp nhằm giúp người học có thể hiểu, sử dụng các cấu trúc ngữ pháp; các từ ngữ nâng cao nhằm đáp ứng nhu cầu giao tiếp và trình bày về các chủ đề liên quan đến các lĩnh vực khoa học, công nghệ, ngành du lịch, môi trường trên trái đất	3	HK3	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
9	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Về tri thức: Hình thành cho sinh viên những quan điểm phương pháp luận khoa học và hệ thống phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục. Về kỹ năng: Giúp sinh viên có năng lực tổ chức các hoạt động nghiên cứu khoa học.	2	HK3	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 %

**Biểu mẫu 18**

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

		Về thái độ: người học được hình thành thái độ đúng đắn, nghiêm túc trong nghiên cứu khoa học.			Thi cuối kỳ: 70%
10	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục	Trang bị cho sinh viên sự phạm những kiến thức cơ bản về quản lý hành chính Nhà nước và quản lý ngành Giáo dục và Đào tạo để trở thành nhà giáo có thể hoàn thành nhiệm vụ, chức trách của một công chức ngành Giáo dục và Đào tạo. Phục vụ cho việc xét tuyển công chức giáo viên phổ thông.	2	HK4	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
11	Giáo dục thể chất 1	Trang bị cho sinh viên các kiến thức và kỹ thuật, kỹ năng vận động 2 môn Điền kinh: chạy cự ly ngắn và nhảy xa kiểu “ngồi”, phát triển các tố chất vận động.	1	HK1	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
Giáo dục thể chất 2			1	HK2	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
11	Bóng chuyền	Trang bị cho sinh viên các kiến thức và kỹ thuật, kỹ năng vận động về kỹ thuật chuyên bóng thấp tay cơ bản, kỹ thuật phát bóng thấp tay và cao tay (chính diện) và phát triển các tố chất vận động	1	HK2	
	Bóng đá	Trang bị cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng như: kỹ thuật, thể lực và một số chiến thuật cơ bản trong môn bóng đá.	.1	HK2	
	Cầu lông	Trang bị cho sinh viên các kiến thức và kỹ thuật, kỹ năng vận động cầu lông nhằm phát triển các tố chất vận động.	1	HK2	



**Biểu mẫu 18**

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

	Võ Taekwondo	Trang bị cho sinh viên các kiến thức căn bản môn võ Taekwondo (xuất xứ, luật thi đấu và những ích lợi của tập luyện môn Taekwondo	1	HK2	
	<i>Giáo dục thể chất 3</i>		1	HK3	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
	Bóng chuyền	Trang bị cho sinh viên các kiến thức căn bản môn võ Taekwondo (xuất xứ, luật thi đấu và những ích lợi của tập luyện môn Taekwondo	1	HK3	
	Bóng đá	Trang bị cho sinh viên các kiến thức như: kỹ thuật, thể lực, một số chiến thuật cơ bản, phương pháp tổ chức thi đấu và phương pháp trọng tài trong môn bóng đá.	1	HK3	
	Cầu lông	Trang bị cho sinh viên các kiến thức và kỹ thuật, kỹ năng vận động cầu lông nhằm phát triển các tố chất vận động.	1	HK3	
	Võ Taekwondo	Trang bị cho sinh viên các kiến thức căn bản môn võ Taekwondo (xuất xứ, luật thi đấu và những ích lợi của tập luyện môn Taekwondo	1	HK3	
12	<b>Giáo dục quốc phòng</b>	Cung cấp cho sinh viên Quan điểm cơ bản của Chủ nghĩa Mác- Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; Chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam; Kết hợp phát triển kinh tế, xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh và đối ngoại; Những vấn đề cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự	165t		

**Biểu mẫu 18***(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT**ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)*

		<p>Việt Nam... để giúp người học phân tích được những vấn đề thuộc về lĩnh vực đường lối quân sự và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam.</p> <p>Trang bị cho sinh viên những vấn đề về Đội ngũ đơn vị; sử dụng bản đồ địa hình quân sự; phòng chống địch tiến công bằng vũ khí công nghệ cao; ba môn quân sự phối hợp; trung đội bộ binh tiến công; trung đội bộ binh bộ binh phòng ngự; kỹ thuật bắn súng ngắn K54. thực hành sử dụng một số loại lựu đạn Việt Nam.</p>			
13	Tâm lý học đại cương	<p>Cung cấp kiến thức về bản chất của hiện tượng tâm lý người; hoạt động, giao tiếp đối với sự hình thành và phát triển tâm lí, ý thức; hoạt động nhận thức, trí nhớ, tình cảm, hành động ý chí và nhân cách. Từ những kiến thức đó sinh viên liên hệ để giải thích hiện tượng tâm lí trong học tập và trong cuộc sống, rèn luyện tâm lý và nhân cách</p>	<b>2</b>	HK1	<p>Chuyên cần: 10%</p> <p>Thường xuyên: 10%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ: 10 %</p> <p>Thi cuối kỳ: 70%</p>
14	Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm	<p>Cung cấp cho sinh viên hệ thống tri thức khoa học về tâm lý học lứa tuổi, tâm lý học dạy học và tâm lý học về người giáo viên. Đây là kiến thức rất quan trọng để sinh viên hiểu rõ được đặc điểm tâm lý lứa tuổi học sinh ở các giai đoạn khác nhau và các tác động khoa học, phù hợp đến tâm lý học sinh nhằm đem hiệu quả cao trong dạy học và giáo dục.</p>	<b>3</b>	HK2	<p>Chuyên cần: 10%</p> <p>Thường xuyên: 10%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ: 10 %</p> <p>Thi cuối kỳ: 70%</p>
15	Giáo dục học 1	<p>Cung cấp cho sinh viên những nội dung sau giáo dục học là một khoa học (tính chất, chức năng, đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu của giáo dục), sự hình thành và phát triển nhân cách con người (khái niệm nhân cách, vai trò của các yếu tố hình thành nhân cách, giáo dục và các giai đoạn phát triển nhân cách theo lứa tuổi,...), mục đích giáo dục, nhiệm vụ giáo dục, các con đường giáo dục,...</p>	<b>2</b>	HK2	<p>Chuyên cần: 10%</p> <p>Thường xuyên: 10%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ: 10 %</p> <p>Thi cuối kỳ: 70%</p>

**Biểu mẫu 18**

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

16	Giáo dục học 2	Cung cấp cho sinh viên những nội dung sau giáo dục học là một khoa học (tính chất, chức năng, đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu của giáo dục), sự hình thành và phát triển nhân cách con người (khái niệm nhân cách, vai trò của các yếu tố hình thành nhân cách, giáo dục và các giai đoạn phát triển nhân cách theo lứa tuổi,...), mục đích giáo dục, nhiệm vụ giáo dục, các con đường giáo dục,...	3	HK3	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
17	Giao tiếp sư phạm	Giúp người học lĩnh hội những tri thức và kỹ năng giao tiếp sư phạm (nguyên tắc, phong cách, phương tiện và kỹ thuật giao tiếp sư phạm...). Trên cơ sở đó, người học có thể vận dụng để tiếp cận với các đối tượng khác nhau trong môi trường sư phạm; hiểu được và giao tiếp - ứng xử phù hợp với đối tác; giải quyết các tình huống giao tiếp hiệu quả và góp phần xây dựng văn hóa học đường.	2	HK4	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
18	Đánh giá kết quả giáo dục của học sinh	Học phần nhằm trang bị cho sinh viên sư phạm toán những kiến thức cơ bản về các phương pháp kiểm tra, đánh giá trong dạy học toán, các kỹ thuật biên soạn đề kiểm tra đánh giá; một số xu hướng mới trong công tác kiểm tra, đánh giá.	2	HK6	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
19	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên	Rèn cho Sinh viên một số kỹ năng cơ bản của người giáo viên.	3	HK4	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
20	Thực hành dạy học tại	Sinh viên phân tích được được mối liên hệ giữa soạn giáo án, thực hành giáo án và phản hồi. Sinh viên thực hành lập kế hoạch	2	HK6	Chuyên cần: 10%

**Biểu mẫu 18**

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

	trường sư phạm	bài dạy và giảng dạy các kiểu bài lên lớp hóa học THPT. Thông qua đó, sinh viên thực hành các phương pháp và kỹ thuật dạy học, các kỹ năng nghiệp vụ sư phạm quan trọng vào dạy học các bài Hoá học lớp 10,11, 12 THPT cụ thể một cách hiệu quả. Từ đó có ý thức tích cực trong việc rèn luyện và phát triển năng lực chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm của bản thân.			Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
<b>21</b>	Kiến tập sư phạm	Học phần này sinh viên sẽ được thực tập tại các trường trung học phổ thông về công việc của một giáo viên dưới sự hướng dẫn của các giáo viên giàu kinh nghiệm. Sinh viên vận dụng các kiến thức về chuyên môn và nghiệp vụ nhằm tìm hiểu học sinh, các hoạt động cơ bản của nhà trường, công tác của giáo viên chủ nhiệm lớp, sự phối hợp các lực lượng giáo dục: Gia đình – Nhà trường – Xã hội. Sinh viên được tham gia vào công tác chủ nhiệm lớp, tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh, dự giờ chuyên môn, tham gia giảng dạy theo hướng phát huy năng lực của học sinh. Từ đó hình thành một số kỹ năng sư phạm cần thiết. Nâng cao tinh thần cống hiến cho sự nghiệp giáo dục Nước nhà.	<b>2</b>	HK5	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
<b>22</b>	Thực tập sư phạm	Trong học phần này, sinh viên sẽ tiếp tục tìm hiểu và thực tập chi tiết hơn các công việc của một giáo viên tại các trường trung học phổ thông. Sinh viên đến các trường phổ thông và được hướng dẫn thực hiện các công việc sau: Tìm hiểu thực tế tình hình giáo dục tại địa phương; Thực tập công tác giáo dục (tìm hiểu tình hình học sinh, dự giờ sinh hoạt chủ nhiệm, đứng lớp tổ chức giờ sinh hoạt chủ nhiệm,...); Tìm hiểu thực tế giảng dạy hoá học (dự giờ, sinh hoạt tổ bộ môn...) và thực tập giảng dạy môn hoá học (soạn bài, giảng dạy...).	<b>5</b>	HK8	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%

**Biểu mẫu 18***(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT**ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)*

23	Lí luận và phương pháp dạy học hóa học	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức về tổng quan về lí luận và phương pháp dạy học hoá học, vai trò và nhiệm vụ của môn hoá học trong việc thực hiện mục tiêu đào tạo ở trường phổ thông, các quan điểm và phương pháp dạy học và một số vấn đề liên quan đến bài lên lớp hóa học trên cơ sở các kiến thức về Hoá vô cơ, hữu cơ, hoá Đại cương, Hoá lí, tâm lí, giáo dục học, kiến thức văn hoá xã hội, phương pháp nghiên cứu khoa học. Vận dụng các lí thuyết phát triển chương trình để thiết kế kế hoạch tổ chức hoạt động dạy học.	4	HK3	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
24	Bài tập hóa học phổ thông	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức về các dạng bài tập hóa học ở trường phổ thông; Biết được ý nghĩa, tác dụng của bài tập trong dạy học hóa học ở phổ thông; Vận dụng các phương pháp giải các dạng bài tập hóa học ở trường phổ thông; Xây dựng được các bài tập hóa học mới; Lựa chọn và sử dụng phù hợp các bài tập và các hình thức bài tập trong dạy học hoá Học; xây dựng bài tập hóa học phù hợp với từng đối tượng học sinh THPT; Sử dụng phương pháp dạy học phù hợp với các dạng bài tập trong chương trình hóa học THPT trong quá trình giảng dạy	2	HK7	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
25	Thí nghiệm hóa học ở trường phổ thông	Học phần này gồm có các nội dung sau: Kỹ thuật, an toàn phòng thí nghiệm; cách tiến hành, sử dụng các thí nghiệm trong chương trình hóa học phổ thông phù hợp với mục tiêu bài giảng theo hướng tích cực hóa học sinh; thiết kế và sử dụng thí nghiệm gắn kết cuộc sống trong dạy học hóa học ở trường phổ thông. Sinh viên vận dụng các thí nghiệm Hoá học vào các tiết giảng cụ thể trong chương trình Hoá học THPT nhằm khơi gợi hứng thú, đam mê khoa học Hoá học.	2	HK7	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%

**Biểu mẫu 18***(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT**ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)*

26	Đại số và hình học giải tích	Trang bị cho sinh viên kiến thức về Toán như: Đại số tuyến tính, hệ phương trình tuyến tính, ma trận, định thức, không gian vec tơ, Ánh xạ tuyến tính, Giá trị riêng, Véc tơ riêng, dạng toàn phương và kiến thức cơ bản về đường bậc hai trong mặt phẳng, mặt bậc hai trong không gian.	2	HK1	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
27	Giải tích và phương trình vi phân	Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về hàm một biến thực, khái niệm về giới hạn và về tính liên tục của chúng ; trình bày phép tính vi phân, tích phân, khái niệm nguyên hàm của hàm số; chuỗi số và chuỗi hàm. Bên cạnh đó, học phần còn cung cấp các kiến thức về hàm nhiều biến: giới hạn, tính liên tục của hàm nhiều biến, đạo hàm, phép tính vi phân hàm nhiều biến; phương trình vi phân cấp 1 và cấp 2.	4	HK2	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
28	Vật lý đại cương	Cung cấp các kiến thức cơ bản của Vật lí học và các ứng dụng của chúng trong khoa học, kĩ thuật và đời sống với tư cách là một trong các lĩnh vực của khoa học tự nhiên. Các chủ đề được đề cập trong học phần bao gồm: lực và chuyển động; âm thanh; năng lượng và cuộc sống; điện và từ; ánh sáng; Trái đất và bầu trời	3	HK1	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
29	Hóa học đại cương	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức về cấu tạo nguyên tử, phân tử; các định luật cơ bản của hóa học; hoá học hạt nhân; tiền cơ học lượng tử; định luật tuần hoàn các nguyên tố hoá học và sự biến thiên tuần hoàn các tính chất của chất; lí thuyết cổ điển và hiện đại về liên kết hoá học giữa các nguyên tử trong phân tử; khái niệm cũng như tính chất của dung dịch, nhiệt động lực học, động hoá học và điện hoá học.	4	HK1	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
30	Thực hành hóa đại cương	Trang bị cho người học các nguyên tắc, thao tác, cách sử dụng và hóa chất một cách an toàn khi ở trong phòng thí nghiệm, chỉ ra	1	HK2	Chuyên cần: 10%

**Biểu mẫu 18**

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

		cách thiết lập một trình tự thí nghiệm hợp lý, cách nhận xét kết quả nhận được. Học phần này bao gồm các kiến thức về kỹ thuật phòng thí nghiệm, xác định khối lượng phân tử khí oxi, tốc độ phản ứng và cân bằng hoá học, dung dịch, chuẩn độ.			Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
31	Hóa học lượng tử	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức về toán tử, hàm sóng và các tiên đề của cơ học lượng tử, từ đó áp dụng vào việc giải bài toán chuyển động của một hạt vi mô, sau đó phát triển thành giải bài toán chuyển động của electron trong nguyên tử; trình bày các thuyết liên kết hoá trị, thuyết orbital phân tử MO, thuyết MO – Hückel để giải thích về cấu tạo phân tử theo quan điểm của lượng tử.	3	HK3	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
32	Ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy học Hóa học	Học phần trang bị cho sinh viên nhằm phát triển năng lực ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy học hóa học của sinh viên như: Biết tổng quan về ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy học hoá học, hướng dẫn sử dụng một số công cụ để tìm kiếm, chuyển tải và hiệu chỉnh tư liệu dạy học, thiết kế và sử dụng mô phỏng, trò chơi trong dạy học hoá học, ứng dụng tin học trong kiểm tra đánh giá; Vận dụng những kỹ năng về tin học để soạn thảo giáo án; Tìm hiểu và sử dụng một số phần mềm tin học ứng dụng trong dạy học môn Hóa học; Tìm hiểu và ứng dụng được các phần mềm, công cụ giảng dạy online, trao đổi online nhằm tăng cường hiệu quả dạy học.	2	HK6	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
33	Hóa lý 1	Trang bị cho sinh viên các nội dung cơ bản về nhiệt động lực học hóa học (gọi tắt là nhiệt động học) và động hóa học (còn được gọi là động học phản ứng). Nội dung kiến thức của hóa lý 1 được ứng dụng trong lĩnh	3	HK5	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 %

**Biểu mẫu 18**

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

		vực hóa vô cơ, hữu cơ, phân tích, môi trường...			Thi cuối kỳ: 70%
34	Hóa lý 2	Trang bị cho sinh viên kiến thức về điện hóa học và hóa keo. Nội dung kiến thức của hóa lý 2 được ứng dụng rộng rãi trong lĩnh vực chế tạo vật liệu, chế tạo nguồn dự trữ năng lượng và bảo vệ kim loại.	4	HK6	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
35	Thực hành hóa lý	Trang bị cho người học những kỹ năng, năng lực thực hành hóa lý, cách sử dụng các thiết bị máy móc đặc thù liên quan của chuyên ngành hóa lý. Tập trung phát triển kỹ năng thực hành các nội dung như: nhiệt động, động hóa, điện hóa học, hóa keo.	1	HK8	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
36	Phân tích hóa học	Nghiên cứu một số định luật cơ sở của hóa học áp dụng cho các hệ trong dung dịch chất điện li và nghiên cứu các phản ứng chính xảy ra trong các dung dịch: phản ứng acid – base, phản ứng oxi hóa – khử, phản ứng tạo phức chất, phản ứng tạo hợp chất ít tan.	4	HK4	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
37	Thực hành hóa học phân tích định tính	Giải thích và đề xuất được qui trình nhận biết các ion trong dung dịch; bồi dưỡng kỹ năng thực hành phân tích định tính trong hóa học: phương pháp lấy thuốc thử để nghiên cứu, kỹ năng tiến hành phản ứng, phương pháp quan sát hiện tượng, tạo kết tủa hoàn toàn, ly tâm để tách kết tủa, rửa kết tủa, nhận biết đúng điểm cuối chuẩn độ; đồng thời biết vận dụng được lý thuyết cân bằng ion để dự đoán, giải thích các hiện tượng thực nghiệm.	2	HK5	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
38	Thực hành Hóa học phân	Nghiên cứu về phân tích định lượng các chất trong dung dịch bằng các phương pháp	1	HK6	Chuyên cần: 10%



**Biểu mẫu 18***(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT**ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)*

	tích định lượng	phân tích thể tích (chuẩn độ axit – bazơ, chuẩn độ tạo phức, chuẩn độ kết tủa, chuẩn độ oxi hóa – khử). Giúp sinh viên hình thành tác phong làm việc khoa học thực nghiệm: cẩn thận, chính xác và trung thực; xây dựng được phương pháp tự học, tự nghiên cứu khoa học			Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
39	Phương pháp xử lý số liệu thực nghiệm	Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về các phương pháp thống kê, xử lý số liệu trong quá trình thực nghiệm. Từ đó, đưa ra kế hoạch nghiên cứu và đánh giá kết quả nghiên cứu. Những kiến thức này giúp sinh viên, người làm thực nghiệm loại bỏ được các sai số gặp phải, mang lại kết quả chính xác bằng xử lý thống kê toán học.	4	HK5	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
40	Hóa học vô cơ	Cung cấp những kiến thức về tổng quan của sự biến đổi các đặc trưng của các nguyên tố theo phân nhóm trong bảng hệ thống tuần hoàn; về cấu tạo, thành phần, tính chất vật lý và hoá học của các đơn chất và hợp chất của các nguyên tố điển hình. Ngoài ra còn cung cấp các kiến thức về trạng thái tự nhiên; ứng dụng; vai trò sinh học; mối liên hệ giữa cấu tạo nguyên tử với các tính chất; phương pháp điều chế trong phòng thí nghiệm và trong sản xuất công nghiệp của một số đơn chất và hợp chất quan trọng, thường gặp trong bảng hệ thống tuần hoàn.	4	HK2	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
41	Thực hành hóa học vô cơ	Cung cấp kiến thức về kỹ năng sử dụng các dụng cụ, hoá chất, thiết bị, máy móc liên quan để tiến hành các thí nghiệm cơ bản liên quan đến tính chất, điều chế các đơn chất và một số hợp chất điển hình của các nguyên tố trong Bảng Hệ thống tuần hoàn, thông qua các thí nghiệm lượng nhỏ, tổng hợp hợp chất vô cơ lượng lớn. Vận dụng kiến thức lý thuyết Hoá vô cơ để giải quyết được các vấn	2	HK3	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%

**Biểu mẫu 18***(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT**ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)*

		đề xảy ra khi tiến hành thực nghiệm như giải thích được các hiện tượng hoá học kèm theo.			
42	Cơ sở lý thuyết hóa học vô cơ	Cung cấp những kiến thức về phản ứng axit-bazo, phản ứng oxi hóa khử và vận dụng cơ sở các thuyết liên kết hóa học để giải thích sự hình thành các chất; vận dụng cơ sở của nhiệt động học để xét chiều hướng diễn biến và tốc độ phản ứng trong hoá học vô cơ và giải thích được những yếu tố ảnh hưởng đến lực acid và base, phân biệt lực acid và base theo các thuyết trong dung môi.	2	HK6	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
43	Hóa học công nghệ - môi trường	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về sản xuất trong công nghiệp, từ quá trình lấy nguyên liệu đến quá trình sản xuất tạo ra sản phẩm và các kiến thức cơ bản về môi trường, sự ô nhiễm môi trường, bảo vệ môi trường, quản lý môi trường, giáo dục môi trường, một số công nghệ xử lý môi trường cơ bản.	2	HK5	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
44	Thực hành hóa công nghệ - Thực tế chuyên môn	Trang bị cho sinh viên kiến thức về một số quy trình sản xuất đạt an toàn cho thực phẩm và môi trường xung quanh. Đặc biệt là kiểm định được quy trình xử lý nước thải của một số nhà máy trên địa bàn tỉnh nhà và các tỉnh lân cận.	2	HK6	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
45	Lý thuyết hóa học hữu cơ	Cung cấp những kiến thức chuyên sâu về các phần đại cương hợp chất hữu cơ như cấu trúc không gian của phân tử, cấu trúc electron của phân tử, hiệu ứng cấu trúc của phân tử, bản chất các liên kết, các yếu tố ảnh hưởng đến tính acid-base của hợp chất hữu cơ và nghiên cứu các cơ chế phản ứng chính trong hóa hữu cơ (phản ứng thế, phản ứng cộng, phản ứng tách, phản ứng chuyển vị) về các khía cạnh: đặc điểm phản ứng, hóa	2	HK6	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%

**Biểu mẫu 18**

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

		học lập thể của phản ứng, các yếu tố ảnh hưởng đến cơ chế phản ứng.			
46	Hóa học hữu cơ 1	Cung cấp các kiến thức cơ bản và hiện đại mang tính chất đại cương về hóa hữu cơ và về bản chất của các chất hữu cơ: cấu trúc phân tử, hiện tượng đồng phân, các hiệu ứng, mối quan hệ giữa cấu tạo và tính chất, khái quát về cơ chế phản ứng hữu cơ; đặc điểm chung và các phương pháp tổng hợp, điều chế các hợp chất hữu cơ, nguyên tắc chung về danh pháp hữu cơ, trạng thái tự nhiên, tính chất lí học, hóa học, ứng dụng, phương pháp điều chế trong phòng thí nghiệm và trong sản xuất công nghiệp của các chất: hydrocarbon no, không no, thơm, dẫn xuất halogen, alcohol và ether.	2	HK3	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
47	Thực hành hóa học hữu cơ	Phần 1: Giới thiệu dụng cụ và hướng dẫn những kĩ năng cần thiết cho thực nghiệm; các thí nghiệm hóa học lượng nhỏ cơ bản để nhận biết chất định tính và nghiên cứu các tính chất hóa học của các hợp chất hydrocarbon, alcohol, phenol, ether, acid carboxylic, ester, glucit, protide... Phần 2: Thực hành các bài điều chế lượng lớn: Người học tiến hành xác định chất tổng hợp bằng phương pháp định tính và định lượng, sử dụng các biện pháp để tinh chế sản phẩm thu được nhằm nâng cao hiệu suất phản ứng.	2	HK6	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
48	Hóa học hữu cơ 2	Cung cấp các kiến thức về đặc điểm cấu tạo phân tử, trạng thái tự nhiên, tính chất vật lí và tính chất hóa học, mối quan hệ giữa cấu tạo và tính chất, các phương pháp điều chế trong phòng thí nghiệm và trong sản xuất công nghiệp, ứng dụng thực tiễn của các hợp chất hữu cơ đơn chức, đa chức và tạp chức, bao gồm: aldehyde-ketone, acid carboxylic và dẫn xuất của acid carboxylic,	3	HK4	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%

**Biểu mẫu 18**

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

		amine-muối diazonium, carbohydrate, amino acid-peptide, polymer.			
49	Hóa học hữu cơ 3	Cung cấp các kiến thức về đặc điểm cấu tạo phân tử, trạng thái tự nhiên, tính chất vật lí và tính chất hóa học, mối quan hệ giữa cấu tạo và tính chất, các phương pháp điều chế trong phòng thí nghiệm và trong sản xuất công nghiệp, ứng dụng thực tiễn của các hợp chất hữu cơ đơn chức, đa chức và tạp chức, bao gồm: aldehyde-ketone, acid carboxylic và dẫn xuất của acid carboxylic, amine-muối diazonium, carbohydrate, amino acid-peptide, polymer.	2	HK5	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
50	Hóa học lập thể	Cung cấp cho người học những hiểu biết sâu hơn về cấu trúc không gian của phân tử các chất hữu cơ, mối quan hệ giữa cấu trúc không gian và hoạt tính sinh lý của các chất hữu cơ, từ đó khảo sát hóa lập thể của các phản ứng hữu cơ.	2	HK7	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
51	Tổng hợp hữu cơ	Trình bày các nguyên lý cơ bản và các phương pháp chuyển hóa qua lại giữa các nhóm chức. Các phản ứng hữu cơ cơ bản và cơ chế của các loại phản ứng thế, phản ứng cộng, phản ứng oxi hóa – khử, các nhóm bảo vệ, ... để chuyển hóa nhóm chức và tạo liên kết cacbon-cacbon mới được nghiên cứu chi tiết.	2	HK7	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
52	Danh pháp hợp chất hữu cơ	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản và nâng cao của các nội dung danh pháp của các hợp chất hữu cơ theo IUPAC ( <i>International Union of Pure and Applied Chemistry</i> ).	2	HK7	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
53	Hợp chất thiên nhiên	Cung cấp kiến thức cơ bản về những hợp chất có nguồn gốc thiên nhiên, cô lập được	2	HK7	Chuyên cần: 10%

**Biểu mẫu 18**

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

		từ thực vật, động vật không xương sống, động vật dưới nước và các loại nấm, với tính chất chung là những chất biến dưỡng thứ cấp.			Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
54	Các phương pháp phổ ứng dụng trong hóa học	Trang bị cho sinh viên các kiến thức liên quan tới các phương pháp vật lí ứng dụng trong Hóa học như phương pháp phổ quay; phổ hồng ngoại và phổ Raman; phổ tử ngoại và khả kiến; phổ cộng hưởng từ hạt nhân và phổ khối lượng. Rèn luyện cho sinh viên các kĩ năng nghiên cứu khoa học, các kĩ năng tư duy về giải bài tập và cách đọc, phân tích... bằng các phương pháp vật lí ứng dụng trong hóa học hữu cơ để xác định công thức phân tử, cấu trúc hóa học của các hợp chất.	2	HK8	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
55	Ngoại ngữ chuyên ngành	Cung cấp cho sinh viên các từ vựng phổ thông chuyên ngành Hoá học về các chủ đề Hoá học phổ thông. Nâng cao khả năng đọc và dịch Tiếng Anh chuyên ngành Hoá học. Sinh viên sử dụng Tiếng Anh để tìm kiếm các tài liệu chuyên ngành. Trình bày các thí nghiệm và phản ứng Hoá học bằng Tiếng Anh. Sinh viên hiểu được các định luật, các quy tắc và một số quy trình sản xuất Hoá học được trình bày bằng tiếng Anh. Vận dụng Tiếng Anh chuyên ngành để giảng dạy các nội dung Hoá học ở trường phổ thông.	2	HK7	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
56	Hóa học các quá trình xúc tác	Cung cấp cho người học những hiểu biết sâu hơn về cấu trúc không gian của phân tử các chất hữu cơ, mối quan hệ giữa cấu trúc không gian và hoạt tính sinh lý của các chất hữu cơ, từ đó khảo sát hóa lập thể của các phản ứng hữu cơ.	2	HK8	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%

**Biểu mẫu 18**

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

57	Phương pháp tách trong hóa học	Trình bày các nguyên lý cơ bản và các phương pháp chuyển hóa qua lại giữa các nhóm chức. Các phản ứng hữu cơ cơ bản và cơ chế của các loại phản ứng thế, phản ứng cộng, phản ứng oxi hóa – khử, các nhóm bảo vệ, ... để chuyển hóa nhóm chức và tạo liên kết cacbon-cacbon mới được nghiên cứu chi tiết.	2	HK7	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
58	Phân tích cấu trúc của vật liệu	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản và nâng cao của các nội dung danh pháp của các hợp chất hữu cơ theo IUPAC ( <i>International Union of Pure and Applied Chemistry</i> ).	2	HK7	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
59	Phân tích sắc kí	Cung cấp kiến thức cơ bản về những hợp chất có nguồn gốc thiên nhiên, cô lập được từ thực vật, động vật không xương sống, động vật dưới nước và các loại nấm, với tính chất chung là những chất biến dưỡng thứ cấp.	2	HK7	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
60	Phân tích cấu trúc hợp chất hữu cơ	Trang bị cho sinh viên các kiến thức liên quan tới các phương pháp vật lí ứng dụng trong Hóa học như phương pháp phổ quay; phổ hồng ngoại và phổ Raman; phổ tử ngoại và khả kiến; phổ cộng hưởng từ hạt nhân và phổ khối lượng. Rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng nghiên cứu khoa học, các kỹ năng tư duy về giải bài tập và cách đọc, phân tích... bằng các phương pháp vật lí ứng dụng trong hóa học hữu cơ để xác định công thức phân tử, cấu trúc hóa học của các hợp chất.	2	HK7	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
61	Ngoại ngữ chuyên ngành	Cung cấp cho sinh viên các từ vựng phổ thông chuyên ngành Hoá học về các chủ đề Hoá học phổ thông. Nâng cao khả năng đọc và dịch Tiếng Anh chuyên ngành Hoá học.	2	HK7	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10%

**Biểu mẫu 18**

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

		Sinh viên sử dụng Tiếng Anh để tìm kiếm các tài liệu chuyên ngành. Trình bày các thí nghiệm và phản ứng Hoá học bằng Tiếng Anh. Sinh viên hiểu được các định luật, các quy tắc và một số quy trình sản xuất Hoá học được trình bày bằng tiếng Anh. Vận dụng Tiếng Anh chuyên ngành để giảng dạy các nội dung Hoá học ở trường phổ thông.			Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
62	Hóa học tinh thể	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ô mạng cơ sở, cấu trúc tinh thể, mười bốn kiểu mạng Bravais và các kiểu cấu trúc mạng tinh thể, cũng như tính chất thông thường của các tinh thể.	2	HK7	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
63	Tổng hợp vô cơ	Cung cấp những kiến thức cơ bản và nâng cao về công nghệ sản xuất các chất vô cơ. Và giới thiệu các quá trình điển hình trong kỹ thuật sản xuất các chất vô cơ và các quy trình sản xuất một số chất vô cơ cơ bản trong công nghiệp.	2	HK7	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
64	Hợp chất cơ nguyên tố	Cung cấp một cách hệ thống những kiến thức về cấu trúc phân tử, tính chất hóa học, các phương pháp điều chế của các hợp chất cơ nguyên tố.	2	HK7	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
65	Hóa học phức chất	Hiểu về các hợp chất phối trí. Đây là hợp chất tồn tại phổ biến trong hoá vô cơ nên là một trong các môn học chủ yếu của hoá học vô cơ hiện đại. Học phân giải thích các thuyết về cấu tạo cũng như sự tồn tại của phức chất, các phương pháp nghiên cứu phức chất.	2	HK7	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 %

**Biểu mẫu 18**

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

					Thi cuối kỳ: 70%
66	Hóa học các nguyên tố hiếm	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về khái niệm nguyên tố hiếm; các nguyên tố hiếm bộ s, p và d. Ngoài ra học phần này còn bao gồm tính chất của các đơn chất; thành phần và tính chất của các hợp chất; trạng thái thiên nhiên và phương pháp điều chế các nguyên tố đất hiếm; phương pháp tách riêng từng nguyên tố.	2	HK8	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
67	Ngoại ngữ chuyên ngành	Cung cấp cho sinh viên các từ vựng phổ thông chuyên ngành Hoá học về các chủ đề Hoá học phổ thông. Nâng cao khả năng đọc và dịch Tiếng Anh chuyên ngành Hoá học. Sinh viên sử dụng Tiếng Anh để tìm kiếm các tài liệu chuyên ngành. Trình bày các thí nghiệm và phản ứng Hoá học bằng Tiếng Anh. Sinh viên hiểu được các định luật, các quy tắc và một số quy trình sản xuất Hoá học được trình bày bằng tiếng Anh. Vận dụng Tiếng Anh chuyên ngành để giảng dạy các nội dung Hoá học ở trường phổ thông.	2	HK7	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
	Khóa luận tốt nghiệp	Cung cấp cho sinh viên các nội dung về viết tổng quan nghiên cứu, lựa chọn phương pháp và tổ chức thực nghiệm, tiến hành thực nghiệm và đánh giá kết quả đạt được. Sau khi học xong học phần này sinh viên có thể tổ chức, giải quyết một vấn đề nghiên cứu thông qua làm thực nghiệm hoặc thiết kế. Sinh viên có thể viết được bài báo khoa học hoàn thiện.	5	HK8	
68	Cơ chế phản ứng hữu cơ	Cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản của cấu trúc không gian của phân tử, hoá học lập thể, các loại hiệu ứng cấu trúc, các tiêu phân trung gian của phản ứng hữu cơ, các phương pháp xác định cơ chế của phản ứng hữu cơ, đặc điểm cơ chế, hoá lập thể và các yếu tố ảnh hưởng đến cơ chế phản ứng trong hoá hữu cơ như: phản ứng thế ở	2	HK8	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%



**Biểu mẫu 18**

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

		nguyên tử cacbon no; phản ứng cộng và thế ở nhân thơm; phản ứng cộng vào liên kết bội cacbon-cacbon và nhóm cacbonyl; phản ứng tách tạo liên kết bội cacbon-cacbon; phản ứng oxi hoá-khử và một số phản ứng chuyển vị.			
69	Phân tích – xử lí môi trường	Trang bị cho người học các kỹ năng lấy mẫu môi trường không khí, lấy mẫu nước và mẫu đất, các cách bảo quản mẫu. Ngoài ra học phần này trang bị cho người học các phương pháp phân tích cơ bản để phân tích các chỉ số về môi trường sử dụng trong quan trắc nhằm biết thông tin để đưa ra phương pháp xử lý, đồng thời cung cấp thông tin cho nhà quản lý hoạch định chính sách về môi trường. Giúp cho người học có ý thức bảo vệ môi trường nhằm cải thiện điều kiện vật chất, điều kiện sống tốt hơn, tăng tính đa dạng sinh học. Có ý nghĩa cao hơn là nhận thức của con người, sự tự giác, lòng trân trọng của con người đối với vấn đề cải tạo môi trường và bảo vệ môi trường.	3	HK8	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%

**6. NGÀNH SƯ PHẠM NGŨ VĂN (7140217)**

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Triết học Mac Lenin	Học phần Triết học Mác - Lênin là học phần cung cấp thế giới quan khoa học và phương pháp luận biện chứng cho sinh viên, giúp sinh viên phát triển năng lực tư duy biện chứng và có khả năng vận dụng các nguyên lý, nguyên tắc phương pháp luận triết học vào trong thực tiễn cuộc sống; xác lập được phẩm chất đạo đức cách mạng, có lập trường tư tưởng chính trị vững vàng.	3	HK 2	

**Biểu mẫu 18**  
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
2	Kinh tế Chính trị Mac Lenin	<p>Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin là một trong ba bộ phận lý luận cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin. Kiến thức của học phần này kết hợp với kiến thức của học phần Triết học Mác - Lênin và học phần chủ nghĩa xã hội khoa học sẽ giúp sinh viên có được hệ thống tri thức cơ bản, cốt lõi của chủ nghĩa Mác - Lênin. Đây sẽ là kiến thức nền tảng để sinh viên có thể học tập tốt các học phần khác như Tư tưởng Hồ Chí Minh và Lịch sử đảng Cộng sản Việt Nam.</p>	2	HK 3	
3	Chủ Nghĩa xã hội Khoa học	<p>Chủ nghĩa xã hội khoa học là một môn khoa học lý luận chính trị, một trong ba bộ phận hợp thành chủ nghĩa Mác - Lênin. Chủ nghĩa xã hội là chủ nghĩa Mác - Lênin, luận giải trên góc độ triết học, kinh tế chính trị - xã hội về quy luật chính trị - xã hội của tiến trình lịch sử quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa cộng sản trên phạm vi toàn thế giới.</p>	2	HK 4	
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	<p>Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh; Về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; Tư tưởng Hồ Chí Minh về: Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; Đại đoàn kết</p>	2	HK 5	

**Biểu mẫu 18**  
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		dân tộc và đoàn kết quốc tế; Văn hóa, đạo đức, con người.			
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Học phần trang bị cho sinh viên sự hiểu biết về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam	2	HK 6	
6	Tin học đại cương	Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng cơ bản để làm việc trên máy tính. Kiến thức của học phần là kiến thức nền giúp cho sinh viên dễ dàng tiếp cận, học tập các học phần khác có sử dụng máy tính. Ngoài ra sinh viên còn có khả năng sử dụng máy tính làm công cụ học tập và sưu tầm tài liệu giúp cho hiệu quả học tập được nâng cao hơn.	3	HK 2	
7	Ngoại ngữ không chuyên 1 (tiếng Anh/ tiếng Trung)	Học phần Tiếng Anh 1 là điều kiện tiên quyết để học các học phần Tiếng Anh 2 và Tiếng Anh 3. - Học phần tiếng Anh 1 cung cấp kiến thức và kỹ năng tiếng Anh ở trình độ sơ cấp nhằm giúp người học có thể hiểu và sử dụng các cấu trúc ngữ pháp và từ ngữ cơ bản đáp ứng nhu cầu giao tiếp và trình bày về các chủ đề cuộc sống hàng ngày: thông tin cá nhân, thói quen, nhu cầu, sở thích, hỏi đáp về những thông tin đơn giản. Học phần Tiếng Trung 1 cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền	2	HK 2	- Đánh giá quá trình: 15% - Đánh giá giữa kỳ: 25% - Đánh giá cuối kỳ: 60%

**Biểu mẫu 18***(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT**ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)*

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		tảng về ngữ âm – văn tự – từ vựng của tiếng Hán hiện đại, là điều kiện tiên quyết để sinh viên học tiếp các học phần tiếng Trung cơ bản 2 và 3. Học phần được thiết kế với thời lượng 02 tín chỉ, tương đương 30 tiết thực học. Học phần này sẽ giúp sinh viên nắm vững các chuẩn kiến thức ngôn ngữ.			
8	Ngoại ngữ không chuyên 2 (Tiếng Anh/Tiếng Trung)	<p>Học phần Tiếng Anh 2 là điều kiện tiên quyết để học tiếp học phần Tiếng Anh 3. Học phần cung cấp kiến thức và kỹ năng tiếng Anh ở trình độ sơ cấp nhằm giúp người học có thể hiểu, sử dụng các cấu trúc ngữ pháp; các từ ngữ cơ bản đáp ứng nhu cầu giao tiếp và trình bày về các chủ đề liên quan đến hoạt động trong thời gian rảnh rỗi, ăn uống, tiền tệ, cách phân biệt giữa tiếng Anh của người Anh và tiếng Anh của người Mỹ.</p> <p>Học phần Tiếng Trung 2 này là học phần nối tiếp với học phần tiếng Trung CB 1, cung cấp cho sinh viên những kiến thức về từ vựng – ngữ pháp, giúp sinh viên từng bước rèn luyện và hoàn thiện các kỹ năng ngôn ngữ. Học phần này cung cấp cho sinh viên khoảng 120 từ vựng, 45 mẫu câu và 14 điểm ngữ pháp.</p>	2	HK 3	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá quá trình: 15%</li> <li>- Đánh giá giữa kỳ: 25%</li> <li>- Đánh giá cuối kỳ: 60%</li> </ul>
9	Ngoại ngữ không chuyên 3 (Tiếng Anh/	Học phần Tiếng Anh 3 cung cấp kiến thức và kỹ năng tiếng Anh ở trình độ trung cấp nhằm giúp người học có thể hiểu, sử dụng các cấu trúc	3	HK 4	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá quá trình: 15%</li> <li>- Đánh giá giữa kỳ: 25%</li> </ul>

**Biểu mẫu 18**  
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	Tiếng Trung)	<p>ngữ pháp; các từ ngữ nâng cao nhằm đáp ứng nhu cầu giao tiếp và trình bày về các chủ đề liên quan đến các lĩnh vực khoa học, công nghệ, ngành du lịch, môi trường trên trái đất. English 3 giúp người học củng cố lại những kiến thức về cấu trúc ngữ pháp và vốn từ vựng Tiếng Anh giao tiếp đã học ở học phần English 1, English 2, đồng thời mở rộng kiến thức giao tiếp ở trình độ sơ cấp.</p> <p>Học phần tiếng Trung 3 cung cấp cho sinh viên những kiến thức về từ vựng – ngữ pháp ở giai đoạn tiền trung cấp, giúp sinh viên tiếp tục rèn luyện và hoàn thiện các kỹ năng ngôn ngữ. Học phần này cung cấp cho sinh viên khoảng 200 từ vựng, 72 mẫu câu và 28 điểm ngữ pháp. Môn học giúp sinh viên rèn luyện phát âm rõ ràng chuẩn xác cũng như khả năng đọc hiểu các từ ngữ, đoạn văn ngắn thuộc các chủ đề đã học.</p>			- Đánh giá cuối kỳ: 60%
10	Pháp luật đại cương	<p>Học phần Pháp luật đại cương là môn học thuộc Khối kiến thức giáo dục đại cương; cung cấp kiến thức mang tính lý luận cơ bản về Nhà nước và Pháp luật; một số kiến thức về pháp luật thực định liên quan đến đời sống lao động, sản xuất của công dân; nâng cao văn hoá pháp lý cho người học; hỗ trợ người học lựa chọn hành vi xử sự đúng pháp luật; biết tôn trọng kỷ luật học đường, kỷ cương xã hội, góp phần thực hiện mục tiêu đào</p>	2	HK 3	

**Biểu mẫu 18**

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		tạo và hoàn thiện nhân cách cho người học, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa (XHCN) của dân, do dân, vì dân; nâng cao ý thức tự giác thực hiện pháp luật, có thái độ bảo vệ tính đúng đắn, tính nghiêm minh và tính công bằng của pháp luật.			
11	Giáo dục thể chất	Mục tiêu của giáo dục thể chất (GDTC) trong các trường Đại học là góp phần thực hiện mục tiêu đào tạo đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật, quản lý kinh tế và văn hoá xã hội; phát triển hài hoà về thể lực và tư duy, phát triển các năng lực chăm sóc sức khỏe, vận động cơ bản và thể dục thể thao, nhằm phát triển các tố chất thể lực của sinh viên; có những phẩm chất tốt đẹp và năng lực cần thiết để trở thành người hữu dụng có thể chất cường tráng sẵn sàng đáp ứng tốt theo yêu cầu xã hội.	3	HK	
12	Giáo dục quốc phòng	Nhằm trang bị cho sinh viên những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; quán triệt quan điểm của Đảng về xây dựng nền Quốc phòng toàn dân - an ninh nhân dân; xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân; tiến hành chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN. Những	3	HK	

**Biểu mẫu 18**

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		hiểu biết về lịch sử nghệ thuật đánh giặc của ông cha ta và nghệ thuật quân sự Việt Nam từ khi có Đảng, các nội dung về xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển đảo; xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc và những vấn đề cơ bản về an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội.			
13	Thực hành văn bản tiếng Việt	Nội dung học phần chủ yếu là những kiến thức cơ bản về văn bản và giao tiếp bằng văn bản. Bên cạnh việc nhắc lại kiến thức học phần cung cấp một hệ thống các bài tập thực hành nhằm rèn luyện kỹ năng tạo lập văn bản và giao tiếp bằng văn bản cho người học.	2	HK 1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá quá trình: 15%</li> <li>- Đánh giá giữa kỳ: 25%</li> <li>- Đánh giá cuối kỳ: 60%</li> </ul>
14	Dẫn luận ngôn ngữ học	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, cập nhật về ngôn ngữ học như bản chất và chức năng của ngôn ngữ, tính hệ thống của ngôn ngữ, nguồn gốc và sự phát triển của ngôn ngữ, phân loại ngôn ngữ. Học phần giúp SV làm quen một số đơn vị ngôn ngữ, quan hệ ngôn ngữ, phạm trù ngôn ngữ cơ bản. Những kiến thức cơ bản của học phần là nền tảng cho việc đi sâu vào nghiên cứu ngôn ngữ nói chung và tiếng Việt nói riêng.	2	HK 1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá quá trình: 15%</li> <li>- Đánh giá giữa kỳ: 25%</li> <li>- Đánh giá cuối kỳ: 60%</li> </ul>
15	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Học phần trang bị cho sinh viên các khái niệm, định nghĩa văn hóa và các khái niệm có liên quan. Mối quan hệ và tác động của môi trường tự nhiên, xã hội với văn hóa Việt Nam;	2	HK 1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá quá trình: 15%</li> <li>- Đánh giá giữa kỳ: 25%</li> </ul>

**Biểu mẫu 18**  
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		kiến thức về giao lưu tiếp xúc văn hóa và quá trình giao lưu tiếp xúc của văn hóa Việt Nam trong tiến trình lịch sử.			- Đánh giá cuối kỳ: 60%
16	Mỹ học đại cương	Nội dung học phần bao gồm những kiến thức mang tính tổng quát về Mỹ học theo quan điểm Mác – Lê nin với những vấn đề cơ bản như quan hệ thẩm mỹ, chủ thể thẩm mỹ, khách thể thẩm mỹ và nghệ thuật. Đồng thời học phần còn cung cấp cho người học những kiến thức về các loại hình nghệ thuật, một trong những vấn đề quan trọng của Mỹ học. Từ đó học phần góp phần xây dựng nên những quan điểm chung về giáo dục thẩm mỹ cho người học.	2	HK 2	- Đánh giá quá trình: 15% - Đánh giá giữa kỳ: 25% - Đánh giá cuối kỳ: 60%
17	Nhập môn Lý luận văn học	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức lí luận văn học cơ bản về bản chất, đặc trưng và chức năng của văn học; từ đó giúp cho sinh viên hình thành hệ thống quan điểm và những nguyên tắc tiếp cận các hình tượng văn học nghệ thuật.  <b>nhận văn học</b>	3	HK 1	- Đánh giá quá trình: 15% - Đánh giá giữa kỳ: 25% - Đánh giá cuối kỳ: 60%
18	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về lí luận và những yêu cầu thực hành bằng các bài tập, các nội dung thảo luận cụ thể cho người học về hoạt động nghiên cứu khoa học nói chung và nghiên cứu khoa học chuyên ngành Ngữ Văn nói riêng. Cấu trúc học phần gồm 2 phần:	2	HK 3	- Đánh giá quá trình: 15% - Đánh giá giữa kỳ: 25% - Đánh giá cuối kỳ: 60%



**Biểu mẫu 18**  
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Phần 1 là Phương pháp nghiên cứu khoa học; Phần 2 là Phương pháp nghiên cứu chuyên ngành Ngữ Văn.			
19	Tâm lý học đại cương	Học phần Tâm lý học đại cương cung cấp kiến thức về bản chất của hiện tượng tâm lý người; hoạt động, giao tiếp đối với sự hình thành và phát triển tâm lý, ý thức; hoạt động nhận thức, trí nhớ, tình cảm, hành động ý chí và nhân cách. Từ những kiến thức đó sinh viên liên hệ để giải thích hiện tượng tâm lý trong học tập và trong cuộc sống, rèn luyện tâm lý và nhân cách. Đồng thời hình thành phát triển kỹ năng thấu hiểu, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình thông qua giải quyết nhiệm vụ học tập môn tâm lý học đại cương.	2	HK 1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá quá trình: 15%</li> <li>- Đánh giá giữa kỳ: 25%</li> <li>- Đánh giá cuối kỳ: 60%</li> </ul>
20	Giáo dục học	Giáo dục học đại cương là học phần tiên quyết của việc đào tạo sinh viên sư phạm. Giáo dục học nghiên cứu về sự hình thành, phát triển, bản chất, các quy luật và kinh nghiệm của quá trình hình thành nhân cách của con người. Việc được học tập môn học này là hết sức quan trọng đối với sinh viên sư phạm, hình thành những kinh nghiệm, hiểu biết có tính chất nền tảng của việc giáo dục con người và nghề giáo.	2	HK 1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá quá trình: 15%</li> <li>- Đánh giá giữa kỳ: 25%</li> <li>- Đánh giá cuối kỳ: 60%</li> </ul>
21	Văn học dân gian Việt Nam	Học phần Văn học dân gian Việt Nam bao gồm Văn học dân gian người Kinh và văn học dân gian các dân tộc ít người. Nội dung của học	3	HK 2	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá quá trình: 15%</li> <li>- Đánh giá giữa kỳ: 25%</li> </ul>

**Biểu mẫu 18**  
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		phần được tìm hiểu qua khái niệm văn học dân gian, đặc trưng của văn học dân gian, tiến trình lịch sử văn học dân gian, các thể loại của văn học dân gian, nội dung đặc trưng của từng thể loại văn học dân gian.			- Đánh giá cuối kỳ: 60%
22	Văn học Việt Nam trung đại I (từ thế kỉ X đến cuối thế kỉ XVII)	Học phần cung cấp những kiến thức khái quát về sự phát triển của văn học trung đại Việt Nam từ thế kỉ X đến cuối thế kỉ XVII: Các bộ phận văn học, các giai đoạn phát triển, những thể loại chính, những nội dung chính, những tư tưởng thẩm mỹ chủ đạo; các tác gia tiêu biểu; việc dùng chữ Hán, chữ Nôm trong sáng tác văn học; rèn luyện kĩ năng tiếp cận và phân tích tác phẩm văn học trung đại Việt Nam.	3	HK 3	- Đánh giá quá trình: 15% - Đánh giá giữa kỳ: 25% - Đánh giá cuối kỳ: 60%
23	Văn học Việt Nam trung đại II (từ thế kỉ XVIII đến hết thế kỉ XIX)	Học phần cung cấp những tri thức cơ bản về văn học dân tộc từ thế kỷ XVIII đến hết thế kỷ XIX. Nội dung bao gồm trào lưu nhân đạo chủ nghĩa, những thành tựu lớn ở cả sáng tác bằng chữ Hán, sáng tác bằng chữ Nôm ở thể loại vay mượn và nhất là ở các sáng tác bằng chữ Nôm thuộc thể loại thuần túy dân tộc. Những nội dung này được đề cập cụ thể thông qua việc tìm hiểu các tác gia, tác phẩm tiêu biểu của giai đoạn văn học này.	3	HK 4	- Đánh giá quá trình: 15% - Đánh giá giữa kỳ: 25% - Đánh giá cuối kỳ: 60%
24	Văn học Việt Nam hiện	Nội dung của học phần gồm kiến thức về những vấn đề chung của văn học Việt Nam giai đoạn từ đầu thế kỷ	3	HK 5	- Đánh giá quá trình: 15%

**Biểu mẫu 18**  
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	đại từ 1900 đến 1945	XX đến 1945: Quá trình hiện đại hóa văn học, diện mạo, quy luật vận động và đặc điểm cơ bản, những khuynh hướng và bộ phận chính của văn học thời kỳ này.			- Đánh giá giữa kỳ: 25% - Đánh giá cuối kỳ: 60%
25	Văn học Việt Nam hiện đại từ 1945 đến 1975	Nội dung học phần bao gồm những kiến thức mang tính khái quát văn học Việt Nam giai đoạn 1945 – 1975 như: các chặng đường phát triển văn học, những đặc điểm cơ bản và thành tựu chính của văn học Việt Nam giai đoạn này. Ngoài ra học phần còn đi tìm hiểu một số tác giả tiêu biểu ở các thể loại trong văn xuôi và thơ giai đoạn này.	3	HK 6	- Đánh giá quá trình: 15% - Đánh giá giữa kỳ: 25% - Đánh giá cuối kỳ: 60%
26	Văn học Việt Nam hiện đại từ sau 1975	Nội dung học phần bao gồm những kiến thức mang tính khái quát văn học Việt Nam giai đoạn 1945 – 1975 như: các chặng đường phát triển văn học, những đặc điểm cơ bản và thành tựu chính của văn học Việt Nam giai đoạn này. Ngoài ra học phần còn đi tìm hiểu những đổi mới cơ bản về khuynh hướng, về quan niệm văn xuôi, quan niệm hiện thực, quan niệm con người trong văn xuôi và thơ từ sau 1975.	3	HK 7	- Đánh giá quá trình: 15% - Đánh giá giữa kỳ: 25% - Đánh giá cuối kỳ: 60%
27	Tác phẩm và thể loại văn học	Học phần bao gồm những đơn vị kiến thức cơ bản về Lý luận văn học, đặc biệt ở phương diện Tác phẩm và thể loại văn học. Nội dung học phần tập trung làm rõ các vấn đề có liên quan đến tác phẩm và thể loại văn học. Xem tác phẩm như một chỉnh	3	HK 5	- Đánh giá quá trình: 15% - Đánh giá giữa kỳ: 25% - Đánh giá cuối kỳ: 60%

**Biểu mẫu 18**  
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		thể trung tâm của văn học, học phân tập trung khảo sát các phương diện thuộc tác phẩm như đề tài, chủ đề, nội dung tư tưởng, nhân vật, kết cấu, ngôn từ nghệ thuật của tác phẩm văn học.			
28	Tiến trình văn học	Học phân trình bày các đơn vị kiến thức cốt lõi về khái niệm, quy luật vận động và phát triển của Tiến trình văn học (trong sự so sánh với Lịch sử văn học, Phê bình văn học), các phương pháp sáng tác trong văn học cận đại phương Tây, những kiến thức lý luận mới mẻ ở phương Tây, đặc biệt là lý luận Văn học Pháp. Cùng với đó, học phân cũng giới thiệu đến người học một cái nhìn khái quát về Tiến trình văn học nhân loại gắn liền với các trào lưu, phương pháp sáng tác điển hình, như chủ nghĩa Phục hưng, Chủ nghĩa Hiện thực, chủ nghĩa Hiện đại...	3	HK 6	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá quá trình: 15%</li> <li>- Đánh giá giữa kỳ: 25%</li> <li>- Đánh giá cuối kỳ: 60%</li> </ul>
29	Thực tế chuyên môn	Tham quan thực tế là một môn học thuộc khối kiến thức cơ sở ngành bắt buộc trong chương trình đào tạo sinh viên chuyên ngành Sư phạm Ngữ văn. Học phần giúp cho sinh viên tìm hiểu thực tế văn học ở các địa phương cũng như thực tế hoạt động giáo dục văn học ở nhà trường phổ thông thông qua tham quan thực tế, nghiên cứu văn bản, nghe báo cáo và thuyết trình về văn học tại địa phương cụ thể. Từ đó sinh viên hiểu	2	HK 6	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá quá trình: 15%</li> <li>- Đánh giá giữa kỳ: 25%</li> <li>- Đánh giá cuối kỳ: 60%</li> </ul>

**Biểu mẫu 18**  
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		rõ ngành nghề của mình, có thái độ tích cực và hướng tới hoàn thiện nhân cách nghề nghiệp.			
30	Văn học Tây Âu	Học phần bao gồm việc giới thiệu các thời kỳ lớn của văn học Tây Âu gắn với sự vận động của các trào lưu, khuynh hướng, các thể loại, các tác giả và tác phẩm tiêu biểu. Những nội dung trên được đề cập bằng những hình thức khác nhau (nghe giảng, tự soạn ở lớp hay ở nhà, thảo luận theo nhóm...) và được thực hiện theo phương pháp gợi mở để giúp sinh viên tự tìm tòi, khám phá và chủ động trong học tập. Việc học tập này được hỗ trợ bằng các khái niệm, phạm trù và các cách tiếp cận nghiên cứu từ các lí thuyết văn chương.	3	HK 3	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá quá trình: 15%</li> <li>- Đánh giá giữa kỳ: 25%</li> <li>- Đánh giá cuối kỳ: 60%</li> </ul>
31	Văn học Châu Mỹ	Học phần giới thiệu những tri thức cốt yếu về diện mạo, đặc điểm, các trào lưu văn học, các thể loại, một số các tác giả và các tác phẩm tiêu biểu của Văn học Châu Mỹ. Những nội dung trên được đề cập bằng những hình thức khác nhau (nghe giảng, tự soạn ở lớp hay ở nhà, thảo luận theo nhóm...) và được thực hiện theo phương pháp gợi mở, giúp sinh viên tự tìm tòi khám phá và chủ động trong học tập. Việc học tập này được hỗ trợ bằng các khái niệm, phạm trù và các cách tiếp cận nghiên cứu từ các lí thuyết văn chương.	2	HK 6	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá quá trình: 15%</li> <li>- Đánh giá giữa kỳ: 25%</li> <li>- Đánh giá cuối kỳ: 60%</li> </ul>

**Biểu mẫu 18***(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)*

<b>STT</b>	<b>Tên môn học</b>	<b>Mục đích môn học</b>	<b>Số tín chỉ</b>	<b>Lịch trình giảng dạy</b>	<b>Phương pháp đánh giá sinh viên</b>
32	Văn học Nga – Đông Âu	Học phần sẽ cung cấp cho sinh viên những kiến thức về văn học Nga và Đông Âu với trọng tâm là văn học Nga thế kỷ XIX, XX và một số tác giả, tác phẩm tiêu biểu của văn học các nước Đông Âu (căn cứ vào vị trí địa lí). Sinh viên sẽ thấy được những đặc điểm cơ bản, các khuynh hướng văn học và những thành tựu nổi bật của các giai đoạn văn học Nga. Ngoài ra, học phần còn cung cấp cho sinh viên những tác giả, tác phẩm nổi bật của một số nước Đông Âu như Cộng hoà Séc, Ba Lan, Ucraina hay Hungari.	3	HK 7	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá quá trình: 15%</li> <li>- Đánh giá giữa kỳ: 25%</li> <li>- Đánh giá cuối kỳ: 60%</li> </ul>
33	Văn học Trung Quốc	Học phần sẽ cung cấp cho sinh viên những kiến thức về tiến trình lịch sử văn học Trung Quốc từ thời trước Tần đến Hán, Đường, Minh, Thanh và thời hiện đại với các thành tựu tiêu biểu: Kinh thi, Sở từ, Sử ký, thơ Đường, tiểu thuyết Minh – Thanh, một số tác giả tác phẩm của văn học cận hiện đại và văn học đương đại. Sinh viên phải nắm vững kiến thức và ứng dụng được kiến thức trong quá trình dạy học sau này.	3	HK 4	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá quá trình: 15%</li> <li>- Đánh giá giữa kỳ: 25%</li> <li>- Đánh giá cuối kỳ: 60%</li> </ul>
34	Văn học Châu Á: Nhật Bản, Ấn Độ, Đông Nam Á	Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức về ba nền văn học lớn của nhân loại và Châu Á là Ấn Độ, Nhật Bản, một số quốc gia khu vực Đông Nam Á. Đây là ba nền văn học có ảnh hưởng lớn đến văn học thế giới, văn học Châu Á nói chung và văn học	2	HK 5	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá quá trình: 15%</li> <li>- Đánh giá giữa kỳ: 25%</li> <li>- Đánh giá cuối kỳ: 60%</li> </ul>

**Biểu mẫu 18**

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Việt Nam nói riêng. Học phần đi sâu giới thiệu một số đỉnh cao tiêu biểu, thẩm định những đặc sắc về nội dung tư tưởng và hình thức nghệ thuật của các tác phẩm lớn được tuyển dạy trong chương trình.			
35	Ngữ âm – từ vựng tiếng Việt	<p>Học phần được triển khai thành 2 phần:</p> <p>Phần 1 Giới thiệu vai trò của âm tiết trong tiếng Việt và thực tế sử dụng của người Việt đối với loại đơn vị ngôn ngữ này. Xác định hệ thống âm vị chuẩn tiếng Việt, và biến thể ngữ âm ở một số vùng địa phương lớn.</p> <p>Phần 2: Giới thiệu đặc điểm hình thức và đặc điểm nội dung của các đơn vị từ vựng tiếng Việt, trong đó chú ý đến cấu trúc ngữ nghĩa và hiện tượng chuyển nghĩa của từ ngữ.</p>	3	HK 2	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá quá trình: 15%</li> <li>- Đánh giá giữa kỳ: 25%</li> <li>- Đánh giá cuối kỳ: 60%</li> </ul>
36	Ngữ pháp và ngữ pháp văn bản tiếng Việt	<p>Học phần gồm hai nội dung chính:</p> <p>(1) Những vấn đề cơ bản về ngữ pháp và ngữ pháp tiếng Việt; (2) Những vấn đề cơ bản về ngữ pháp văn bản tiếng Việt. Cụ thể, học phần tập trung vào những vấn đề cơ bản như từ loại, ngữ đoạn, câu và các vấn đề liên quan như tiêu chí nhận diện, phân loại từ; cấu trúc, chức năng ngữ đoạn; cấu trúc câu tiếng Việt. Học phần cũng hướng tới việc phân tích, làm rõ cấu trúc của đoạn văn, văn bản; vấn đề liên kết, mạch lạc trong</p>	3	HK 3	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá quá trình: 15%</li> <li>- Đánh giá giữa kỳ: 25%</li> <li>- Đánh giá cuối kỳ: 60%</li> </ul>

**Biểu mẫu 18**  
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		đoạn văn, văn bản. Các vấn đề nêu trên được thảo luận dựa trên ngữ liệu tiếng Việt.			
37	Ngữ pháp chức năng	<p>Phần thứ nhất (dẫn luận): Mấy vấn đề lý thuyết chung như: Ngữ pháp chức năng là gì; Các mô hình lý thuyết ba bình diện trong ngôn ngữ học hiện đại; Câu; Cấu trúc chủ - vị; Cấu trúc Đề - Thuyết trong ngôn ngữ học hiện thời; Cấu trúc nghĩa của câu; Vài nét về dụng pháp</p> <p>Phần thứ hai: Câu trong tiếng Việt như: Cấu trúc cú pháp cơ bản; Các kiểu cấu trúc câu; câu trong văn bản (ngôn bản); Phân loại hình câu theo lực ngôn trung và theo nghĩa biểu hiện</p>	2	HK 5	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá quá trình: 15%</li> <li>- Đánh giá giữa kỳ: 25%</li> <li>- Đánh giá cuối kỳ: 60%</li> </ul>
38	Phong cách học tiếng Việt	Các kiến thức đại cương về phong cách học; những vấn đề về ngữ cảnh tu từ. Sau đó đi vào hai nội dung cơ bản trong tiếng Việt: các phong cách chức năng và các phương tiện, biện pháp tu từ. Nội dung học phần gồm các chương: Dẫn luận phong cách học; Các biện pháp phong cách trong tiếng Việt hiện đại; Hệ thống các phong cách chức năng tiếng Việt	2	HK 4	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá quá trình: 15%</li> <li>- Đánh giá giữa kỳ: 25%</li> <li>- Đánh giá cuối kỳ: 60%</li> </ul>
39	Lược khảo về chữ Hán và minh giải văn bản Hán văn Trung Hoa	Nội dung học phần nhằm cung cấp cho sinh viên có được tri thức tương đối hệ thống về văn tự Hán và từ Hán Việt phục vụ cho việc giảng dạy, nghiên cứu ở trường THCS và THPT. Rèn luyện kỹ năng nhận diện	3	HK 2	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá quá trình: 15%</li> <li>- Đánh giá giữa kỳ: 25%</li> <li>- Đánh giá cuối kỳ: 60%</li> </ul>



**Biểu mẫu 18**

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		từ Hán Việt, từ đa nghĩa, từ đồng âm gốc Hán; rèn luyện kỹ năng tiếp xúc trực tiếp với các văn bản Hán văn trong chương trình.			
40	Minh giải văn bản Hán văn Việt Nam	Nội dung học phần nhằm cung cấp kiến thức cơ sở và những đặc trưng cơ bản của Hán văn Việt Nam. Tiến hành tổ chức phiên âm, minh giải, dịch nghĩa, đánh giá tổng quát về các văn bản Hán văn Việt Nam tiêu biểu (Từ thời Lý Trần đến thơ chữ Hán Hồ Chí Minh).	3	HK 3	- Đánh giá quá trình: 15% - Đánh giá giữa kỳ: 25% - Đánh giá cuối kỳ: 60%
41	Văn bản chữ Nôm	Nội dung học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức về lịch sử hình thành và cấu tạo chữ Nôm, nhận biết sự khác nhau giữa chữ Hán và chữ Nôm; có khả năng thực hành phân tích, chỉ ra được các phép cấu tạo chữ Nôm trong những văn bản cụ thể. Giúp người học nắm được những giá trị nội dung và giá trị nghệ thuật của các tác phẩm văn học được viết bằng chữ Nôm (Trọng tâm là các tác phẩm và trích đoạn được đưa vào giảng dạy trong trường phổ thông).	2	HK 4	- Đánh giá quá trình: 15% - Đánh giá giữa kỳ: 25% - Đánh giá cuối kỳ: 60%
42	Đánh giá kết quả giáo dục của học sinh	Nội dung học phần trình bày các vấn đề cơ bản hoạt động đánh giá kết quả học tập của học sinh ở trường phổ thông, trong đó có kiểm tra đánh giá trong dạy học bộ môn Ngữ văn. Cấu trúc học phần gồm những vấn đề chính: Một số vấn đề chung; Phương pháp và kỹ thuật đánh giá; Phương	2	HK 6	- Đánh giá quá trình: 15% - Đánh giá giữa kỳ: 25% - Đánh giá cuối kỳ: 60%

**Biểu mẫu 18**  
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		pháp và kỹ thuật trắc nghiệm; Đánh giá xếp loại học sinh			
43	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên	Rèn luyện NVSP là một trong những yêu cầu không thể thiếu đối với sinh viên ngành sư phạm. Từ thao tác đến kỹ năng là một con đường khá dài nhưng đó là thao tác bắt buộc, là điều kiện cần; là phương tiện quan trọng của giáo viên thực hiện thành công các tiết dạy trên lớp. Với ý nghĩa đó, việc rèn luyện NVSP cho sinh viên không chỉ dừng ở tiết dạy trên lớp mà nó cần được ý thức rèn luyện thường xuyên để trở thành những kỹ năng thành thạo phục vụ thiết thực cho nghề nghiệp trong tương lai.	3	HK 6	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá quá trình: 15%</li> <li>- Đánh giá giữa kỳ: 25%</li> <li>- Đánh giá cuối kỳ: 60%</li> </ul>
44	Thực hành dạy học tại trường sư phạm	Nội dung học phần tập trung vào hoạt động thực hành tại trường Thực hành Sư phạm nhằm trau dồi kỹ năng, nghiệp vụ dạy học cho sinh viên. Cấu trúc học phần gồm 3 phần: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phần 1. Một số vấn đề chung về kỹ năng thiết kế dạy học Ngữ văn</li> <li>- Phần 2. Thực hành dạy học tại trường Thực hành Sư phạm.</li> <li>- Phần 3. Tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm từ những hoạt động thực tiễn dạy học.</li> </ul>	3	HK 6	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá quá trình: 15%</li> <li>- Đánh giá giữa kỳ: 25%</li> <li>- Đánh giá cuối kỳ: 60%</li> </ul>
45	Lý luận và phương pháp dạy học Ngữ văn 1	Nội dung học phần tập trung vào việc cung cấp những kiến thức nền tảng của nghề nghiệp cho sinh viên bao gồm những vấn đề về lý luận dạy	3	HK 4	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá quá trình: 15%</li> <li>- Đánh giá giữa kỳ: 25%</li> </ul>

**Biểu mẫu 18**  
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		học Ngữ văn, phương pháp dạy học Ngữ văn truyền thống và đổi mới phần văn học, bám sát những thay đổi trong chương trình và sách giáo khoa Ngữ văn các trường phổ thông của Bộ GD & ĐT.			- Đánh giá cuối kỳ: 60%
46	Lý luận và phương pháp dạy học Ngữ văn 2	Nội dung học phần tập trung vào việc cung cấp những kiến thức nền tảng của nghề nghiệp cho sinh viên bao gồm những vấn đề về lý luận dạy học Ngữ văn, phương pháp dạy học Ngữ văn truyền thống và đổi mới phần tiếng Việt, bám sát những thay đổi trong chương trình và sách giáo khoa Ngữ văn các trường phổ thông của Bộ GD & ĐT.	3	HK 5	- Đánh giá quá trình: 15% - Đánh giá giữa kỳ: 25% - Đánh giá cuối kỳ: 60%
47	Đặc trưng truyện kể văn học dân gian Việt Nam	Học phần giúp người học nắm vững những đặc trưng cơ bản của truyện kể dân gian để từ đó phân biệt được sự khác biệt giữa truyện kể VHDG với truyện kể VHV và với các thể loại còn lại của VHDG; phân biệt được các thể loại tự sự dân gian. Cũng từ đó, học phần giúp người học tiếp cận, tìm hiểu, nghiên cứu, khai thác đúng giá trị, loại hình của nó.	2	HK 7	- Đánh giá quá trình: 15% - Đánh giá giữa kỳ: 25% - Đánh giá cuối kỳ: 60%
48	Thể loại văn học Việt Nam trung đại	Học phần cung cấp kiến thức chuyên sâu về các thể loại văn học Việt Nam trung đại, khái quát bức tranh thể loại trong văn học Việt Nam trung đại. Cụ thể là những kiến thức về nguồn gốc, quá trình phát triển, đặc điểm thể loại, tác giả tiêu biểu của thể loại khoa cử; Thể thơ	2	HK 7	- Đánh giá quá trình: 15% - Đánh giá giữa kỳ: 25% - Đánh giá cuối kỳ: 60%

**Biểu mẫu 18**  
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		thuần Việt, thể thơ có nguồn gốc vay mượn; Tìm hiểu về thể loại truyện trong văn xuôi chữ Hán và truyện văn vần chữ Nôm.			
49	Tiểu thuyết Việt Nam thế kỉ XX	Nội dung học phần bao gồm những kiến thức về tiểu thuyết Việt Nam trong thế kỉ XX: các khuynh hướng, phong cách, các tác giả, tác phẩm tiêu biểu về tiểu thuyết. Gợi mở những khía cạnh tạo nên qui luật vận động của thể loại trong đời sống văn học Việt Nam, cắt nghĩa những thăng trầm cùng các hướng phát triển của thể loại.	2	HK 7	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá quá trình: 15%</li> <li>- Đánh giá giữa kỳ: 25%</li> <li>- Đánh giá cuối kỳ: 60%</li> </ul>
50	Văn học Đồng Nai	Nội dung học phần bao gồm những kiến thức về văn học Đồng Nai gắn liền với sự hình thành và phát triển tỉnh Đồng Nai. Học phần được chia làm hai phần chính: Văn học dân gian Đồng Nai và văn học viết Đồng Nai.	2	HK 7	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá quá trình: 15%</li> <li>- Đánh giá giữa kỳ: 25%</li> <li>- Đánh giá cuối kỳ: 60%</li> </ul>
51	Văn học và các loại hình nghệ thuật	Học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về mối quan hệ giữa văn học với các loại hình nghệ thuật nói chung, như Điêu khắc, Vũ đạo, Âm nhạc, Hội họa, Kịch, Điện ảnh. Đặc biệt, học phần dừng lại khảo sát, phân tích tính tạo hình và tính nhạc được biểu hiện trong văn học. Cùng với đó, học phần cũng sẽ cung cấp cho người học những đơn vị kiến thức cơ bản về đặc trưng ý thức thẩm mỹ của người Việt Nam, điển hình như: tính thực tiễn, tính biểu cảm,	2	HK 7	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá quá trình: 15%</li> <li>- Đánh giá giữa kỳ: 25%</li> <li>- Đánh giá cuối kỳ: 60%</li> </ul>

**Biểu mẫu 18**

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		tính tĩnh, tính linh hoạt, lưỡng nguyên, lắp ghép, đa nguồn...			
52	Thi pháp học	Học phần cung cấp những kiến thức mang tính tổng quát về Thi pháp học với những vấn đề cơ bản như khái niệm thi pháp và thi pháp học, đối tượng nghiên cứu của thi pháp học, lịch sử của thi pháp học, quan niệm nghệ thuật về con người, không gian nghệ thuật và thời gian nghệ thuật theo quan niệm của thi pháp học... Từ đó, học phần giúp cho người học có thể phân tích, đánh giá một tác phẩm, tác giả hay khuynh hướng văn học, giai đoạn văn học trên cơ sở lý thuyết thi pháp.	2	HK 7	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá quá trình: 15%</li> <li>- Đánh giá giữa kỳ: 25%</li> <li>- Đánh giá cuối kỳ: 60%</li> </ul>
53	Văn học nước ngoài trong nhà trường trung học	Học phần cung cấp cho sinh viên cái nhìn tổng quát về phần văn học nước ngoài được đưa vào giảng dạy trong chương trình trung học, gợi ý cho sinh viên cách phân tích và giảng dạy các tác phẩm theo những nguyên tắc dạy học văn học nước ngoài. Ngoài ra, sinh viên còn được trực tiếp giảng dạy các tác phẩm này để rút ra những kinh nghiệm cho bản thân.	2	HK 7	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá quá trình: 15%</li> <li>- Đánh giá giữa kỳ: 25%</li> <li>- Đánh giá cuối kỳ: 60%</li> </ul>
54	Một số vấn đề thi pháp thơ Đường và tiểu thuyết Minh - Thanh	Học phần cung cấp kiến thức theo thi pháp thể loại (thơ, tiểu thuyết) của hai thành tựu đặc sắc nhất trong văn học cổ điển Trung Quốc là thơ đời Đường và tiểu thuyết thời Minh - Thanh như quan niệm nghệ thuật về con người, không gian nghệ thuật,	2	HK 7	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá quá trình: 15%</li> <li>- Đánh giá giữa kỳ: 25%</li> <li>- Đánh giá cuối kỳ: 60%</li> </ul>

**Biểu mẫu 18**  
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		thời gian nghệ thuật, thể loại, ngôn ngữ, kết cấu...			
55	Ngữ dụng học	Học phần giới thiệu một số vấn đề về việc nghiên cứu ngôn ngữ trong thực tế giao tiếp trọng tâm giới thiệu các lý thuyết của ngữ dụng học, bước đầu làm quen với một số khái niệm cơ bản của ngữ dụng học như khái niệm diễn ngôn, hành động ngôn từ, khái niệm ngữ cảnh (ngữ cảnh tình huống và ngữ cảnh ngôn ngữ), khái niệm phát ngôn và khái niệm câu. Các lý thuyết về ngữ dụng được giới thiệu như lý thuyết về hành động ngôn từ, lý thuyết lập luận và lý thuyết hội thoại. Trên cơ sở các ngữ liệu từ thực tế giao tiếp tiếng Việt và trong tác phẩm văn học, học phần giúp học viên tìm hiểu một số vấn đề văn hóa giao tiếp của người Việt trong sự đối sánh với một số ngôn ngữ của các nền văn hóa khác nhau.	2	HK 7	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá quá trình: 15%</li> <li>- Đánh giá giữa kỳ: 25%</li> <li>- Đánh giá cuối kỳ: 60%</li> </ul>
56	Dạy từ Hán Việt trong trường trung học	Cung cấp cho người học những hiểu biết về từ Hán Việt trên các phương diện lịch sử hình thành, diễn biến, ngữ âm, ngữ nghĩa, cấu tạo và vai trò của nó trong giao tiếp ngôn ngữ và thơ văn Trung đại Việt Nam. Phân tích giá trị sử dụng của từ Hán Việt ở các tác phẩm văn học trong nhà trường trung học.	2	HK 7	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá quá trình: 15%</li> <li>- Đánh giá giữa kỳ: 25%</li> <li>- Đánh giá cuối kỳ: 60%</li> </ul>
57	Hoạt động trải nghiệm sáng tạo	Học phần trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về giáo dục trải nghiệm và ý nghĩa của nó đối với	2	HK 7	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá quá trình: 15%</li> </ul>

**Biểu mẫu 18**  
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	trong dạy học Ngữ văn	vấn đề phát triển con người theo tiêu chí xã hội hiện đại; giúp hình thành các kỹ năng thiết kế và tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo phù hợp với môn Ngữ văn ở trường trung học.			- Đánh giá giữa kỳ: 25% - Đánh giá cuối kỳ: 60%
58	Phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực trong dạy học Ngữ văn	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cụ thể mang tính thao tác trong việc tổ chức các hoạt động học tập môn Ngữ văn ở trường trung học theo hướng tích cực. Cấu trúc học phần gồm 2 vấn đề chính: Những phương pháp dạy học tích cực; Những kỹ thuật dạy học tích cực.	2	HK 7	- Đánh giá quá trình: 15% - Đánh giá giữa kỳ: 25% - Đánh giá cuối kỳ: 60%
59	Khóa luận	Khoá luận tốt nghiệp là công trình nghiên cứu khoa học dành cho những sinh viên đạt được kết quả học tập tốt trong 4 năm đại học của chương trình đào tạo cử nhân đại học chuẩn bị tốt nghiệp.	5	HK 8	- Đánh giá quá trình: 15% - Đánh giá giữa kỳ: 25% - Đánh giá cuối kỳ: 60%
60	Dạy học Ngữ văn theo các định hướng đổi mới (Học phần thay thế Khóa luận)	Học phần có tính chất thay thế khóa luận tốt nghiệp cho sinh viên ngành Sư phạm Ngữ văn bậc đại học, hệ chính quy. Nội dung học phần hướng đến trình bày những vấn đề chung về dạy học môn văn trong nhà trường ở Việt Nam từ trước đến nay và yêu cầu, chủ trương đổi mới; trình bày một số vấn đề cụ thể về dạy học đổi mới cả về chương trình, sách giáo khoa và phương pháp, hình thức dạy học; trình bày những yêu cầu cụ thể về năng lực, phẩm chất, tư cách cần	3	HK 8	- Đánh giá quá trình: 15% - Đánh giá giữa kỳ: 25% - Đánh giá cuối kỳ: 60%

**Biểu mẫu 18**  
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		có của giáo viên dạy Ngữ văn trong thời đại mới.			
61	Các tác gia tiêu biểu của văn học Việt Nam trung đại và hiện đại (Học phần thay thế khóa luận)	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về một số tác gia văn học Việt Nam trung đại và hiện đại như Nguyễn Trãi, Nguyễn Du, Nam Cao, Hồ Chí Minh, Tố Hữu... với những nội dung chính dưới dạng chuyên đề theo từng tác gia như quan niệm về con người, quan niệm về phong cách nghệ thuật, việc vận dụng các tác phẩm của các tác gia vào chương trình giảng dạy ở bậc THPT.	2	HK 8	- Đánh giá quá trình: 15% - Đánh giá giữa kỳ: 25% - Đánh giá cuối kỳ: 60%
62	Thực tập sư phạm 1	Sinh viên về trường THPT 4 tuần để thực hành kỹ năng dạy học.	2	HK 5	- Đánh giá quá trình: 15% - Đánh giá giữa kỳ: 25% - Đánh giá cuối kỳ: 60%
63	Thực tập sư phạm 2	Sinh viên về trường THPT 8 tuần để thực hành kỹ năng dạy học.	5	HK 8	- Đánh giá quá trình: 15% - Đánh giá giữa kỳ: 25% - Đánh giá cuối kỳ: 60%

**7. NGÀNH: SƯ PHẠM LỊCH SỬ (7140218)**



**Biểu mẫu 18**  
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
2	Kinh tế Chính trị Mac Lenin	Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin là một trong ba bộ phận lý luận cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin. Kiến thức của học phần này kết hợp với kiến thức của học phần Triết học Mác - Lênin và học phần chủ nghĩa xã hội khoa học sẽ giúp sinh viên có được hệ thống tri thức cơ bản, cốt lõi của chủ nghĩa Mác - Lênin. Đây sẽ là kiến thức nền tảng để sinh viên có thể học tập tốt các học phần khác như Tư tưởng Hồ Chí Minh và Lịch sử đảng Cộng sản Việt Nam.	2	HK3	
3	Chủ Nghĩa xã hội Khoa học	Chủ nghĩa xã hội khoa học là một môn khoa học lý luận chính trị, một trong ba bộ phận hợp thành chủ nghĩa Mác - Lênin. Chủ nghĩa xã hội là chủ nghĩa Mác - Lênin, luận giải trên góc độ triết học, kinh tế chính trị - xã hội về quy luật chính trị - xã hội của tiến trình lịch sử quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa cộng sản trên phạm vi toàn thế giới.	2	HK4	
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh; Về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; Tư tưởng Hồ Chí Minh về: Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước	2	HK5	

**Biểu mẫu 18**  
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; Đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; Văn hóa, đạo đức, con người.			
5	Lịch sử Đảng Công sản Việt Nam	Học phần trang bị cho sinh viên sự hiểu biết về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam	2	HK6	
6	Tin học đại cương	Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng cơ bản để làm việc trên máy tính. Kiến thức của học phần là kiến thức nền giúp cho sinh viên dễ dàng tiếp cận, học tập các học phần khác có sử dụng máy tính. Ngoài ra sinh viên còn có khả năng sử dụng máy tính làm công cụ học tập và sưu tầm tài liệu giúp cho hiệu quả học tập được nâng cao hơn.	3	HK2	
7	Ngoại ngữ không chuyên tiếng Anh 1	Học phần Tiếng Anh 1 là điều kiện tiên quyết để học các học phần Tiếng Anh 2 và Tiếng Anh 3. - Học phần tiếng Anh 1 cung cấp kiến thức và kỹ năng tiếng Anh ở trình độ sơ cấp nhằm giúp người học có thể hiểu và sử dụng các cấu trúc ngữ pháp và từ ngữ cơ bản đáp ứng nhu cầu giao tiếp và trình bày về các chủ đề cuộc sống hàng ngày: thông tin cá nhân, thói quen, nhu cầu, sở thích, hỏi đáp về những	2	HK2	

**Biểu mẫu 18**  
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		thông tin đơn giản. Phát triển kỹ năng nghe, nói, đọc, viết, sử dụng được từ vựng và cấu trúc để diễn đạt ý tưởng trong giao tiếp về các chủ đề ngôn ngữ ở trình độ cơ bản.			
8	Ngoại ngữ không chuyên tiếng Anh 2	Học phần cung cấp kiến thức và kỹ năng tiếng Anh ở trình độ sơ cấp nhằm giúp người học có thể hiểu, sử dụng các cấu trúc ngữ pháp; các từ ngữ cơ bản đáp ứng nhu cầu giao tiếp và trình bày về các chủ đề liên quan đến hoạt động trong thời gian rảnh rỗi, ăn uống, tiền tệ, cách phân biệt giữa tiếng Anh của người Anh và tiếng Anh của người Mỹ. Ngoài ra, học phần nhằm giúp sinh viên có khả năng trang bị kiến thức cơ bản đọc viết trong công việc nghiên cứu và tiếp cận các bộ môn khoa học của sinh viên, rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng xử lý tài liệu và làm việc nhóm nhằm phục vụ cho việc học tập ở bậc cao hơn.	2	HK3	
9	Ngoại ngữ không chuyên tiếng Anh 3	Học phần Tiếng Anh 3 cung cấp kiến thức và kỹ năng tiếng Anh ở trình độ trung cấp nhằm giúp người học có thể hiểu, sử dụng các cấu trúc ngữ pháp; các từ ngữ nâng cao nhằm đáp ứng nhu cầu giao tiếp và trình bày về các chủ đề liên quan đến các lĩnh vực khoa học, công nghệ, ngành du lịch, môi trường trên trái đất.	3	HK4	
10	Ngoại ngữ không	Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng về	2	HK2	

**Biểu mẫu 18**  
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	chuyên tiếng Trung CB 1	ngữ âm – văn tự – từ vựng của tiếng Hán hiện đại, là điều kiện tiên quyết để sinh viên học tiếp các học phần tiếng Trung cơ bản 2 và 3. Học phần được thiết kế với thời lượng 02 tín chỉ, tương đương 30 tiết thực học. Học phần này sẽ giúp sinh viên nắm vững các chuẩn kiến thức ngôn ngữ: Hán tự; Ngữ pháp; Từ vựng2			
11	Ngoại ngữ không chuyên tiếng Trung CB 2	Học phần này là học phần nối tiếp với học phần tiếng Trung CB 1, cung cấp cho sinh viên những kiến thức về từ vựng – ngữ pháp, giúp sinh viên từng bước rèn luyện và hoàn thiện các kỹ năng ngôn ngữ. Học phần này cung cấp cho sinh viên khoảng 120 từ vựng, 45 mẫu câu và 14 điểm ngữ pháp. Qua đó, giúp sinh viên có thể vận dụng các kiến thức đã học, viết đúng nét các chữ Hán trong bài học, tự tin thực hành giao tiếp.	2	HK3	
12	Ngoại ngữ không chuyên tiếng Trung CB 3	Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức về từ vựng – ngữ pháp ở giai đoạn tiền trung cấp, giúp sinh viên tiếp tục rèn luyện và hoàn thiện các kỹ năng ngôn ngữ như phát âm rõ ràng chuẩn xác, khả năng đọc hiểu các từ ngữ, đoạn văn, viết được những đoạn văn ngắn bằng những câu đơn giản xoay quanh các chủ đề đã học trong học phần.	2	HK4	

**Biểu mẫu 18**  
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
13	Pháp luật đại cương	Học phần Pháp luật đại cương là môn học thuộc Khối kiến thức giáo dục đại cương; cung cấp kiến thức mang tính lý luận cơ bản về Nhà nước và Pháp luật; một số kiến thức về pháp luật thực định liên quan đến đời sống lao động, sản xuất của công dân; nâng cao văn hoá pháp lý cho người học.	2	HK1	
14	Giáo dục thể chất	Học phần giáo dục thể chất là học phần bắt buộc nằm trong chương trình môn học GDTC. Học phần này trang bị cho sinh viên các kiến thức và kỹ thuật, kỹ năng vận động các môn Điền kinh; Cầu lông; Võ Taekwondo; Bóng đá.	3		
15	Giáo dục quốc phòng	Nhằm trang bị cho sinh viên những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; quán triệt quan điểm của Đảng về xây dựng nền Quốc phòng toàn dân - an ninh nhân dân; xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân; tiến hành chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN. Những hiểu biết về lịch sử nghệ thuật đánh giặc của ông cha ta và nghệ thuật quân sự Việt Nam từ khi có Đảng, các nội dung về xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển đảo; xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc và những vấn đề cơ bản về an	11		

**Biểu mẫu 18***(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)*

<b>STT</b>	<b>Tên môn học</b>	<b>Mục đích môn học</b>	<b>Số tín chỉ</b>	<b>Lịch trình giảng dạy</b>	<b>Phương pháp đánh giá sinh viên</b>
		ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội.			
16	Tâm lý học đại cương	Học phần Tâm lý học đại cương cung cấp kiến thức về bản chất của hiện tượng tâm lý người; hoạt động, giao tiếp đối với sự hình thành và phát triển tâm lí, ý thức; hoạt động nhận thức, trí nhớ, tình cảm, hành động ý chí và nhân cách. Từ những kiến thức đó sinh viên liên hệ để giải thích hiện tượng tâm lí trong học tập và trong cuộc sống, rèn luyện tâm lý và nhân cách. Đồng thời hình thành phát triển kĩ năng thấu hiểu, kĩ năng làm việc nhóm, kĩ năng thuyết trình thông qua giải quyết nhiệm vụ học tập môn tâm lí học đại cương.	2	HK1	
17	Giáo dục học đại cương	Giáo dục học đại cương là học phần tiên quyết của việc đào tạo sinh viên sư phạm. Giáo dục học nghiên cứu về sự hình thành, phát triển, bản chất, các quy luật và kinh nghiệm của quá trình hình thành nhân cách của con người. Việc được học tập môn học này là hết sức quan trọng đối với sinh viên sư phạm, hình thành những kinh nghiệm, hiểu biết có tính chất nền tảng của việc giáo dục con người và nghề giáo.	2	HK2	
18	Phương pháp nghiên cứu	Học phần giới thiệu về những vấn đề chung của khoa học và nghiên cứu khoa học Ngoài những vấn đề chung, học phần	2	HK4	

**Biểu mẫu 18**

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	khoa học Lịch sử	trang bị cho sinh viên một số phương pháp nghiên cứu khoa học được vận dụng trong nghiên cứu lịch sử nói riêng và các khoa học thuộc khoa học Xã hội - Nhân văn nói chung như: phương pháp lịch sử, phương pháp logic, phương pháp so sánh lịch sử, phương pháp định lượng, phương pháp liên ngành; tiến trình nghiên cứu khoa học và cuối cùng là thực hành xây dựng đề cương nghiên cứu các đề tài khoa học Lịch sử.			
19	Nhập môn sử học	Học phần Nhập môn sử học là học phần bắt buộc, thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo cử nhân chuyên ngành Lịch sử. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về khoa học lịch sử, rèn luyện các kỹ năng và phương pháp học tập, nghiên cứu sử học, trong đó tập trung nghiên cứu sâu về đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, quá trình phát triển của khoa học lịch sử; Từ đó trang bị cho người học phương pháp học tập và nghiên cứu khoa học đúng đắn, khách quan.	2	HK1	
20	Tiến trình lịch sử văn hóa Việt Nam	Học phần cung cấp hệ thống kiến thức về văn hóa Việt Nam theo tiến trình lịch sử. Những nội dung chính của học phần sẽ được phân tích, làm rõ gồm: Nhập môn về Văn hóa và Văn hóa học; Điều kiện hình thành văn hóa Việt Nam;	2	HK2	

**Biểu mẫu 18**

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Diễn trình văn hóa Việt Nam; Một số vấn đề văn hóa Việt Nam (Tiếp xúc và giao lưu trong văn hóa Việt Nam; Không gian văn hóa Việt Nam; Các thành tố văn hóa Việt Nam).			
21	Lý luận dạy học lịch sử	Học phần cung cấp kiến thức về phương pháp dạy học lịch sử là một khoa học; Quá trình phát triển của phương pháp dạy học lịch sử; Quá trình phát triển của bộ môn lịch sử ở trường phổ thông; Chức năng, nhiệm vụ của bộ môn lịch sử; Chương trình môn lịch sử ở trường phổ thông; Nguyên tắc xây dựng chương trình và cấu tạo chương trình; Sách giáo khoa lịch sử ở trường phổ thông	2	HK3	
22	Khảo cổ học đại cương	Học phần giới thiệu những tri thức cơ bản về Khảo cổ học bao gồm: đối tượng nghiên cứu của Khảo cổ học; lịch sử, lí thuyết và phương pháp nghiên cứu bộ môn. Các thời đại Khảo cổ học bao gồm: Thời đại đồ đá cũ; Thời đại đồ đá giữa; Thời đại đồ đá mới; Thời đại đồ đồng; Thời đại đồ sắt. Những thành tựu của khảo cổ học Việt Nam thời sơ sử với ba văn hóa khảo cổ: Văn hóa Đông Sơn; Văn hóa Sa Huỳnh; Văn hóa Óc Eo. Những thành tựu khảo cổ học lịch sử với các các nghiên cứu về Thành cổ; Mộ táng; Đình; Chùa; Khảo cổ học Cham Pa; Khảo cổ học Phù Nam.	2	HK1	



**Biểu mẫu 18***(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT**ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)*

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
23	Nhân học đại cương	<p>Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về nhân học: lịch sử phát triển của nhân học thế giới, các trường phái trong nhân học và lịch sử phát triển của nhân học Việt Nam, về cộng đồng các dân tộc ở Việt Nam, sự phân bố và các đặc trưng văn hóa tộc người ở Việt Nam (vùng, nhóm ngôn ngữ và tộc người), tính thống nhất và đa dạng của văn hóa và tộc người ở Việt Nam, nguyên tắc cơ bản trong chính sách dân tộc của Đảng và nhà nước ta, vị trí của vấn đề dân tộc trong tiến trình lịch sử dân tộc và trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.</p>	2	HK1	
24	Phương pháp luận sử học	<p>Phương pháp luận sử học là học phần bắt buộc, thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo cử nhân chuyên ngành Lịch sử. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các phương pháp nghiên cứu của khoa học lịch sử, đối tượng nghiên cứu, chức năng, nhiệm vụ của phương pháp luận sử học, các hình thái kinh tế xã hội và các cách phân kì lịch sử thế giới và Việt Nam; rèn luyện các kỹ năng sử dụng các phương pháp trong nghiên cứu khoa học lịch sử đảm bảo tính khoa học và thực tiễn, phát triển khả năng tự nghiên cứu, phân</p>	2	HK3	

**Biểu mẫu 18**

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		tích được mối liên hệ giữa sử học và các ngành khoa học xã hội khác.			
25	Lịch sử thế giới cổ trung đại	Học phân cung cấp hệ thống những kiến thức cơ bản về nguồn gốc loài người, các thời kì phát triển của xã hội nguyên thủy; Sự hình thành, quá trình phát triển lịch sử, đặc điểm kinh tế - xã hội và thành tựu văn hóa các quốc gia Cổ đại phương Đông và phương Tây; quá trình hình thành, phát triển và suy vong của chế độ phong kiến ở phương Đông như Trung Quốc, Ấn Độ, Nhật Bản, Đông Nam Á và ở phương Tây thời sơ, trung và hậu kỳ trung đại Tây Âu.	4	HK1	
26	Lịch sử thế giới cận đại	Học phân giới thiệu những nội dung cơ bản của lịch sử thế giới cận đại, tập trung vào những vấn đề chính sau: Sự thắng lợi của các cuộc cách mạng tư sản và sự xác lập của CNTB trên phạm vi thế giới. Những chuyển biến của CNTB Âu Mỹ cuối TK XIX đầu TK XX; Sự hình thành giai cấp vô sản hiện đại, sự phát triển của phong trào công nhân, sự ra đời của chủ nghĩa xã hội KH; Quá trình xâm chiếm thuộc địa của CNTB phương Tây và phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc ở các nước Á – Phi - Mỹ latin.	4	HK2	
27	Lịch sử thế giới hiện đại	Học phân trang bị cho người học những nội dung về lịch sử thế giới trong các giai đoạn lịch sử như sau:	4	HK3	

**Biểu mẫu 18***(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT**ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)*

<b>STT</b>	<b>Tên môn học</b>	<b>Mục đích môn học</b>	<b>Số tín chỉ</b>	<b>Lịch trình giảng dạy</b>	<b>Phương pháp đánh giá sinh viên</b>
		1917- 1945;1945 đến nửa đầu những năm 70; Từ nửa sau những năm 70 đến nay.			
28	Lịch sử Việt Nam cổ trung đại	Lịch sử Việt Nam cổ trung đại là học phần bắt buộc, thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong trong chương trình đào tạo cử nhân chuyên ngành Lịch sử. Học phần đề cập đến những vấn đề cơ bản, trọng tâm của lịch sử Việt Nam từ nguồn gốc đến khi thực dân Pháp xâm lược.	4	HK2	
29	Lịch sử Việt Nam cận đại	Lịch sử Việt Nam cận đại là học phần bắt buộc, thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong trong chương trình đào tạo cử nhân chuyên ngành Lịch sử. Học phần đề cập đến những vấn đề cơ bản, trọng tâm của lịch sử Việt Nam trong từ năm 1858 đến năm 1945 được phân kỳ thành các giai đoạn sau: 1858-1896, 1897-1918, 1919-1930, 1930-1945.	4	HK3	
30	Lịch sử Việt Nam hiện đại	Lịch sử Việt Nam hiện đại cung cấp những kiến thức toàn diện, cơ bản, hệ thống về lịch sử Việt Nam từ 1945 đến nay. Các vấn đề chủ yếu trong các học phần này là: Cuộc kháng chiến chống Pháp 1945- 1954; hai miền Nam Bắc thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược là cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam và cách mạng XHCN ở miền Bắc 1954-1975 và	4	HK4	

**Biểu mẫu 18**

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		cả nước độc lập, thống nhất, đi lên CNXH từ 1975 đến nay.			
31	Chiến tranh bảo vệ tổ quốc và chiến tranh giải phóng dân tộc trong lịch sử Việt Nam	Chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và chiến tranh giải phóng dân tộc trong lịch sử Việt Nam là học phần bắt buộc, thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong trong chương trình đào tạo cử nhân chuyên ngành Lịch sử. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức về vị trí địa chiến lược của Việt Nam, hoàn cảnh lịch sử và diễn biến một số cuộc khởi nghĩa trong chiến tranh giải phóng dân tộc và chiến tranh bảo vệ tổ quốc trong lịch sử Việt Nam qua các giai đoạn; vai trò, ý nghĩa của chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong lịch sử.	3	HK7	
32	Một số cuộc cải cách trong lịch sử Việt Nam thời trung đại	Một số cuộc cải cách trong lịch sử Việt Nam thời trung đại là học phần bắt buộc, thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong trong chương trình đào tạo cử nhân chuyên ngành Lịch sử. Học phần gồm có 3 chương, trình bày khái luận về cải cách, đổi mới, cách mạng... và cách tiếp cận. Trọng tâm học phần trình bày về hoàn cảnh lịch sử và nội dung các cuộc cải cách trong lịch sử Việt Nam cổ trung đại (khoảng 10 cuộc cải cách và tư tưởng cải cách). Từ đó đưa ra một số nhận xét và nêu những vấn đề đặt ra cho công cuộc đổi mới ở nước ta hiện nay.	2	HK7	

**Biểu mẫu 18**  
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

<b>STT</b>	<b>Tên môn học</b>	<b>Mục đích môn học</b>	<b>Số tín chỉ</b>	<b>Lịch trình giảng dạy</b>	<b>Phương pháp đánh giá sinh viên</b>
33	Lịch sử nghệ thuật Việt Nam	Lịch sử nghệ thuật Việt Nam cung cấp cho sinh viên có được những hiểu biết mang tính hệ thống về các ngành nghệ thuật ở nước ta từ cổ truyền cho đến hiện đại qua đó hiểu biết một cách toàn diện về tiến trình lịch sử dân tộc, giúp cho người học giảng dạy tốt các bài giảng lịch sử có liên quan ở nhà trường trung học phổ thông sau này.	2	HK7	
34	Lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam	Lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam cung cấp cho sinh viên những kiến thức khái quát, cơ bản, hệ thống về quá trình ra đời, tồn tại và phát triển của nhà nước và pháp luật ở Việt Nam qua các giai đoạn lịch sử.	2	HK6	
35	Một số nền văn minh trên đất nước Việt Nam	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản và có hệ thống về cơ sở hình thành và những thành tựu của các văn minh Việt Nam bao gồm: Văn minh Văn Lang – Âu Lạc; Văn minh Cham Pa và Văn minh Óc Eo.	2	HK5	
36	Lý luận và lịch sử tôn giáo	Học phần cung cấp cho người học những vấn đề cơ bản về lý luận về tôn giáo như: thuật ngữ tôn giáo, các quan niệm về tôn giáo của các học giả trong một số ngành khoa học xã hội, nguồn gốc, chức năng, vai trò, tính chất, kết cấu của tôn giáo; quan niệm về đạo đức, tín ngưỡng, các hình thức tôn giáo thời	2	HK6	

**Biểu mẫu 18**

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		nguyên thủy cũng như sự hình thành, phát triển, giáo lý, giáo luật của ba tôn giáo lớn trên thế giới như Phật giáo, Kitô giáo và Hồi giáo. Lịch sử hình thành và phát triển tôn giáo, tín ngưỡng ở Việt Nam.			
37	Bảo tồn phát huy giá trị di sản văn hóa Việt Nam	Học phần cung cấp hệ thống kiến thức về Di sản văn hoá bao gồm: Khái niệm di sản văn hoá; Phân loại di sản văn hoá và xếp hạng di tích lịch sử - văn hoá; Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá; Mối quan hệ giữa bảo tồn và phát triển; Giải pháp bảo tồn và phát huy giá trị di sản; Một số di sản văn hoá tiêu biểu của dân tộc Việt Nam.	2	HK5	
38	Giáo dục chủ quyền biển đảo, biên giới quốc gia cho học sinh trong dạy học Lịch sử ở trường trung học phổ thông	Học phần Giáo dục chủ quyền biển đảo, biên giới quốc gia cho học sinh trong dạy học lịch sử ở trường trung học phổ thông nhằm hình thành và phát triển cho sinh viên nhiều vấn đề liên quan đến giáo dục chủ quyền biển đảo, biên giới quốc gia, phân tích được mối liên hệ giữa Bộ môn Lịch sử với việc giáo dục chủ quyền biển đảo, biên giới quốc gia, khái quát được nội dung chủ quyền biển đảo, biên giới quốc gia, lựa chọn được các biện pháp và hình thức giáo dục chủ quyền biển đảo, biên giới quốc gia,...	2	HK7	

**Biểu mẫu 18***(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT**ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)*

<b>STT</b>	<b>Tên môn học</b>	<b>Mục đích môn học</b>	<b>Số tín chỉ</b>	<b>Lịch trình giảng dạy</b>	<b>Phương pháp đánh giá sinh viên</b>
39	Lịch sử ngoại giao Việt Nam	Lịch sử ngoại giao Việt Nam là học phần bắt buộc, thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong trong chương trình đào tạo cử nhân chuyên ngành Lịch sử. Học phần cung cấp những chính sách bang giao với các nước láng giềng và phương thức tiến hành các mối bang giao đó, xuất phát từ các nhiệm vụ giành và giữ độc lập dân tộc, gây dựng hòa hiếu, chống xâm lược, mở mang và xây dựng đất nước cường thịnh.	2	HK6	
40	Vai trò của Hồ Chí Minh trong cách mạng Việt Nam	Học phần cung cấp kiến thức lịch sử dân tộc Việt Nam từ đầu thế kỷ XX đến nay gắn liền với cuộc đời và sự nghiệp của Hồ Chí Minh. Sự xuất hiện của Hồ Chí Minh mang tính tất yếu hợp qui luật dưới sự tác động của truyền thống dân tộc, đất nước, quê hương và thời đại.	2	HK6	
41	Kiểm tra đánh giá trong dạy học Lịch sử	Học phần cung cấp kiến thức về mục đích, yêu cầu việc kiểm tra đánh giá trong dạy học lịch sử; các hình thức kiểm tra đánh giá trong dạy học lịch sử ở trường phổ thông; nội dung kiểm tra đánh giá trong dạy học lịch sử ở trường phổ thông; kỹ thuật soạn thảo câu hỏi kiểm tra đánh giá trong dạy học lịch sử ở trường phổ thông.	2	HK5	
42	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm	Học phần cung cấp kiến thức về những vấn đề lý luận và thực hành kỹ năng nghiệp vụ sư phạm thường	3	HK4	

**Biểu mẫu 18**  
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	thường xuyên 1	xuyên; rèn luyện kỹ năng diễn đạt nói, diễn đạt viết; kỹ năng sử dụng bảng đen; kỹ năng xây dựng và sử dụng đồ dùng trực quan trong dạy học lịch; kỹ năng xây dựng hồ sơ tư liệu và rèn luyện tác phong sư phạm.			
43	Lịch sử văn minh thế giới	Học phần giới thiệu về những kiến thức cơ sở, khái quát và toàn diện về lịch sử văn minh nhân loại từ cổ trung đại hiện đại. Những khái niệm về Văn minh, Văn hóa; Cơ sở hình thành và những thành tựu về khoa học kỹ thuật, những phát minh sáng tạo của nhân loại để duy trì trái đất và xã hội loài người. Những giá trị nhân văn và những sáng tạo mang tính nhân bản trong tiến trình phát triển của văn minh nhân loại.	2	HK3	
44	Phương pháp và hình thức tổ chức dạy học lịch sử	Học phần cung cấp hệ thống kiến thức lí luận và kỹ năng về hệ thống phương pháp dạy học và các hình thức dạy học lịch sử ở trường THPT gồm: Hệ thống các phương pháp và các hình thức dạy học Lịch sử ở trường phổ thông, vấn đề đổi mới phương pháp dạy học lịch sử ở trường phổ thông theo hướng phát triển năng lực.	2	HK4	
45	Phát triển chương trình môn lịch sử	Học phần cung cấp hệ thống kiến thức về chương trình như: khái niệm, cấu tạo chương trình; mối quan hệ giữa chương trình với SGK; so sánh Chương trình giáo	2	HK3	



**Biểu mẫu 18**  
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	trung học phổ thông	dục phổ thông tổng thể 2018 với một số chương trình trước để chỉ ra ưu khuyết của từng chương trình. Trên cơ sở cập nhật những thông tin mới về phát triển chương trình đào tạo.			
46	Cách mạng tư sản và sự phát triển của Chủ nghĩa tư bản	Học phần cung cấp kiến thức về những vấn đề lý luận liên quan đến chủ nghĩa tư bản: các học thuyết liên quan đến sự hình thành và phát triển của hình thái kinh tế - xã hội tư bản chủ nghĩa, các cuộc cách mạng tư sản; các giai đoạn phát triển (tự do cạnh tranh, độc quyền, độc quyền nhà nước, hiện đại), những đặc điểm của CNTB hiện đại.	2	HK5	
47	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 2	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 2 là học phần bắt buộc, thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong trong chương trình đào tạo cử nhân chuyên ngành Lịch sử. Học phần cung cấp kiến thức về rèn luyện kỹ năng thiết kế bài giảng và thực hành giảng dạy theo khối lớp bậc trung học phổ thông.	2	HK5	
48	Lịch sử quan hệ quốc tế đại cương	Học phần cung cấp kiến thức về những vấn đề lý luận về quan hệ quốc tế (khái niệm, quá trình hình thành, phương pháp nghiên cứu); những kiến thức cơ bản về lịch sử quan hệ quốc tế qua các giai đoạn, những xu thế chính trong quan hệ quốc tế, mối quan hệ giữa các nước lớn trong quan hệ quốc tế.	2	HK7	

**Biểu mẫu 18**

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
49	Một số vấn đề lịch sử Đông Nam Á	Học phần cung cấp kiến thức gồm: Tiến trình lịch sử Đông Nam Á; Quá trình thực dân phương Tây xâm lược Đông Nam Á, chính sách cai trị của thực dân và hệ quả của nó; Phong trào đấu tranh hoàn thành công cuộc giải phóng dân tộc của các quốc gia Đông Nam Á sau chiến tranh thế giới thứ hai; Thành tựu trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước sau khi giành độc lập.	2	HK4	
50	Các cuộc cải cách ở châu Á cận – hiện đại	Học phần cung cấp kiến thức về các phong trào cải cách, canh tân ở châu Á thông qua việc trình bày một số phong trào cải cách cơ bản ở châu Á cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX như cải cách Minh Trị ở Nhật Bản (1868- 1912), cải cách ở Xiêm thời Chulalongkorn (1868-1910), Duy tân ở Trung Quốc, các phong trào cải cách ở Trung Quốc, và những xu hướng cải cách ở Việt Nam.	2	HK6	
51	Cải cách kinh tế-xã hội ở Trung Quốc từ 1978 đến nay	Học phần cung cấp kiến thức về công cuộc cải cách kinh tế - xã hội Trung Quốc. Học phần nêu rõ những nội dung quan trọng nhất của cuộc cải cách theo trình tự thời gian, phân tích những yếu tố cơ bản trong một số lĩnh vực: nông nghiệp, công nghiệp, đối ngoại, kinh tế thị trường, phát triển kinh tế - xã hội, những thành tựu to lớn mà nhân	2	HK7	

**Biểu mẫu 18**

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		dân TQ đã đạt được trong công cuộc phát triển kinh tế - xã hội.			
52	Thực tế chuyên môn 1	Học phần cung cấp nội dung tìm hiểu học tập thực địa tại các Bảo tàng, di tích khảo cổ, di tích lịch sử - văn hoá liên quan tới quá trình khẩn hoang và xác lập chủ quyền đất nước ở khu vực Nam Bộ. Quá trình khẩn hoang, di cư lập làng và vai trò của các chúa Nguyễn trong việc khai khẩn vùng đất Nam Bộ.	2	HK4	
53	Thực tế chuyên môn 2	Học phần cung cấp nội dung tìm hiểu học tập thực địa tại các Bảo tàng, di tích khảo cổ, di tích lịch sử - văn hoá liên quan tới quá trình hình thành nhà nước. Quá trình đấu tranh giữ nước và mở rộng bờ cõi cương vực. Sinh viên nghiên cứu học tập trực tiếp tại các khu di tích khảo cổ, di tích lịch sử - văn hóa và truyền thống cách mạng, di tích kiến trúc nghệ thuật, di tích danh lam thắng cảnh tại các tỉnh thành ở khu vực Trung bộ, Bắc bộ.	2	HK6	
54	Mặt trận dân tộc thống nhất trong cách mạng Việt Nam (1930 - 1975)	Học phần cung cấp hệ thống kiến thức về vai trò của mặt trận trong cách mạng Việt Nam nói chung. Trên cơ sở này, học phần đề cập đến mặt trận dân tộc thống nhất qua các thời kỳ lịch sử 1930 - 1945, 1945 - 1954, 1954 - 1975. Từ đó rút ra bài học kinh nghiệm về mặt trận trong cách mạng Việt Nam.	2	HK8	

**Biểu mẫu 18**

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
55	Sử dụng đồ dùng trực quan nhằm phát triển năng lực của học sinh trong dạy học lịch sử	Sử dụng đồ dùng trực quan nhằm phát triển năng lực của học sinh trong dạy học lịch sử là học phần thay thế tốt nghiệp, thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo cử nhân chuyên ngành Lịch sử Học phần cung cấp hệ thống kiến thức với các nội dung chính: ý nghĩa việc sử dụng đồ dùng trực quan để phát huy tính tích cực học tập của học sinh trong dạy học lịch sử; nội dung việc sử dụng đồ dùng trực quan để phát huy tính tích cực của học sinh trong dạy học lịch sử.	3	HK8	
56	Cộng đồng các dân tộc Việt Nam	Học phần cung cấp hệ thống kiến thức về cộng đồng các dân tộc trên đất nước Việt Nam với những nội dung chính: Thành phần dân tộc theo dân số, thành phần dân tộc theo ngữ hệ; Khái quát về đời sống vật chất và tinh thần của cộng đồng các dân tộc Việt Nam; Khôi đại đoàn kết dân tộc trong lịch sử Việt Nam; Sự hình thành khối đại đoàn kết dân tộc; Vai trò của khối đại đoàn kết dân tộc trong lịch sử dựng nước và giữ nước; Vai trò của khối đại đoàn kết dân tộc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.	2	HK8	
57	Làng xã Việt Nam trong lịch sử	Học phần cung cấp hệ thống kiến thức về làng xã Việt Nam bao gồm: Giới thiệu chung về làng xã; Khái niệm làng xã; Các loại hình	2	HK8	

**Biểu mẫu 18**

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

<b>STT</b>	<b>Tên môn học</b>	<b>Mục đích môn học</b>	<b>Số tín chỉ</b>	<b>Lịch trình giảng dạy</b>	<b>Phương pháp đánh giá sinh viên</b>
		làng xã; Tên gọi làng xã; Nguồn gốc và quá trình phát triển của làng xã Việt Nam; Quá trình phát triển làng xã Việt Nam.			
58	Nghệ thuật quân sự Việt Nam thời cổ trung đại	Học phần bao gồm chương mở đầu có tính nhập môn giới thiệu về đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu của bộ môn. Hai phần chính của học phần trình bày về nghệ thuật quân sự của cha ông trong các cuộc kháng chiến giữ nước ở thời cổ trung đại, từ thời Hùng Vương cho đến triều Nguyễn.	2	HK6	
59	Hậu phương trong chiến tranh cách mạng Việt Nam (1945-1975)	Học phần cung cấp hệ thống kiến thức về vai trò của hậu phương trong chiến tranh nói chung; vai trò của hậu phương kháng chiến chống Pháp 1945-1954, kháng chiến chống Mỹ 1954-1975. Trên cơ sở này rút ra bài học kinh nghiệm về hậu phương trong chiến tranh cách mạng Việt Nam.	2	HK6	
60	Chiến lược tiến công trong cách mạng miền Nam (1954-1975)	Học phần cung cấp hệ thống kiến thức về khái niệm chiến lược tiến công, cơ sở hình thành chiến lược tiến công, diễn biến chiến lược tiến công, phương châm đấu tranh nhằm đưa chiến lược tiến công đi đến thắng lợi, ý nghĩa chiến lược tiến công trong lịch sử dân tộc nói chung và trong kháng chiến chống Mỹ nói riêng. Cuối cùng là bài học kinh nghiệm từ chiến lược	2	HK7	

**Biểu mẫu 18***(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT**ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)*

<b>STT</b>	<b>Tên môn học</b>	<b>Mục đích môn học</b>	<b>Số tín chỉ</b>	<b>Lịch trình giảng dạy</b>	<b>Phương pháp đánh giá sinh viên</b>
		tiên công đối với sự nghiệp đổi mới đất nước ngày nay.			
61	Sự chuyển biến của phong trào giải phóng dân tộc Việt Nam trong 30 năm đầu thế kỷ XX	Học phần đề cập đến những vấn đề cơ bản của phong trào giải phóng dân tộc 30 năm đầu thế kỷ XX. Dưới tác động của những điều kiện lịch sử thế giới và trong nước, phong trào giải phóng dân tộc Việt Nam trong 30 năm đầu thế kỷ XX đã chuyển biến trên các mặt tư tưởng chính trị, tổ chức lãnh đạo và Đây là sự chuyển biến có tính qui luật tất yếu của phong trào giải phóng dân tộc ở nước ta.	2	HK7	
62	ASEAN – những chặng đường lịch sử	Học phần cung cấp cho sinh viên nội dung kiến thức về: Bối cảnh ra đời, mục tiêu, nguyên tắc hoạt động, quá trình hoạt động của ASEAN, thành tựu và hạn chế, cơ hội và thách thức, triển vọng trên con đường phát triển; quan hệ Việt Nam – ASEAN.	2	HK7	
63	Lịch sử Nhà nước và pháp luật thế giới cổ trung đại	Học phần cung cấp những vấn đề cơ bản về lý luận về nhà nước và pháp luật, như: Khái niệm nhà nước và pháp luật, nguồn gốc, bản chất của nhà nước và pháp luật, các hình thức nhà nước và pháp luật, mối quan hệ giữa nhà nước, pháp luật với kinh tế, chính trị, xã hội và văn hóa...	2	HK7	
64	Hình thành tri thức lịch sử cho học sinh trung	Học phần cung cấp hệ thống kiến thức về các khái niệm kiến thức lịch sử, sự kiện lịch sử cơ bản, quá trình hình thành tri thức lịch sử	2	HK6	

**Biểu mẫu 18**  
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	học phổ thông	cho học sinh ở trường THPT. Từ tài liệu - sự kiện tạo biểu tượng lịch sử, trên cơ sở các biểu tượng đó hình thành khái niệm, nêu quy luật và rút bài học lịch sử.			
65	Phương pháp nghiên cứu, biên soạn và giảng dạy lịch sử địa phương	Học phần cung cấp hệ thống kiến thức về khái niệm “Địa phương”, về đối tượng nghiên cứu và vị trí của bộ môn, về phương pháp nghiên cứu và giảng dạy lịch sử địa phương, từ việc sưu tầm tư liệu cho đến cách thức vận dụng, khai thác vào việc nghiên cứu và giảng dạy lịch sử địa phương. Ngoài ra, học phần môn học còn cung cấp những cách thức trong việc sưu tầm tư liệu để viết lịch sử nhà trường và xây dựng phòng truyền thống nhà trường.	2	HK7	
66	Cơ sở bảo tàng học	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về bảo tàng bao gồm: công tác sưu tầm, kiểm kê và bảo quản hiện vật bảo tàng; công tác trưng bày, phổ biến kiến thức khoa học của bảo tàng. Ngoài ra, học phần môn học còn cung cấp những cách thức trong việc sưu tầm tư liệu để viết lịch sử nhà trường và xây dựng phòng truyền thống nhà trường.	2	HK5	
67	Phong trào nông dân Việt Nam thế kỷ XVIII -	Học phần trình bày bối cảnh lịch sử Việt Nam trong thời kì khủng hoảng và suy vong của chế độ phong kiến, trong đó tập trung phân tích về thực trạng xã hội Việt	2	HK6	

**Biểu mẫu 18**  
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

<b>STT</b>	<b>Tên môn học</b>	<b>Mục đích môn học</b>	<b>Số tín chỉ</b>	<b>Lịch trình giảng dạy</b>	<b>Phương pháp đánh giá sinh viên</b>
	nửa đầu thế kỉ XIX	Nam trong thời kỳ này đề lý giải nguyên nhân làm bùng nổ phong trào nông dân. Trên cơ sở đó tìm hiểu về những đặc điểm, nguyên nhân thất bại của phong trào, đồng thời rút ra những nhận xét, đánh giá vai trò của phong trào nông dân đối với sự phát triển của lịch sử dân tộc.			
68	Khuynh hướng canh tân nửa sau thế kỉ XIX và phong trào duy tân đầu thế kỉ XX ở Việt Nam	Học phần cung cấp kiến thức cơ bản và có hệ thống, giúp sinh viên hiểu được những nội dung kiến thức tổng quát và đi sâu tìm hiểu những đặc điểm, tính chất của phong trào duy tân ở một số nước phương Đông và đặc biệt là Việt Nam trong giai đoạn cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX.	2	HK7	
69	Quan hệ Xiêm – Lào – Campuchia – Việt Nam từ nửa sau thế kỉ XVIII đến cuối thế kỉ XIX	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về lịch sử quan hệ chính trị, quân sự, ngoại giao... giữa 4 nước Xiêm – Lào – Campuchia – Việt Nam. Bên cạnh đó, học phần còn chỉ ra các đặc điểm, tính chất và sự ảnh hưởng, tác động qua lại lẫn nhau giữa các nước nói trên trong quá khứ cũng như hiện nay.	2	HK7	
70	Chiến tranh và hoà bình trong thế kỉ XX	Học phần hướng đến việc cung cấp kiến thức cho người học về hai cuộc chiến tranh thế giới trong thế kỉ XX, về chiến tranh Lạnh và phong trào đấu tranh của các lực lượng yêu chuộng hoà bình thế giới vì một thế giới hoà bình hơn.	2	HK7	



**Biểu mẫu 18***(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)*

<b>STT</b>	<b>Tên môn học</b>	<b>Mục đích môn học</b>	<b>Số tín chỉ</b>	<b>Lịch trình giảng dạy</b>	<b>Phương pháp đánh giá sinh viên</b>
71	Thực tập sư phạm 1	Học phần giúp cho sinh viên nắm bắt được những hoạt động chủ yếu của người giáo viên ở trường THPT. Bước đầu giúp sinh viên vận dụng những kiến thức về Tâm lý học, Giáo dục học và Lý luận dạy học bộ môn để thực hiện một số công việc của người giáo viên ở trường thực tập. Thông qua quan sát và thực hành nghiệp vụ góp phần hình thành những kỹ năng cần thiết để trở thành người giáo viên THPT.	2	HK5	
72	Thực tập sư phạm 2	Học phần giúp cho sinh viên vận dụng những kiến thức đã được trang bị ở trường đại học vào công tác giảng dạy và công tác chủ nhiệm ở trường THPT; Rèn luyện các kỹ năng cơ bản của người giáo viên phổ thông trung học. Thực hành công tác giảng dạy và công tác chủ nhiệm lớp, thực hiện các hoạt động nghiệp vụ của một người giáo viên ở trường THPT. Nâng cao ý thức nghề nghiệp và lòng yêu nghề cho sinh viên.	2	HK8	

**8. NGÀNH SƯ PHẠM TIẾNG ANH (7140231)**

<b>STT</b>	<b>Tên môn học</b>	<b>Mục đích môn học</b>	<b>Số tín chỉ</b>	<b>Lịch trình giảng dạy</b>	<b>Phương pháp đánh giá sinh viên</b>
	Triết học Mac Lenin	Học phần Triết học Mác - Lênin là học phần cung cấp thế giới quan khoa học và phương pháp luận biện	3	HK 2	

**Biểu mẫu 18***(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)*

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1		chứng cho sinh viên, giúp sinh viên phát triển năng lực tư duy biện chứng và có khả năng vận dụng các nguyên lý, nguyên tắc phương pháp luận triết học vào trong thực tiễn cuộc sống; xác lập được phẩm chất đạo đức cách mạng, có lập trường tư tưởng chính trị vững vàng.			
2	Kinh tế Chính trị Mac Lenin	Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin là một trong ba bộ phận lý luận cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin. Kiến thức của học phần này kết hợp với kiến thức của học phần Triết học Mác - Lênin và học phần chủ nghĩa xã hội khoa học sẽ giúp sinh viên có được hệ thống tri thức cơ bản, cốt lõi của chủ nghĩa Mác - Lênin. Đây sẽ là kiến thức nền tảng để sinh viên có thể học tập tốt các học phần khác như Tư tưởng Hồ Chí Minh và Lịch sử đảng Cộng sản Việt Nam.	2	HK 3	
3	Chủ Nghĩa xã hội Khoa học	Chủ nghĩa xã hội khoa học là một môn khoa học lý luận chính trị, một trong ba bộ phận hợp thành chủ nghĩa Mác - Lênin. Chủ nghĩa xã hội là chủ nghĩa Mác - Lênin, luận giải trên góc độ triết học, kinh tế chính trị - xã hội về quy luật chính trị - xã hội của tiến trình lịch sử quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa cộng sản trên phạm vi toàn thế giới.	2	HK 4	
	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn	2	HK 5	

**Biểu mẫu 18**

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
4		tư tưởng Hồ Chí Minh; Về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; Tư tưởng Hồ Chí Minh về: Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; Đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; Văn hóa, đạo đức, con người.			
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Học phần trang bị cho sinh viên sự hiểu biết về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam	2	HK 6	
6	Tin học đại cương	Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng cơ bản để làm việc trên máy tính. Kiến thức của học phần là kiến thức nền giúp cho sinh viên dễ dàng tiếp cận, học tập các học phần khác có sử dụng máy tính. Ngoài ra sinh viên còn có khả năng sử dụng máy tính làm công cụ học tập và sưu tầm tài liệu giúp cho hiệu quả học tập được nâng cao hơn.	3	HK 2	
7	Ngoại ngữ 2 (học phần 1)	Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng về ngữ âm – văn tự – từ vựng của tiếng Hán hiện đại, là điều kiện tiên quyết để sinh viên học tiếp các học phần tiếng Trung cơ bản 2 và 3. Học phần được thiết kế với thời lượng 02 tín chỉ, tương đương 30 tiết thực học.	2	HK 1	<ul style="list-style-type: none"> <li>● Đánh giá quá trình: 15%</li> <li>● Đánh giá giữa kỳ: 25%</li> <li>● Đánh giá cuối kỳ: 60%</li> </ul>

**Biểu mẫu 18**  
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
8	Ngoại ngữ 2 (học phần 2)	Học phần này là học phần nối tiếp với học phần tiếng Trung CB 1, cung cấp cho sinh viên những kiến thức về từ vựng – ngữ pháp, giúp sinh viên từng bước rèn luyện và hoàn thiện các kỹ năng ngôn ngữ.	2	HK 2	<ul style="list-style-type: none"> <li>● Đánh giá quá trình: 15%</li> <li>● Đánh giá giữa kỳ: 25%</li> <li>● Đánh giá cuối kỳ: 60%</li> </ul>
9	Ngoại ngữ 2 (học phần 3)	Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức về từ vựng – ngữ pháp ở giai đoạn tiền trung cấp, giúp sinh viên tiếp tục rèn luyện và hoàn thiện các kỹ năng ngôn ngữ.	3	HK 3	<ul style="list-style-type: none"> <li>● Đánh giá quá trình: 15%</li> <li>● Đánh giá giữa kỳ: 25%</li> <li>● Đánh giá cuối kỳ: 60%</li> </ul>
10	Pháp luật đại cương	Học phần Pháp luật đại cương là môn học thuộc Khối kiến thức giáo dục đại cương; cung cấp kiến thức mang tính lý luận cơ bản về Nhà nước và Pháp luật; một số kiến thức về pháp luật thực định liên quan đến đời sống lao động, sản xuất của công dân; nâng cao văn hoá pháp lý cho người học; hỗ trợ người học lựa chọn hành vi xử sự đúng pháp luật; biết tôn trọng kỷ luật học đường, kỷ cương xã hội, góp phần thực hiện mục tiêu đào tạo và hoàn thiện nhân cách cho người học, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa (XHQN) của dân, do dân, vì dân; nâng cao ý thức tự giác thực hiện pháp luật, có thái độ bảo vệ tính đúng	2	HK 3	

**Biểu mẫu 18**  
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		đần, tính nghiêm minh và tính công bằng của pháp luật.			
11	Giáo dục thể chất	Mục tiêu của giáo dục thể chất (GDTC) trong các trường Đại học là góp phần thực hiện mục tiêu đào tạo đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật, quản lý kinh tế và văn hoá xã hội; phát triển hài hoà về thể lực và tư duy, phát triển các năng lực chăm sóc sức khỏe, vận động cơ bản và thể dục thể thao, nhằm phát triển các tố chất thể lực của sinh viên; có những phẩm chất tốt đẹp và năng lực cần thiết để trở thành người hữu dụng có thể chất cường tráng sẵn sàng đáp ứng tốt theo yêu cầu xã hội.	3	HK	
12	Giáo dục quốc phòng	Nhằm trang bị cho sinh viên những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; quán triệt quan điểm của Đảng về xây dựng nền Quốc phòng toàn dân - an ninh nhân dân; xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân; tiến hành chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN. Những hiểu biết về lịch sử nghệ thuật đánh giặc của ông cha ta và nghệ thuật quân sự Việt Nam từ khi có Đảng, các nội dung về xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển đảo; xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc và những vấn đề cơ bản về an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội.	3	HK	

**Biểu mẫu 18**  
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
13	Tâm lý học đại cương	Tâm lý học đại cương là học phần nền tảng giúp sinh viên có những kiến thức ban đầu về tâm lý con người. Từ đó giúp sinh viên (giáo sinh) có thể vận dụng để định hướng cho việc giảng dạy và giao tiếp với học sinh sau này.	2	HK 1	
14	Giáo dục học	Giáo dục học đại cương là học phần tiên quyết của việc đào tạo sinh viên sư phạm. Giáo dục học nghiên cứu về sự hình thành, phát triển, bản chất, các quy luật và kinh nghiệm của quá trình hình thành nhân cách của con người. Việc được học tập môn học này là hết sức quan trọng đối với sinh viên sư phạm, hình thành những kinh nghiệm, hiểu biết có tính chất nền tảng của việc giáo dục con người và nghề giáo.	2	HK 2	
15	Đánh giá kết quả giáo dục của học sinh	Học phần đánh giá kết quả giáo dục học sinh, một trong những học phần bắt buộc trong việc đào tạo giáo viên sư phạm, cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về kiểm tra đánh giá. Cụ thể sinh viên sẽ khái quát các hình thức kiểm tra đánh giá ở bậc phổ thông trung học (đánh giá trong tiến trình, đánh giá tổng kết); hiểu các nguyên tắc của việc kiểm tra đánh giá; xác định mục tiêu, yêu cầu, nội dung kiến thức và kỹ năng cần được kiểm tra đánh giá trong chương trình giảng dạy, phân loại bài kiểm tra, nắm vững quy trình ra đề, chọn phương pháp đánh giá phù hợp	2	HK 6	<ul style="list-style-type: none"> <li>● Đánh giá quá trình: 15%</li> <li>● Đánh giá giữa kỳ: 25%</li> <li>● Đánh giá cuối kỳ: 60%</li> </ul>

**Biểu mẫu 18**

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		với khả năng của học sinh và thời gian quy định. Từ đây sinh viên có thể lập ma trận, viết bảng đặc tả cho bài kiểm tra với những loại hình bài tập đa dạng phong phú nhằm đảm bảo độ tin cậy cao và thiết kế những câu hỏi ở cấp độ khác nhau phù hợp với năng lực của học sinh.			
16	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên	Học phân tạo điều kiện cho sinh viên vận dụng những kiến thức đã học trong các học phần kỹ thuật giảng dạy tiếng Anh 1, 2 và chuẩn bị cho thực tập sư phạm lần 2 ở trường trung học phổ thông.	3	HK 7	<ul style="list-style-type: none"> <li>● Đánh giá quá trình: 15%</li> <li>● Đánh giá giữa kỳ: 25%</li> <li>● Đánh giá cuối kỳ: 60%</li> </ul>
17	Thực hành dạy học tại trường sư phạm	Thực hành dạy học tại trường sư phạm góp phần quan trọng trong việc hình thành, phát triển kỹ năng cũng như phẩm chất nghề nghiệp cho giáo sinh. Sau khi hoàn thành học phần lý thuyết về phương pháp giảng dạy, đây là cơ hội giáo sinh được rèn luyện kỹ năng sư phạm (tác phong ứng xử, khả năng ngôn ngữ), kỹ năng giao tiếp sư phạm, kỹ năng giảng dạy và giáo dục, kỹ năng giải quyết các tình huống sư phạm khác, đồng thời giúp giáo sinh củng cố, mở rộng những kiến thức đã học trên lớp, linh động sáng tạo ứng dụng phương pháp giảng dạy phù hợp với điều kiện trong thực tế ở trường phổ thông. Giáo sinh còn dự giờ minh họa của giáo viên có kinh nghiệm giảng dạy tại trường sư phạm nhằm giúp kiểm nghiệm và lĩnh hội kiến	3	HK 6	<ul style="list-style-type: none"> <li>● Đánh giá quá trình: 15%</li> <li>● Đánh giá giữa kỳ: 25%</li> <li>● Đánh giá cuối kỳ: 60%</li> </ul>

**Biểu mẫu 18**  
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		thức tốt hơn. Ngoài ra giáo sinh có cơ hội trải nghiệm một số tiết dạy và trao đổi kinh nghiệm với giáo viên phổ thông.			
18	Thực tập sư phạm đợt 1	<p>Học phần thực tập sư phạm đợt 1 nhằm giúp sinh viên từng bước làm quen với những công việc cũng như các hoạt động dạy học ở trường phổ thông. Cụ thể sinh viên đến các trường phổ thông và sẽ tập làm công tác chủ nhiệm, xây dựng kế hoạch các hoạt động cho lớp chủ nhiệm cũng như tham gia các phong trào đoàn thể. Sinh viên nghe báo cáo và viết thu hoạch tìm hiểu thực tế giáo dục, nghe báo cáo của tổ chuyên môn, dự giờ giáo viên hướng dẫn hay giáo viên trong tổ, thiết kế bài giảng, trực tiếp giảng dạy dưới sự giám sát và hỗ trợ của giáo viên hướng dẫn.</p>	2	HK 5	
19	Thực tập sư phạm đợt 2	<p>Thực tập sư phạm đợt 2 là khâu cuối cùng và quan trọng trong việc đào tạo và rèn luyện năng lực sư phạm cho những giáo viên tương lai. Giáo sinh sẽ vận dụng những kiến thức đã lĩnh hội trên lớp cũng như kinh nghiệm giảng dạy trong lần thực tập trước một cách chi tiết hơn để thực hiện những công việc thực thụ của một giáo viên phổ thông. Giáo sinh phải tự soạn giảng những tiết dạy các kỹ năng (nghe, nói, đọc, viết) hay kiến thức ngôn ngữ (ngữ âm, ngữ pháp) và trực tiếp giảng dạy</p>	5	HK 8	



**Biểu mẫu 18**

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		cho các khối lớp khác nhau. Gs cũng phụ trách 1 lớp chủ nhiệm, lên kế hoạch chi tiết từng tiết chủ nhiệm đặc biệt quan tâm những hs cá biệt hay hs có hoàn cảnh đặc biệt, khéo léo vận dụng kiến thức đã học nhằm xử lý các tình huống sư phạm mang tính giáo dục cao. Gs chủ động sáng tạo trong việc vận dụng kiến thức đã học và rèn luyện các kỹ năng giáo dục và dạy học trong thực tế nhà trường, từ đó hình thành thành ý thức tinh thần trách nhiệm, nâng cao tình cảm nghề nghiệp cho sinh viên, chuẩn bị bước vào nghề.			
20	Cơ sở lý luận dạy và học ngôn ngữ	Cơ sở lý luận dạy học tiếng Anh (Foundations of English Language Teaching and Learning) là một học phần nền tảng bắt buộc đối với sinh viên sư phạm. Học phần nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức sư phạm cơ bản về quá trình dạy và học ngôn ngữ nói chung và tiếng Anh nói riêng đồng thời giúp hình thành kỹ năng giảng dạy một cách vững chắc. Kiến thức liên quan đến việc học ngôn ngữ bao gồm sự hiểu biết về quy luật phát triển nhận thức, tâm lý, đặc điểm phát triển ngôn ngữ và những yếu tố ảnh hưởng đến quá trình tiếp thu của học sinh. Kiến thức về dạy học tiếng Anh bao gồm các phương pháp dạy học truyền thống và hiện đại đã và đang được sử dụng, các thủ thuật ứng dụng trong từng	2	HK 3	<ul style="list-style-type: none"><li>● Đánh giá quá trình: 15%</li><li>● Đánh giá giữa kỳ: 25%</li><li>● Đánh giá cuối kỳ: 60%</li></ul>

**Biểu mẫu 18**

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		phương pháp, vai trò của người truyền đạt và lĩnh hội kiến thức, cách tổ chức hoạt động dạy học và đánh giá kết quả học tập của học sinh.			
21	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh 1	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh 1 (Teaching the what) thuộc khối kiến thức chuyên ngành hướng dẫn sinh viên cách giảng dạy các thành tố ngôn ngữ. Học phần bao gồm: dạy từ vựng (khái niệm từ, các khía cạnh của từ, phân loại từ vựng, các bước dạy từ mới, các thủ thuật giải thích nghĩa của từ, các hoạt động dạy và ôn từ vựng), dạy ngữ pháp (phương pháp dạy, các thủ thuật xây dựng ngữ cảnh, giải thích, luyện tập cấu trúc ngữ pháp), dạy ngữ âm (tổng thể ngữ âm tiếng Anh, thủ thuật trình bày và luyện các âm đơn lẻ, nhấn từ, nhấn câu và ngữ điệu), dạy bài hội thoại (các bước cơ bản, những thủ thuật luyện tập đa dạng và cách thức làm cho hoạt động luyện tập gần gũi hơn với cuộc sống hằng ngày), chuẩn bị giáo án (những thành tố cơ bản, cách thức trình bày giáo án phát triển kỹ năng, trình bày ngữ liệu mới và ôn tập).	3	HK 4	<ul style="list-style-type: none"> <li>● Đánh giá quá trình: 15%</li> <li>● Đánh giá giữa kỳ: 25%</li> <li>● Đánh giá cuối kỳ: 60%</li> </ul>
22	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh 2	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh 2 (Teaching the how) thuộc khối kiến thức chuyên ngành trang bị cho sinh viên kiến thức quan trọng cần thiết để hiểu và dạy các kỹ năng ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết) theo đường hướng giao tiếp. Học phần bao gồm:	3	HK 5	

**Biểu mẫu 18***(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT**ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)*

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<p>đạy kỹ năng tiếp thu ngôn ngữ (receptive skills): nghe và đọc (giới thiệu chung quá trình tiếp thu ngôn ngữ, các thủ thuật đọc/ nghe lấy để hiểu ý chính hay các chi tiết của bài, tiến trình lên lớp bài đọc hiểu và nghe hiểu; dạy kỹ năng sản sinh ngôn ngữ (productive skills): nói và viết. Cụ thể kỹ năng giao tiếp (chiến thuật giao tiếp hiệu quả, khái niệm về hoạt động giao tiếp, các nguyên tắc và tiến trình bài phát triển kỹ năng Nói); kỹ năng viết bao gồm các kỹ năng hỗ trợ (sub-skills) khi viết, nhận dạng mục đích các sub-skills, và các phương thức tiếp cận. Bên cạnh đó, còn giúp sinh viên tích hợp các kỹ năng và kiến thức ngôn ngữ nhằm giúp khắc sâu kiến thức vừa học. Ngoài ra học phần giúp sinh viên có thái độ tích cực với những lỗi của học sinh và tiếp cận cách sửa lỗi động viên khuyến khích tự tin hơn trong quá trình học.</p>			
23	Tiếng Việt thực hành	<p>Học phần bao gồm những đơn vị kiến thức, kỹ năng cần thiết giúp sinh viên hiểu rõ và thực hành tốt tiếng Việt trong học tập, công việc, cuộc sống. Nội dung học phần tập trung vào việc trau dồi cho sinh viên các kỹ năng cơ bản như: tạo lập văn bản, dựng đoạn, đặt câu, dùng từ, chính tả trong tiếng Việt. Sinh viên học tập học phần này không chỉ để rèn luyện ngôn ngữ cho bản thân mà còn</p>	2	HK 3	<ul style="list-style-type: none"> <li>● Đánh giá quá trình: 15%</li> <li>● Đánh giá giữa kỳ: 25%</li> <li>● Đánh giá cuối kỳ: 60%</li> </ul>

**Biểu mẫu 18**

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		hướng đến việc am hiểu, yêu thích, tự hào về sự trong sáng và giàu có của tiếng Việt. Nội dung học phần được sắp xếp theo thứ tự từ cấp độ lớn là toàn văn bản đến cấp độ nhỏ hơn là đoạn văn, câu, từ, chữ viết			
24	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Học phần Cơ sở văn hóa Việt Nam là môn học thuộc khối kiến thức cơ sở của ngành và là môn đại cương giúp sinh viên nắm được những khái niệm cơ bản về văn hóa; đặc trưng văn hóa; nhận diện được các vùng văn hóa trên lãnh thổ Việt Nam; tiến trình văn hóa Việt Nam từ nguồn gốc cho đến nay. Học phần còn hướng dẫn sinh viên tìm hiểu các thành tố văn hóa: văn hóa nhận thức và văn hóa tổ chức cộng đồng; văn hóa giao tiếp ứng xử với môi trường tự nhiên và xã hội; tìm hiểu sự giao lưu ảnh hưởng của văn hóa Việt Nam với văn hóa Trung Hoa, Ấn Độ và văn hóa phương Tây.	2	HK 3	<ul style="list-style-type: none"> <li>● Đánh giá quá trình: 15%</li> <li>● Đánh giá giữa kỳ: 25%</li> <li>● Đánh giá cuối kỳ: 60%</li> </ul>
25	Dẫn luận ngôn ngữ học	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, cập nhật về ngôn ngữ học như bản chất và chức năng của ngôn ngữ, tính hệ thống của ngôn ngữ, nguồn gốc và sự phát triển của ngôn ngữ, phân loại ngôn ngữ. Học phần giúp SV làm quen một số đơn vị ngôn ngữ, quan hệ ngôn ngữ, phạm trù ngôn ngữ cơ bản. Những kiến thức cơ bản của học phần là nền tảng cho việc đi sâu vào nghiên cứu	2	HK 5	<ul style="list-style-type: none"> <li>● Đánh giá quá trình: 15%</li> <li>● Đánh giá giữa kỳ: 25%</li> <li>● Đánh giá cuối kỳ: 60%</li> </ul>

**Biểu mẫu 18**

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		ngôn ngữ nói chung, tiếng Anh nói riêng.			
26	Ngôn ngữ học đối chiếu	Ngôn ngữ học đối chiếu là một phân ngành của ngôn ngữ học tập trung vào việc so sánh một cách hệ thống hai hay nhiều ngôn ngữ, miêu tả những điểm tương đồng và khác biệt giữa chúng ở các cấp độ ngữ âm học, cú pháp học, ngữ nghĩa học, ngữ dụng học và phong cách học. Người học sẽ được làm quen với một số phương pháp, thủ pháp phân tích đối chiếu và thực hành việc đối chiếu các đơn vị, cấp độ ngôn ngữ. Kỹ năng, kiến thức thu được từ học phần góp phần nâng cao chất lượng của việc dạy, học, nghiên cứu ngôn ngữ.	2	HK 7	<ul style="list-style-type: none"> <li>● Đánh giá quá trình: 15%</li> <li>● Đánh giá giữa kỳ: 25%</li> <li>● Đánh giá cuối kỳ: 60%</li> </ul>
27	Nghe 1	Học phần Nghe 1 (Listening 1) là học phần bắt buộc đầu tiên mà sinh viên phải học trong 06 học phần Nghe. Học phần nghe 1 nhằm giúp sinh viên phát triển kỹ năng nghe tiếng Anh thông qua các chủ đề phổ biến và luyện tập các đề thi mức độ IELTS từ 3.5 theo định hướng đề thi dạng IELTS. Sinh viên sẽ có nhiều cơ hội để học cũng như ứng dụng các thủ thuật khác nhau để từng bước hoàn thiện kỹ năng sử dụng tiếng Anh cơ bản của mình như Listening for specific information, Listening for gist, Listening for details.....	2	HK 1	<ul style="list-style-type: none"> <li>● Đánh giá quá trình: 15%</li> <li>● Đánh giá giữa kỳ: 25%</li> <li>● Đánh giá cuối kỳ: 60%</li> </ul>
28	Nghe 2	Đây là học phần bắt buộc và sinh viên phải học xong học phần Nghe 1 mới có thể tiếp tục học phần Nghe 2.	2	HK 2	<ul style="list-style-type: none"> <li>● Đánh giá quá trình: 15%</li> </ul>

**Biểu mẫu 18**  
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Trong giáo trình FOCUS ON IELTS - Foundation có 12 đơn vị bài học, nhưng chỉ có 6 đơn vị bài học rèn luyện kỹ năng nghe. Sinh viên được rèn luyện các kỹ năng nghe như: điền thông tin chính (note completion, sentence completion, table completion), hoàn thành các thông tin trên các biểu đồ (diagram completion), lựa chọn đáp án đúng (multiple-choice questions). Mỗi bài học tập trung vào một chủ đề mà sinh viên sẽ gặp trong cấu trúc bài nghe IELTS. Sinh viên luyện tập 6 bài đầu trên lớp. Ngoài ra giảng viên cũng tích hợp từ nhiều nguồn dữ liệu với nguồn dữ liệu do sinh viên tìm và chia sẻ để luyện tập.			<ul style="list-style-type: none"> <li>● Đánh giá giữa kỳ: 25%</li> <li>● Đánh giá cuối kỳ: 60%</li> </ul>
29	Nghe 3	Nội dung học phần Nghe 3 nhằm dạy sinh viên làm quen với các dạng bài và kỹ thuật giải các dạng bài Nghe học thuật IELTS (IELTS Academic Listening) gồm bảy dạng bài chính hiện diện trong cả bốn phần của một bài thi nghe học thuật IELTS.	2	HK 3	<ul style="list-style-type: none"> <li>● Đánh giá quá trình: 15%</li> <li>● Đánh giá giữa kỳ: 25%</li> <li>● Đánh giá cuối kỳ: 60%</li> </ul>
30	Nghe 4	Nội dung học phần Nghe 4 nhằm dạy sinh viên làm quen với các dạng bài và kỹ thuật giải các dạng bài Nghe học thuật IELTS (IELTS Academic Listening) gồm bảy dạng bài chính hiện diện trong cả bốn phần của một bài thi nghe học thuật IELTS.	2	HK 4	<ul style="list-style-type: none"> <li>● Đánh giá quá trình: 15%</li> <li>● Đánh giá giữa kỳ: 25%</li> <li>● Đánh giá cuối kỳ: 60%</li> </ul>

**Biểu mẫu 18**  
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
31	Nghe 5	Học phần nghe 5 nhằm trang bị cho sinh viên các kỹ năng nghe cũng như các chiến thuật làm 1 bài nghe theo hình thức bài thi IELTS. Các chủ đề nghe xoay quanh các dạng bài tập nghe theo các dạng trong bài nghe IELTS.	2	HK 5	<ul style="list-style-type: none"> <li>● Đánh giá quá trình: 15%</li> <li>● Đánh giá giữa kỳ: 25%</li> <li>● Đánh giá cuối kỳ: 60%</li> </ul>
32	Nghe 6	Đây là môn học bắt buộc để sinh viên có thể đạt chuẩn đầu ra. Các bài luyện tập ở trình độ cao và các đề thi mẫu giúp sinh viên từng bước làm quen với kì thi IELTS nói chung và kĩ năng Nghe nói riêng. Trong tài liệu nghe 6 gồm 15 bài luyện nghe tập trung các bài thi mẫu theo cấu trúc IELTS để sinh viên tự tin vào kỳ thi thật sự, ngoài ra giảng viên cũng tích hợp nhiều nguồn dữ liệu cùng với với nguồn dữ liệu do sinh viên tìm và chia sẻ để luyện tập. Sau học phần nghe 6 sinh viên ít nhất đạt ở mức 7.5 IELTS.	2	HK 6	<ul style="list-style-type: none"> <li>● Đánh giá quá trình: 15%</li> <li>● Đánh giá giữa kỳ: 25%</li> <li>● Đánh giá cuối kỳ: 60%</li> </ul>
33	Nói 1	Học phần Nói 1 cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng về đặc điểm văn nói, kỹ thuật nói cơ bản đồng thời hướng dẫn sinh viên thảo luận để trao đổi thông tin, đặt câu hỏi và trả lời câu hỏi về các chủ đề quen thuộc, gia đình, hoạt động hàng ngày, sở thích, thể thao, thời tiết khí hậu, so sánh, miêu tả người, đồ vật, công việc, các sự kiện và kỷ niệm.	2	HK 1	<ul style="list-style-type: none"> <li>● Đánh giá quá trình: 15%</li> <li>● Đánh giá giữa kỳ: 25%</li> <li>● Đánh giá cuối kỳ: 60%</li> </ul>
34	Nói 2	Học phần Nói 2 bao gồm 10 bài học với các chủ đề/lĩnh vực thường được đề cập đến trong giao tiếp xã	2	HK 2	<ul style="list-style-type: none"> <li>● Đánh giá quá trình: 15%</li> </ul>

**Biểu mẫu 18**

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		hội như Sức khỏe, Giáo dục, Nghề nghiệp, Giải trí, Du lịch, Giao thông, Ẩm thực, Khoa học và kỹ thuật...			<ul style="list-style-type: none"> <li>● Đánh giá giữa kỳ: 25%</li> <li>● Đánh giá cuối kỳ: 60%</li> </ul>
35	Nói 3	Học phần Nói 3 là học phần tập trung đào sâu kiến thức và kỹ năng quan trọng thông qua từng chủ đề cơ bản với mục tiêu giúp cho sinh viên nắm vững cấu trúc từng phần thi, có đủ kiến thức và kỹ năng tốt để có thể tự tin đạt được điểm 5.5 trong kỳ thi IELTS. Học phần tập trung vào các chủ đề: các mối quan hệ, địa danh, giáo dục, việc làm, thực phẩm, tiêu dùng, giải trí, truyền thông, thể giới tự nhiên. Học phần tập trung vào nâng cao kỹ năng trả lời các dạng câu hỏi, phát triển câu trả lời, sắp xếp ý tưởng, cách dùng liên từ, trả lời trôi chảy, mạch lạc.; nâng cao kỹ năng biến đổi và đa dạng cấu trúc; củng cố phát âm, ngữ điệu; mở rộng từ vựng về đặc ngữ, cụm từ đặc trưng.	2	HK 3	<ul style="list-style-type: none"> <li>● Đánh giá quá trình: 15%</li> <li>● Đánh giá giữa kỳ: 25%</li> <li>● Đánh giá cuối kỳ: 60%</li> </ul>
36	Nói 4	Học phần nói 4 tiếp tục hướng dẫn sinh viên ôn luyện các kỹ năng và nâng cao kiến thức thông qua các chủ đề với mục tiêu giúp sinh viên tự tin đạt điểm 6.5 trong kỳ thi IELTS. Học phần tập trung vào các chủ đề: Môi trường sống, thể thao, giải trí, truyền thông, giao thông, nghề nghiệp, môi trường, giáo dục, lễ hội. Học phần tập trung củng cố kỹ năng phát triển câu trả lời chi tiết, trôi chảy	2	HK 4	<ul style="list-style-type: none"> <li>● Đánh giá quá trình: 15%</li> <li>● Đánh giá giữa kỳ: 25%</li> <li>● Đánh giá cuối kỳ: 60%</li> </ul>



**Biểu mẫu 18**

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		và mạch lạc; khả năng phân tích, lập luận, so sánh; củng cố kiến thức và nâng cao vốn từ, cấu trúc, cụm từ, đặc ngữ, thành ngữ; củng cố phát âm, ngữ điệu.			
37	Nói 5	Học phần Nói 5 cung cấp cho sinh viên kiến thức từ vựng nâng cao và những kiến thức cơ bản về các chủ đề xã hội quen thuộc trong kì thi IELTS, cũng như các kĩ năng phù hợp với mức band điểm 7.5 để trả lời nhanh các câu hỏi trong cả ba phần thi của kì thi IELTS. Cụ thể, các chủ đề chính trong học phần xoay quanh các chủ đề về cuộc sống đô thị và miền quê, sức khỏe, nghệ thuật, tài chính, kinh doanh, lịch sử, khoa học kĩ thuật, truyền hình, tin tức, và văn hóa. Khi học xong các chủ đề này, sinh viên có thể trả lời những câu hỏi về bản thân, hiểu những vấn đề mang tính xã hội và quốc tế mà các giám khảo người bản xứ thường hỏi trong các kì thi IELTS cũng như có cách tiếp cận trả lời các câu hỏi phức tạp một cách hiệu quả. Về kĩ năng, học phần sẽ tập trung phát triển khả năng khai triển câu trả lời để đáp ứng yêu cầu về độ dài câu trả lời của từng loại câu hỏi trong IELTS, khả năng kết nối ý tưởng cũng như khả năng kiểm soát ngữ pháp để có độ chính xác cao hơn về mặt sử dụng ngôn ngữ trong câu trả lời.	2	HK 5	<ul style="list-style-type: none"><li>● Đánh giá quá trình: 15%</li><li>● Đánh giá giữa kỳ: 25%</li><li>● Đánh giá cuối kỳ: 60%</li></ul>

**Biểu mẫu 18**

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
38	Nói 6	Học phần Nói 6 mở rộng kiến thức từ vựng nâng cao so với học phần trước, và mở rộng thêm kiến thức cơ bản về các chủ đề xã hội quen thuộc trong kì thi IELTS, cũng như các kĩ năng phù hợp với mức band điểm 7.5 trở lên để trả lời nhanh các câu hỏi trong cả ba phần thi của kì thi IELTS. Cụ thể, các chủ đề chính trong học phần xoay quanh các chủ đề về nghề nghiệp, màu sắc, lối sống và sức khỏe, nghệ thuật, lịch sử, công nghệ thông tin, thiên nhiên và môi trường, trái đất và vũ trụ. Khi học xong các chủ đề này, sinh viên không chỉ có đủ kiến thức xã hội cơ bản và từ vựng nâng cao để trả lời các câu hỏi IELTS mang tính xã hội và quốc tế về các chủ đề đã học, mà ngoài ra còn có khả năng suy luận tư duy nhanh để trả lời về những chủ đề không nằm trong phạm vi chương trình học. Về kĩ năng, học phần sẽ tập trung củng cố khả năng vận dụng ngữ pháp từ vựng một cách linh hoạt để khai triển câu trả lời, khả năng về ngữ âm và ngữ điệu trong lúc nói để tăng hiệu giao tiếp trong cả 3 phần thi IELTS, cũng như trong các vấn đề bàn luận giao tiếp thông thường với người bản xứ.	2	HK 6	<ul style="list-style-type: none"><li>• Đánh giá quá trình: 15%</li><li>• Đánh giá giữa kỳ: 25%</li><li>• Đánh giá cuối kỳ: 60%</li></ul>
39	Đọc 1	Học phần Đọc 1 (giáo trình GET READY FOR IELTS) dành cho sinh viên muốn đạt được từ 3 – 3.5 theo thang điểm IELTS. Học phần này	2	HK 1	<ul style="list-style-type: none"><li>• Đánh giá quá trình: 15%</li><li>• Đánh giá giữa kỳ: 25%</li></ul>

**Biểu mẫu 18**

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		nhằm giúp sinh viên làm quen các kỹ năng đọc để chuẩn bị cho những dạng bài Đọc học thuật IELTS (IELTS Academic Reading).			<ul style="list-style-type: none"> <li>● Đánh giá cuối kỳ: 60%</li> </ul>
40	Đọc 2	Học phần Đọc 2 (giáo trình FOCUS ON IELTS FOUNDATION) dành cho sinh viên muốn đạt được từ 4 – 4.5 theo thang điểm IELTS. Học phần này giúp sinh viên củng cố và cải thiện các kỹ năng đọc học thuật đã được học ở học phần Đọc 1.	2	HK 2	<ul style="list-style-type: none"> <li>● Đánh giá quá trình: 15%</li> <li>● Đánh giá giữa kỳ: 25%</li> <li>● Đánh giá cuối kỳ: 60%</li> </ul>
41	Đọc 3	Học phần Đọc 3 (giáo trình MINDSET 1, 2017) dành cho sinh viên trình độ B1 muốn đạt được từ 5 - 5.5 theo thang điểm IELTS. Mục tiêu của học phần là nhằm để phát triển kỹ năng giải quyết các bài đọc với những chủ đề mới và đặc biệt giúp sinh viên làm quen với các dạng câu hỏi (question types) thường gặp trong các bài thi đọc của IELTS, cải thiện các kỹ năng đọc nói chung cũng như các kỹ năng cần thiết trong các kì thi. Để đạt được mức điểm này, sinh viên phải trải qua bài kiểm tra đọc IELTS, bao gồm 3 bài đọc khác nhau, tăng dần về độ khó trong thời lượng 60 phút và phải trả lời được từ 18 – 22 câu trên tổng số 40 câu hỏi.	2	HK 3	<ul style="list-style-type: none"> <li>● Đánh giá quá trình: 15%</li> <li>● Đánh giá giữa kỳ: 25%</li> <li>● Đánh giá cuối kỳ: 60%</li> </ul>
42	Đọc 4	Học phần Đọc 4 (giáo trình MINDSET 2, 2017) dành cho sinh viên trình độ B2 muốn đạt được từ 6 – 6.5 theo thang điểm IELTS. Mục tiêu của học phần là nhằm để phát	2	HK 4	<ul style="list-style-type: none"> <li>● Đánh giá quá trình: 15%</li> <li>● Đánh giá giữa kỳ: 25%</li> </ul>

**Biểu mẫu 18**  
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<p>triển chiến lược giải quyết các bài đọc có chủ đề mới lạ với các dạng câu hỏi (question types) thường gặp trong các bài thi đọc của IELTS, cải thiện các kỹ năng đọc nói chung cũng như các kỹ năng cần thiết trong các kì thi. Để đạt được mức điểm này, sinh viên phải trải qua bài kiểm tra đọc IELTS, bao gồm 3 bài đọc khác nhau, tăng dần về độ khó trong thời lượng 60 phút và phải trả lời được từ 23 – 27 câu trên tổng số 40 câu hỏi.</p> <p>Học phần Đọc 4 bao gồm 8 đơn vị bài học với các chủ đề khác nhau, phù hợp với nhu cầu và trình độ của sinh viên và thường xuất hiện trong các bài thi đọc IELTS.</p>			<ul style="list-style-type: none"> <li>● Đánh giá cuối kỳ: 60%</li> </ul>
43	Đọc 5	<p>Học phần Đọc 5 (giáo trình MINDSET 3, 2017) dành cho sinh viên muốn đạt được từ 7 – 7.5 theo thang điểm IELTS. Mục tiêu của học phần là nâng cao kỹ năng đọc thực hành cho sinh viên, đồng thời giúp các em thuần thục trong việc giải quyết các dạng câu hỏi (question types) thường gặp trong các bài thi đọc của IELTS, đọc làm quen với các đề tài được trích dẫn từ nhiều nguồn thông tin khác nhau, hoàn thiện các kỹ năng cần thiết trong các kì thi. Để đạt được mức điểm 7 – 7.5, sinh viên phải trải qua bài kiểm tra đọc IELTS, bao gồm 3 bài đọc khác nhau, tăng dần về độ khó trong thời</p>	2	HK 5	<ul style="list-style-type: none"> <li>● Đánh giá quá trình: 15%</li> <li>● Đánh giá giữa kỳ: 25%</li> <li>● Đánh giá cuối kỳ: 60%</li> </ul>

**Biểu mẫu 18**

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		lượng 60 phút và phải trả lời được từ 28 – 34 câu trên tổng số 40 câu hỏi.			
44	Đọc 6	Nội dung học phần Đọc 6 (Reading 6) hướng sinh viên đến nắm vững các kỹ năng đọc, kỹ năng trả lời các dạng câu hỏi khác nhau trong bài thi đọc hiểu của IELTS. Việc nắm vững các dạng câu hỏi cùng các kỹ thuật nhằm tìm ra câu trả lời chính xác và ít mất thời gian giúp sinh viên nâng cao kỹ năng đọc hiểu, tăng hiệu quả làm bài và hỗ trợ cho công việc giảng dạy sau này. Học phần Đọc 6 được triển khai trong 8 đơn vị bài học theo 2 nhóm Lý thuyết và thực hành. Phần lý thuyết tập trung vào các dạng câu hỏi Diagram/Flow Chart Completion Questions, Table/Note Completion Questions, Summary Completion Questions, Matching Headings Questions, Matching Features Questions, Matching Sentence Endings Questions, Academic Reading Practice Tests. Phần thực hành được thực hiện qua việc cho sinh viên tham gia làm bài thi Reading của IELTS với giới hạn thời gian thực tế.	2	HK 6	<ul style="list-style-type: none"> <li>● Đánh giá quá trình: 15%</li> <li>● Đánh giá giữa kỳ: 25%</li> <li>● Đánh giá cuối kỳ: 60%</li> </ul>
45	Viết 1	Nội dung học phần Viết 1 (Great Writing 1, Keith S. Folse, National Geographic Learning, USA, 2020) nhằm vào xây dựng cho sinh viên kỹ năng về viết các loại câu để áp dụng	2	HK 1	<ul style="list-style-type: none"> <li>● Đánh giá quá trình: 15%</li> <li>● Đánh giá giữa kỳ: 25%</li> </ul>

**Biểu mẫu 18**

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		vào trong các đoạn văn ngắn tiếng Anh khoảng 100 đến 120 từ nhằm tạo nền tảng cho kỹ năng viết đoạn văn (paragraphs) và bài văn hoàn chỉnh (essays) ở các học phần viết 2, 3, 4, 5, & 6 sau này. Cụ thể, học phần viết 1 gồm có 5 đơn vị bài học chính nhằm vào: Sentence Basics, Paragraph Basics, Writing about the Present, Writing about the Past, & Writing about the future. Trong đó, cả 5 đơn vị bài học này đều được xây dựng trên 4 điểm chính: Elements of great writing, Building better vocabulary, Building better sentences, & Writing activities.			<ul style="list-style-type: none"> <li>● Đánh giá cuối kỳ: 60%</li> </ul>
46	Viết 2	Nội dung học phần Viết 2 (Great Writing 2, Keith S. Folse, National Geographic Learning, USA, 2018) gồm 5 đơn vị bài học nhằm vào cung cấp cho sinh viên kiến thức về các thành phần chính tạo nên một đoạn văn: Topic sentence, Supporting sentences, và Concluding sentence cũng như trang bị những kỹ năng cần thiết trong việc viết các đoạn văn khoảng 120 đến 150 từ một cách tự tin và độc lập để từ đó các em có thể áp dụng vào viết các thể loại đoạn văn khác nhau như Process paragraphs và Opinion paragraphs.	2	HK 2	<ul style="list-style-type: none"> <li>● Đánh giá quá trình: 15%</li> <li>● Đánh giá giữa kỳ: 25%</li> <li>● Đánh giá cuối kỳ: 60%</li> </ul>
47	Viết 3	Nội dung học phần Viết 3 (MINDSET 1, 2017, CUP) nhằm vào dạy sinh viên làm quen với	2	HK 3	<ul style="list-style-type: none"> <li>● Đánh giá quá trình: 15%</li> </ul>

**Biểu mẫu 18**

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<p>phương pháp viết luận học thuật IELTS (IELTS Academic Writing) gồm hai phần Task 1 (Report Writings: Diagrams, Maps, Charts, Graphs, and tables) và Task 2 (Expository Essays: Opinion essays, Discussion essays, Two-type question essays) hiện diện trong cả 2 phần thi viết học thuật IELTS. Cụ thể, học phần viết 3 gồm có 8 đơn vị bài học dựa trên bài viết luận theo chủ đề (Theme-based essays) nhằm vào các chủ đề: Relationships, Places and Buildings, Education and Employment, Food and Drink, Consumerism, Leisure Time, Fame and The Media, &amp; Natural World. Trong đó, bốn đơn vị bài học đầu tiên (Units 1-4) nhằm vào viết luận báo cáo (Part 1 Writing) và 4 đơn vị bài học còn lại (Units 5-8) tập trung vào rèn luyện viết các thể loại văn nghị luận xã hội (Part 2 Writing) như: Tranh luận, Thảo luận, Vấn đề và giải pháp.</p>			<ul style="list-style-type: none"> <li>● Đánh giá giữa kỳ: 25%</li> <li>● Đánh giá cuối kỳ: 60%</li> </ul>
48	Viết 4	<p>Nội dung học phần Viết 4 (MINDSET 2, 2017, CUP) vẫn tiếp tục nhằm vào hướng dẫn sinh viên phương pháp viết luận học thuật IELTS (IELTS Academic Writing) gồm hai phần chính Task 1 (Report Writings: Diagrams, Maps, Charts, Graphs, and tables) và Task 2 (Expository Essays: Opinion essays, Discussion essays, Two-type</p>	2	HK 4	<ul style="list-style-type: none"> <li>● Đánh giá quá trình: 15%</li> <li>● Đánh giá giữa kỳ: 25%</li> <li>● Đánh giá cuối kỳ: 60%</li> </ul>

**Biểu mẫu 18**

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<p>question essays) hiện diện trong cả 2 phần thi viết học thuật IELTS. Cụ thể, học phần Viết 4 gồm có 8 đơn vị bài học dựa trên viết luận theo chủ đề (Theme-based essays) nhằm vào: Man-made Environment, Leisure and Entertainment, The News and Media, Travel and Transport, Business and Work, Natural Environment, Education Systems, Festivals and Traditions. Trong đó, bốn đơn vị bài học đầu tiên (Units 1-4) nhằm vào viết bảng biểu (Tables), biểu đồ hình tròn (Pie- Charts), hình cột (Bar charts), hình đường (Line Graphs), đồ thị và bản đồ (Diagrams and Maps) và 4 đơn vị bài học còn lại (Units 5-8) tập trung vào viết ba thể loại văn nghị luận xã hội (Part 2 Writings) như: Tranh luận, Thảo luận, Vấn đề và giải pháp.</p>			
49	Viết 5	<p>Học phần Viết 5 là học phần tiếp theo của học phần Viết 4 tập trung vào phần viết Task 1 và Task 2 của phần thi viết IELTS. Học phần gồm có 6 đơn vị bài học dựa trên các chủ đề (Theme-based essays) như: Urban and Rural Life, Health, Finance and Business, Science and Technology, Television, News and Current Affairs, Culture. Có ba đơn vị bài học chú trọng vào viết Task 1, hai đơn vị bài học tập trung vào luyện viết Task 2 và một đơn vị bài học tập trung cả hai dạng viết. Các bài học ở</p>	2	HK 5	<ul style="list-style-type: none"> <li>● Đánh giá quá trình: 15%</li> <li>● Đánh giá giữa kỳ: 25%</li> <li>● Đánh giá cuối kỳ: 60%</li> </ul>



**Biểu mẫu 18**

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		học phần này được thiết kế nhằm đưa ra những chiến lược giúp sinh viên biết tổ chức sắp xếp và phát triển ý tưởng trong bài viết của mình một cách hiệu quả để đạt được mức điểm 7.0 - 7.5 trong phần viết học thuật IELTS.			
50	Viết 6	Học phần Viết 6 là học phần nối tiếp học phần Viết 5 được chia thành 5 đơn vị bài học. Mỗi bài tập trung vào một chủ đề mà sinh viên có thể gặp trong bài thi viết học thuật IELTS, Task 1 và Task 2 như: Gender Roles, Diet and Nutrition, Educational Goals, Biodiversity, và The Internet (Vai trò giới tính, Chế độ ăn uống và dinh dưỡng, Mục tiêu giáo dục, Đa dạng sinh học, Internet). Các bài học được thiết kế nhằm giúp sinh viên xây dựng vốn từ vựng và ý tưởng liên quan đến nhiều chủ đề khác nhau.	2	HK 6	<ul style="list-style-type: none"> <li>● Đánh giá quá trình: 15%</li> <li>● Đánh giá giữa kỳ: 25%</li> <li>● Đánh giá cuối kỳ: 60%</li> </ul>
51	Ngữ âm thực hành	Môn học giới thiệu các khái niệm cơ bản của ngữ âm và hệ thống ngữ âm tiếng Anh bao gồm âm, trọng âm, và ngữ điệu. Sinh viên học lý thuyết cách phát âm và thực hành luyện âm tiếng Anh ở 3 mức độ: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chữ cái và âm</li> <li>- Âm tiết, từ và câu</li> <li>- Hội thoại</li> </ul>	3	HK 1	<ul style="list-style-type: none"> <li>● Đánh giá quá trình: 15%</li> <li>● Đánh giá giữa kỳ: 25%</li> <li>● Đánh giá cuối kỳ: 60%</li> </ul>
52	Ngữ pháp Tiếng Anh	Học phần Ngữ pháp cung cấp cho sinh viên có một cái nhìn tổng quát về ngữ pháp và chức năng quan trọng của nó trong sự cấu thành của ngôn	3	HK 1	<ul style="list-style-type: none"> <li>● Đánh giá quá trình: 15%</li> <li>● Đánh giá giữa kỳ: 25%</li> </ul>

**Biểu mẫu 18**

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		ngữ tiếng Anh. Từ đó phát triển tập quán sử dụng ngoại ngữ chính xác và tránh được những lỗi đặc trưng do ảnh hưởng của tiếng Việt. Hơn nữa, học phần này còn giúp các em nâng cao kiến thức ngữ pháp để tạo nền móng cho các em trong 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết của bài thi IELTS.			<ul style="list-style-type: none"> <li>● Đánh giá cuối kỳ: 60%</li> </ul>
53	Âm vị học	Học phần ngữ âm học (phonetics & phonology) giúp sinh viên hiểu đặc điểm của nguyên âm, phụ âm, xác định vị trí cũng như cách phát âm của 44 âm trong tiếng Anh. Ngoài ra sinh viên có thể xác định trọng âm của từ, của câu & ngữ điệu cho từng loại câu; nắm bắt các hiện tượng phổ biến trong văn nói để từng bước hoàn thiện các kỹ năng giao tiếp.	2	HK 3	<ul style="list-style-type: none"> <li>● Đánh giá quá trình: 15%</li> <li>● Đánh giá giữa kỳ: 25%</li> <li>● Đánh giá cuối kỳ: 60%</li> </ul>
54	Cú pháp học	Học phần giúp sinh viên hệ thống hoá và củng cố lại kiến thức đã học trong các học phần ngữ pháp thực hành, tăng cường nhận thức lý luận ngôn ngữ cho sinh viên, cung cấp kiến thức lý thuyết cơ sở về ngữ pháp nhằm giúp người học có khả năng giải thích, minh hoạ hệ thống ngữ pháp tiếng Anh. Môn học cũng góp phần cùng các bộ môn khác rèn tư duy khoa học, hoàn thiện kỹ năng sử dụng ngôn ngữ và khả năng nghiệp vụ cho sinh viên.	2	HK 6	<ul style="list-style-type: none"> <li>● Đánh giá quá trình: 15%</li> <li>● Đánh giá giữa kỳ: 25%</li> <li>● Đánh giá cuối kỳ: 60%</li> </ul>
55	Hình thái học	Học phần hình thái học (morphology) trang bị cho sinh	2	HK 5	<ul style="list-style-type: none"> <li>● Đánh giá quá trình: 15%</li> </ul>

**Biểu mẫu 18**  
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<p>viên chuyên ngữ Anh kiến thức cơ bản về cách cấu tạo từ. Việc hiểu biết nghĩa của các tiền tố, hậu tố có nguồn gốc từ tiếng Hy Lạp, Latinh giúp sinh viên mở rộng vốn từ vựng của mình cũng như hoàn thiện các kỹ năng tiếp thu và sử dụng ngôn ngữ. Kiến thức của học phần giúp sinh viên trong giảng dạy tiếng Anh nói chung và tiếng Anh chuyên ngành sau khi tốt nghiệp</p>			<ul style="list-style-type: none"> <li>● Đánh giá giữa kỳ: 25%</li> <li>● Đánh giá cuối kỳ: 60%</li> </ul>
56	Ngữ nghĩa học	<p>Nội dung học phần NGỮ NGHĨA HỌC nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng về ngữ nghĩa học bao gồm nghĩa của từ vựng, nghĩa của câu và nghĩa của phát ngôn (nghĩa biểu đạt, nghĩa biểu cảm, nghĩa sở chỉ, nghĩa liên tưởng, nghĩa đen, nghĩa bóng,...), quan hệ về nghĩa của từ và câu (quan hệ đồng nghĩa, trái nghĩa, quan hệ đồng âm, đồng tự, quan hệ đa nghĩa, quan hệ hàm nghĩa,...) và hành động ngôn từ, tiền giả định, hàm ngôn. Thông qua việc nắm bắt những kiến thức này, sinh viên có khả năng hiểu sâu và phân tích nghĩa, từ đó vận dụng vào quá trình học tập và nghiên cứu ngôn ngữ, vào chuyên môn cũng như vào quá trình giao tiếp trong cuộc sống hàng ngày. Môn học được tiến hành thông qua sự kết hợp các hình thức dạy và học đa dạng như giảng bài, thực hành, thảo luận nhóm, thuyết trình. Ngoài ra, sinh viên cũng được</p>	2	HK 7	<ul style="list-style-type: none"> <li>● Đánh giá quá trình: 15%</li> <li>● Đánh giá giữa kỳ: 25%</li> <li>● Đánh giá cuối kỳ: 60%</li> </ul>

**Biểu mẫu 18**

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		khuyến khích tự học và nghiên cứu thêm ngoài giờ lên lớp.			
57	Văn hóa Anh-Mỹ	Học phần Văn Hóa Anh-Mỹ xây dựng kiến thức nền tảng về xã hội Anh-Mỹ và những giá trị nhân văn chủ đạo làm nên tính cách con người trong xã hội này. Nội dung chính xoay quanh các chủ đề về địa lí, lịch sử, chính phủ, giáo dục, đa dạng chủng tộc, lễ hội và một số chủ đề khác. Khi học xong các chủ điểm này, sinh viên có thể đọc hiểu và nghe hiểu một cách tương đối các vấn đề xã hội ở Anh, Mỹ, và giao tiếp với người bản xứ ở các nước này một cách tự tin hơn, cũng như có suy nghĩ cởi mở, ham học hỏi tìm hiểu về những vấn đề chung của thế giới theo tinh thần nhân văn nền tảng đã được xây dựng trong quá trình học. Về kỹ năng, học phần rèn luyện sinh viên khả năng tư duy để trình bày về các vấn đề phức tạp và khả năng làm việc nhóm hiệu quả	3	HK 7	<ul style="list-style-type: none"> <li>● Đánh giá quá trình: 15%</li> <li>● Đánh giá giữa kỳ: 25%</li> <li>● Đánh giá cuối kỳ: 60%</li> </ul>
58	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Nội dung học phần “Phương Pháp Nghiên cứu Khoa học” (Writing Research papers: From Essay to Research Paper, 2011, 2017, 2018, 2019, Macmillan) nhằm vào hướng dẫn SV chuyên ngành tiếng Anh phương pháp làm NCKH từ khâu chọn chủ đề nghiên cứu, giới hạn đề tài nghiên cứu, bình duyệt đề tài nghiên cứu, cách tìm và đánh giá	2	HK 5	<ul style="list-style-type: none"> <li>● Đánh giá quá trình: 15%</li> <li>● Đánh giá giữa kỳ: 25%</li> <li>● Đánh giá cuối kỳ: 60%</li> </ul>

**Biểu mẫu 18**

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		nguồn tài liệu tham khảo, cách lập dàn ý cho bài nghiên cứu, cách tránh đạo văn trong NCKH, cách viết trích dẫn trong bài NC, viết bản nháp đầu tiên, tu chỉnh và biên tập lại bản nháp cuối cùng, và cuối cùng là khâu trình bày và xuất bản bài NCKH cho giảng viên và xa hơn nữa là đăng trên các tạp chí KH.			
59	Kỹ năng thuyết trình	<p>Đây là học phần rất quan trọng giúp SV tự tin và hoàn thiện các kỹ năng/kỹ thuật giảng dạy. Nội dung học phần Kỹ năng thuyết trình (SPEAKING OF SPEECH, 2013) nhằm dạy sinh viên làm quen với phương pháp thuyết trình, cách chuẩn bị một bài thuyết trình gồm: lập giàn ý (Outline &amp; Overview), phần giới thiệu (Introduction), nội dung chính (Body), kết luận (Conclusion), thời gian (Time Length), mục đích và mục tiêu (Aims &amp; Objectives) trang phục (Dress Code), các thiết bị trực quan (Visual Aids), tư thế và giao tiếp bằng mắt, (Postures &amp; Eye Contact), cử chỉ, điệu bộ (Gestures), sử dụng giọng nói (Voice Inflection) cần thiết cho quá trình thuyết trình. Cụ thể, học phần Kỹ năng thuyết trình gồm có 8 đơn vị bài học theo chủ đề (Theme-based lessons)</p>			<ul style="list-style-type: none"> <li>● Đánh giá quá trình: 15%</li> <li>● Đánh giá giữa kỳ: 25%</li> <li>● Đánh giá cuối kỳ: 60%</li> </ul>
60	Dịch Anh-Việt	Nội dung học phần môn dịch Anh-Việt nhằm vào giúp cho các sinh viên chuyên ngành tiếng Anh có			<ul style="list-style-type: none"> <li>● Đánh giá quá trình: 15%</li> </ul>

**Biểu mẫu 18**  
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		khả năng dịch thuật các văn bản từ Anh sang Việt liên quan đến các lĩnh vực chuyên môn như văn hóa, xã hội, đời sống, giáo dục, thương mại, du lịch, và giải trí một cách thành công và hiệu quả.			<ul style="list-style-type: none"> <li>● Đánh giá giữa kỳ: 25%</li> <li>● Đánh giá cuối kỳ: 60%</li> </ul>
61	Dịch Việt - Anh	Nội dung học phần môn dịch Việt-Anh nhằm vào giúp các sinh viên chuyên ngành tiếng Anh có khả năng dịch thuật các văn bản tiếng Việt liên quan đến các lĩnh vực chuyên môn như văn hóa, xã hội, đời sống, giáo dục, thương mại, du lịch, và giải trí sang văn bản tiếng Anh tương đương một cách thành công và hiệu quả.			<ul style="list-style-type: none"> <li>● Đánh giá quá trình: 15%</li> <li>● Đánh giá giữa kỳ: 25%</li> <li>● Đánh giá cuối kỳ: 60%</li> </ul>
	Khóa luận	Khóa luận là học phần tự chọn thay cho các môn học kỳ cuối, qua đó sinh viên làm quen với công tác nghiên cứu khoa học, biết cách thực hiện một công trình khoa học quan trọng, có cơ hội phát triển kỹ năng tổng hợp những kiến thức đã tiếp thu trong lĩnh vực chuyên ngành để giải quyết những yêu cầu về ứng dụng lý thuyết vào thực tiễn giảng dạy tiếng Anh.	5	HK 8	
63	Công nghệ trong giảng dạy	Học phần này tập trung vào việc giới thiệu cho sinh viên kiến thức về phương tiện kỹ thuật hiện đại, các dịch vụ lưu trữ đám mây và nền tảng tạo đề thi và bài tập trực tuyến để từ đó nắm rõ và áp dụng chúng vào việc dạy ngoại ngữ.	2	HK	<ul style="list-style-type: none"> <li>● Đánh giá quá trình: 15%</li> <li>● Đánh giá giữa kỳ: 25%</li> <li>● Đánh giá cuối kỳ: 60%</li> </ul>

**Biểu mẫu 18**

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
64	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh Trung học cơ sở	PPGD tiếng Anh trung học cơ sở hướng dẫn sinh viên chuyên Anh ngữ cách giảng dạy các thành tố ngôn ngữ. Kỹ thuật dạy từ vựng bao gồm phân loại từ vựng, tiến trình dạy từ mới, các thủ thuật giải thích nghĩa của từ, các hoạt động dạy & ôn từ vựng. Phương pháp dạy cấu trúc ngữ pháp tiếng Anh, các thủ thuật xây dựng ngữ cảnh, luyện tập cấu trúc ngữ pháp. Các bước và thủ thuật dạy ngữ âm, cách dạy một bài hội thoại.	2	HK	<ul style="list-style-type: none"> <li>● Đánh giá quá trình: 15%</li> <li>● Đánh giá giữa kỳ: 25%</li> <li>● Đánh giá cuối kỳ: 60%</li> </ul>
65	Tiếng Anh toàn cầu	Nội dung học phần Tiếng Anh Toàn Cầu (English as An International Language) nhằm hướng sinh viên đến các vấn đề cốt lõi trong vai trò Ngôn ngữ toàn cầu của tiếng Anh gồm ba phần thảo luận về 3 vấn đề (1) Lịch sử tiếng Anh, (2) Bằng cách nào tiếng Anh trở thành ngôn ngữ toàn cầu, và (3) Thái độ đối với tiếng Anh như là ngôn ngữ toàn cầu. Cụ thể, học phần Tiếng Anh Toàn Cầu gồm có 8 đơn vị bài học. Trong đó vấn đề Lịch sử tiếng Anh bao gồm 4 bài học (History of English, World Englishes, A Global Language, Case of English). Phần Bằng cách nào tiếng Anh trở thành ngôn ngữ toàn cầu có 3 bài học (Quan hệ quốc tế, Truyền thông, Giáo dục, Internet). Phần thứ ba – Thái độ đối với tiếng Anh như là ngôn ngữ toàn cầu đóng vai trò định hướng cho sinh viên có	3	HK	<ul style="list-style-type: none"> <li>● Đánh giá quá trình: 15%</li> <li>● Đánh giá giữa kỳ: 25%</li> <li>● Đánh giá cuối kỳ: 60%</li> </ul>

**Biểu mẫu 18**

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		thái độ đúng đắn, tinh thần tích cực đối với việc nhìn nhận tiếng Anh, học và dạy tiếng Anh cũng như khả năng hỗ trợ của tiếng Anh trong tư duy và hình thành nhân cách.			
66	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh cho trẻ em	Học phần phương pháp giảng dạy tiếng Anh cho trẻ em bên cạnh củng cố lại kiến thức về các giáo án kỹ năng còn trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về đặc trưng và tính cách của trẻ con, các hoạt động nhằm giúp tổ chức lớp học tiếng Anh cho trẻ em năng động và vui hơn. Qua khóa học, người học cũng được củng cố lại kiến thức về cách tiến hành giáo án các kỹ năng khác nhau bao gồm nghe, nói, đọc, viết trong các sách tiếng Anh đang được sử dụng phổ biến để giảng dạy tại các trường tiểu học. Ngoài ra, sinh viên còn được tiếp cận cách vận dụng âm nhạc, các hoạt động và trò chơi trong giảng dạy tiếng Anh cho trẻ em nhằm làm tăng hiệu quả của quá trình tiếp thu ngôn ngữ ở trẻ em.	3	HK	<ul style="list-style-type: none"> <li>● Đánh giá quá trình: 15%</li> <li>● Đánh giá giữa kỳ: 25%</li> <li>● Đánh giá cuối kỳ: 60%</li> </ul>

**9. NGÀNH: NGÔN NGỮ ANH**

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Triết học Mac Lenin	Học phần Triết học Mác - Lênin là học phần cung cấp thế giới quan khoa học và phương pháp luận biện	3	HK 2	



**Biểu mẫu 18**  
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		chứng cho sinh viên, giúp sinh viên phát triển năng lực tư duy biện chứng và có khả năng vận dụng các nguyên lý, nguyên tắc phương pháp luận triết học vào trong thực tiễn cuộc sống; xác lập được phẩm chất đạo đức cách mạng, có lập trường tư tưởng chính trị vững vàng.			
2	Kinh tế Chính trị Mac Lenin	Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin là một trong ba bộ phận lý luận cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin. Kiến thức của học phần này kết hợp với kiến thức của học phần Triết học Mác - Lênin và học phần chủ nghĩa xã hội khoa học sẽ giúp sinh viên có được hệ thống tri thức cơ bản, cốt lõi của chủ nghĩa Mác - Lênin. Đây sẽ là kiến thức nền tảng để sinh viên có thể học tập tốt các học phần khác như Tư tưởng Hồ Chí Minh và Lịch sử đảng Cộng sản Việt Nam.	2	HK 3	
3	Chủ Nghĩa xã hội Khoa học	Chủ nghĩa xã hội khoa học là một môn khoa học lý luận chính trị, một trong ba bộ phận hợp thành chủ nghĩa Mác - Lênin. Chủ nghĩa xã hội là chủ nghĩa Mác - Lênin, luận giải trên góc độ triết học, kinh tế chính trị - xã hội về quy luật chính trị - xã hội của tiến trình lịch sử quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa cộng sản trên phạm vi toàn thế giới.	2	HK 4	
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về đối tượng, phương pháp	2	HK 5	

**Biểu mẫu 18**  
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<p> nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh; Về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; Tư tưởng Hồ Chí Minh về: Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; Đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; Văn hóa, đạo đức, con người.</p>			
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	<p> Học phần trang bị cho sinh viên sự hiểu biết về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam</p>	2	HK 6	
6	Tin học đại cương	<p> Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng cơ bản để làm việc trên máy tính. Kiến thức của học phần là kiến thức nền giúp cho sinh viên dễ dàng tiếp cận, học tập các học phần khác có sử dụng máy tính. Ngoài ra sinh viên còn có khả năng sử dụng máy tính làm công cụ học tập và sưu tầm tài liệu giúp cho hiệu quả học tập được nâng cao hơn.</p>	3	HK 2	
7	Ngoại ngữ 2 (học phần 1)	<p> Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng về ngữ âm – văn tự – từ vựng của tiếng Hán hiện đại, là điều kiện tiên quyết để sinh viên học tiếp các học phần tiếng Trung cơ bản 2 và 3. Học phần</p>	2	HK 1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá quá trình: 15%</li> <li>- Đánh giá giữa kỳ: 25%</li> <li>- Đánh giá cuối kỳ: 60%</li> </ul>

**Biểu mẫu 18**  
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		được thiết kế với thời lượng 02 tín chỉ, tương đương 30 tiết thực học.			
8	Ngoại ngữ 2 (học phần 2)	Học phần này là học phần nối tiếp với học phần tiếng Trung CB 1, cung cấp cho sinh viên những kiến thức về từ vựng – ngữ pháp, giúp sinh viên từng bước rèn luyện và hoàn thiện các kỹ năng ngôn ngữ.	2	HK 2	- Đánh giá quá trình: 15% - Đánh giá giữa kỳ: 25% - Đánh giá cuối kỳ: 60%
9	Ngoại ngữ 2 (học phần 3)	Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức về từ vựng – ngữ pháp ở giai đoạn tiền trung cấp, giúp sinh viên tiếp tục rèn luyện và hoàn thiện các kỹ năng ngôn ngữ.	3	HK 3	- Đánh giá quá trình: 15% - Đánh giá giữa kỳ: 25% - Đánh giá cuối kỳ: 60%
10	Pháp luật đại cương	Học phần Pháp luật đại cương là môn học thuộc Khối kiến thức giáo dục đại cương; cung cấp kiến thức mang tính lý luận cơ bản về Nhà nước và Pháp luật; một số kiến thức về pháp luật thực định liên quan đến đời sống lao động, sản xuất của công dân; nâng cao văn hoá pháp lý cho người học; hỗ trợ người học lựa chọn hành vi xử sự đúng pháp luật; biết tôn trọng kỷ luật học đường, kỷ cương xã hội, góp phần thực hiện mục tiêu đào tạo và hoàn thiện nhân cách cho người học, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa (XHCN) của dân, do dân, vì dân; nâng cao ý thức tự giác thực hiện pháp luật, có thái độ bảo vệ tính đúng	2	HK 3	

**Biểu mẫu 18**  
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		đần, tính nghiêm minh và tính công bằng của pháp luật.			
11	Giáo dục thể chất	Mục tiêu của giáo dục thể chất (GDTC) trong các trường Đại học là góp phần thực hiện mục tiêu đào tạo đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật, quản lí kinh tế và văn hoá xã hội; phát triển hài hoà về thể lực và tư duy, phát triển các năng lực chăm sóc sức khỏe, vận động cơ bản và thể dục thể thao, nhằm phát triển các tố chất thể lực của sinh viên; có những phẩm chất tốt đẹp và năng lực cần thiết để trở thành người hữu dụng có thể chất cường tráng sẵn sàng đáp ứng tốt theo yêu cầu xã hội.	3	HK	
12	Giáo dục quốc phòng	Nhằm trang bị cho sinh viên những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; quán triệt quan điểm của Đảng về xây dựng nền Quốc phòng toàn dân - an ninh nhân dân; xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân; tiến hành chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN. Những hiểu biết về lịch sử nghệ thuật đánh giặc của ông cha ta và nghệ thuật quân sự Việt Nam từ khi có Đảng, các nội dung về xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển đảo; xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc và những vấn đề cơ bản về an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội.	3	HK	

**Biểu mẫu 18***(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)*

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
13	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Học phần Cơ sở văn hóa Việt Nam là môn học thuộc khối kiến thức cơ sở của ngành và là môn đại cương giúp sinh viên nắm được những khái niệm cơ bản về văn hóa; đặc trưng văn hóa; nhận diện được các vùng văn hóa trên lãnh thổ Việt Nam; tiến trình văn hóa Việt Nam từ nguồn gốc cho đến nay. Học phần còn hướng dẫn sinh viên tìm hiểu các thành tố văn hóa: văn hóa nhận thức và văn hóa tổ chức cộng đồng; văn hóa giao tiếp ứng xử với môi trường tự nhiên và xã hội; tìm hiểu sự giao lưu ảnh hưởng của văn hóa Việt Nam với văn hóa Trung Hoa, Ấn Độ và văn hóa phương Tây.	2	HK 2	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá quá trình: 15%</li> <li>- Đánh giá giữa kỳ: 25%</li> <li>- Đánh giá cuối kỳ: 60%</li> </ul>
14	Tiếng Việt thực hành	Học phần bao gồm những đơn vị kiến thức, kỹ năng cần thiết giúp sinh viên hiểu rõ và thực hành tốt tiếng Việt trong học tập, công việc, cuộc sống. Nội dung học phần tập trung vào việc trau dồi cho sinh viên các kỹ năng cơ bản như: tạo lập văn bản, dựng đoạn, đặt câu, dùng từ, chính tả trong tiếng Việt. Sinh viên học tập học phần này không chỉ để rèn luyện ngôn ngữ cho bản thân mà còn hướng đến việc am hiểu, yêu thích, tự hào về sự trong sáng và giàu có của tiếng Việt. Nội dung học phần được sắp xếp theo thứ tự từ cấp độ	2	HK 2	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá quá trình: 15%</li> <li>- Đánh giá giữa kỳ: 25%</li> <li>- Đánh giá cuối kỳ: 60%</li> </ul>

**Biểu mẫu 18**

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		lớn là toàn văn bản đến cấp độ nhỏ hơn là đoạn văn, câu, từ, chữ viết.			
15	Dẫn luận ngôn ngữ học	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, cập nhật về ngôn ngữ học như bản chất và chức năng của ngôn ngữ, tính hệ thống của ngôn ngữ, nguồn gốc và sự phát triển của ngôn ngữ, phân loại ngôn ngữ. Học phần giúp SV làm quen một số đơn vị ngôn ngữ, quan hệ ngôn ngữ, phạm trù ngôn ngữ cơ bản. Những kiến thức cơ bản của học phần là nền tảng cho việc đi sâu vào nghiên cứu ngôn ngữ nói chung và tiếng Anh nói riêng.	2	HK 1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá quá trình: 15%</li> <li>- Đánh giá giữa kỳ: 25%</li> <li>- Đánh giá cuối kỳ: 60%</li> </ul>
16	Ngôn ngữ đối chiếu	Ngôn ngữ học đối chiếu là một phân ngành của ngôn ngữ học tập trung vào việc so sánh một cách hệ thống hai hay nhiều ngôn ngữ, miêu tả những điểm tương đồng và khác biệt giữa chúng ở các cấp độ ngữ âm học, cú pháp học, ngữ nghĩa học, ngữ dụng học và phong cách học. Người học sẽ được làm quen với một số phương pháp, thủ pháp phân tích đối chiếu và thực hành việc đối chiếu các đơn vị, cấp độ ngôn ngữ. Kỹ năng, kiến thức thu được từ học phần góp phần nâng cao chất lượng của việc dạy, học, nghiên cứu ngôn ngữ.	2	HK 5	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá quá trình: 15%</li> <li>- Đánh giá giữa kỳ: 25%</li> <li>- Đánh giá cuối kỳ: 60%</li> </ul>
17	Nghe 1	Học phần Nghe 1 (Listening 1) là học phần bắt buộc đầu tiên mà sinh	2	HK 1	- Đánh giá quá trình: 15%

**Biểu mẫu 18**

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<p>viên phải học trong 06 học phần Nghe. Học phần nghe 1 nhằm giúp sinh viên phát triển kỹ năng nghe tiếng Anh thông qua các chủ đề phổ biến và luyện tập các đề thi mức độ IELTS từ 3.5 theo định hướng đề thi dạng IELTS. Sinh viên sẽ có nhiều cơ hội để học cũng như ứng dụng các thủ thuật khác nhau để từng bước hoàn thiện kỹ năng sử dụng tiếng Anh cơ bản của mình như Listening for specific information, Listening for gist, Listening for details.....</p>			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá giữa kỳ: 25%</li> <li>- Đánh giá cuối kỳ: 60%</li> </ul>
18	Nghe 2	<p>Đây là học phần bắt buộc và sinh viên phải học xong học phần Nghe 1 mới có thể tiếp tục học phần Nghe 2. Trong giáo trình FOCUS ON IELTS - Foundation có 12 đơn vị bài học, nhưng chỉ có 6 đơn vị bài học rèn luyện kỹ năng nghe. Sinh viên được rèn luyện các kỹ năng nghe như: điền thông tin chính (note completion, sentence completion, table completion), hoàn thành các thông tin trên các biểu đồ (diagram completion), lựa chọn đáp án đúng (multiple-choice questions). Mỗi bài học tập trung vào một chủ đề mà sinh viên sẽ gặp trong cấu trúc bài nghe IELTS. Sinh viên luyện tập 6 bài đầu trên lớp. Ngoài ra giảng viên cũng tích hợp từ nhiều nguồn dữ liệu với nguồn dữ liệu do sinh viên tìm và chia sẻ để luyện tập.</p>	2	HK 2	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá quá trình: 15%</li> <li>- Đánh giá giữa kỳ: 25%</li> <li>- Đánh giá cuối kỳ: 60%</li> </ul>

**Biểu mẫu 18**

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
19	Nghe 3	Nội dung học phần Nghe 3 nhằm dạy sinh viên làm quen với các dạng bài và kỹ thuật giải các dạng bài Nghe học thuật IELTS (IELTS Academic Listening) gồm bảy dạng bài chính hiện diện trong cả bốn phần của một bài thi nghe học thuật IELTS.	2	HK 3	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá quá trình: 15%</li> <li>- Đánh giá giữa kỳ: 25%</li> <li>- Đánh giá cuối kỳ: 60%</li> </ul>
20	Nghe 4	Nội dung học phần Nghe 4 nhằm dạy sinh viên làm quen với các dạng bài và kỹ thuật giải các dạng bài Nghe học thuật IELTS (IELTS Academic Listening) gồm bảy dạng bài chính hiện diện trong cả bốn phần của một bài thi nghe học thuật IELTS.	2	HK 4	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá quá trình: 15%</li> <li>- Đánh giá giữa kỳ: 25%</li> <li>- Đánh giá cuối kỳ: 60%</li> </ul>
21	Nghe 5	Học phần nghe 5 nhằm trang bị cho sinh viên các kỹ năng nghe cũng như các chiến thuật làm 1 bài nghe theo hình thức bài thi IELTS. Các chủ đề nghe xoay quanh các dạng bài tập nghe theo các dạng trong bài nghe IELTS.	2	HK 5	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá quá trình: 15%</li> <li>- Đánh giá giữa kỳ: 25%</li> <li>- Đánh giá cuối kỳ: 60%</li> </ul>
22	Nghe 6	Đây là môn học bắt buộc để sinh viên có thể đạt chuẩn đầu ra. Các bài luyện tập ở trình độ cao và các đề thi mẫu giúp sinh viên từng bước làm quen với kì thi IELTS nói chung và kĩ năng Nghe nói riêng. Trong tài liệu nghe 6 gồm 15 bài luyện nghe tập trung các bài thi mẫu theo cấu trúc IELTS để sinh viên tự tin vào kỳ thi thật sự, ngoài ra giảng viên cũng tích hợp nhiều nguồn dữ liệu cùng	2	HK 6	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá quá trình: 15%</li> <li>- Đánh giá giữa kỳ: 25%</li> <li>- Đánh giá cuối kỳ: 60%</li> </ul>



**Biểu mẫu 18**

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		với với nguồn dữ liệu do sinh viên tìm và chia sẻ để luyện tập. Sau học phần nghe 6 sinh viên ít nhất đạt ở mức 7.5 IELTS.			
23	Nói 1	Học phần Nói 1 cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng về đặc điểm văn nói, kỹ thuật nói cơ bản đồng thời hướng dẫn sinh viên thảo luận để trao đổi thông tin, đặt câu hỏi và trả lời câu hỏi về các chủ đề quen thuộc, gia đình, hoạt động hàng ngày, sở thích, thể thao, thời tiết khí hậu, so sánh, miêu tả người, đồ vật, công việc, các sự kiện và kỷ niệm.	2	HK 1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá quá trình: 15%</li> <li>- Đánh giá giữa kỳ: 25%</li> <li>- Đánh giá cuối kỳ: 60%</li> </ul>
24	Nói 2	Học phần Nói 2 bao gồm 10 bài học với các chủ đề/lĩnh vực thường được đề cập đến trong giao tiếp xã hội như Sức khỏe, Giáo dục, Nghề nghiệp, Giải trí, Du lịch, Giao thông, Ẩm thực, Khoa học và kỹ thuật...	2	HK 2	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá quá trình: 15%</li> <li>- Đánh giá giữa kỳ: 25%</li> <li>- Đánh giá cuối kỳ: 60%</li> </ul>
25	Nói 3	Học phần Nói 3 là học phần tập trung đào sâu kiến thức và kỹ năng quan trọng thông qua từng chủ đề cơ bản với mục tiêu giúp cho sinh viên nắm vững cấu trúc từng phần thi, có đủ kiến thức và kỹ năng tốt để có thể tự tin đạt được điểm 5.5 trong kỳ thi IELTS. Học phần tập trung vào các chủ đề: các mối quan hệ, địa danh, giáo dục, việc làm, thực phẩm, tiêu dùng, giải trí, truyền thông, thể giới tự nhiên. Học phần tập trung vào nâng cao kỹ năng trả lời các dạng câu hỏi, phát triển câu trả lời, sắp xếp ý	2	HK 3	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá quá trình: 15%</li> <li>- Đánh giá giữa kỳ: 25%</li> <li>- Đánh giá cuối kỳ: 60%</li> </ul>

**Biểu mẫu 18**

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		trường, cách dùng liên từ, trả lời trôi chảy, mạch lạc.; nâng cao kỹ năng biến đổi và đa dạng cấu trúc; củng cố phát âm, ngữ điệu; mở rộng từ vựng về đặc ngữ, cụm từ đặc trưng.			
26	Nói 4	Học phần nói 4 tiếp tục hướng dẫn sinh viên ôn luyện các kỹ năng và nâng cao kiến thức thông qua các chủ đề với mục tiêu giúp sinh viên tự tin đạt điểm 6.5 trong kỳ thi IELTS. Học phần tập trung vào các chủ đề: Môi trường sống, thể thao, giải trí, truyền thông, giao thông, nghề nghiệp, môi trường, giáo dục, lễ hội. Học phần tập trung củng cố kỹ năng phát triển câu trả lời chi tiết, trôi chảy và mạch lạc; khả năng phân tích, lập luận, so sánh; củng cố kiến thức và nâng cao vốn từ, cấu trúc, cụm từ, đặc ngữ, thành ngữ; củng cố phát âm, ngữ điệu.	2	HK 4	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá quá trình: 15%</li> <li>- Đánh giá giữa kỳ: 25%</li> <li>- Đánh giá cuối kỳ: 60%</li> </ul>
27	Nói 5	Học phần Nói 5 cung cấp cho sinh viên kiến thức từ vựng nâng cao và những kiến thức cơ bản về các chủ đề xã hội quen thuộc trong kì thi IELTS, cũng như các kĩ năng phù hợp với mức band điểm 7.5 để trả lời nhanh các câu hỏi trong cả ba phần thi của kì thi IELTS. Cụ thể, các chủ điểm chính trong học phần xoay quanh các chủ đề về cuộc sống đô thị và miền quê, sức khỏe, nghệ thuật, tài chính, kinh doanh, lịch sử, khoa học kĩ thuật, truyền hình, tin tức, và văn hóa. Khi học xong các chủ điểm	2	HK 5	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá quá trình: 15%</li> <li>- Đánh giá giữa kỳ: 25%</li> <li>- Đánh giá cuối kỳ: 60%</li> </ul>

**Biểu mẫu 18**

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<p>này, sinh viên có thể trả lời những câu hỏi về bản thân, hiểu những vấn đề mang tính xã hội và quốc tế mà các giám khảo người bản xứ thường hỏi trong các kì thi IELTS cũng như có cách tiếp cận trả lời các câu hỏi phức tạp một cách hiệu quả. Về kĩ năng, học phần sẽ tập trung phát triển khả năng khai triển câu trả lời để đáp ứng yêu cầu về độ dài câu trả lời của từng loại câu hỏi trong IELTS, khả năng kết nối ý tưởng cũng như khả năng kiểm soát ngữ pháp để có độ chính xác cao hơn về mặt sử dụng ngôn ngữ trong câu trả lời.</p>			
28	Nói 6	<p>Học phần Nói 6 mở rộng kiến thức từ vựng nâng cao so với học phần trước, và mở rộng thêm kiến thức cơ bản về các chủ đề xã hội quen thuộc trong kì thi IELTS, cũng như các kĩ năng phù hợp với mức band điểm 7.5 trở lên để trả lời nhanh các câu hỏi trong cả ba phần thi của kì thi IELTS. Cụ thể, các chủ điểm chính trong học phần xoay quanh các chủ đề về nghề nghiệp, màu sắc, lối sống và sức khỏe, nghệ thuật, lịch sử, công nghệ thông tin, thiên nhiên và môi trường, trái đất và vũ trụ. Khi học xong các chủ điểm này, sinh viên không chỉ có đủ kiến thức xã hội cơ bản và từ vựng nâng cao để trả lời các câu hỏi IELTS mang tính xã hội và quốc tế về các chủ đề đã học, mà ngoài ra còn có khả năng suy luận tư duy nhanh để</p>	2	HK 6	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá quá trình: 15%</li> <li>- Đánh giá giữa kỳ: 25%</li> <li>- Đánh giá cuối kỳ: 60%</li> </ul>

**Biểu mẫu 18**

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		trả lời về những chủ đề không nằm trong phạm vi chương trình học. Về kĩ năng, học phần sẽ tập trung củng cố khả năng vận dụng ngữ pháp từ vựng một cách linh hoạt để khai triển câu trả lời, khả năng về ngữ âm và ngữ điệu trong lúc nói để tăng hiệu giao tiếp trong cả 3 phần thi IELTS, cũng như trong các vấn đề bàn luận giao tiếp thông thường với người bản xứ.			
29	Đọc 1	Học phần Đọc 1 (giáo trình GET READY FOR IELTS) dành cho sinh viên muốn đạt được từ 3 – 3.5 theo thang điểm IELTS. Học phần này nhằm giúp sinh viên làm quen các kĩ năng đọc để chuẩn bị cho những dạng bài Đọc học thuật IELTS (IELTS Academic Reading).	2	HK 1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá quá trình: 15%</li> <li>- Đánh giá giữa kỳ: 25%</li> <li>- Đánh giá cuối kỳ: 60%</li> </ul>
30	Đọc 2	Học phần Đọc 2 (giáo trình FOCUS ON IELTS FOUNDATION) dành cho sinh viên muốn đạt được từ 4 – 4.5 theo thang điểm IELTS. Học phần này giúp sinh viên củng cố và cải thiện các kĩ năng đọc học thuật đã được học ở học phần Đọc 1.	2	HK 2	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá quá trình: 15%</li> <li>- Đánh giá giữa kỳ: 25%</li> <li>- Đánh giá cuối kỳ: 60%</li> </ul>
31	Đọc 3	Học phần Đọc 3 (giáo trình MINDSET 1, 2017) dành cho sinh viên trình độ B1 muốn đạt được từ 5 - 5.5 theo thang điểm IELTS. Mục tiêu của học phần là nhằm để phát triển kĩ năng giải quyết các bài đọc với những chủ đề mới và đặc biệt	2	HK 3	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá quá trình: 15%</li> <li>- Đánh giá giữa kỳ: 25%</li> <li>- Đánh giá cuối kỳ: 60%</li> </ul>

**Biểu mẫu 18**  
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		giúp sinh viên làm quen với các dạng câu hỏi (question types) thường gặp trong các bài thi đọc của IELTS, cải thiện các kỹ năng đọc nói chung cũng như các kỹ năng cần thiết trong các kì thi. Để đạt được mức điểm này, sinh viên phải trải qua bài kiểm tra đọc IELTS, bao gồm 3 bài đọc khác nhau, tăng dần về độ khó trong thời lượng 60 phút và phải trả lời được từ 18 – 22 câu trên tổng số 40 câu hỏi.			
32	Đọc 4	<p>Học phần Đọc 4 (giáo trình MINDSET 2, 2017) dành cho sinh viên trình độ B2 muốn đạt được từ 6 – 6.5 theo thang điểm IELTS. Mục tiêu của học phần là nhằm để phát triển chiến lược giải quyết các bài đọc có chủ đề mới lạ với các dạng câu hỏi (question types) thường gặp trong các bài thi đọc của IELTS, cải thiện các kỹ năng đọc nói chung cũng như các kỹ năng cần thiết trong các kì thi. Để đạt được mức điểm này, sinh viên phải trải qua bài kiểm tra đọc IELTS, bao gồm 3 bài đọc khác nhau, tăng dần về độ khó trong thời lượng 60 phút và phải trả lời được từ 23 – 27 câu trên tổng số 40 câu hỏi.</p> <p>Học phần Đọc 4 bao gồm 8 đơn vị bài học với các chủ đề khác nhau, phù hợp với nhu cầu và trình độ của sinh viên và thường xuất hiện trong các bài thi đọc IELTS.</p>	2	HK 4	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá quá trình: 15%</li> <li>- Đánh giá giữa kỳ: 25%</li> <li>- Đánh giá cuối kỳ: 60%</li> </ul>

**Biểu mẫu 18**

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
33	Đọc 5	Học phần Đọc 5 (giáo trình MINDSET 3, 2017) dành cho sinh viên muốn đạt được từ 7 – 7.5 theo thang điểm IELTS. Mục tiêu của học phần là nâng cao kỹ năng đọc thực hành cho sinh viên, đồng thời giúp các em thuần thục trong việc giải quyết các dạng câu hỏi (question types) thường gặp trong các bài thi đọc của IELTS, đọc làm quen với các đề tài được trích dẫn từ nhiều nguồn thông tin khác nhau, hoàn thiện các kỹ năng cần thiết trong các kì thi. Để đạt được mức điểm 7 – 7.5, sinh viên phải trải qua bài kiểm tra đọc IELTS, bao gồm 3 bài đọc khác nhau, tăng dần về độ khó trong thời lượng 60 phút và phải trả lời được từ 28 – 34 câu trên tổng số 40 câu hỏi.	2	HK 5	<ul style="list-style-type: none"><li>- Đánh giá quá trình: 15%</li><li>- Đánh giá giữa kỳ: 25%</li><li>- Đánh giá cuối kỳ: 60%</li></ul>
34	Đọc 6	Nội dung học phần Đọc 6 (Reading 6) hướng sinh viên đến nắm vững các kỹ năng đọc, kỹ năng trả lời các dạng câu hỏi khác nhau trong bài thi đọc hiểu của IELTS. Việc nắm vững các dạng câu hỏi cùng các kỹ thuật nhằm tìm ra câu trả lời chính xác và ít mất thời gian giúp sinh viên nâng cao kỹ năng đọc hiểu, tăng hiệu quả làm bài và hỗ trợ cho công việc giảng dạy sau này. Học phần Đọc 6 được triển khai trong 8 đơn vị bài học theo 2 nhóm Lý thuyết và thực hành. Phần lý thuyết tập trung vào các dạng câu hỏi Diagram/Flow Chart Completion	2	HK 6	<ul style="list-style-type: none"><li>- Đánh giá quá trình: 15%</li><li>- Đánh giá giữa kỳ: 25%</li><li>- Đánh giá cuối kỳ: 60%</li></ul>

**Biểu mẫu 18**

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Questions, Table/Note Completion Questions, Summary Completion Questions, Matching Headings Questions, Matching Features Questions, Matching Sentence Endings Questions, Academic Reading Practice Tests. Phần thực hành được thực hiện qua việc cho sinh viên tham gia làm bài thi Reading của IELTS với giới hạn thời gian thực tế.			
35	Viết 1	Nội dung học phần Viết 1 (Great Writing 1, Keith S. Folse, National Geographic Learning, USA, 2020) nhằm vào xây dựng cho sinh viên kỹ năng về viết các loại câu để áp dụng vào trong các đoạn văn ngắn tiếng Anh khoảng 100 đến 120 từ nhằm tạo nền tảng cho kỹ năng viết đoạn văn (paragraphs) và bài văn hoàn chỉnh (essays) ở các học phần viết 2, 3, 4, 5, & 6 sau này. Cụ thể, học phần viết 1 gồm có 5 đơn vị bài học chính nhằm vào: Sentence Basics, Paragraph Basics, Writing about the Present, Writing about the Past, & Writing about the future. Trong đó, cả 5 đơn vị bài học này đều được xây dựng trên 4 điểm chính: Elements of great writing, Building better vocabulary, Building better sentences, & Writing activities.	2	HK 1	- Đánh giá quá trình: 15% - Đánh giá giữa kỳ: 25% - Đánh giá cuối kỳ: 60%
36	Viết 2	Nội dung học phần Viết 2 (Great Writing 2, Keith S. Folse, National	2	HK 2	- Đánh giá quá trình: 15%

**Biểu mẫu 18**

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Geographic Learning, USA, 2018) gồm 5 đơn vị bài học nhằm vào cung cấp cho sinh viên kiến thức về các thành phần chính tạo nên một đoạn văn: Topic sentence, Supporting sentences, và Concluding sentence cũng như trang bị những kỹ năng cần thiết trong việc viết các đoạn văn khoảng 120 đến 150 từ một cách tự tin và độc lập để từ đó các em có thể áp dụng vào viết các thể loại đoạn văn khác nhau như Process paragraphs và Opinion paragraphs.			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá giữa kỳ: 25%</li> <li>- Đánh giá cuối kỳ: 60%</li> </ul>
37	Viết 3	Nội dung học phần Viết 3 (MINDSET 1, 2017, CUP) nhằm vào dạy sinh viên làm quen với phương pháp viết luận học thuật IELTS (IELTS Academic Writing) gồm hai phần Task 1 (Report Writings: Diagrams, Maps, Charts, Graphs, and tables) và Task 2 (Expository Essays: Opinion essays, Discussion essays, Two-type question essays) hiện diện trong cả 2 phần thi viết học thuật IELTS. Cụ thể, học phần viết 3 gồm có 8 đơn vị bài học dựa trên bài viết luận theo chủ đề (Theme-based essays) nhằm vào các chủ đề: Relationships, Places and Buildings, Education and Employment, Food and Drink, Consumerism, Leisure Time, Fame and The Media, & Natural World. Trong đó, bốn đơn vị bài học đầu tiên (Units 1-4) nhằm vào viết luận báo cáo (Part 1	2	HK 3	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá quá trình: 15%</li> <li>- Đánh giá giữa kỳ: 25%</li> <li>- Đánh giá cuối kỳ: 60%</li> </ul>



**Biểu mẫu 18**

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Writing) và 4 đơn vị bài học còn lại (Units 5-8) tập trung vào rèn luyện viết các thể loại văn nghị luận xã hội (Part 2 Writing) như: Tranh luận, Thảo luận, Vấn đề và giải pháp.			
38	Viết 4	Nội dung học phần Viết 4 (MINDSET 2, 2017, CUP) vẫn tiếp tục nhằm vào hướng dẫn sinh viên phương pháp viết luận học thuật IELTS (IELTS Academic Writing) gồm hai phần chính Task 1 (Report Writings: Diagrams, Maps, Charts, Graphs, and tables) và Task 2 (Expository Essays: Opinion essays, Discussion essays, Two-type question essays) hiện diện trong cả 2 phần thi viết học thuật IELTS. Cụ thể, học phần Viết 4 gồm có 8 đơn vị bài học dựa trên viết luận theo chủ đề (Theme-based essays) nhằm vào: Man-made Environment, Leisure and Entertainment, The News and Media, Travel and Transport, Business and Work, Natural Environment, Education Systems, Festivals and Traditions. Trong đó, bốn đơn vị bài học đầu tiên (Units 1-4) nhằm vào viết bảng biểu (Tables), biểu đồ hình tròn (Pie- Charts), hình cột (Bar charts), hình đường (Line Graphs), đồ thị và bản đồ (Diagrams and Maps) và 4 đơn vị bài học còn lại (Units 5-8) tập trung vào viết ba thể loại văn nghị luận xã hội (Part 2	2	HK 4	- Đánh giá quá trình: 15% - Đánh giá giữa kỳ: 25% - Đánh giá cuối kỳ: 60%

**Biểu mẫu 18**  
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Writings) như: Tranh luận, Thảo luận, Vấn đề và giải pháp.			
39	Viết 5	Học phần Viết 5 là học phần tiếp theo của học phần Viết 4 tập trung vào phần viết Task 1 và Task 2 của phần thi viết IELTS. Học phần gồm có 6 đơn vị bài học dựa trên các chủ đề (Theme-based essays) như: Urban and Rural Life, Health, Finance and Business, Science and Technology, Television, News and Current Affairs, Culture. Có ba đơn vị bài học chú trọng vào viết Task 1, hai đơn vị bài học tập trung vào luyện viết Task 2 và một đơn vị bài học tập trung cả hai dạng viết. Các bài học ở học phần này được thiết kế nhằm đưa ra những chiến lược giúp sinh viên biết tổ chức sắp xếp và phát triển ý tưởng trong bài viết của mình một cách hiệu quả để đạt được mức điểm 7.0 - 7.5 trong phần viết học thuật IELTS.	2	HK 5	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá quá trình: 15%</li> <li>- Đánh giá giữa kỳ: 25%</li> <li>- Đánh giá cuối kỳ: 60%</li> </ul>
40	Viết 6	Học phần Viết 6 là học phần nối tiếp học phần Viết 5 được chia thành 5 đơn vị bài học. Mỗi bài tập trung vào một chủ đề mà sinh viên có thể gặp trong bài thi viết học thuật IELTS, Task 1 và Task 2 như: Gender Roles, Diet and Nutrition, Educational Goals, Biodiversity, và The Internet (Vai trò giới tính, Chế độ ăn uống và dinh dưỡng, Mục tiêu giáo dục, Đa dạng sinh học,	2	HK 6	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá quá trình: 15%</li> <li>- Đánh giá giữa kỳ: 25%</li> <li>- Đánh giá cuối kỳ: 60%</li> </ul>

**Biểu mẫu 18**

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Internet). Các bài học được thiết kế nhằm giúp sinh viên xây dựng vốn từ vựng và ý tưởng liên quan đến nhiều chủ đề khác nhau.			
41	Ngữ âm thực hành	Môn học giới thiệu các khái niệm cơ bản của ngữ âm và hệ thống ngữ âm tiếng Anh bao gồm âm, trọng âm, và ngữ điệu. Sinh viên học lý thuyết cách phát âm và thực hành luyện âm tiếng Anh ở 3 mức độ: <ul style="list-style-type: none"><li>- Chữ cái và âm</li><li>- Âm tiết, từ và câu</li><li>- Hội thoại</li></ul>	3	HK 1	<ul style="list-style-type: none"><li>- Đánh giá quá trình: 15%</li><li>- Đánh giá giữa kỳ: 25%</li><li>- Đánh giá cuối kỳ: 60%</li></ul>
42	Ngữ pháp Tiếng Anh	Học phần Ngữ pháp cung cấp cho sinh viên có một cái nhìn tổng quát về ngữ pháp và chức năng quan trọng của nó trong sự cấu thành của ngôn ngữ tiếng Anh. Từ đó phát triển tập quán sử dụng ngoại ngữ chính xác và tránh được những lỗi đặc trưng do ảnh hưởng của tiếng Việt. Hơn nữa, học phần này còn giúp các em nâng cao kiến thức ngữ pháp để tạo nền móng cho các em trong 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết của bài thi IELTS.	3	HK 1	<ul style="list-style-type: none"><li>- Đánh giá quá trình: 15%</li><li>- Đánh giá giữa kỳ: 25%</li><li>- Đánh giá cuối kỳ: 60%</li></ul>
43	Âm vị học	Học phần ngữ âm học (phonetics & phonology) giúp sinh viên hiểu đặc điểm của nguyên âm, phụ âm, xác định vị trí cũng như cách phát âm của 44 âm trong tiếng Anh. Ngoài ra sinh viên có thể xác định trọng âm của từ, của câu & ngữ điệu cho từng loại câu; nắm bắt các hiện tượng phổ	2	HK 3	<ul style="list-style-type: none"><li>- Đánh giá quá trình: 15%</li><li>- Đánh giá giữa kỳ: 25%</li><li>- Đánh giá cuối kỳ: 60%</li></ul>

**Biểu mẫu 18**

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		biên trong văn nói để từng bước hoàn thiện các kỹ năng giao tiếp.			
44	Cú pháp học	Học phần giúp sinh viên hệ thống hoá và củng cố lại kiến thức đã học trong các học phần ngữ pháp thực hành, tăng cường nhận thức lý luận ngôn ngữ cho sinh viên, cung cấp kiến thức lý thuyết cơ sở về ngữ pháp nhằm giúp người học có khả năng giải thích, minh hoạ hệ thống ngữ pháp tiếng Anh. Môn học cũng góp phần cùng các bộ môn khác rèn tư duy khoa học, hoàn thiện kỹ năng sử dụng ngôn ngữ và khả năng nghiệp vụ cho sinh viên.	2	HK 6	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá quá trình: 15%</li> <li>- Đánh giá giữa kỳ: 25%</li> <li>- Đánh giá cuối kỳ: 60%</li> </ul>
45	Hình thái học	Học phần hình thái học (morphology) trang bị cho sinh viên chuyên ngữ Anh kiến thức cơ bản về cách cấu tạo từ. Việc hiểu biết nghĩa của các tiền tố, hậu tố có nguồn gốc từ tiếng Hy Lạp, Latinh giúp sinh viên mở rộng vốn từ vựng của mình cũng như hoàn thiện các kỹ năng tiếp thu và sử dụng ngôn ngữ. Kiến thức của học phần giúp sinh viên trong giảng dạy tiếng Anh nói chung và tiếng Anh chuyên ngành sau khi tốt nghiệp	2	HK 5	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá quá trình: 15%</li> <li>- Đánh giá giữa kỳ: 25%</li> <li>- Đánh giá cuối kỳ: 60%</li> </ul>
46	Ngữ nghĩa học	Nội dung học phần NGỮ NGHĨA HỌC nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng về ngữ nghĩa học bao gồm nghĩa của từ vựng, nghĩa của câu và nghĩa của phát ngôn (nghĩa biểu đạt, nghĩa biểu	2	HK 7	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá quá trình: 15%</li> <li>- Đánh giá giữa kỳ: 25%</li> <li>- Đánh giá cuối kỳ: 60%</li> </ul>

**Biểu mẫu 18**

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<p>cảm, nghĩa sở chỉ, nghĩa liên tưởng, nghĩa đen, nghĩa bóng,...), quan hệ về nghĩa của từ và câu (quan hệ đồng nghĩa, trái nghĩa, quan hệ đồng âm, đồng tự, quan hệ đa nghĩa, quan hệ hàm nghĩa,...) và hành động ngôn từ, tiền giả định, hàm ngôn. Thông qua việc nắm bắt những kiến thức này, sinh viên có khả năng hiểu sâu và phân tích nghĩa, từ đó vận dụng vào quá trình học tập và nghiên cứu ngôn ngữ, vào chuyên môn cũng như vào quá trình giao tiếp trong cuộc sống hàng ngày. Môn học được tiến hành thông qua sự kết hợp các hình thức dạy và học đa dạng như giảng bài, thực hành, thảo luận nhóm, thuyết trình. Ngoài ra, sinh viên cũng được khuyến khích tự học và nghiên cứu thêm ngoài giờ lên lớp.</p>			
47	Văn hóa Anh-Mỹ	<p>Học phần Văn Hóa Anh-Mỹ xây dựng kiến thức nền tảng về xã hội Anh-Mỹ và những giá trị nhân văn chủ đạo làm nên tính cách con người trong xã hội này. Nội dung chính xoay quanh các chủ đề về địa lí, lịch sử, chính phủ, giáo dục, đa dạng chủng tộc, lễ hội và một số chủ đề khác. Khi học xong các chủ đề này, sinh viên có thể đọc hiểu và nghe hiểu một cách tương đối các vấn đề xã hội ở Anh, Mỹ, và giao tiếp với người bản xứ ở các nước này một cách tự tin hơn, cũng như có suy nghĩ cởi mở, ham học hỏi tìm hiểu về</p>	3	HK 7	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá quá trình: 15%</li> <li>- Đánh giá giữa kỳ: 25%</li> <li>- Đánh giá cuối kỳ: 60%</li> </ul>

**Biểu mẫu 18**

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		những vấn đề chung của thế giới theo tinh thần nhân văn nền tảng đã được xây dựng trong quá trình học. Về kỹ năng, học phần rèn luyện sinh viên khả năng tư duy để trình bày về các vấn đề phức tạp và khả năng làm việc nhóm hiệu quả			
48	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Nội dung học phần “Phương Pháp Nghiên cứu Khoa học” (Writing Research papers: From Essay to Research Paper, 2011, 2017, 2018, 2019, Macmillan) nhằm vào hướng dẫn SV chuyên ngành tiếng Anh phương pháp làm NCKH từ khâu chọn chủ đề nghiên cứu, giới hạn đề tài nghiên cứu, bình duyệt đề tài nghiên cứu, cách tìm và đánh giá nguồn tài liệu tham khảo, cách lập dàn ý cho bài nghiên cứu, cách tránh đạo văn trong NCKH, cách viết trích dẫn trong bài NC, viết bản nháp đầu tiên, tu chỉnh và biên tập lại bản nháp cuối cùng, và cuối cùng là khâu trình bày và xuất bản bài NCKH cho giảng viên và xa hơn nữa là đăng trên các tạp chí KH.	2	HK 5	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá quá trình: 15%</li> <li>- Đánh giá giữa kỳ: 25%</li> <li>- Đánh giá cuối kỳ: 60%</li> </ul>
49	Biên dịch Anh- Việt	Nội dung học phần môn dịch Anh-Việt nhằm vào giúp cho các sinh viên chuyên ngành tiếng Anh có khả năng dịch thuật các văn bản từ Anh sang Việt liên quan đến các lĩnh vực chuyên môn như văn hóa, xã hội, đời sống, giáo dục, thương mại, du lịch,	2	HK 6	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá quá trình: 15%</li> <li>- Đánh giá giữa kỳ: 25%</li> <li>- Đánh giá cuối kỳ: 60%</li> </ul>

**Biểu mẫu 18**

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		và giải trí một cách thành công và hiệu quả.			
50	Biên dịch Việt -Anh	Nội dung học phần môn dịch Việt-Anh nhằm vào giúp các sinh viên chuyên ngành tiếng Anh có khả năng dịch thuật các văn bản tiếng Việt liên quan đến các lĩnh vực chuyên môn như văn hóa, xã hội, đời sống, giáo dục, thương mại, du lịch, và giải trí sang văn bản tiếng Anh tương đương một cách thành công và hiệu quả.	2	HK 7	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá quá trình: 15%</li> <li>- Đánh giá giữa kỳ: 25%</li> <li>- Đánh giá cuối kỳ: 60%</li> </ul>
51	Tiếng Anh chăm sóc khách hàng	Nội dung học phần tiếng Anh chăm sóc khách hàng giúp sinh viên nắm vững những kiến thức cơ bản trong lĩnh vực chăm sóc khách hàng. Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức về ngôn ngữ, cấu trúc, ngữ pháp và từ vựng chuyên về chăm sóc khách hàng. Sinh viên sẽ áp dụng những kỹ năng ngôn ngữ và các kỹ thuật cụ thể để có thể giao tiếp thành công trong các tình huống trong chăm sóc khách hàng ở các công ty. Tiếng Anh chăm sóc khách hàng cung cấp các cách diễn đạt, từ vựng và các chiến lược liên quan đến việc sử dụng hiệu quả tiếng Anh trong bối cảnh kinh doanh.	3	HK 4	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá quá trình: 15%</li> <li>- Đánh giá giữa kỳ: 25%</li> <li>- Đánh giá cuối kỳ: 60%</li> </ul>
52	Tiếng Anh bán hàng và đàm phán	Sinh viên nắm vững những kiến thức cơ bản về giao tiếp bán hàng, đặt hàng, tìm đối tác mới. Những kiến thức về cách thức tổ chức hội chợ triển lãm thương mại, thiết lập các mối quan hệ trong việc tìm và	3	HK 5	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá quá trình: 15%</li> <li>- Đánh giá giữa kỳ: 25%</li> <li>- Đánh giá cuối kỳ: 60%</li> </ul>

**Biểu mẫu 18**

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		phát triển khách hàng cho công ty. Ngoài ra học phần còn cung cấp cho sinh viên kiến thức về mô hình AIDA trong tiếp thị và quảng cáo. Sinh viên sẽ nắm được những kỹ thuật về đàm phán, và làm thế nào để đạt được cuộc đàm phán song phương hai bên cùng có lợi. Cách thức trao đổi thông tin về sản phẩm qua điện thoại, email. Hơn nữa sinh viên sẽ phát triển được vốn từ vựng chuyên ngành về bán hàng, và các giao dịch trong kinh doanh, biết cách viết thành thạo đơn đặt hàng, giải quyết những yêu cầu thắc mắc từ đối tác, khách hàng.			
53	Tiếng Anh thư ký văn phòng	Học phần cung cấp cho sinh viên từ vựng Tiếng Anh chuyên ngành và những kiến thức cần thiết trong công việc thư ký văn phòng như dịch vụ thư tín, bưu phẩm, hội họp, ghi biên bản, ghi chép sổ sách, tìm hiểu các thiết bị văn phòng, máy tính, máy in, sử dụng cá dịch vụ thư điện tử, Internet. Ngoài ra, học phần còn giúp sinh nâng cao kỹ năng sử dụng điện thoại văn phòng, các phần mềm trong soạn thảo văn bản Microsoft Windows, Microsoft Office, các kỹ năng quản lý thời gian, lập kế hoạch cho các cuộc họp và hội thảo trong công ty.	2	HK 6	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá quá trình: 15%</li> <li>- Đánh giá giữa kỳ: 25%</li> <li>- Đánh giá cuối kỳ: 60%</li> </ul>
54	Phương pháp giảng dạy 1	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh 1 (Teaching the what) thuộc khối kiến thức chuyên ngành hướng dẫn	3	HK 4	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá quá trình: 15%</li> </ul>



**Biểu mẫu 18**

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		sinh viên cách giảng dạy các thành tố ngôn ngữ. Học phần bao gồm: dạy từ vựng (khái niệm từ, các khía cạnh của từ, phân loại từ vựng, các bước dạy từ mới, các thủ thuật giải thích nghĩa của từ, các hoạt động dạy và ôn từ vựng), dạy ngữ pháp (phương pháp dạy, các thủ thuật xây dựng ngữ cảnh, giải thích, luyện tập cấu trúc ngữ pháp), dạy ngữ âm (tổng thể ngữ âm tiếng Anh, thủ thuật trình bày và luyện các âm đơn lẻ, nhấn từ, nhấn câu và ngữ điệu), dạy bài hội thoại (các bước cơ bản, những thủ thuật luyện tập đa dạng và cách thức làm cho hoạt động luyện tập gần gũi hơn với cuộc sống hằng ngày), chuẩn bị giáo án (những thành tố cơ bản, cách thức trình bày giáo án phát triển kỹ năng, trình bày ngữ liệu mới và ôn tập).			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá giữa kỳ: 25%</li> <li>- Đánh giá cuối kỳ: 60%</li> </ul>
55	Phương pháp giảng dạy 2	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh 2 (Teaching the how) thuộc khối kiến thức chuyên ngành trang bị cho sinh viên kiến thức quan trọng cần thiết để hiểu và dạy các kỹ năng ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết) theo đường hướng giao tiếp. Học phần bao gồm: dạy kỹ năng tiếp thu ngôn ngữ (receptive skills): nghe và đọc (giới thiệu chung quá trình tiếp thu ngôn ngữ, các thủ thuật đọc/ nghe lấy để hiểu ý chính hay các chi tiết của bài, tiến trình lên lớp bài đọc hiểu và nghe hiểu; dạy kỹ năng sản sinh ngôn	3	HK 5	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá quá trình: 15%</li> <li>- Đánh giá giữa kỳ: 25%</li> <li>- Đánh giá cuối kỳ: 60%</li> </ul>

**Biểu mẫu 18**

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<p>ngữ (productive skills): nói và viết. Cụ thể kỹ năng giao tiếp (chiến thuật giao tiếp hiệu quả, khái niệm về hoạt động giao tiếp, các nguyên tắc và tiến trình bài phát triển kỹ năng Nói); kỹ năng viết bao gồm các kỹ năng hỗ trợ (sub-skills) khi viết, nhận dạng mục đích các sub-skills, và các phương thức tiếp cận. Bên cạnh đó, còn giúp sinh viên tích hợp các kỹ năng và kiến thức ngôn ngữ nhằm giúp khắc sâu kiến thức vừa học. Ngoài ra học phần giúp sinh viên có thái độ tích cực với những lỗi của học sinh và tiếp cận cách sửa lỗi động viên khuyến khích tự tin hơn trong quá trình học.</p>			
56	Đánh giá kết quả giáo dục của học sinh	<p>Học phần thuộc khối kiến thức cơ sở chuyên ngành nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản cần thiết trong kiểm tra đánh giá. Kiến thức bao gồm các hình thức đánh giá thường xuyên, đánh giá tổng kết, các loại bài kiểm tra ở bậc trung học phổ thông, các tiêu chí đảm bảo độ tin cậy (reliability), tính giá trị của bài kiểm tra (validity), quy trình ra đề kiểm tra, xây dựng ma trận, viết bảng đặc tả chi tiết cho đề kiểm tra với câu hỏi theo mức độ tư duy khác nhau. Ngoài ra, sinh viên được hướng dẫn chi tiết cách biên soạn các loại câu hỏi trắc nghiệm khách quan, các hình thức và kỹ thuật kiểm tra kỹ năng ngôn ngữ (ngữ pháp, ngữ âm, từ vựng) cũng</p>	2	HK 6	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá quá trình: 15%</li> <li>- Đánh giá giữa kỳ: 25%</li> <li>- Đánh giá cuối kỳ: 60%</li> </ul>

**Biểu mẫu 18**

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		như các kỹ năng ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết)			
57	Ra quyết định và giải quyết vấn đề	Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức cần thiết trong việc ra quyết định và giải quyết vấn đề như hiểu được các chức năng hoạt động của bộ não gồm phân tích, tổng hợp và đánh giá, các nguyên tắc tư duy logic, hiệu quả như xác định mục tiêu, thu thập thông tin liên quan, tạo ra những lựa chọn khả thi, đưa ra quyết định và thực hiện, đánh giá. Học phần tập trung vào việc đưa ra các ý tưởng, nhận biết được mối quan hệ giữa ra quyết định và giải quyết vấn đề, vận dụng được mô hình kết hợp cho việc ra quyết định và giải quyết vấn đề và phát triển năng lực tư duy sáng tạo nhằm hình thành kỹ năng giải quyết vấn đề một cách hiệu quả.	3	HK 4	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá quá trình: 15%</li> <li>- Đánh giá giữa kỳ: 25%</li> <li>- Đánh giá cuối kỳ: 60%</li> </ul>
58	Quản trị Logistics	<p>Quản trị logistics là học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp và đây là kiến thức chuyên ngành của ngành quản trị kinh doanh.</p> <p>Học phần này đề cập những cơ sở lý thuyết và thực tiễn về quản trị logistics, hiểu các khái niệm cũng như biện pháp quản trị logistics trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp như: quá trình hoạch định, thực hiện và kiểm soát có hiệu lực, hiệu quả việc chu chuyển và dự trữ hàng hoá, dịch vụ... và những thông tin có liên quan, từ điểm đầu</p>	3	HK 5	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá quá trình: 15%</li> <li>- Đánh giá giữa kỳ: 25%</li> <li>- Đánh giá cuối kỳ: 60%</li> </ul>

**Biểu mẫu 18**  
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<p>đến điểm cuối cùng với mục tiêu thoả mãn nhu cầu của người tiêu dùng. Đồng thời trang bị những kỹ năng thực hiện các nghiệp vụ quản trị logistics trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Qua đó có được nhận thức đúng về logistics và vai trò của logistics, từ đó có thể áp dụng lý thuyết đã học vào thực tiễn trong các doanh nghiệp tại Việt Nam.</p>			
59	Văn bản và kỹ thuật soạn thảo văn bản	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tính chất: Sinh viên nắm vững tổng quan về văn bản và quản lý văn bản. Phân biệt được tính chất và thẩm quyền ban hành của từng loại văn bản khác nhau.</li> <li>- Kỹ thuật trình bày các loại văn bản như Hợp đồng lao động, hợp đồng kinh tế, các quyết định và các loại văn bản trong quá trình xử lý công việc của cơ quan tổ chức và cá nhân.</li> <li>- Hình thành những kỹ năng thực hành cơ bản trong soạn thảo các loại văn bản.</li> <li>- Về kiến thức: Khi học xong học phần sinh viên nắm vững lý thuyết tổng quan về văn bản quản lý hành chính nhà nước. Phân biệt được tính chất và thẩm quyền ban hành văn bản của từng loại văn bản khác nhau. Nắm được những yêu cầu về nội dung, văn phong, thể thức và kỹ thuật cơ bản trong soạn thảo các loại văn bản.</li> </ul>	2	HK 6	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá quá trình: 15%</li> <li>- Đánh giá giữa kỳ: 25%</li> <li>- Đánh giá cuối kỳ: 60%</li> </ul>

**Biểu mẫu 18**

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Về kỹ năng: Hình thành những kỹ năng cơ bản trong soạn thảo văn.</li> <li>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Hình thành thái độ nghiêm túc, thận trọng và tác phong làm việc khoa học trong công tác soạn thảo văn bản hành chính ở các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp trong nước cũng như doanh nghiệp liên doanh.</li> </ul>			
60	Tiếng Anh thương mại	Sinh viên nắm vững những kiến thức cơ bản về thương mại. Sinh viên mở rộng thêm vốn từ vựng về thương mại và một số lĩnh vực khác có liên quan. Sinh viên còn hiểu thêm về các hoạt động liên quan đến giao tiếp thương mại và các chủ đề nói cùng lĩnh vực. Ngoài ra học phần còn cung cấp cho các em kiến thức về ngôn ngữ, cấu trúc, ngữ pháp, công nghệ, văn hóa, đầu tư, các khâu hậu cần...trang bị cho sinh viên một khái niệm tổng quan về thương mại, những kiến thức bổ ích trong công việc liên quan về thương mại sau khi ra trường	2	HK 4	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá quá trình: 15%</li> <li>- Đánh giá giữa kỳ: 25%</li> <li>- Đánh giá cuối kỳ: 60%</li> </ul>
61	Marketing căn bản	Học phần gồm những bài học có liên quan đến Marketing như khái niệm và vai trò của Marketing, chiến lược Marketing, tìm hiểu thị trường, phân tích thị trường, nghiên cứu thị trường, hành vi người mua, phân khúc thị trường, tiếp thị hỗn hợp (4Ps): sản phẩm và vòng đời sản phẩm (product), giá (pricing), kênh phân phối (Placing), khuyến mãi	3	HK 7	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá quá trình: 15%</li> <li>- Đánh giá giữa kỳ: 25%</li> <li>- Đánh giá cuối kỳ: 60%</li> </ul>

**Biểu mẫu 18**

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		(Promotion). Ngoài ra học phần cũng hướng dẫn sinh viên tìm hiểu về chiến lược thâm nhập thị trường nước ngoài gồm 3 phương thức: xuất khẩu, liên doanh và đầu tư trực tiếp tại nước ngoài.			
62	Quản trị nguồn nhân lực	Sinh viên nắm vững những kiến thức cơ bản về nhân sự, tuyển dụng và phát triển nhân sự. Các phương pháp tuyển dụng (Internal và External), lợi ích của việc tuyển dụng bên trong, sử dụng công ty tuyển dụng (Recruitment advertising agencies). Tiến trình làm hồ sơ xin việc, các bước chuẩn bị phỏng vấn xin việc làm. Tìm hiểu về bản mô tả vị trí việc làm (job description), các chế độ chính sách, tiền lương, tiền thù lao, khen thưởng, các chính sách chế tài người lao động khi vi phạm nội qui làm việc cần biết. Phát triển nhân sự cho công ty và các mối quan hệ giữa người lao động với người sử dụng lao động, các mối quan hệ giữa các tổ chức trong công ty. Biết cách viết application form, CV, email, và làm casestudy sau mỗi bài học	3	HK 7	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá quá trình: 15%</li> <li>- Đánh giá giữa kỳ: 25%</li> <li>- Đánh giá cuối kỳ: 60%</li> </ul>
63	Phiên dịch	Nội dung học phần Phiên dịch (Interpretation) nhằm hướng sinh viên đến một số vấn đề cơ bản của phiên dịch bao gồm cả lý thuyết lẫn thực hành. Cụ thể, học phần Phiên dịch bao gồm 2 phần chính Lý thuyết và Hướng dẫn phiên dịch được triển khai theo 8 đơn vị bài học. Phần Lý	2	HK 7	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá quá trình: 15%</li> <li>- Đánh giá giữa kỳ: 25%</li> <li>- Đánh giá cuối kỳ: 60%</li> </ul>

**Biểu mẫu 18**

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		thuyết được triển khai trong 3 đơn vị bài học với các nội dung Interpretation as the transmission of information, Interpreting Skills, Interpreting Qualities, Attitudes toward working as an Interpreter. Phần hướng dẫn phiên dịch được triển khai theo 5 đơn vị bài học. Trong phần này, sinh viên hướng dẫn rèn luyện các kỹ năng ghi chú (note-taking skill) và luyện tập phiên dịch văn bản ở mức độ đàm thoại và văn bản mức độ sự kiện.			
64	Kỹ năng thuyết trình trong kinh doanh	Học phần cung cấp cho sinh viên các bài học nhằm nâng cao kỹ năng thuyết trình trong lĩnh vực kinh doanh như cấu trúc của một bài thuyết trình gồm mở đầu, phần chính và kết thúc, các từ nối và cấu trúc câu nhằm chuyển tiếp các ý trong bài thuyết trình, cách sử dụng ngôn ngữ hình thể như dáng đứng, ánh mắt, đôi tay, giọng nói giúp chuyển tải thông điệp nhằm thu hút người nghe, cách thiết kế Power Points theo nguyên tắc “The rules of six” và trình bày các hình ảnh bảng biểu minh họa một cách hiệu quả. Ngoài ra, học phần giúp cho người học cách xử lý câu hỏi của khán giả một cách tự tin và thuyết phục.	2	HK 6	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá quá trình: 15%</li> <li>- Đánh giá giữa kỳ: 25%</li> <li>- Đánh giá cuối kỳ: 60%</li> </ul>
65	Giao tiếp trong kinh doanh	Học phần Giao tiếp trong kinh doanh trang bị cho sinh viên kiến thức nền tảng về giao tiếp trong môi trường kinh doanh, cung cấp cho	2	HK 7	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá quá trình: 15%</li> <li>- Đánh giá giữa kỳ: 25%</li> </ul>

**Biểu mẫu 18**

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		sinh viên các thuật ngữ, cấu trúc, tác phong cần thiết trong tất cả các hình thức giao tiếp. Học phần giúp sinh viên nhận thức được đa văn hóa là điều cần thiết trong nền kinh tế toàn cầu ngày nay, hiểu rõ được ý nghĩa, tầm quan trọng và ảnh hưởng của việc giao tiếp trong môi trường làm việc trong nước và quốc tế. Về kỹ năng sinh viên biết cách tiếp đón và giao tiếp trực tiếp với khách hàng, sinh viên thành thạo trong giao tiếp trên điện thoại, biết cách nhận và tạo cuộc hẹn trong công việc, giải đáp thắc mắc của khách hàng hay chuyên gia, giải quyết tình huống, đưa ra giải pháp,... Phần cuối của học phần sinh viên sẽ được hiểu thêm về định hướng nghề nghiệp, phân biệt sự khác nhau giữa “Resume” và “ CV” cũng như sinh viên có cơ hội tự thực hiện Resume và CV cho bản thân.			- Đánh giá cuối kỳ: 60%
66	Thực tế chuyên môn	Học phần này tạo điều kiện cho sinh viên tiếp cận thực tế về sản xuất và kinh doanh tại các công ty, các nhà máy, doanh nghiệp và các trung tâm ngoại ngữ khu vực lân cận. Sinh viên được trải nghiệm thực tế về các hoạt động sản xuất trong nhà máy, tham quan dây chuyền sản xuất, biết thêm về các chiến lược quảng cáo, tìm hiểu cách điều hành, hoạt động của doanh nghiệp, của trung tâm ngoại ngữ, các yêu cầu của nhà tuyển dụng,... Chuyến đi không những	2	HK 6	- Đánh giá quá trình: 15% - Đánh giá giữa kỳ: 25% - Đánh giá cuối kỳ: 60%



**Biểu mẫu 18**  
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		mang lại cho sinh viên trải nghiệm thực tế về chuyên môn mà còn tạo cơ hội cho sinh viên phát huy các kỹ năng mềm cần thiết cho công việc tương lai.			
67	Thực tập chuyên ngành	Học phần này giúp sinh viên tiếp xúc trực tiếp với môi trường làm việc thực tế, sinh viên có cơ hội học tập kỹ năng làm việc trong môi trường công sở, có cơ hội so sánh, vận dụng kiến thức được đào tạo tại trường vào môi trường hoạt động sản xuất kinh doanh. Học phần này vừa giúp sinh viên trải nghiệm thực tế vừa là cơ hội để sinh viên quan sát các hoạt động diễn ra tại môi trường làm việc từ đó hình thành trong sinh viên những định hướng nghề nghiệp trong tương lai.	5	HK 8	- Đánh giá quá trình: 0% - Đánh giá giữa kỳ: 0% - Đánh giá cuối kỳ: 100%
68	Khóa luận	Khóa luận là học phần tự chọn thay thế cho các môn học kỳ cuối. Qua học phần này sinh viên làm quen với công tác nghiên cứu khoa học, biết cách thực hiện một công trình khoa học. Sinh viên có cơ hội tổng hợp và áp dụng những kiến thức chuyên ngành được đào tạo để giải quyết những vấn đề khoa học. Học phần còn giúp sinh viên nâng cao ý thức về hoạt động nhóm và hợp tác nhóm trong quá trình nghiên cứu.	5	HK	-
69	Thư tín thương mại	Học phần thư Tín Thương Mại là học phần gồm 7 đơn vị bài học theo chủ đề liên quan đến lĩnh vực thương	2	HK 8	- Đánh giá quá trình: 15%

**Biểu mẫu 18**  
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		mại hướng dẫn sinh viên cấu trúc, văn phong và cách trình bày các hình thức viết khác nhau trong giao dịch kinh doanh như: hỏi thông tin, báo giá, đặt hàng, thanh toán, khiếu nại và giải quyết khiếu nại ...			- Đánh giá giữa kỳ: 25% - Đánh giá cuối kỳ: 60%
70	Biên dịch thương mại	<p>Nội dung học phần Biên dịch thương mại nhằm giúp sinh viên tiếp tục làm quen với kỹ năng phiên dịch Anh-Việt và Việt – Anh trong lĩnh vực kinh tế và thương mại.</p> <p>Học xong học phần này, SV chuyên ngành tiếng Anh có thể tự tin làm việc trong các công ty trong nước và nước ngoài mà cần đến khả năng dịch thuật các văn bản chuyên ngành từ Anh sang Việt và từ Việt sang Anh về lĩnh vực chuyên ngành kinh tế thương mại, và biên phiên dịch quốc tế.</p>	3	HK 8	- Đánh giá quá trình: 15% - Đánh giá giữa kỳ: 25% - Đánh giá cuối kỳ: 60%

**10. NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH (7340101)**

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Triết học Mác – Lênin	Học phần Triết học Mác - Lênin là học phần cung cấp thế giới quan khoa học và phương pháp luận biện chứng cho sinh viên, giúp sinh viên phát triển năng lực tư duy biện chứng và có khả năng vận dụng các nguyên lý, nguyên tắc phương pháp luận triết học vào trong thực tiễn cuộc sống; xác lập được phẩm chất đạo đức	3	HK 2	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%

**Biểu mẫu 18**

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

		cách mạng, có lập trường tư tưởng chính trị vững vàng.			
	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin là một trong ba bộ phận lý luận cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin. Kiến thức của học phần này kết hợp với kiến thức của học phần Triết học Mác - Lênin và học phần chủ nghĩa xã hội khoa học sẽ giúp sinh viên có được hệ thống tri thức cơ bản, cốt lõi của chủ nghĩa Mác - Lênin.	2	HK 3	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Chủ nghĩa xã hội khoa học là một môn khoa học lý luận chính trị, một trong ba bộ phận hợp thành chủ nghĩa Mác - Lênin. Chủ nghĩa xã hội là chủ nghĩa Mác - Lênin, luận giải trên góc độ triết học, kinh tế chính trị - xã hội về quy luật chính trị - xã hội của tiến trình lịch sử quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa cộng sản trên phạm vi toàn thế giới.	2	HK 4	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh; Về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; Tư tưởng Hồ Chí Minh về: Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; Đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; Văn hóa, đạo đức, con người.	2	HK 5	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
5	Lịch sử đảng Cộng sản Việt Nam	Học phần trang bị cho sinh viên sự hiểu biết về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (1920-1930), quá trình Đảng lãnh đạo uộc đấu tranh giành chính quyền(1930 – 1945), Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng	2	HK 6	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%

**Biểu mẫu 18**

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

		chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 – đến nay).			
6	Tin học đại cương	Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng cơ bản để làm việc trên máy tính. Kiến thức của học phần là kiến thức nền giúp cho sinh viên dễ dàng tiếp cận, học tập các học phần khác có sử dụng máy tính. Ngoài ra sinh viên còn có khả năng sử dụng máy tính làm công cụ học tập và sưu tầm tài liệu giúp cho hiệu quả học tập được nâng cao hơn.	2	HK 1	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
7	Ngoại ngữ không chuyên (Tiếng Anh 1)	Học phần Tiếng Anh 1 là điều kiện tiên quyết để học các học phần Tiếng Anh 2 và Tiếng Anh 3. - Học phần tiếng Anh 1 cung cấp kiến thức và kỹ năng tiếng Anh ở trình độ sơ cấp nhằm giúp người học có thể hiểu và sử dụng các cấu trúc ngữ pháp và từ ngữ cơ bản đáp ứng nhu cầu giao tiếp và trình bày về các chủ đề cuộc sống hàng ngày: thông tin cá nhân, thói quen, nhu cầu, sở thích, hỏi đáp về những thông tin đơn giản.	2	HK 1	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
8	Ngoại ngữ không chuyên (Tiếng Anh 2)	Học phần Tiếng Anh 2 là điều kiện tiên quyết để học tiếp học phần Tiếng Anh 3. Học phần cung cấp kiến thức và kỹ năng tiếng Anh ở trình độ sơ cấp nhằm giúp người học có thể hiểu, sử dụng các cấu trúc ngữ pháp; các từ ngữ cơ bản đáp ứng nhu cầu giao tiếp và trình bày về các chủ đề liên quan đến hoạt động trong thời gian rảnh rỗi, ăn uống, tiền tệ, cách phân biệt giữa tiếng Anh của người Anh và tiếng Anh của người Mỹ.	2	HK 2	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
9	Ngoại ngữ không chuyên (Tiếng Anh 3)	Học phần Tiếng Anh 3 cung cấp kiến thức và kỹ năng tiếng Anh ở trình độ trung cấp nhằm giúp người học có thể hiểu, sử dụng các cấu trúc ngữ pháp; các từ ngữ	3	HK 3	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%

**Biểu mẫu 18**

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

		nâng cao nhằm đáp ứng nhu cầu giao tiếp và trình bày về các chủ đề liên quan đến các lĩnh vực khoa học, công nghệ, ngành du lịch, môi trường trên trái đất. English 3 giúp người học củng cố lại những kiến thức về cấu trúc ngữ pháp và vốn từ vựng Tiếng Anh giao tiếp đã học ở học phần English 1, English 2, đồng thời mở rộng kiến thức giao tiếp ở trình độ sơ cấp.			
10	Toán cao cấp	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về đại số tuyến tính và giải tích cổ điển. Học xong học phần, sinh viên có một cách nhìn hệ thống về ma trận, hệ phương trình tuyến tính; Phép tính vi phân và tích phân; Phương pháp để giải phương trình vi phân.	3	HK 1	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
11	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	Học phần trang bị những kiến thức cơ bản để sinh viên tính được xác suất của một số bài toán thực tế, ứng dụng thống kê vào các bài toán thực tiễn, biết giải các bài toán kiểm định giả thiết.	3	HK 2	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
12	Pháp luật đại cương	Học phần giải thích được các khái niệm, các thuật ngữ pháp lý cơ bản được đưa vào trong Chương trình, các vấn đề mới về hệ thống pháp luật Việt Nam và một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam. Trình bày được những nội dung cơ bản trong các bài học, biết liên hệ thực tiễn và ứng dụng kiến thức đã học vào trong học tập, công tác và trong đời sống.	2	HK 1	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
13	Văn bản và kỹ thuật soạn thảo văn bản	Học phần phân biệt được các loại văn bản: văn bản pháp qui, văn bản hành chính, văn bản hợp đồng. Xác định được hình thức, nội dung và quy trình soạn thảo văn bản.	2	HK 1	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
14	Tâm lý học đại cương	Học phần cung cấp những kiến thức về bản chất hiện tượng tâm lý người theo quan điểm khoa học. Hiểu rõ cơ sở hình thành các hiện tượng tâm lý người. Nắm	2	HK 1	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%

**Biểu mẫu 18**

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

		được các hiện tượng tâm lý của con người; các phẩm chất và các thuộc tính tâm lý trong cấu trúc nhân cách.			
15	Giáo dục thể chất	Học phần giáo dục cho sinh viên những hiểu biết và những kỹ năng cần thiết về thể dục thể thao, trên cơ sở phát triển thể lực toàn diện và củng cố sức khỏe		HK 1, 2, 3	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
16	Giáo dục quốc phòng	Học phần giúp người học có kiến thức cơ bản về đường lối quân sự của Đảng trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc; các quan điểm của Đảng về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, chiến tranh nhân nhân, an ninh nhân dân; đấu tranh, phòng chống chiến lược “diễn biến hòa bình” bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch với cách mạng Việt Nam trong tình hình mới.			
17	Kinh tế vi mô	Học phần giới thiệu các kiến thức cơ bản và cơ sở về hoạt động của nền kinh tế thị trường thông qua việc phân tích các qui luật kinh tế cơ bản như qui luật cung cầu, qui luật cạnh tranh.	3	HK 2	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
18	Kinh tế vĩ mô	Giới thiệu cho người học các kiến thức cơ bản và cơ sở về hoạt động của nền kinh tế, từ những khái niệm về tổng cung, tổng cầu, lạm phát, thất nghiệp, những yếu tố tác động đến nền kinh tế của một quốc gia và từ đó hiểu rõ các chính sách điều tiết nền kinh tế của Nhà nước.	3	HK 3	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
19	Quản trị học	Giới thiệu các chức năng chính về quản trị như hoạch định, tổ chức, điều khiển và kiểm soát; một số vấn đề như quản lý thay đổi, quản lý xung đột và nguy cơ; các biện pháp cứu nguy trong quản trị.	3	HK 4	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
20	Tài chính căn bản	Giới thiệu các kiến thức cơ bản về bản chất và nguyên lý tính toán trong các nghiệp vụ tài chính, vận dụng các kiến thức đó để xây dựng các bài toán tài chính trong những hoàn cảnh riêng với môi trường và các điều kiện khác nhau.	2	HK 4	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%

**Biểu mẫu 18***(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT**ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)*

21	Phương pháp tối ưu trong kinh tế	Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức về qui hoạch tuyến tính, biết giải các dạng bài toán QHTT bằng phương pháp đơn hình hoặc đơn hình mở rộng, nắm bắt khái niệm về bài toán đối ngẫu. Giúp cho sinh viên có kỹ năng xây dựng mô hình toán cho các bài toán thực tế như: bài toán vốn đầu tư, bài toán lập kế hoạch sản xuất, bài toán vận tải.	2	HK 2	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
22	Marketing căn bản	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Marketing, sự vận dụng chúng vào thực tiễn kinh doanh của doanh nghiệp như: hệ thống thông tin và nghiên cứu Marketing, môi trường Marketing và thị trường các doanh nghiệp; nhận định nhu cầu khách hàng; phương pháp luận nghiên cứu marketing và nguyên lý ứng xử của doanh nghiệp với thị trường.	3	HK 2	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
23	Nguyên lý thống kê kinh tế	Sinh viên biết thu thập, tổng hợp và phân tích số liệu cũng như dự đoán được xu hướng phát triển của hiện tượng trong tương lai.	3	HK 3	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
24	Nguyên lý kế toán	Cung cấp cho sinh viên các ngành kinh tế như kế toán, Tài chính Ngân hàng, quản trị kinh doanh những khái niệm, vấn đề cơ bản về kế toán, trang bị nền tảng kiến thức kế toán để học tập nghiên cứu những môn kế toán nâng cao về sau.	3	HK 3	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
25	Lý thuyết Tài chính – Tiền tệ	Trang bị cho sinh viên những kiến thức lý luận cơ bản, tổng quan về tài chính-Tiền tệ và những nội dung chủ yếu của các hoạt động tài chính - Tiền tệ trong các lĩnh vực khác nhau của nền kinh tế.	3	HK 4	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
26	Luật Kinh tế	Môn học này trang bị cho sinh viên những kiến thức pháp luật thực định về hầu hết những vấn đề có liên quan đến hoạt động kinh doanh, như về chủ thể kinh doanh, về hợp đồng, về cơ chế giải quyết	2	HK 2	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%

**Biểu mẫu 18**

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

		tranh chấp và về vấn đề phá sản của chủ thể kinh doanh.			
27	Thuế	Sau khi hoàn tất học phần sinh viên có khả năng nắm vững những kiến thức cơ bản về thuế và kỹ năng tính toán số tiền thuế phải nộp ngân sách của từng sắc thuế liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp theo chế độ hiện hành.	3	HK 3	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
28	Tiếng anh chuyên ngành kinh tế	Học phần này nhằm giúp sinh viên có thể sử dụng tiếng Anh để giao tiếp, làm việc trong nhiều tình huống khác nhau liên quan đến lĩnh vực chuyên ngành.	3	HK 7	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
29	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Môn học Phương pháp nghiên cứu giúp người học hiểu rõ, phân tích và đánh giá những vấn đề cần nghiên cứu một cách khoa học.	2	HK 6	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
30	Kinh tế quốc tế	Môn Kinh tế quốc tế trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về kinh tế học quốc tế, bao gồm lý thuyết và chính sách thương mại quốc tế. Trên cơ sở đó sinh viên có thể vận dụng kiến thức của môn học này để tiếp tục học các môn học khác như: kinh tế đối ngoại, kinh doanh quốc tế, tài chính quốc tế, thanh toán quốc tế.	3	HK 4	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
31	Tài chính doanh nghiệp	Sau khi hoàn tất môn học, sinh viên phải nắm được cơ sở lý thuyết về Tài chính doanh nghiệp, các lý thuyết về cấu trúc nguồn vốn và mô hình định giá tài sản vốn; biết phân tích và ra quyết định đầu tư quyết định tài trợ và quyết định phân phối thu nhập của doanh nghiệp.	4	HK 5	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
32	Kế toán quản trị	Giúp sinh viên lập được dự toán tổng hợp cho một doanh nghiệp; kiểm soát chi phí sản xuất thông qua phân tích chênh lệch. Sử dụng được các công cụ của kế toán quản trị để thu thập, xử lý và truyền đạt thông tin cho các nhà quản trị nội bộ doanh nghiệp để ra các quyết định liên quan đến	4	HK 5	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%



**Biểu mẫu 18**

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

		đánh giá thành quả của các bộ phận; đánh giá thành quả quản lý của các nhà quản lý bộ phận; lựa chọn các phương án kinh doanh; xác định giá bán của sản phẩm mới; xác định giá trị của các dịch vụ.			
33	Kinh tế lượng	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kinh tế lượng, kỹ năng sử dụng phần mềm Eview, có khả năng xây dựng các mô hình kinh tế để từ đó đưa ra các dự báo.	3	HK 4	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
34	Marketing dịch vụ	Môn học Marketing dịch vụ cung cấp cho sinh viên nhận biết bản chất của Marketing dịch vụ, phương pháp xây dựng chiến lược Marketing hỗn hợp dịch vụ (7P: Products, Place, Promotion, Prices, People, Process, Provision of customer service).	3	HK 4	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
35	Quản trị doanh nghiệp*	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản trị kinh doanh, xây dựng và tổ chức thực hiện việc quản trị các hoạt động sản xuất kinh doanh tại các doanh nghiệp. Sinh viên áp dụng trong việc tạo lập, lựa chọn loại hình pháp lý và tổ chức vận hành doanh nghiệp.	3	HK 5	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
36	Quản trị rủi ro	Quản trị rủi ro hiệu quả sẽ giúp các doanh nghiệp giữ các hoạt động ổn định, chủ động hơn và tránh được nhiều thiệt hại nhờ đã dự kiến trước. Môn học này trình bày chi tiết các bước trong quy trình quản trị rủi ro: từ nhận dạng, đo lường, đến kiểm soát và tài trợ nếu thiệt hại xảy ra. Các kỹ thuật phân tích định tính và định lượng cũng được giới thiệu để đánh giá và xếp hạng rủi ro.	3	HK 6	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
37	Quản trị chiến lược	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức và kỹ năng về quản trị chiến lược kinh doanh hiện đại áp dụng với tất cả các loại hình DN, từ đó tạo lập cho người học tư duy chiến lược trong mối quan hệ tương	3	HK 6	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%

**Biểu mẫu 18**

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

		thích với môi trường kinh doanh thường xuyên thay đổi.			
38	Quản trị sản xuất	Nội dung học phần Quản trị sản xuất bao gồm các vấn đề liên quan đến quá trình tổ chức thực hiện sản xuất. Cụ thể là liên quan đến vấn đề hoạch định, tổ chức triển khai hoạt động sản xuất, dịch vụ. Trong đó tập trung vào việc quản trị hàng tồn kho, hoạch định nhu cầu vật tư, điều độ tác nghiệp, quản trị chất lượng, bố trí mặt bằng....	3	HK 6	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
39	Quản trị tài chính	Giới thiệu cho sinh viên hiểu những khái niệm cơ bản về giá trị tiền tệ theo thời gian, mô hình tài chính, thuế tài chính, các loại đòn bẩy, sáp nhập và thâu tóm công ty.	3	HK 7	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
40	Quản trị Marketing	Môn học đi sâu vào kiến thức chuyên ngành quản trị marketing, các phương pháp hoạch định, phân tích thị trường, hành vi của người tiêu dùng và hành vi tiêu dùng của tổ chức, tìm kiếm các cơ hội kinh doanh. Qua đó vận dụng các kiến thức đã học để hoạch định chiến lược marketing hỗn hợp nhằm giúp công ty tăng cường lợi thế cạnh tranh trên thương trường.	3	HK 7	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
41	Quản trị chất lượng	Học phần Quản Trị chất lượng bao gồm các vấn đề lý luận liên quan đến hoạt động nâng cao chất lượng sản phẩm. Nội dung của học phần đề cập đến hệ thống quản lý chất lượng toàn diện QTM, hệ thống tiêu chuẩn đo lường chất lượng quốc tế ISO 9000, ISO 9001:2000.	3	HK 7	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
42	Quản trị dự án	Quản trị dự án là một quá trình hoạch định, tổ chức và quản lý các công việc và tài nguyên nhằm thỏa mãn các mục tiêu đã định sẵn với những hạn chế về thời gian, tài nguyên và chi phí. Sau khi đã lựa chọn được dự án thích hợp, việc làm tiếp theo là thiết kế mô hình thực hiện, tìm chọn một	3	HK 7	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%

**Biểu mẫu 18**

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

		giám đốc thích hợp, xây dựng và phát triển đội ngũ dự án.			
43	Hệ thống thông tin quản lý	Học phần này cung cấp những kiến thức và kỹ năng về hệ thống thông tin quản lý như một trong các bộ phận chức năng quan trọng nhất tạo nên sự thành công của mọi tổ chức kinh tế xã hội hiện đại. Học phần trình bày cách thức sử dụng và tái tổ chức thông tin để khai thác hệ thống một cách có hiệu quả nhằm góp phần tạo ra những hàng hóa và dịch vụ có chất lượng cao và dành được lợi thế cạnh tranh.	3	HK 7	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
44	Nghiệp vụ ngoại thương	Môn nghiệp vụ ngoại thương là môn học trang bị cho sinh viên các kiến thức về lĩnh vực kinh doanh xuất nhập khẩu, giúp sinh viên nắm vững các kỹ năng về giao dịch, đàm phán, soạn thảo, kí kết, và tổ chức thực hiện hợp đồng kinh doanh xuất nhập khẩu ở các doanh nghiệp có hoạt động mua bán với thương nhân nước ngoài.	3	HK 5	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
45	Thị trường chứng khoán	Nội dung cơ bản của Học phần này là nghiên cứu chủ yếu vào thị trường chứng khoán, các kỹ thuật phân tích và đầu tư chứng khoán. Thông qua đó, sinh viên sẽ có kiến thức nắm bắt được tình hình hoạt động của thị trường chứng khoán ở Việt Nam.	2	HK 5	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
46	Phân tích hoạt động kinh doanh	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về việc đánh giá quá trình và kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, có kỹ năng đưa ra các biện pháp phục vụ cho công tác quản lý và ngăn ngừa các rủi ro trong kinh doanh.	3	HK 6	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
47	Quản trị ngân hàng thương mại	Cung cấp cho sinh viên: Kiến thức nhận biết các kỹ thuật quản trị vốn tự có, tài sản nợ, tài sản có,... Thực hiện công việc quản trị ở các phòng ban trong ngân hàng.	3	HK 6	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
48	Thẩm định dự án đầu tư	Sinh viên có đầy đủ kiến thức cơ bản về dự án đầu tư và quy trình thực hiện thẩm	3	HK 6	Đánh giá quá trình 30%

**Biểu mẫu 18***(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT**ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)*

		định dự án đầu tư. Có kỹ năng tính toán các chỉ số tài chính liên quan để đánh giá hiệu quả của dự án và lựa chọn đầu tư			Đánh giá cuối kì 70%
49	Thương mại điện tử	Học phần cung cấp cho học viên các kiến thức cơ bản về thương mại điện tử: lợi ích, nền tảng, các mô hình, các hình thức ứng dụng, cơ sở hạ tầng để phát triển thương mại điện tử, thanh toán điện tử, an toàn trong giao dịch thương mại điện tử, xây dựng giải pháp thương mại điện tử cho doanh nghiệp...	3	HK 6	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
50	Nghiệp vụ Ngân hàng Thương mại	Người học nắm được nội dung các nghiệp vụ cơ bản của Ngân hàng thương mại. Tính toán và giải quyết các nghiệp vụ phát sinh ở Ngân hàng thương mại.	3	Học kỳ 6	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
51	Thực tập tốt nghiệp	Quá trình thực tập nhằm mục đích giúp cho sinh viên hiểu và vận dụng thực tế về hoạt động quản trị kinh doanh tại đơn vị trên cơ sở lý thuyết đã được học tại trường. Kết thúc quá trình thực tập, sinh viên phải viết báo cáo thực tập để thể hiện sự hiểu biết của mình qua quá trình thực tập.	8	HK 8	Đánh giá báo cáo tốt nghiệp
52	Khóa luận tốt nghiệp (hoặc các học phần thay thế)	Học phần này là một nghiên cứu khoa học giúp sinh viên hệ thống hóa các kiến thức đã học, và giúp rèn luyện tư duy, tự đặt và giải quyết vấn đề một cách độc lập, sáng tạo. Từ sự quan tâm, yêu thích một chủ đề nào đó, sinh viên chọn ra một đề tài nghiên cứu để tìm ra hướng cải tiến tốt hơn cho vấn đề đó dựa vào việc xây dựng mục tiêu nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, hệ thống lý thuyết, thu thập dữ liệu, xử lý số liệu và hoàn thành bài luận với từ những kết quả phân tích được.	5	HK 8	Đánh giá khóa luận tốt nghiệp
60	Quản trị nhân sự	Môn học giới thiệu các chức năng quản trị nhân sự nhằm cung cấp cho sinh viên các kiến thức cần thiết để quản lý con người trong doanh nghiệp hiệu quả, bao gồm bốn lĩnh vực chủ yếu: hoạch định	3	HK 8	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%

**Biểu mẫu 18***(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT**ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)*

		nguồn nhân lực, thu hút và tuyển chọn, đào tạo và phát triển, và duy trì – quản lý. Bên cạnh đó, sinh viên được trao đổi các kỹ năng quản lý như phân tích công việc, đánh giá kết quả làm việc, phỏng vấn ứng viên... Hoàn tất môn học, sinh viên sẽ có đủ khả năng dự đoán và giải quyết các vấn đề liên quan đến sử dụng lao động trong một tổ chức.			
61	Thống kê Doanh nghiệp	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về thống kê trong doanh nghiệp sản xuất, các phương pháp thống kê. Thống kê nghiên cứu Kết quả sản xuất các ngành sản xuất vật chất, Doanh thu, Tình hình sử dụng lao động, quỹ lương, Tài sản, Vốn, Nguyên vật liệu, Chi phí sản xuất.	2	HK 8	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%

**11. NGÀNH KẾ TOÁN (7340301)**

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Triết học Mác-Lênin	Cung cấp thế giới quan khoa học và phương pháp luận biện chứng cho sinh viên, giúp sinh viên phát triển năng lực tư duy biện chứng và có khả năng vận dụng các nguyên lý, nguyên tắc phương pháp luận triết học vào trong thực tiễn cuộc sống; xác lập được phẩm chất đạo đức cách mạng, có lập trường tư tưởng chính trị vững vàng.	3	HK 2	Đánh giá quá trình (30%) và đánh giá cuối kỳ (70%)
2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Một trong ba bộ phận lý luận cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin. Kiến thức của học phần này kết hợp với kiến thức của học phần Triết học Mác - Lênin và học phần chủ nghĩa xã hội khoa học sẽ giúp sinh viên có được hệ thống tri thức cơ bản, cốt lõi của chủ nghĩa Mác - Lênin. Đây sẽ là kiến thức nền tảng để sinh viên	2	HK 3	Đánh giá quá trình (30%) và đánh giá cuối kỳ (70%)

**Biểu mẫu 18**

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

		có thể học tập tốt các học phần khác như Tư tưởng Hồ Chí Minh và Lịch sử đảng Cộng sản Việt Nam.			
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản sau: quá trình hình thành, phát triển của chủ nghĩa xã hội khoa học, đối tượng nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa của việc nghiên cứu Chủ nghĩa xã hội khoa học; sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; dân chủ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước xã hội chủ nghĩa; cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; vấn đề dân tộc, tôn giáo, gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.	2	HK 4	Đánh giá quá trình (30%) và đánh giá cuối kỳ (70%)
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh; Về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; Tư tưởng Hồ Chí Minh về: Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; Đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; Văn hóa, đạo đức, con người.	2	HK 5	Đánh giá quá trình (30%) và đánh giá cuối kỳ (70%)
5	Lịch sử Đảng CSVN	Trang bị cho sinh viên sự hiểu biết về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam	2	HK 6	Đánh giá quá trình (30%) và đánh giá cuối kỳ (70%)
6	Tin học đại cương	Nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức và thực hành tin học văn phòng như làm việc với máy tính trên hệ điều hành Windows, soạn thảo văn bản, thao tác trên bảng tính điện tử, tạo trình chiếu	2	HK 1	Đánh giá quá trình (30%) và đánh giá

**Biểu mẫu 18**

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

		cũng như kiến thức về internet. Giúp sinh viên sử dụng môi trường làm việc năng động sau này			cuối kỳ (70%)
7	Ngoại ngữ không chuyên 1	Nhằm giúp sinh viên phát triển kỹ năng nghe, nói, đọc và viết tiếng Anh. Sinh viên ứng dụng các thủ thuật khác nhau để từng bước hoàn thiện kỹ năng sử dụng tiếng Anh cơ bản của mình	2	HK 1	Đánh giá quá trình (30%) và đánh giá cuối kỳ (70%)
8	Ngoại ngữ không chuyên 2	Nhằm giúp sinh viên phát triển kỹ năng nghe, nói, đọc và viết tiếng Anh. Sinh viên ứng dụng các thủ thuật khác nhau để từng bước hoàn thiện kỹ năng sử dụng tiếng Anh cơ bản của mình trên nền tảng kiến thức của môn Tiếng Anh 1	2	HK 2	Đánh giá quá trình (30%) và đánh giá cuối kỳ (70%)
9	Ngoại ngữ không chuyên 3	Nhằm giúp sinh viên phát triển kỹ năng nghe, nói, đọc và viết tiếng Anh. Sinh viên ứng dụng các thủ thuật khác nhau để từng bước hoàn thiện kỹ năng sử dụng tiếng Anh cơ bản của mình trên nền tảng kiến thức của môn Tiếng Anh 2	3	HK 3	Đánh giá quá trình (30%) và đánh giá cuối kỳ (70%)
10	Toán cao cấp	Cung cấp những kiến thức cơ bản về đại số tuyến tính và giải tích cổ điển. Học xong học phần, sinh viên có một cách nhìn hệ thống về ma trận, hệ phương trình tuyến tính; Phép tính vi phân và tích phân; Phương pháp để giải phương trình vi phân.	3	HK 1	Đánh giá quá trình (30%) và đánh giá cuối kỳ (70%)
11	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	Trang bị những kiến thức cơ bản để sinh viên tính được xác suất của một số bài toán thực tế, ứng dụng thống kê vào các bài toán thực tiễn, biết giải các bài toán kiểm định giả thiết.	3	HK 2	Đánh giá quá trình (30%) và đánh giá cuối kỳ (70%)
12	Pháp luật đại cương	Giải thích được các khái niệm, các thuật ngữ pháp lý cơ bản được đưa vào trong Chương trình, các vấn đề mới về hệ thống pháp luật Việt Nam và một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt	2	HK 1	Đánh giá quá trình (30%) và đánh giá

**Biểu mẫu 18**

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

		Nam. Trình bày được những nội dung cơ bản trong các bài học, biết liên hệ thực tiễn và ứng dụng kiến thức đã học vào trong học tập, công tác và trong đời sống.			cuối kỳ (70%)
13	Văn bản và kỹ thuật soạn thảo văn bản	Phân biệt được các loại văn bản: văn bản pháp qui, văn bản hành chính, văn bản hợp đồng. Xác định được hình thức, nội dung và quy trình soạn thảo văn bản	2	HK 1	Đánh giá quá trình (30%) và đánh giá cuối kỳ (70%)
14	Tâm lý học đại cương	Cung cấp những kiến thức về bản chất hiện tượng tâm lý người theo quan điểm khoa học. Hiểu rõ cơ sở hình thành các hiện tượng tâm lý người. Nắm được các hiện tượng tâm lý của con người; các phẩm chất và các thuộc tính tâm lý trong cấu trúc nhân cách	2	HK 1	Đánh giá quá trình (30%) và đánh giá cuối kỳ (70%)
15	Giáo dục thể chất	Giáo dục cho sinh viên những hiểu biết và những kỹ năng cần thiết về thể dục thể thao, trên cơ sở phát triển thể lực toàn diện và củng cố sức khỏe		HK 1, 2, 3	Đánh giá quá trình (30%) và đánh giá cuối kỳ (70%)
16	Giáo dục quốc phòng	Có kiến thức cơ bản về đường lối quân sự của Đảng trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc; các quan điểm của Đảng về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, chiến tranh nhân dân, an ninh nhân dân; đấu tranh, phòng chống chiến lược “diễn biến hòa bình” bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch với cách mạng Việt Nam trong tình hình mới.			
17	Kinh tế vi mô	Giới thiệu các kiến thức cơ bản và cơ sở về hoạt động của nền kinh tế thị trường thông qua việc phân tích các qui luật kinh tế cơ bản như qui luật cung cầu, qui luật cạnh tranh.	3	HK 2	Đánh giá quá trình (30%) và đánh giá cuối kỳ (70%)



**Biểu mẫu 18**

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

18	Kinh tế vĩ mô	Giới thiệu cho người học các kiến thức cơ bản và cơ sở về hoạt động của nền kinh tế, từ những khái niệm về tổng cung, tổng cầu, lạm phát, thất nghiệp, những yếu tố tác động đến nền kinh tế của một quốc gia và từ đó hiểu rõ các chính sách điều tiết nền kinh tế của Nhà nước.	3	HK 3	Đánh giá quá trình (30%) và đánh giá cuối kỳ (70%)
19	Quản trị học	Giới thiệu các chức năng chính về quản trị như hoạch định, tổ chức, điều khiển và kiểm soát; một số vấn đề như quản lý thay đổi, quản lý xung đột và nguy cơ; các biện pháp cứu nguy trong quản trị.	3	HK 4	Đánh giá quá trình (30%) và đánh giá cuối kỳ (70%)
20	Tài chính căn bản	Giới thiệu các kiến thức cơ bản về bản chất và nguyên lý tính toán trong các nghiệp vụ tài chính, vận dụng các kiến thức đó để xây dựng các bài toán tài chính trong những hoàn cảnh riêng với môi trường và các điều kiện khác nhau. người học biết giải các dạng bài toán QHTT bằng phương pháp đơn hình hoặc đơn hình mở rộng, nắm bắt khái niệm về bài toán đối ngẫu	2	HK 4	Đánh giá quá trình (30%) và đánh giá cuối kỳ (70%)
21	Phương pháp tối ưu trong kinh tế	Cung cấp các kiến thức cơ bản về việc lập các mô hình từ tình huống thực tế, sử dụng các thuật toán để tìm ra phương án tối ưu được thiết lập từ mô hình. Nội dung của môn học được trình bày vắt tất thông qua 4 chương.	2	HK 2	Đánh giá quá trình (30%) và đánh giá cuối kỳ (70%)
22	Marketing căn bản	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Marketing, sự vận dụng chúng vào thực tiễn kinh doanh của doanh nghiệp như: hệ thống thông tin và nghiên cứu Marketing, môi trường Marketing và thị trường các doanh nghiệp; nhận định nhu cầu khách hàng; phương pháp luận nghiên cứu marketing và nguyên lý ứng xử của doanh nghiệp với thị trường.	3	HK 2	Đánh giá quá trình (30%) và đánh giá cuối kỳ (70%)

**Biểu mẫu 18**

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

23	Nguyên lý thống kê kinh tế	Sinh viên biết thu thập, tổng hợp và phân tích số liệu cũng như dự đoán được xu hướng phát triển của hiện tượng trong tương lai.	3	HK 3	Đánh giá quá trình (30%) và đánh giá cuối kỳ (70%)
24	Nguyên lý kế toán	Cung cấp cho sinh viên các ngành kinh tế như kế toán, Tài chính Ngân hàng, quản trị kinh doanh những khái niệm, vấn đề cơ bản về kế toán, trang bị nền tảng kiến thức kế toán để học tập nghiên cứu những môn kế toán nâng cao về sau.	3	HK 3	Đánh giá quá trình (30%) và đánh giá cuối kỳ (70%)
25	Lý thuyết Tài chính – Tiền tệ	Trang bị cho sinh viên những kiến thức lý luận cơ bản, tổng quan về tài chính-Tiền tệ và những nội dung chủ yếu của các hoạt động tài chính - Tiền tệ trong các lĩnh vực khác nhau của nền kinh tế.	3	HK 4	Đánh giá quá trình (30%) và đánh giá cuối kỳ (70%)
26	Luật Kinh tế	Môn học này trang bị cho sinh viên những kiến thức pháp luật thực định về hầu hết những vấn đề có liên quan đến hoạt động kinh doanh, như về chủ thể kinh doanh, về hợp đồng, về cơ chế giải quyết tranh chấp và về vấn đề phá sản của chủ thể kinh doanh.	2	HK 2	Đánh giá quá trình (30%) và đánh giá cuối kỳ (70%)
27	Thuế	Sau khi hoàn tất học phần sinh viên có khả năng nắm vững những kiến thức cơ bản về thuế và kỹ năng tính toán số tiền thuế phải nộp ngân sách của từng sắc thuế liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp theo chế độ hiện hành	3	HK 3	Đánh giá quá trình (30%) và đánh giá cuối kỳ (70%)
28	Tiếng Anh chuyên ngành kinh tế	Học phần này nhằm giúp sinh viên có thể sử dụng tiếng Anh để giao tiếp, làm việc trong nhiều tình huống khác nhau liên quan đến lĩnh vực chuyên ngành.	3	HK 5	Đánh giá quá trình (30%) và đánh giá cuối kỳ (70%)

**Biểu mẫu 18**

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

29	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Môn học Phương pháp nghiên cứu giúp người học hiểu rõ, phân tích và đánh giá những vấn đề cần nghiên cứu một cách khoa học.	2	HK 6	Đánh giá quá trình (30%) và đánh giá cuối kỳ (70%)
30	Thanh toán quốc tế	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về vấn đề thanh toán trong lĩnh vực ngoại thương, và các nghiệp vụ kinh doanh ngoại tệ trên thị trường hối đoái.	2	HK 4	Đánh giá quá trình (30%) và đánh giá cuối kỳ (70%)
31	Tài chính doanh nghiệp	Sau khi hoàn tất môn học, sinh viên phải nắm được cơ sở lý thuyết về Tài chính doanh nghiệp, các lý thuyết về cấu trúc nguồn vốn và mô hình định giá tài sản vốn; biết phân tích và ra quyết định đầu tư quyết định tài trợ và quyết định phân phối thu nhập của doanh nghiệp.	4	HK 5	Đánh giá quá trình (30%) và đánh giá cuối kỳ (70%)
32	Nghiệp vụ Ngân hàng Thương mại	Người học nắm được nội dung các nghiệp vụ cơ bản của Ngân hàng thương mại. Tính toán và giải quyết các nghiệp vụ phát sinh ở Ngân hàng thương mại.	3	HK 4	Đánh giá quá trình (30%) và đánh giá cuối kỳ (70%)
33	Kế toán tài chính 1	Cung cấp những kiến thức tổng quát về tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp; hướng dẫn hạch toán về Vốn bằng tiền và các khoản nợ phải thu; các phương pháp tính giá và nguyên tắc hạch toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, tài sản cố định; hạch toán kế toán tiền lương, các khoản trích BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ theo qui định hiện hành; kiến thức về kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm và tìm hiểu về qui trình bán hàng và xác định được kết quả kinh doanh.	4	HK 4	Đánh giá quá trình (30%) và đánh giá cuối kỳ (70%)

**Biểu mẫu 18**

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

34	Kế toán tài chính 2	Cung cấp những kiến thức hướng dẫn hạch toán về kế toán chênh lệch tỷ giá hối đoái, kế toán nợ phải trả, Kế toán nguồn vốn chủ sở hữu, kế toán thuế và Kế toán hàng hoá.	3	HK 5	Đánh giá quá trình (30%) và đánh giá cuối kỳ (70%)
35	Kế toán tài chính 3	Cung cấp những kiến thức hướng dẫn hạch toán về kế toán các khoản đầu tư, kế toán bất động sản, kế toán công ty xây lắp...	3	HK 6	Đánh giá quá trình (30%) và đánh giá cuối kỳ (70%)
36	Kế toán tài chính 4	Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức về lập chứng từ, sổ sách kế toán liên quan tới các phần hành kế toán đã học và lập báo cáo tài chính . Giúp người học hình dung ra công việc thực tế của người làm kế toán viên các phần hành, kế toán tổng hợp....	2	HK 7	Đánh giá quá trình (30%) và đánh giá cuối kỳ (70%)
37	Thị trường chứng khoán	Nội dung cơ bản của Học phần này là nghiên cứu chủ yếu vào thị trường chứng khoán, các kỹ thuật phân tích và đầu tư chứng khoán. Thông qua đó, sinh viên sẽ có kiến thức nắm bắt được tình hình hoạt động của thị trường chứng khoán ở Việt Nam.	2	HK 5	Đánh giá quá trình (30%) và đánh giá cuối kỳ (70%)
38	Kế toán chi phí	Cung cấp những kiến thức hướng dẫn hạch toán về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm. Người học biết được các phương pháp đánh giá chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ; các phương pháp tính giá thành sản phẩm tùy theo đặc điểm sản phẩm, qui mô doanh nghiệp.	2	HK 6	Đánh giá quá trình (30%) và đánh giá cuối kỳ (70%)
39	Kế toán quản trị	Cung cấp cho người học những kiến thức về tổ chức công tác kế toán quản trị, phân biệt kế toán quản trị với kế toán tài chính; phân loại chi phí; mối quan hệ CVP; Lập dự toán ngân sách; Phân tích	4	HK 5	Đánh giá quá trình (30%) và đánh giá

**Biểu mẫu 18***(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT**ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)*

		biến động chi phí;Đánh giá trách nhiệm quản lý; Định giá bán sản phẩm.....			cuối kỳ (70%)
40	Kế toán HCSN	Cung cấp những kiến thức công tác kế toán trong đơn vị hành chính sự nghiệp, nghiên cứu các phần hành kế toán như: Kế toán vốn bằng tiền, Kế toán NVL CCDC; Kế toán TSCĐ; Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương; Kế toán nguồn kinh phí...	3	HK 7	Đánh giá quá trình (30%) và đánh giá cuối kỳ (70%)
41	Kế toán ngân hàng thương mại	Cung cấp những kiến thức công tác kế toán trong các ngân hàng thương mại.	3	HK 6	Đánh giá quá trình (30%) và đánh giá cuối kỳ (70%)
42	Kế toán Mỹ	Cung cấp những kiến thức công tác kế toán quốc tế, nghiên cứu các phần hành kế toán như: Kế toán vốn bằng tiền, Kế toán NVL CCDC; Kế toán TSCĐ; Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương....	3	HK 6	Đánh giá quá trình (30%) và đánh giá cuối kỳ (70%)
43	Kiểm toán	Giới thiệu các kiến thức cơ bản về kiểm toán và hoạt động kiểm toán: bản chất, vai trò của kiểm toán; các loại kiểm toán và môi trường hoạt động của kiểm toán; một số khái niệm, phương pháp quy trình cơ bản trong kiểm toán báo cáo tài chính.	3	HK 7	Đánh giá quá trình (30%) và đánh giá cuối kỳ (70%)
44	Kế toán và khai báo thuế	Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản để có thể hiểu được về công tác kế toán thuế và biết khai báo thuế cho doanh nghiệp.	3	Học kỳ 6	Đánh giá quá trình (30%) và đánh giá cuối kỳ (70%)
45	Ứng dụng phần mềm kế toán	Cung cấp cho sinh viên: Kiến thức về phần mềm kế toán và biết cách làm công tác kế toán trên phần mềm kế toán.	4	Học kỳ 7	Đánh giá quá trình (30%) và đánh giá cuối kỳ (70%)

**Biểu mẫu 18***(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT**ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)*

46	Quản trị doanh nghiệp*	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản trị kinh doanh, xây dựng và tổ chức thực hiện việc quản trị các hoạt động sản xuất kinh doanh tại các doanh nghiệp. Sinh viên áp dụng trong việc tạo lập, lựa chọn loại hình pháp lý và tổ chức vận hành doanh nghiệp.	3	Học kỳ 7	Đánh giá quá trình (30%) và đánh giá cuối kỳ (70%)
47	Quản trị tài chính*	Giới thiệu cho sinh viên hiểu những khái niệm cơ bản về giá trị tiền tệ theo thời gian, mô hình tài chính, thuế tài chính, các loại đòn bẩy, sáp nhập và thâu tóm công ty	3	Học kỳ 7	Đánh giá quá trình (30%) và đánh giá cuối kỳ (70%)
48	Quản trị rủi ro*	Cung cấp kiến thức cơ bản về rủi ro tín dụng gồm nội dung, ý nghĩa, nguyên nhân, cách xử lý. Qua đó quản lý tốt rủi ro khoản vay riêng lẻ và quản lý danh mục cho vay của NHTM, giúp người học có điều kiện công tác tốt tại các NHTM và TCTD khác. Hoàn thành và phát triển các kỹ năng vận dụng lý thuyết để giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tế hoạt động kinh doanh tín dụng của một NHTM hiện đại.	3	Học kỳ 7	Đánh giá quá trình (30%) và đánh giá cuối kỳ (70%)
49	Thẩm định Tín dụng Ngân hàng*	Cung cấp nội dung cơ bản về kinh doanh tín dụng, phương pháp quản lý tín dụng, các chính sách tín dụng và quản lý tín dụng chung của NHNN và riêng của NHTM. Ứng dụng kiến thức lý thuyết để giải quyết tình huống minh họa cụ thể nhằm đảm nhận và thực hiện được công việc chuyên môn tín dụng trong ngân hàng.	3	Học kỳ 7	Đánh giá quá trình (30%) và đánh giá cuối kỳ (70%)
50	Thẩm định dự án đầu tư*	Sinh viên có đầy đủ kiến thức cơ bản về dự án đầu tư và quy trình thực hiện thẩm định dự án đầu tư. Có kỹ năng tính toán các chỉ số tài chính liên quan để đánh giá hiệu quả của dự án và lựa chọn đầu tư	3	Học kỳ 7	Đánh giá quá trình (30%) và đánh giá cuối kỳ (70%)

**Biểu mẫu 18***(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT**ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)*

51	Thực tập tốt nghiệp	Quá trình thực tập nhằm mục đích giúp cho sinh viên hiểu và vận dụng thực tế về công tác kế toán, tài chính, quản trị kinh doanh tại đơn vị trên cơ sở lý thuyết đã được học tại trường. Kết thúc quá trình thực tập, sinh viên phải viết báo cáo thực tập để thể hiện sự hiểu biết của mình qua quá trình thực tập.	8	Học kỳ 8	Đánh giá báo cáo tốt nghiệp
52	Khóa luận tốt nghiệp (hoặc các học phần thay thế)	Tạo điều kiện cho sinh viên có điều kiện và cơ hội nâng cao các khối kiến thức và kỹ năng đã được trang bị tại trường và phát huy sở trường của mình trong công trình nghiên cứu khoa học. Cụ thể như sau: Giúp sinh viên hệ thống hóa các kiến thức, kỹ năng và vận dụng chúng trong đề tài khóa luận tốt nghiệp một cách có khoa học và sáng tạo; Rèn luyện và nâng cao khả năng tư duy, đặt vấn đề và giải quyết vấn đề một cách độc lập và sáng tạo.	5	Học kỳ 8	Đánh giá khóa luận tốt nghiệp
53	Thống kê Doanh nghiệp	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về thống kê trong doanh nghiệp sản xuất, các phương pháp thống kê. Thống kê nghiên cứu Kết quả sản xuất các ngành sản xuất vật chất, Doanh thu, Tình hình sử dụng lao động, quỹ lương, Tài sản, Vốn, Nguyên vật liệu, Chi phí sản xuất	2	HK 8	Đánh giá quá trình (30%) và đánh giá cuối kỳ (70%)
54	Phân tích hoạt động kinh doanh	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về việc đánh giá quá trình và kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, có kỹ năng đưa ra các biện pháp phục vụ cho công tác quản lý và ngăn ngừa các rủi ro trong kinh doanh	3	HK 8	Đánh giá quá trình (30%) và đánh giá cuối kỳ (70%)

**12. NGÀNH KHOA HỌC MÔI TRƯỜNG (7440301)**

**Biểu mẫu 18**

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Tu tưởng Hồ Chí Minh	<p>Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo trình độ đại học của tất cả các chuyên ngành đào tạo.</p> <p>Nội dung của học phần chủ yếu cung cấp cho sinh viên những kiến thức về Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh; Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Đảng Cộng sản và Nhà nước Việt Nam; Đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; Văn hóa, đạo đức, con người.</p>	2	Học kì I	<p><b>Đánh giá chuyên cần</b> Ngoài thời gian tự học, sự tham gia thường xuyên cùng những đóng góp của người học trong khóa học cũng phản ánh thái độ học tập của họ đối với học phần.</p> <p><b>Đánh giá bài tập</b> Người học được yêu cầu thực hiện một số bài tập liên quan đến bài học trong hoặc sau giờ học trên lớp. Các bài tập được thực hiện bởi cá nhân hoặc nhóm.</p> <p><b>Đánh giá thuyết trình</b> Người học được yêu cầu làm việc theo nhóm để giải quyết một số vấn đề hay tình huống liên quan</p>



**Biểu mẫu 18**

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					<p>đến bài học và trình bày kết quả làm việc của nhóm mình trước các nhóm khác. Hoạt động này giúp người học vừa tiếp nhận kiến thức chuyên môn vừa phát triển các kỹ năng như kỹ năng giao tiếp, thương lượng, làm việc nhóm.</p> <p><b>Đánh giá kiểm tra trắc nghiệm</b></p> <p>Người học được yêu cầu lựa chọn câu trả lời đúng cho câu hỏi liên quan dựa trên các phương án đã được thiết kế và in sẵn trong đề kiểm tra. Số lượng câu hỏi và các phương án trả lời trong đề kiểm tra cũng tùy thuộc vào yêu cầu về nội</p>

**Biểu mẫu 18**  
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					dung kiến thức của học phần.
2	Quản lý môi trường	Giới thiệu những nội dung cơ bản về khoa học môi trường, công nghệ môi trường, quản lý môi trường và phát triển bền vững. Nắm vững các chính sách, quy định trong công tác quản lý môi trường và các phương pháp trong quản lý môi trường. Qua đó có khả năng vận dụng những kiến thức cơ bản về quản lý môi trường để quản lý các thành phần môi trường và làm cơ sở để nghiên cứu sâu hơn trong lĩnh vực Khoa học môi trường, giúp cho công tác bảo vệ môi trường trong xã hội có hiệu quả cao.	2	Học kì I	<b>Đánh giá chuyên cần</b> Ngoài thời gian tự học, sự tham gia thường xuyên cùng những đóng góp của người học trong khóa học cũng phản ánh thái độ học tập của họ đối với học phần. <b>Đánh giá bài tập</b> Người học được yêu cầu thực hiện một số bài tập liên quan đến bài học trong hoặc sau giờ học trên lớp. Các bài tập được thực hiện bởi cá nhân hoặc nhóm.
3	Sản xuất sạch hơn	Trang bị cho sinh viên cơ sở lý thuyết cơ bản về sản xuất sạch hơn (SXSH), các lợi ích của SXSH, phương pháp đánh giá SXSH và những giải pháp áp dụng hiệu quả SXSH nhằm tiết kiệm chi phí trong sản xuất và bảo vệ môi trường.	2	Học kì I	<b>Đánh giá thuyết trình</b> Người học được yêu cầu làm việc theo nhóm để giải
4	Kỹ thuật môi trường	Cung cấp cho sinh viên 3 kiến thức cơ bản: Các công nghệ xử lý khí thải và tiếng ồn, trang bị kỹ năng tính toán, kỹ thuật giảm thiểu và phát tán khí thải để bảo vệ không khí xung quanh; Trình bày các phương pháp, quy trình công nghệ và công trình xử lý đối với nước thải dân dụng và công nghiệp; Giới thiệu các khái niệm cơ bản về chất thải rắn đô thị, chất thải rắn công nghiệp, hệ thống quản lý chất thải rắn.	2	Học kì I	

**Biểu mẫu 18**  
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
5	Công nghệ xử lý nước thải	Giới thiệu các vấn đề chung về nước thải, thành phần, tính chất, nồng độ, tải lượng của các chất ô nhiễm trong nước thải. Giúp sinh viên trình bày và giải thích được các phương pháp xử lý theo từng loại nước thải, trình bày được quy trình xử lý nước thải, đặc biệt là các loại nước thải phát sinh từ các ngành công nghiệp đặc thù. Ngoài ra học phần cung cấp các kiến thức và kỹ năng tính toán các thông số ô nhiễm trong nước thải để từ đó tính toán, thiết kế được các hệ thống xử lý nước thải phù hợp thực tế.	3	Học kì I	quyết một số vấn đề hay tình huống liên quan đến bài học và trình bày kết quả làm việc của nhóm mình trước các nhóm khác. Hoạt động này giúp người học vừa tiếp nhận kiến thức chuyên môn vừa phát triển các kỹ năng như kỹ năng giao tiếp, thương lượng, làm việc nhóm.
6	Công nghệ xử lý đất ô nhiễm	Giải quyết các nhiệm vụ bảo vệ môi trường, khai thác sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên. Trọng tâm của môn học là những vấn đề về ô nhiễm môi trường đất và các phương pháp xử lý.	3	Học kì I	
7	Đồ án xử lý đất ô nhiễm	Thực hiện đồ án xử lý đất ô nhiễm giúp sinh viên làm quen với từng loại đất. Trong đó, sinh viên được rèn luyện khả năng ứng dụng các kiến thức đã học từ các môn học khác trong một công trình cụ thể. Trong môn đồ án xử lý đất ô nhiễm, sinh viên cần nêu được hiện trạng, nguyên nhân ô nhiễm, tiêu chuẩn yêu cầu xử lý, tổng quan các phương pháp xử lý và lựa chọn công nghệ xử lý, tính toán công nghệ và thiết kế thiết bị chính trong hệ thống xử lý, tính toán các thiết bị phụ, ước tính giá thành của công trình.	2	Học kì I	<b>Đánh giá khóa luận/đồ án</b> Người học được đánh giá thông qua phỏng vấn, hỏi đáp trực tiếp về những vấn đề chủ yếu liên quan đến mục tiêu kiến thức và kỹ năng của học phần.

**Biểu mẫu 18**  
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
8	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	<p>Cung cấp những hiểu biết cơ bản, có hệ thống về sự ra đời và phát triển của Đảng Cộng Sản Việt Nam, về quá trình Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam từ đấu tranh giành độc lập, thống nhất đất nước đến xây dựng, phát triển đất nước trên các lĩnh vực an ninh quốc phòng, đối ngoại, kinh tế, chính trị, văn hóa - xã hội. Tìm hiểu, nghiên cứu việc xây dựng, hoạch định chủ trương đường lối cách mạng cho đến việc tổ chức thực hiện đường lối, từ đó rút ra những bài học kinh nghiệm để chỉ đạo thực tiễn.</p>	2	Học kì II	<p><b>Đánh giá chuyên cần</b> Ngoài thời gian tự học, sự tham gia thường xuyên cùng những đóng góp của người học trong khóa học cũng phản ánh thái độ học tập của họ đối với học phần.</p> <p><b>Đánh giá bài tập</b> Người học được yêu cầu thực hiện một số bài tập liên quan đến bài học trong hoặc sau giờ học trên lớp. Các bài tập được thực hiện bởi cá nhân hoặc nhóm.</p> <p><b>Đánh giá thuyết trình</b> Người học được yêu cầu làm việc theo nhóm để giải quyết một số vấn đề hay tình huống liên quan</p>

**Biểu mẫu 18**  
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					đến bài học và trình bày kết quả làm việc của nhóm mình trước các nhóm khác. Hoạt động này giúp người học vừa tiếp nhận kiến thức chuyên môn vừa phát triển các kỹ năng như kỹ năng giao tiếp, thương lượng, làm việc nhóm.
9	Công nghệ năng lượng sinh học	<p>Giúp cho sinh viên nắm bắt được các quy luật và quá trình chuyển hóa vật chất trong môi trường tự nhiên và nhân tạo. Những ứng dụng cơ bản của công nghệ năng lượng sinh học trong tái tạo nguồn tài nguyên thiên nhiên, trong xử lý môi trường, trong công nghiệp và nông nghiệp.</p> <p>Làm rõ tầm quan trọng của vi sinh vật trong các quá trình chuyển hóa vật chất và ứng dụng của chúng trong tự nhiên và trong thực tế. Tầm quan trọng của công nghệ sinh học thực vật đối với nông nghiệp và sự đa dạng sinh học cũng như sự tái tạo nguồn cung cấp năng lượng từ các vật liệu</p>	3	Học kì II	<p><b>Đánh giá chuyên cần</b></p> <p>Ngoài thời gian tự học, sự tham gia thường xuyên cùng những đóng góp của người học trong khóa học cũng phản ánh thái độ học tập của họ đối với học phần.</p> <p><b>Đánh giá bài tập</b></p> <p>Người học được yêu cầu thực hiện một số bài tập liên quan</p>

**Biểu mẫu 18**

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		sinh học cũng được đề cập đến trong môn học này.			đến bài học trong hoặc sau giờ học trên lớp. Các bài tập được thực hiện bởi cá nhân hoặc nhóm. <b>Đánh giá thuyết trình</b> Người học được yêu cầu làm việc theo nhóm để giải quyết một số vấn đề hay tình huống liên quan đến bài học và trình bày kết quả làm việc của nhóm mình trước các nhóm khác. Hoạt động này giúp người học vừa tiếp nhận kiến thức chuyên môn vừa phát triển các kỹ năng như kỹ năng giao tiếp, thương lượng, làm việc nhóm.
10	Thiết kế thí nghiệm và	Trang bị cho sinh viên những kiến thức căn bản về phân tích đơn biến,	3	Học kì II	<b>Đánh giá chuyên cần</b>

**Biểu mẫu 18**  
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	xử lý số liệu thực nghiệm	phân tích đa biến, phân tích phương sai, phân tích tương quan và phương trình hồi quy. Sinh viên được giới thiệu trình tự các bước khi tiến hành bố trí trong phòng thí nghiệm và nghiên cứu. Sau khóa học, sinh viên có kỹ năng tốt trong việc sử dụng phần mềm xử lý thống kê để xử lý và phân tích các kết quả thực nghiệm.			<p>Ngoài thời gian tự học, sự tham gia thường xuyên cùng những đóng góp của người học trong khóa học cũng phản ánh thái độ học tập của họ đối với học phần.</p> <p><b>Đánh giá bài tập</b></p> <p>Người học được yêu cầu thực hiện một số bài tập liên quan đến bài học trong hoặc sau giờ học trên lớp. Các bài tập được thực hiện bởi cá nhân hoặc nhóm.</p> <p><b>Đánh giá Thực hành/thí nghiệm</b></p> <p>Người học được đánh giá thông qua sản phẩm là báo cáo kết quả thực hành, thí nghiệm của họ, bao gồm nội</p>

**Biểu mẫu 18**  
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					dung và cách thức trình bày, kết quả đạt được.
11	Công nghệ xử lý chất thải rắn	Giới thiệu các kiến thức chuyên sâu về công nghệ xử lý chất thải rắn hiện đang được áp dụng.	3	Học kì II	<b>Đánh giá chuyên cần</b> Ngoài thời gian tự học, sự tham gia thường xuyên cùng những đóng góp của người học trong khóa học cũng phản ánh thái độ học tập của họ đối với học phần.
12	Công nghệ xử lý khí thải	Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về bụi, hơi khí độc trong công nghiệp, phát tán khí thải, nguyên lý các thiết bị, phương pháp xử lý bụi, hơi khí độc, các công nghệ xử lý khí thải, trang bị kỹ năng, tính toán, thiết kế hoặc thi công, giám sát thi công, vận hành các hệ thống xử lý bụi, khí thải, kỹ thuật giảm thiểu và phát tán khí thải, đánh giá mức độ ảnh hưởng của ô nhiễm không khí đối với môi trường và thảo luận các phương án giải quyết để bảo vệ không khí xung quanh.	3	Học kì II	<b>Đánh giá bài tập</b> Người học được yêu cầu thực hiện một số bài tập liên quan đến bài học trong hoặc sau giờ học trên lớp. Các bài tập được thực hiện bởi cá nhân hoặc nhóm. <b>Đánh giá thuyết trình</b> Người học được yêu cầu làm việc theo



**Biểu mẫu 18**  
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					nhóm để giải quyết một số vấn đề hay tình huống liên quan đến bài học và trình bày kết quả làm việc của nhóm mình trước các nhóm khác. Hoạt động này giúp người học vừa tiếp nhận kiến thức chuyên môn vừa phát triển các kỹ năng như kỹ năng giao tiếp, thương lượng, làm việc nhóm.
13	Đồ án xử lý nước thải	Thực hiện đồ án xử lý nước thải giúp sinh viên làm quen với công việc thiết kế một công trình đơn nguyên trong hệ thống xử lý nước thải. Trong đó, sinh viên được rèn luyện khả năng ứng dụng các kiến thức đã học từ các môn học khác trong một công trình cụ thể. Trong môn đồ án xử lý nước thải, sinh viên cần nêu được nguồn gốc, đặc tính ô nhiễm của nước thải, tiêu chuẩn yêu cầu xử lý, tổng quan các phương pháp xử lý và lựa chọn công nghệ xử lý, tính toán công nghệ và thiết kế thiết bị chính trong hệ thống xử lý, tính toán	2	Học kì II	<b>Đánh giá khóa luận/đồ án</b> Người học được đánh giá thông qua phỏng vấn, hỏi đáp trực tiếp về những vấn đề chủ yếu liên quan đến mục tiêu kiến thức và kỹ năng của học phần.

**Biểu mẫu 18**

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		các thiết bị phụ, ước tính giá thành của công trình.			<p><b>Đánh giá thuyết trình</b></p> <p>Người học được yêu cầu làm việc theo nhóm để giải quyết một số vấn đề hay tình huống liên quan đến bài học và trình bày kết quả làm việc của nhóm mình trước các nhóm khác. Hoạt động này giúp người học vừa tiếp nhận kiến thức chuyên môn vừa phát triển các kỹ năng như kỹ năng giao tiếp, thương lượng, làm việc nhóm.</p>

1			2	Học kỳ I	<p><b>Đánh giá chuyên cần</b></p> <p>Ngoài thời gian tự học, sự tham gia thường xuyên cùng những đóng góp của người học</p>
2			2	Học kỳ I	

**Biểu mẫu 18**

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					<p>trong khóa học cũng phản ánh thái độ học tập của họ đối với học phần.</p> <p><b>Đánh giá bài tập</b></p> <p>Người học được yêu cầu thực hiện một số bài tập liên quan đến bài học trong hoặc sau giờ học trên lớp. Các bài tập được thực hiện bởi cá nhân hoặc nhóm.</p> <p><b>Đánh giá thuyết trình</b></p> <p>Người học được yêu cầu làm việc theo nhóm để giải quyết một số vấn đề hay tình huống liên quan đến bài học và trình bày kết quả làm việc của nhóm mình trước các nhóm khác. Hoạt động này giúp người học vừa tiếp</p>

**Biểu mẫu 18**

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					<p>nhận kiến thức chuyên môn vừa phát triển các kỹ năng như kỹ năng giao tiếp, thương lượng, làm việc nhóm.</p> <p><b>Đánh giá kiểm tra trắc nghiệm/tự luận</b></p> <p>Trắc nghiệm: Người học được yêu cầu lựa chọn câu trả lời đúng cho câu hỏi liên quan dựa trên các phương án đã được thiết kế và in sẵn trong đề kiểm tra. Số lượng câu hỏi và các phương án trả lời trong đề kiểm tra cũng tùy thuộc vào yêu cầu về nội dung kiến thức của học phần.</p> <p>Tự luận: người học trả lời bằng cách tự lựa chọn, tổng hợp và trình bày</p>

**Biểu mẫu 18**  
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					những tri thức phù hợp nhất, với một giới hạn tương đối rộng về nội dung theo yêu cầu.
3			2	Học kỳ I	<p><b>Đánh giá chuyên cần</b> Ngoài thời gian tự học, sự tham gia thường xuyên cùng những đóng góp của người học trong khóa học cũng phản ánh thái độ học tập của họ đối với học phần.</p> <p><b>Đánh giá thuyết trình</b> Người học được yêu cầu làm việc theo nhóm để giải quyết một số vấn đề hay tình huống liên quan đến bài học và trình bày kết quả làm việc của nhóm mình trước các nhóm khác. Hoạt động này giúp người</p>

**Biểu mẫu 18**

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					<p>học vừa tiếp nhận kiến thức chuyên môn vừa phát triển các kỹ năng như kỹ năng giao tiếp, thương lượng, làm việc nhóm.</p> <p><b>Đánh giá kiểm tra trắc nghiệm</b></p> <p>Người học được yêu cầu lựa chọn câu trả lời đúng cho câu hỏi liên quan dựa trên các phương án đã được thiết kế và in sẵn trong đề kiểm tra. Số lượng câu hỏi và các phương án trả lời trong đề kiểm tra cũng tùy thuộc vào yêu cầu về nội dung kiến thức của học phần.</p>
4			2	Học kỳ I	<p><b>Đánh giá chuyên cần</b></p>
5			2	Học kỳ I	<p>Ngoài thời gian tự học, sự tham gia thường</p>

**Biểu mẫu 18**  
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					<p>xuyên cùng những đóng góp của người học trong khóa học cũng phản ánh thái độ học tập của họ đối với học phần.</p> <p><b>Đánh giá bài tập</b></p> <p>Người học được yêu cầu thực hiện một số bài tập liên quan đến bài học trong hoặc sau giờ học trên lớp. Các bài tập được thực hiện bởi cá nhân hoặc nhóm.</p> <p><b>Đánh giá thuyết trình</b></p> <p>Người học được yêu cầu làm việc theo nhóm để giải quyết một số vấn đề hay tình huống liên quan đến bài học và trình bày kết quả làm việc của nhóm mình trước các nhóm</p>

**Biểu mẫu 18**

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					<p>khác. Hoạt động này giúp người học vừa tiếp nhận kiến thức chuyên môn vừa phát triển các kỹ năng như kỹ năng giao tiếp, thương lượng, làm việc nhóm.</p> <p><b>Đánh giá kiểm tra trắc nghiệm/tự luận</b></p> <p>Trắc nghiệm: Người học được yêu cầu lựa chọn câu trả lời đúng cho câu hỏi liên quan dựa trên các phương án đã được thiết kế và in sẵn trong đề kiểm tra. Số lượng câu hỏi và các phương án trả lời trong đề kiểm tra cũng tùy thuộc vào yêu cầu về nội dung kiến thức của học phần.</p> <p>Tự luận: người học trả lời bằng</p>



**Biểu mẫu 18**  
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					<p>cách tự lựa chọn, tổng hợp và trình bày những tri thức phù hợp nhất, với một giới hạn tương đối rộng về nội dung theo yêu cầu.</p>
6			2	Học kỳ I	<p><b>Đánh giá chuyên cần</b> Ngoài thời gian tự học, sự tham gia thường xuyên cùng những đóng góp của người học trong khóa học cũng phản ánh thái độ học tập của họ đối với học phần.</p> <p><b>Đánh giá bài tập</b> Người học được yêu cầu thực hiện một số bài tập liên quan đến bài học trong hoặc sau giờ học trên lớp. Các bài tập được thực hiện bởi cá nhân hoặc nhóm.</p>

**Biểu mẫu 18**  
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					<p><b>Đánh giá kiểm tra trắc nghiệm</b></p> <p>Người học được yêu cầu lựa chọn câu trả lời đúng cho câu hỏi liên quan dựa trên các phương án đã được thiết kế và in sẵn trong đề kiểm tra. Số lượng câu hỏi và các phương án trả lời trong đề kiểm tra cũng tùy thuộc vào yêu cầu về nội dung kiến thức của học phần.</p>
7			3	Học kỳ I	<p><b>Đánh giá chuyên cần</b></p> <p>Ngoài thời gian tự học, sự tham gia thường xuyên cùng những đóng góp của người học trong khóa học cũng phản ánh thái độ học tập của họ đối với học phần.</p>

**Biểu mẫu 18**

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					<p><b>Đánh giá bài tập</b> Người học được yêu cầu thực hiện một số bài tập liên quan đến bài học trong hoặc sau giờ học trên lớp. Các bài tập được thực hiện bởi cá nhân hoặc nhóm.</p> <p><b>Đánh giá thuyết trình</b> Người học được yêu cầu làm việc theo nhóm để giải quyết một số vấn đề hay tình huống liên quan đến bài học và trình bày kết quả làm việc của nhóm mình trước các nhóm khác. Hoạt động này giúp người học vừa tiếp nhận kiến thức chuyên môn vừa phát triển các kỹ năng như kỹ năng giao</p>

**Biểu mẫu 18**

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					<p>tiếp, thương lượng, làm việc nhóm.</p> <p><b>Đánh giá kiểm tra trắc nghiệm/tự luận</b></p> <p>Trắc nghiệm: Người học được yêu cầu lựa chọn câu trả lời đúng cho câu hỏi liên quan dựa trên các phương án đã được thiết kế và in sẵn trong đề kiểm tra. Số lượng câu hỏi và các phương án trả lời trong đề kiểm tra cũng tùy thuộc vào yêu cầu về nội dung kiến thức của học phần.</p> <p>Tự luận: người học trả lời bằng cách tự lựa chọn, tổng hợp và trình bày những tri thức phù hợp nhất, với một giới hạn tương đối rộng</p>

**Biểu mẫu 18**  
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					về nội dung theo yêu cầu.
8			3	Học kỳ I	<p><b>Đánh giá chuyên cần</b> Ngoài thời gian tự học, sự tham gia thường xuyên cùng những đóng góp của người học trong khóa học cũng phản ánh thái độ học tập của họ đối với học phần.</p> <p><b>Đánh giá bài tập</b> Người học được yêu cầu thực hiện một số bài tập liên quan đến bài học trong hoặc sau giờ học trên lớp. Các bài tập được thực hiện bởi cá nhân hoặc nhóm.</p> <p><b>Đánh giá Thực hành</b> Người học được đánh giá thông qua sản phẩm là báo cáo kết quả thực</p>

**Biểu mẫu 18**

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					hành của họ, bao gồm nội dung và cách thức trình bày, kết quả đạt được.
9			2	Học kỳ II	<b>Đánh giá chuyên cần</b> Ngoài thời gian tự học, sự tham gia thường xuyên cùng những đóng góp của người học trong khóa học cũng phản ánh thái độ học tập của họ đối với học phần. <b>Đánh giá thuyết trình</b> Người học được yêu cầu làm việc theo nhóm để giải quyết một số vấn đề hay tình huống liên quan đến bài học và trình bày kết quả làm việc của nhóm mình trước các nhóm khác. Hoạt động này giúp người

**Biểu mẫu 18**

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					<p>học vừa tiếp nhận kiến thức chuyên môn vừa phát triển các kỹ năng như kỹ năng giao tiếp, thương lượng, làm việc nhóm.</p> <p><b>Đánh giá kiểm tra trắc nghiệm</b></p> <p>Người học được yêu cầu lựa chọn câu trả lời đúng cho câu hỏi liên quan dựa trên các phương án đã được thiết kế và in sẵn trong đề kiểm tra. Số lượng câu hỏi và các phương án trả lời trong đề kiểm tra cũng tùy thuộc vào yêu cầu về nội dung kiến thức của học phần.</p>
10			2	Học kỳ II	<b>Đánh giá chuyên cần</b>
11			2	Học kỳ II	Ngoài thời gian tự học, sự

**Biểu mẫu 18**

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
12			2	Học kỳ II	tham gia thường xuyên cùng
13			2	Học kỳ II	những đóng góp của người học trong khóa học cũng phản ánh thái độ học tập của họ đối với học phần.
14			2	Học kỳ II	<b>Đánh giá bài tập</b> Người học được yêu cầu thực hiện một số bài tập liên quan đến bài học trong hoặc sau giờ học trên lớp. Các bài tập được thực hiện bởi cá nhân hoặc nhóm. <b>Đánh giá thuyết trình</b> Người học được yêu cầu làm việc theo nhóm để giải quyết một số vấn đề hay tình huống liên quan đến bài học và trình bày kết quả làm việc của nhóm mình



**Biểu mẫu 18**  
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					<p>trước các nhóm khác. Hoạt động này giúp người học vừa tiếp nhận kiến thức chuyên môn vừa phát triển các kỹ năng như kỹ năng giao tiếp, thương lượng, làm việc nhóm.</p> <p><b>Đánh giá kiểm tra trắc nghiệm/tự luận</b> Trắc nghiệm: Người học được yêu cầu lựa chọn câu trả lời đúng cho câu hỏi liên quan dựa trên các phương án đã được thiết kế và in sẵn trong đề kiểm tra. Số lượng câu hỏi và các phương án trả lời trong đề kiểm tra cũng tùy thuộc vào yêu cầu về nội dung kiến thức của học phần.</p>

**Biểu mẫu 18**  
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					<p>Tự luận: người học trả lời bằng cách tự lựa chọn, tổng hợp và trình bày những tri thức phù hợp nhất, với một giới hạn tương đối rộng về nội dung theo yêu cầu.</p>
15			2	<p>Học kỳ II</p>	<p><b>Đánh giá chuyên cần</b> Ngoài thời gian tự học, sự tham gia thường xuyên cùng những đóng góp của người học trong khóa học cũng phản ánh thái độ học tập của họ đối với học phần.</p> <p><b>Đánh giá bài tập</b> Người học được yêu cầu thực hiện một số bài tập liên quan đến bài học trong hoặc sau giờ học trên lớp. Các bài tập được thực hiện</p>

**Biểu mẫu 18**  
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					bởi cá nhân hoặc nhóm. <b>Đánh giá kiểm tra trắc nghiệm</b> Người học được yêu cầu lựa chọn câu trả lời đúng cho câu hỏi liên quan dựa trên các phương án đã được thiết kế và in sẵn trong đề kiểm tra. Số lượng câu hỏi và các phương án trả lời trong đề kiểm tra cũng tùy thuộc vào yêu cầu về nội dung kiến thức của học phần.
16			2	Học kỳ II	<b>Đánh giá chuyên cần</b> Ngoài thời gian tự học, sự tham gia thường xuyên cùng những đóng góp của người học trong khóa học cũng phản ánh thái độ học tập
17			2	Học kỳ II	

**Biểu mẫu 18**

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					<p>của họ đối với học phần.</p> <p><b>Đánh giá bài tập</b></p> <p>Người học được yêu cầu thực hiện một số bài tập liên quan đến bài học trong hoặc sau giờ học trên lớp. Các bài tập được thực hiện bởi cá nhân hoặc nhóm.</p> <p><b>Đánh giá thuyết trình</b></p> <p>Người học được yêu cầu làm việc theo nhóm để giải quyết một số vấn đề hay tình huống liên quan đến bài học và trình bày kết quả làm việc của nhóm mình trước các nhóm khác. Hoạt động này giúp người học vừa tiếp nhận kiến thức chuyên môn vừa phát triển</p>

**Biểu mẫu 18**

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					<p>các kỹ năng như kỹ năng giao tiếp, thương lượng, làm việc nhóm.</p> <p><b>Đánh giá kiểm tra trắc nghiệm/tự luận</b></p> <p><b>Trắc nghiệm:</b> Người học được yêu cầu lựa chọn câu trả lời đúng cho câu hỏi liên quan dựa trên các phương án đã được thiết kế và in sẵn trong đề kiểm tra. Số lượng câu hỏi và các phương án trả lời trong đề kiểm tra cũng tùy thuộc vào yêu cầu về nội dung kiến thức của học phần.</p> <p><b>Tự luận:</b> người học trả lời bằng cách tự lựa chọn, tổng hợp và trình bày những tri thức phù hợp nhất, với một giới hạn</p>

**Biểu mẫu 18**  
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					tương đối rộng về nội dung theo yêu cầu.

### 13. NGÀNH QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI (7850103)

1	Bản đồ chuyên đề	<p>Học phần bản đồ chuyên đề nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các loại bản đồ chuyên đề về lĩnh vực đất đai, cơ sở toán học của bản đồ, các phép chiếu bản đồ, các phương pháp thể hiện nội dung bản đồ.</p> <p>Cách sử dụng bản đồ chuyên đề lĩnh vực đất đai trong phòng và ngoài thực địa.</p> <p>Vai trò của bản đồ chuyên đề trong công tác quản lý nhà nước về đất đai.</p>	2	Học kỳ I	<p><b>Đánh giá chuyên cần</b></p> <p>Ngoài thời gian tự học, sự tham gia thường xuyên cùng những đóng góp của người học trong khóa học cũng phản ánh thái độ học tập của họ đối với học phần.</p>
2	Định giá bất động sản	<p>Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về thị trường bất động sản.</p> <p>Trang bị cho sinh viên những nguyên tắc và phương pháp định giá bất động sản.</p> <p>Giúp cho sinh viên hiểu và biết phân tích các yếu tố tác động đến sự vận động của giá cả thị trường, trên cơ sở đó có thể tiến hành phân tích, đánh giá được giá trị thị trường của bất động sản phục vụ cho những mục đích khác nhau theo nhu cầu của xã hội.</p>	2	Học kỳ I	<p><b>Đánh giá bài tập</b></p> <p>Người học được yêu cầu thực hiện một số bài tập liên quan đến bài học trong hoặc sau giờ học trên lớp. Các bài tập được thực hiện bởi cá nhân hoặc nhóm.</p> <p><b>Đánh giá thuyết trình</b></p>

**Biểu mẫu 18**  
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<p>Chuẩn bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng để có thể tiến hành công việc định giá bất động sản một cách có hiệu quả theo một tiêu chuẩn chuyên nghiệp được thừa nhận</p>			<p>Người học được yêu cầu làm việc theo nhóm để giải quyết một số vấn đề hay tình huống liên quan đến bài học và trình bày kết quả làm việc của nhóm mình trước các nhóm khác. Hoạt động này giúp người học vừa tiếp nhận kiến thức chuyên môn vừa phát triển các kỹ năng như kỹ năng giao tiếp, thương lượng, làm việc nhóm.</p> <p><b>Đánh giá kiểm tra trắc nghiệm/tự luận</b></p> <p>Trắc nghiệm: Người học được yêu cầu lựa chọn câu trả lời đúng cho câu hỏi liên quan dựa trên các phương án đã</p>

**Biểu mẫu 18**  
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					<p>được thiết kế và in sẵn trong đề kiểm tra. Số lượng câu hỏi và các phương án trả lời trong đề kiểm tra cũng tùy thuộc vào yêu cầu về nội dung kiến thức của học phần.</p> <p>Tự luận: người học trả lời bằng cách tự lựa chọn, tổng hợp và trình bày những tri thức phù hợp nhất, với một giới hạn tương đối rộng về nội dung theo yêu cầu.</p>
3	<p>Tư tưởng Hồ Chí Minh</p>	<p>Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo trình độ đại học của tất cả các chuyên ngành đào tạo.</p> <p>Nội dung của học phần chủ yếu cung cấp cho sinh viên những kiến thức về Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh; Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ</p>	2	<p>Học kỳ I</p>	<p><b>Đánh giá chuyên cần</b></p> <p>Ngoài thời gian tự học, sự tham gia thường xuyên cùng những đóng góp của người học trong khóa học cũng phản ánh thái độ học tập</p>



**Biểu mẫu 18**  
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<p>Chí Minh; Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Đảng Cộng sản và Nhà nước Việt Nam; Đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; Văn hóa, đạo đức, con người.</p>			<p>của họ đối với học phần.</p> <p><b>Đánh giá thuyết trình</b></p> <p>Người học được yêu cầu làm việc theo nhóm để giải quyết một số vấn đề hay tình huống liên quan đến bài học và trình bày kết quả làm việc của nhóm mình trước các nhóm khác. Hoạt động này giúp người học vừa tiếp nhận kiến thức chuyên môn vừa phát triển các kỹ năng như kỹ năng giao tiếp, thương lượng, làm việc nhóm.</p> <p><b>Đánh giá kiểm tra trắc nghiệm</b></p> <p>Người học được yêu cầu lựa chọn câu trả lời đúng cho câu</p>

**Biểu mẫu 18**  
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					hỏi liên quan dựa trên các phương án đã được thiết kế và in sẵn trong đề kiểm tra. Số lượng câu hỏi và các phương án trả lời trong đề kiểm tra cũng tùy thuộc vào yêu cầu về nội dung kiến thức của học phần.
4	Mô hình hóa định giá đất đai	Học phần Mô hình hóa định giá đất đai trình bày cơ sở lý luận, thuật toán và công cụ để mô hình hóa bài toán định giá đất đai thành một mô hình định giá tự động. Môn học này cung cấp cho sinh viên một dạng hàm phi tuyến tính mô phỏng sự biến đổi của giá đất theo tác động biên của từng ha tất cả các biến ảnh hưởng đến giá đất. Ngoài ra, Môn học này còn cung cấp cho sinh viên các kỹ năng xây dựng mô hình thông qua các phần mềm như SPSS, Eview..., sinh viên sẽ biết cách làm sạch dữ liệu, biết cách mã hóa biến định tính, biết cách tạo biến giả Dummy, biết các kỹ thuật chạy tương quan, phân tích Cronbach Alpha, phân tích nhân tố và cả các kỹ thuật kiểm định các hiện tượng như Tự tương quan, đa cộng tuyến...	2	Học kỳ I	<b>Đánh giá chuyên cần</b> Ngoài thời gian tự học, sự tham gia thường xuyên cùng những đóng góp của người học trong khóa học cũng phản ánh thái độ học tập của họ đối với học phần. <b>Đánh giá bài tập</b> Người học được yêu cầu thực hiện một số bài tập liên quan đến bài học

**Biểu mẫu 18**

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
5	Mô hình hóa quy hoạch sử dụng đất đai	<p>Môn học trình bày cơ sở lý luận, thuật toán và công cụ để mô hình hóa các vấn đề liên quan đến quy hoạch sử dụng đất đai:</p> <p>Giúp sinh viên hiểu được tầm quan trọng của mô hình hóa quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội.</p> <p>Giúp sinh viên hiểu được mối quan hệ giữa quy hoạch sử dụng đất đai và quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội</p> <p>Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về tài nguyên đất đai, quy hoạch sử dụng đất đai cũng như vai trò của nó trong nền kinh tế và mối liên hệ với sự phát triển của ngành bất động sản.</p> <p>Cập nhật cho sinh viên các kiến thức mới về quy định luật pháp và thể chế của Nhà nước trong quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch sử dụng đất đai</p> <p>Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản để hiểu được, phân tích được và vận dụng được các tài liệu quy hoạch sử dụng đất đai trong mối liên hệ với các vấn đề quản lý và phát triển bất động sản.</p>	2	Học kỳ I	<p>trong hoặc sau giờ học trên lớp. Các bài tập được thực hiện bởi cá nhân hoặc nhóm.</p> <p><b>Đánh giá thuyết trình</b></p> <p>Người học được yêu cầu làm việc theo nhóm để giải quyết một số vấn đề hay tình huống liên quan đến bài học và trình bày kết quả làm việc của nhóm mình trước các nhóm khác. Hoạt động này giúp người học vừa tiếp nhận kiến thức chuyên môn vừa phát triển các kỹ năng như kỹ năng giao tiếp, thương lượng, làm việc nhóm.</p> <p><b>Đánh giá kiểm tra trắc nghiệm/tự luận</b></p>

**Biểu mẫu 18**  
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					<p>Trắc nghiệm: Người học được yêu cầu lựa chọn câu trả lời đúng cho câu hỏi liên quan dựa trên các phương án đã được thiết kế và in sẵn trong đề kiểm tra. Số lượng câu hỏi và các phương án trả lời trong đề kiểm tra cũng tùy thuộc vào yêu cầu về nội dung kiến thức của học phần.</p> <p>Tự luận: người học trả lời bằng cách tự lựa chọn, tổng hợp và trình bày những tri thức phù hợp nhất, với một giới hạn tương đối rộng về nội dung theo yêu cầu.</p>
6	Tin học chuyên ngành	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phần mềm Microstation và Famis, từ đó ứng dụng phần mềm vào công tác biên tập	2	Học kỳ I	<p><b>Đánh giá chuyên cần</b></p> <p>Ngoài thời gian tự học, sự tham gia thường</p>

**Biểu mẫu 18**  
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<p>bản đồ số, số hóa bản đồ cũng như công tác in ấn và lưu trữ bản đồ.</p> <p>Môn học giúp sinh viên làm quen với việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý và sử dụng đất đai</p>			<p>xuyên cùng những đóng góp của người học trong khóa học cũng phản ánh thái độ học tập của họ đối với học phần.</p> <p><b>Đánh giá bài tập</b></p> <p>Người học được yêu cầu thực hiện một số bài tập liên quan đến bài học trong hoặc sau giờ học trên lớp. Các bài tập được thực hiện bởi cá nhân hoặc nhóm.</p> <p><b>Đánh giá kiểm tra trắc nghiệm</b></p> <p>Người học được yêu cầu lựa chọn câu trả lời đúng cho câu hỏi liên quan dựa trên các phương án đã được thiết kế và in sẵn trong đề kiểm tra. Số lượng câu hỏi</p>

**Biểu mẫu 18**  
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					và các phương án trả lời trong đề kiểm tra cũng tùy thuộc vào yêu cầu về nội dung kiến thức của học phần.
7	Thống kê và kiểm kê đất đai	<p>Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nguyên lý thống kê, kiểm kê đất đai, quy định chung về điều tra, tổng hợp và phân tích thống kê, kiểm kê đất đai.</p> <p>Giúp sinh viên có khả năng thực hành các nghiệp vụ chuyên môn đã học để điều tra, tổng hợp, phân tích được một số chỉ tiêu trong thống kê, kiểm kê. Xác định được các chỉ tiêu thống kê về mục đích và đối tượng quản lý, sử dụng đất và xây dựng được biểu mẫu trong thống kê, kiểm kê đất đai.</p>	3	Học kỳ I	<p><b>Đánh giá chuyên cần</b> Ngoài thời gian tự học, sự tham gia thường xuyên cùng những đóng góp của người học trong khóa học cũng phản ánh thái độ học tập của họ đối với học phần.</p> <p><b>Đánh giá bài tập</b> Người học được yêu cầu thực hiện một số bài tập liên quan đến bài học trong hoặc sau giờ học trên lớp. Các bài tập được thực hiện bởi cá nhân hoặc nhóm.</p> <p><b>Đánh giá thuyết trình</b></p>

**Biểu mẫu 18**

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					<p>Người học được yêu cầu làm việc theo nhóm để giải quyết một số vấn đề hay tình huống liên quan đến bài học và trình bày kết quả làm việc của nhóm mình trước các nhóm khác. Hoạt động này giúp người học vừa tiếp nhận kiến thức chuyên môn vừa phát triển các kỹ năng như kỹ năng giao tiếp, thương lượng, làm việc nhóm.</p> <p><b>Đánh giá kiểm tra trắc nghiệm/tự luận</b></p> <p>Trắc nghiệm: Người học được yêu cầu lựa chọn câu trả lời đúng cho câu hỏi liên quan dựa trên các phương án đã được thiết kế và</p>

**Biểu mẫu 18**  
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					<p>in sẵn trong đề kiểm tra. Số lượng câu hỏi và các phương án trả lời trong đề kiểm tra cũng tùy thuộc vào yêu cầu về nội dung kiến thức của học phần.</p> <p>Tự luận: người học trả lời bằng cách tự lựa chọn, tổng hợp và trình bày những tri thức phù hợp nhất, với một giới hạn tương đối rộng về nội dung theo yêu cầu.</p>
8	Thực hành tin học chuyên ngành	<p>Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức về sử dụng các phần mềm chuyên ngành để giải quyết các bài toán trong hoạt động quản lý đất đai.</p> <p>Giúp sinh viên hiểu được vai trò của việc ứng dụng các phần mềm chuyên ngành trong xử lý phân tích thông tin, dữ liệu đất đai.</p> <p>Sinh viên có thể sử dụng được phần mềm Microstation và Famis để thành lập bản đồ địa chính và các hồ sơ có liên quan, có khả năng làm việc độc</p>	3	Học kỳ I	<p><b>Đánh giá chuyên cần</b></p> <p>Ngoài thời gian tự học, sự tham gia thường xuyên cùng những đóng góp của người học trong khóa học cũng phản ánh thái độ học tập của họ đối với học phần.</p>



**Biểu mẫu 18**  
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		lập hoặc theo nhóm xử lý dữ liệu đo đạc thành lập bản đồ địa chính.			<p><b>Đánh giá bài tập</b> Người học được yêu cầu thực hiện một số bài tập liên quan đến bài học trong hoặc sau giờ học trên lớp. Các bài tập được thực hiện bởi cá nhân hoặc nhóm.</p> <p><b>Đánh giá Thực hành</b> Người học được đánh giá thông qua sản phẩm là báo cáo kết quả thực hành của họ, bao gồm nội dung và cách thức trình bày, kết quả đạt được.</p>
9	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	Cung cấp những hiểu biết cơ bản, có hệ thống về sự ra đời và phát triển của Đảng Cộng Sản Việt Nam, về quá trình Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam từ đấu tranh giành độc lập, thống nhất đất nước đến xây dựng, phát triển đất nước trên các lĩnh vực an ninh quốc phòng, đối ngoại, kinh tế, chính trị, văn hóa - xã hội. Tìm hiểu, nghiên	2	Học kỳ II	<p><b>Đánh giá chuyên cần</b> Ngoài thời gian tự học, sự tham gia thường xuyên cùng những đóng góp của người học trong khóa học</p>

**Biểu mẫu 18**

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		cứu việc xây dựng, hoạch định chủ trương đường lối cách mạng cho đến việc tổ chức thực hiện đường lối, từ đó rút ra những bài học kinh nghiệm để chỉ đạo thực tiễn.			<p>cũng phản ánh thái độ học tập của họ đối với học phần.</p> <p><b>Đánh giá thuyết trình</b></p> <p>Người học được yêu cầu làm việc theo nhóm để giải quyết một số vấn đề hay tình huống liên quan đến bài học và trình bày kết quả làm việc của nhóm mình trước các nhóm khác. Hoạt động này giúp người học vừa tiếp nhận kiến thức chuyên môn vừa phát triển các kỹ năng như kỹ năng giao tiếp, thương lượng, làm việc nhóm.</p> <p><b>Đánh giá kiểm tra trắc nghiệm</b></p> <p>Người học được yêu cầu lựa chọn câu trả</p>

**Biểu mẫu 18**  
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					lời đúng cho câu hỏi liên quan dựa trên các phương án đã được thiết kế và in sẵn trong đề kiểm tra. Số lượng câu hỏi và các phương án trả lời trong đề kiểm tra cũng tùy thuộc vào yêu cầu về nội dung kiến thức của học phần.
10	Quy hoạch phát triển vùng lãnh thổ	<p>Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức về một số khái niệm cơ bản, một số nội dung và phương pháp phân tích vùng, hệ thống quy hoạch phát triển quốc gia, mối quan hệ giữa các loại quy hoạch ở Việt Nam hiện nay.</p> <p>Đồng thời cũng cung cấp các kiến thức về lý thuyết tăng trưởng kinh tế vùng, phát triển kinh tế vùng, tổ chức không gian lãnh thổ, các chỉ tiêu đo lường tăng trưởng và các nguồn lực phát triển vùng.</p> <p>Giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng tính toán các chỉ tiêu kinh tế, xã hội của vùng; sử dụng một số mô hình dự báo về tăng trưởng kinh tế vùng, các nguồn lực phát triển vùng.</p>	2	Học kỳ II	<p><b>Đánh giá chuyên cần</b></p> <p>Ngoài thời gian tự học, sự tham gia thường xuyên cùng những đóng góp của người học trong khóa học cũng phản ánh thái độ học tập của họ đối với học phần.</p> <p><b>Đánh giá bài tập</b></p> <p>Người học được yêu cầu thực hiện một số bài tập liên quan</p>
11	Trắc địa địa chính	Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức:	2	Học kỳ II	

**Biểu mẫu 18**

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<p>Cơ bản về hình dạng, kích thước trái đất, về hệ quy chiếu tọa độ thông dụng, các khái niệm về bản đồ, bình đồ và các phương pháp thể hiện các đối tượng trên mặt đất lên bản đồ; đánh giá độ chính xác kết quả đo; sử dụng các máy móc thông dụng, dụng cụ, nguyên lý và phương pháp đo góc, đo chiều dài, độ cao; thành lập lưới khống chế tọa độ và độ cao phục vụ đo vẽ bản đồ địa chính.</p> <p>Chuyên ngành về lưới khống chế địa hình: gồm lưới khống chế mặt bằng và lưới khống chế độ cao; Nguyên tắc xây dựng lưới, cách chọn điểm mốc các dạng đồ hình của lưới; cách thiết kế lưới khống chế địa hình; tính toán bình sai lưới khống chế mặt bằng và lưới khống chế độ cao, lưới khống chế đo vẽ; đo vẽ bản đồ địa hình bằng phương pháp toàn đạc.</p>			<p>đến bài học trong hoặc sau giờ học trên lớp. Các bài tập được thực hiện bởi cá nhân hoặc nhóm.</p> <p><b>Đánh giá thuyết trình</b></p> <p>Người học được yêu cầu làm việc theo nhóm để giải quyết một số vấn đề hay tình huống liên quan đến bài học và trình bày kết quả làm việc của nhóm mình trước các nhóm khác. Hoạt động này giúp người học vừa tiếp nhận kiến thức chuyên môn vừa phát triển các kỹ năng như kỹ năng giao tiếp, thương lượng, làm việc nhóm.</p>
12	Quy hoạch đất sử dụng nông thôn	<p>Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về sự phát triển nông thôn bền vững, những vấn đề môi trường với sự phát triển, những nguyên lý, nguyên tắc và nội dung của quy hoạch đất sử dụng nông thôn. Qua đó sinh viên có thể điều tra, đánh giá, lập quy hoạch và phân tích các tác động môi trường trong việc phát triển nông thôn cũng như quy hoạch sử dụng đất ở nông thôn một cách hiệu quả nhất.</p>	2	Học kỳ II	<p><b>Đánh giá kiểm tra trắc nghiệm/tự luận</b></p>
13	Hệ thống văn bản và	<p>Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng để thành</p>	2	Học kỳ II	

**Biểu mẫu 18***(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT**ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)*

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	hồ sơ địa chính	lập, vận hành, quản lý, khai thác sử dụng hệ thống văn bản và hồ sơ địa chính điện tử và dạng giấy. Giúp cho sinh viên biết cách chỉnh lý, cập nhật hồ sơ khi có biến động đất đai, nhà ở và tài sản gắn liền với đất. Ngoài ra giúp sinh viên cập nhật thường xuyên hệ thống các văn bản hành chính nhà nước trong lĩnh vực quản lý đất đai.			Trắc nghiệm: Người học được yêu cầu lựa chọn câu trả lời đúng cho câu hỏi liên quan dựa trên các phương án đã được thiết kế và in sẵn trong đề kiểm tra. Số lượng câu hỏi và các phương án trả lời trong đề kiểm tra cũng tùy thuộc vào yêu cầu về nội dung kiến thức của học phần.
14	Hệ thống quản lý đánh giá đất đai	Học phần nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức tổng quát về hệ thống các quá trình, các công đoạn, các nhiệm vụ nhằm hỗ trợ, tương tác lẫn nhau giúp cho việc điều tra, phân tích và xử lý thông tin trong đánh giá đất đai được hiệu quả cao. Sau khi học xong học phần này, sinh viên vận dụng được các kết quả phân tích các yếu tố liên quan để phục vụ cho việc quản lý nguồn tài nguyên đất và quy hoạch sử dụng đất trong sản xuất nông lâm nghiệp	2	Học kỳ II	Tự luận: người học trả lời bằng cách tự lựa chọn, tổng hợp và trình bày những tri thức phù hợp nhất, với một giới hạn tương đối rộng về nội dung theo yêu cầu.
15	Gis ứng dụng	Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức bao quát các khái niệm của một hệ thống thông tin địa lý và khả năng ứng dụng trong công tác quản lý đất đai.	2	Học kỳ II	<b>Đánh giá chuyên cần</b> Ngoài thời gian tự học, sự tham gia thường

**Biểu mẫu 18**

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng phân tích, khai thác các cơ sở dữ liệu đất đai và thực tập một số phần mềm hệ thống thông tin địa lý thông dụng như: Mapinfo, Arcview, Arcgis...			<p>xuyên cùng những đóng góp của người học trong khóa học cũng phản ánh thái độ học tập của họ đối với học phần.</p> <p><b>Đánh giá bài tập</b></p> <p>Người học được yêu cầu thực hiện một số bài tập liên quan đến bài học trong hoặc sau giờ học trên lớp. Các bài tập được thực hiện bởi cá nhân hoặc nhóm.</p> <p><b>Đánh giá kiểm tra trắc nghiệm</b></p> <p>Người học được yêu cầu lựa chọn câu trả lời đúng cho câu hỏi liên quan dựa trên các phương án đã được thiết kế và in sẵn trong đề kiểm tra. Số lượng câu hỏi</p>

**Biểu mẫu 18**  
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					và các phương án trả lời trong đề kiểm tra cũng tùy thuộc vào yêu cầu về nội dung kiến thức của học phần.
16	Quy hoạch sử dụng đất đai chuyên đề	<p>Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về xói mòn và quy hoạch chống xói mòn, quy hoạch đất đai kết hợp với quy hoạch thủy nông, quy hoạch đất đai và biến đổi khí hậu.</p> <p>Rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng như:</p> <p>Tổ chức lãnh thổ sản xuất chống xói mòn, quy hoạch thủy lợi và nông lâm kết hợp trong quy hoạch chống xói mòn.</p> <p>Quy hoạch đất đai và bố trí công trình thủy lợi trong quy hoạch vùng tưới, tiêu.</p> <p>Tích hợp yếu tố biến đổi khí hậu vào quy hoạch sử dụng đất đai.</p>	2	Học kỳ II	<p><b>Đánh giá chuyên cần</b></p> <p>Ngoài thời gian tự học, sự tham gia thường xuyên cùng những đóng góp của người học trong khóa học cũng phản ánh thái độ học tập của họ đối với học phần.</p> <p><b>Đánh giá bài tập</b></p> <p>Người học được yêu cầu thực hiện một số bài tập liên quan đến bài học trong hoặc sau giờ học trên lớp. Các bài tập được thực hiện bởi cá nhân hoặc nhóm.</p> <p><b>Đánh giá thuyết trình</b></p>

**Biểu mẫu 18**  
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					<p>Người học được yêu cầu làm việc theo nhóm để giải quyết một số vấn đề hay tình huống liên quan đến bài học và trình bày kết quả làm việc của nhóm mình trước các nhóm khác. Hoạt động này giúp người học vừa tiếp nhận kiến thức chuyên môn vừa phát triển các kỹ năng như kỹ năng giao tiếp, thương lượng, làm việc nhóm.</p> <p><b>Đánh giá kiểm tra trắc nghiệm/tự luận</b></p> <p>Trắc nghiệm: Người học được yêu cầu lựa chọn câu trả lời đúng cho câu hỏi liên quan dựa trên các phương án đã được thiết kế và in sẵn trong đề</p>



**Biểu mẫu 18**  
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					<p>kiểm tra. Số lượng câu hỏi và các phương án trả lời trong đề kiểm tra cũng tùy thuộc vào yêu cầu về nội dung kiến thức của học phần.</p> <p>Tự luận: người học trả lời bằng cách tự lựa chọn, tổng hợp và trình bày những tri thức phù hợp nhất, với một giới hạn tương đối rộng về nội dung theo yêu cầu.</p>

#### 14. NGÀNH CAO ĐẲNG MÀM NON (51140201)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	<p>1.1.Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lênin 1</p> <p>1.2.Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lênin 2</p>	<p><b>1.1.</b> Sinh viên hiểu rõ hệ thống tri thức lý luận cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1 là cơ sở để tiếp cận nội dung các học phần Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 2, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng Cộng sản</p>	5	HK1	<p>Đánh giá quá trình 30%</p> <p>Đánh giá cuối kì 70%</p>

**Biểu mẫu 18**

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

	<p>1.3.Tư tưởng Hồ Chí Minh</p> <p>1.4.Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam</p>	<p>Việt Nam. Vận dụng tri thức Những nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin vào giải quyết các vấn đề thực tiễn, đời sống, học tập và công tác. Trang bị cho người học những phẩm chất chính trị, đạo đức, kỹ năng cần thiết, thái độ tích cực, sáng tạo, trách nhiệm với cộng đồng, xã hội.</p> <p><b>1.2.</b> Hình thành thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận chung nhất để tiếp cận môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh và Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, các môn khoa học chuyên ngành và vận dụng vào hoạt động thực tiễn; có niềm tin và lý tưởng cách mạng.</p> <p><b>1.3.</b> Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh trang bị những kiến thức về hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh cho sinh viên hệ Đại học. Giúp cho sinh viên hiểu rõ được giá trị Tư tưởng Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam và sự phát triển của cách mạng thế giới. Đồng thời củng cố niềm tin của sinh viên với Đảng Cộng sản Việt Nam và chế độ chính trị. Có ý thức rèn luyện, tu dưỡng học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.</p> <p><b>1.4.</b> Nội dung cơ bản của đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, trong đó chủ yếu tập trung vào đường lối của Đảng thời kì đổi mới trên một số lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội</p>			
--	---	---	--	--	--

**Biểu mẫu 18**

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

		<p>phục vụ cho cuộc sống và công tác.</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Xây dựng cho sinh viên niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, theo mục tiêu, lí tưởng của Đảng.</li><li>- Giúp sinh viên vận dụng kiến thức chuyên ngành để chủ động, tích cực trong giải quyết những vấn đề kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội theo đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước.</li></ul>			
2	Quản lý hành chính và quản lý ngành GDĐT	<p>Môn học cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về quản lý hành chính nhà nước và quản lý hành chính nhà nước về giáo dục – đào tạo, giúp người học Nâng cao năng lực và cải tiến công tác quản lý hành chính Nhà nước trong nhà trường và trong hoạt động giáo dục.</p> <p>Môn học cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về nhà nước, cơ chế tổ chức và nội dung quản lý hành chính nhà nước về giáo dục, từ đó giúp người học ý thức được những chức trách, nhiệm vụ của mình trong quá trình xây dựng nền hành chính tối ưu góp phần nâng cao chất lượng và công bằng giáo dục.</p> <p>Môn học chú trọng đến việc hình thành các kỹ năng nhận thức và vận dụng những kiến thức vào việc bồi dưỡng nhân cách người giáo viên; đồng thời góp phần hình thành các kỹ năng về quản lý học sinh, quản lý trường học...</p>	2	HK4	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%

**Biểu mẫu 18**

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

		Các kỹ năng chủ yếu được hình thành thông qua các nội dung của môn học có sự lồng ghép của giảng viên.			
3	Ngoại ngữ không chuyên (Tiếng Anh 1)	Học phần tiếng Anh 1 cung cấp kiến thức và kỹ năng Tiếng Anh ở trình độ sơ cấp nhằm giúp người học có thể hiểu và sử dụng các cấu trúc ngữ pháp và từ ngữ cơ bản đáp ứng nhu giao tiếp và trình bày về các chủ đề liên quan đến con người, sự sở hữu, nơi chốn, thời gian rảnh. Học phần tăng cường năng lực tư duy phản biện, kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp; hướng đến mục tiêu phát triển năng lực ngôn ngữ ở trình độ cận A1 (theo khung năng lực ngoại ngữ do Bộ GDĐT Việt Nam ban hành).	2	HK1	
4	Ngoại ngữ không chuyên (Tiếng Anh 2)	Học phần Tiếng Anh 2 nhằm giúp cho sinh viên đạt chuẩn bậc 1/6 (theo khung năng lực ngoại ngữ do Bộ GDĐT Việt Nam ban hành)	2	HK2	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
5	Ngoại ngữ không chuyên (Tiếng Anh 3)	Học phần Tiếng Anh 3 nhằm giúp cho sinh viên đạt chuẩn bậc 2/6 (theo khung năng lực ngoại ngữ do Bộ GDĐT Việt Nam ban hành).	3	HK3	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
6	Tin học đại cương	Trang bị cho sinh viên các kiến thức đại cương về tin học, đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định hiện hành về Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành.	3	HK2	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%

**Biểu mẫu 18**

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

7	Giáo dục thể chất	Mục tiêu của giáo dục thể chất (GDTC) trong các trường đại học là góp phần thực hiện mục tiêu đào tạo đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật, quản lý kinh tế và văn hoá xã hội; phát triển hài hoà về thể lực và tư duy, có thể chất cường tráng, đáp ứng theo yêu cầu xã hội	3		
8	Giáo dục quốc phòng		135t		
9	<b>Tiếng việt thực hành</b>	Mục tiêu chung của học phần là nhắc lại, củng cố cho người học kiến thức cơ bản về tiếng Việt nhằm giúp người học có được hệ thống kiến thức cần thiết để vận dụng tốt hơn trong học tập và cho công tác giảng dạy sau này.	<b>2</b>	HK2	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
10	Ứng dụng CNTT trong giảng dạy mầm non	Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động giáo dục mầm non.	2	HK3	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
11	Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm	Tâm lý học lứa tuổi và sư phạm nghiên cứu những quy luật chung của sự phát triển nhân cách và những nhân tố chỉ đạo sự phát triển nhân cách theo lứa tuổi, rút ra những quy luật lĩnh hội tri thức, kĩ năng, kĩ xảo trong quá trình dạy học và giáo dục, những biến đổi tâm lý của học sinh do ảnh hưởng của giáo dục và dạy học. Từ đó cung cấp những kết quả nghiên cứu để tổ chức hợp lý quá trình sư phạm, nhằm mục đích nâng cao hiệu quả của hoạt động giáo dục và giảng dạy.	2	HK2	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%

**Biểu mẫu 18**

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

12	Văn học trẻ em và đọc kể diễn cảm	Cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về sự phát triển của văn học trẻ em Việt Nam; hệ thống những giá trị cơ bản các tác giả, tác phẩm tiêu biểu của văn học trẻ em Việt Nam và nước ngoài.	2	HK3	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
13	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục	- Hiểu được kiến thức cơ bản liên quan đến nghiên cứu khoa học giáo dục nói chung và khoa học giáo dục mầm non nói riêng; thực hiện được hoạt động nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực giáo dục mầm non. - Làm việc nhóm, thuyết trình, chia sẻ, chủ động thích ứng với sự thay đổi, không ngừng học hỏi, tích cực trau dồi phẩm chất nghề nghiệp, nghiên cứu khoa học liên tục.	2	HK5	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
14	Giáo dục môi trường	Học phần cung cấp các kiến thức một số vấn đề chung về môi trường; giáo dục môi trường cho trẻ mầm non từ đó vận dụng các kiến thức nội dung, phương pháp giáo dục môi trường để lập kế hoạch, tổ chức giáo dục môi trường trong các hoạt động giáo dục cho trẻ ở trường Mầm non	2	HK3	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
15	Cơ sở văn hoá Việt Nam	- Trình bày kiến thức cơ bản về văn hóa học và văn hóa Việt Nam để có thể giải quyết, phân tích các vấn đề văn hóa – xã hội. - Phát triển chuyên môn bản thân: tích cực, chủ động nghiên cứu, vận dụng kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề văn hóa – xã hội.	2	HK4	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%

**Biểu mẫu 18**

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

		<ul style="list-style-type: none"><li>- Phân tích, phản biện, hợp tác, giải quyết vấn đề; làm việc nhóm, thuyết trình, giao tiếp trong môi trường toàn cầu, đa văn hóa.</li><li>- Thể hiện trách nhiệm công dân và năng lực thẩm mỹ, nhận thức sâu sắc các giá trị văn hóa</li></ul>			
16	Tâm lý học đại cương	<ul style="list-style-type: none"><li>- Sinh viên có được những tri thức đại cương về Tâm lý học.</li><li>- Sinh viên ứng dụng tri thức Tâm lý học đại cương vào cuộc sống và công tác giáo dục.</li><li>- Sinh viên có ý thức trách nhiệm trong việc học tập, rèn luyện tâm lí, nhân cách của bản thân</li></ul>	2	HK1	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
17	Giáo dục học đại cương	Sau khi học xong học phần Giáo dục học đại cương, sinh viên có những kiến thức, kỹ năng cơ bản về giáo dục, giáo dục học: Bản chất, tính chất, chức năng của giáo dục, giáo dục học là một khoa học; Vai trò của giáo dục đối với sự phát triển xã hội và sự phát triển cá nhân; Mục đích, nguyên lý giáo dục và hệ thống giáo dục quốc dân Việt Nam hiện hành; Nội dung giáo dục, Phương pháp giáo dục; Khái quát về các con đường giáo dục	2	HK3	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
18	Mỹ thuật	<ul style="list-style-type: none"><li>- Giúp sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về lí luận Mỹ thuật.</li><li>- Giúp sinh viên nắm được những kiến thức, kĩ năng cơ bản về thực hành mỹ thuật, phương pháp tự nghiên cứu về mỹ thuật.</li></ul>	3	HK2	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%

**Biểu mẫu 18**

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

		<ul style="list-style-type: none"><li>- Giúp sinh viên biết vận dụng các kiến thức, kỹ năng về thực hành mỹ thuật vào các hoạt động tạo hình, trang trí trường lớp mầm non sau khi ra trường.</li><li>- Giúp sinh viên hình thành và bồi dưỡng các năng lực thẩm mỹ, nhận thức sâu sắc các giá trị mỹ thuật cũng như có ý thức, trách nhiệm trước cộng đồng về các vấn đề thẩm mỹ.</li></ul>			
19	Âm nhạc	Trang bị cho sinh viên những kiến thức âm nhạc cơ bản, kỹ năng đọc ghi nhạc phổ thông và kỹ năng cơ bản về Hát và Đàn phím điện tử phục vụ cho việc dạy học âm nhạc ở trường Mầm non.	3	HK1	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
20.	Sinh lý trẻ em	Sinh viên trình bày được những kiến thức cơ bản về cấu tạo, chức năng, đặc điểm phát triển, các biện pháp bảo vệ các hệ cơ quan của cơ thể trẻ em. Qua đó xác định được nguyên tắc và phương pháp giáo dục chăm sóc trẻ em lứa tuổi mầm non.	2	HK1	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
21	Tâm lý học trẻ em lứa tuổi mầm non 1	Học phần làm rõ những vấn đề về đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu của Tâm lý học trẻ em, lịch sử phát triển tâm lý học trẻ em, những quy luật phát triển tâm lý của trẻ em và đặc điểm phát triển tâm lý trẻ em từ 0 – 3 tuổi.	2	HK1	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
22	Tâm lý học trẻ em lứa tuổi mầm non 2	Giới thiệu về đặc điểm các dạng hoạt động của trẻ mẫu giáo; sự hình thành nhân cách và sự phát triển trí tuệ của trẻ mẫu giáo; chuẩn bị tâm lý sẵn sàng vào lớp 1 cho trẻ mẫu giáo.	2	HK2	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%



**Biểu mẫu 18**

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

23	Giáo dục gia đình	Cung cấp kiến thức cơ bản về gia đình Ý nghĩa, vai trò của giáo dục gia đình Các phương pháp giáo dục trong gia đình.	2	HK4	
24	Giáo dục mầm non 1	- Cung cấp kiến thức cơ bản về giáo dục học mầm non cho SV: Mục tiêu, nội dung, nguyên tắc, phương pháp GDMN.	2	HK 3	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
25	Giáo dục mầm non 2	Sinh viên trình bày được các kiến thức cơ bản về lí luận chăm sóc giáo dục trẻ em lứa tuổi mầm non. Sinh viên vận dụng được kiến thức của học phần vào công tác chăm sóc giáo dục trẻ mầm non. Qua đó hình thành tình yêu đối với nghề nghiệp đã chọn.	2	HK4	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
26	Giáo dục hoà nhập trẻ em khuyết tật mầm non	Giúp sinh viên có kiến thức cơ bản về giáo dục hòa nhập từ đó có thể vận dụng để thực hiện chương trình chăm sóc giáo dục trẻ trong trường mầm non. Bồi dưỡng cho sinh viên thái độ đúng đắn trong giáo dục hòa nhập cho trẻ mầm non.	2	HK5	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
27	Tổ chức hoạt động vui chơi trong trường mầm non	Sinh viên nắm được cơ sở lí luận về phương pháp tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ trong trường mầm non và vận dụng được vào thực tiễn trong công tác giảng dạy sau khi ra trường. Sinh viên có kỹ năng tổ chức các loại trò chơi cho trẻ và đánh giá được những nội dung cơ bản sự phát triển của trẻ trong hoạt động vui chơi. Có khả năng làm việc nhóm, tự học, tự nghiên cứu.	2	HK5	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%

**Biểu mẫu 18**

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

28	Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình	Sinh viên phân tích được cơ sở lí luận về phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ trong trường mầm non và vận dụng được vào thực tiễn trong công tác giảng dạy sau khi ra trường. Sinh viên có kỹ năng tổ chức các hoạt động tạo hình cho trẻ tham gia và đánh giá, kỹ năng tự học, tự nghiên cứu và làm việc nhóm.	2	HK3	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
29	Phương pháp giáo dục âm nhạc trong trường mầm non	Sinh viên có cơ sở lí luận về phương pháp tổ chức hoạt động Âm nhạc cho trẻ MN và vận dụng được vào thực tiễn trong công tác giảng dạy sau khi ra trường. - Sinh viên có kỹ năng tổ chức các hoạt động cho trẻ làm quen TPVH, kỹ năng tự học, tự nghiên cứu và làm việc nhóm.		HK2	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
30	Múa và Phương pháp dạy múa ở trường MN	- Hiểu được một số vấn đề lí luận cơ bản về nghệ thuật múa; nắm rõ vai trò, tác dụng của nghệ thuật múa đối với trẻ mầm non; nắm vững một số động tác múa dân gian Việt Nam; biết cách dạy múa cho trẻ ở trường mầm non. - Thao tác thuần thục một số động tác múa dân gian Việt Nam và những bài hát múa trong chương trình chăm sóc - giáo dục mầm non. - Hình thành, phát triển tính tích cực, chủ động, sáng tạo trong quá trình học tập và rèn luyện.		HK4	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
31	Phương pháp Phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non	- Sinh viên có cơ sở lí luận khoa học về phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ trong trường mầm non và vận dụng được các phương pháp, biện pháp vào thực	3	HK4	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%

**Biểu mẫu 18**

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

		tiền trong công tác giảng dạy sau khi ra trường. - Sinh viên có kỹ năng tổ chức các hoạt động phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non, kỹ năng tự học, tự nghiên cứu và làm việc nhóm.			
32	Phương pháp dạy trẻ làm quen tác phẩm văn học	Sinh viên có cơ sở lí luận về phương pháp cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học trong trường mầm non. - Sinh viên có kỹ năng tổ chức các hoạt động cho trẻ làm quen TPVH, kỹ năng tự học, và làm việc nhóm.	2	HK5	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
33	Phương pháp hình thành biểu tượng toán cho trẻ	Sinh viên hiểu lý luận về quá trình cho trẻ mầm non làm quen với toán từ đó vận dụng lý luận này vào công tác chăm sóc, giáo dục trẻ em lứa tuổi mầm non. Bước đầu làm quen với việc đánh giá quá trình cho trẻ mầm non làm quen với toán. Hình thành hứng thú với nội dung học phần, mong muốn được tổ chức các hoạt động cho trẻ làm quen với toán.	2	HK4	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
34	Phương pháp dạy trẻ làm quen môi trường xung quanh	Sinh viên hiểu lí luận về việc cho trẻ KPKHVXH; có thể vận dụng vào xây dựng kế hoạch và tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ em lứa tuổi mầm non; phát triển kỹ năng làm việc theo cặp, nhóm, thái độ tích cực, chủ động để đáp ứng tốt hơn cho công việc của mình.	2	HK4	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
35	Phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ ở trường mầm non	- Trang bị cho sinh viên những vấn đề mang tính lý luận về phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ ở trường Mầm non và vận dụng được vào thực tiễn trong	2	HK2	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%

**Biểu mẫu 18***(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT**ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)*

		<p>công tác giảng dạy sau khi ra trường.</p> <p>- Sinh viên có kỹ năng tổ chức các hoạt động giáo dục thể chất cho trẻ mầm non, kỹ năng tự học, tự nghiên cứu và làm việc nhóm</p>			
36	Dinh dưỡng trẻ em	<p>Học phần trang bị cho sinh viên một số kiến thức cơ bản, những kỹ năng cần thiết để sinh viên sau khi ra trường có thể áp dụng vào việc tổ chức Vệ sinh-Dinh dưỡng tốt cho trẻ ở các trường mầm non. Ngoài ra, học phần còn cung cấp một số kiến thức, kỹ năng về giáo dục Vệ sinh- Dinh dưỡng cho trẻ mầm non để đáp ứng việc đổi mới chương trình chăm sóc, giáo dục mầm non hiện nay.</p> <p>Hình thành lòng yêu thích học phần, học tập tích cực, nuôi dưỡng tình yêu với trẻ, với nghề nghiệp đã chọn cho sinh viên.</p>	2	HK1	<p>Đánh giá quá trình 30%</p> <p>Đánh giá cuối kì 70%</p>
37	Phòng bệnh và đảm bảo an toàn	<p>Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về bệnh trẻ em. Vận dụng kiến thức cơ bản về bệnh trẻ em để có các biện pháp phòng bệnh cho trẻ. Sinh viên tích cực chủ động trong học tập và tự nghiên cứu; phát triển khả năng hoạt động nhóm, khả năng thuyết trình.</p>	2	HK6	<p>Đánh giá quá trình 30%</p> <p>Đánh giá cuối kì 70%</p>
38	Chương trình và tổ chức thực hiện chương trình GDMN	<p>Học phần cung cấp các kiến thức về chương trình và phát triển chương trình giáo dục mầm non và lập kế hoạch giáo dục; Tổ chức thực hiện và đánh giá việc thực hiện chương trình GDMN; Xây dựng môi trường giáo dục trong</p>	3	HK5	<p>Đánh giá quá trình 30%</p> <p>Đánh giá cuối kì 70%</p>

**Biểu mẫu 18**

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

		trường mầm non; giúp sinh viên biết vận dụng vào việc lập kế hoạch, tổ chức, đánh giá hoạt động phát triển chương trình giáo dục mầm non; Bên cạnh đó, sinh viên sẽ được phát triển kỹ năng làm việc theo nhóm, thái độ tích cực, chủ động để đáp ứng tốt hơn cho công việc của mình.			
39	Quản lý GDMN.	Đào tạo sinh viên chuyên ngành giáo dục mầm non có kiến thức chung về khoa học quản lý mầm non và nghiệp vụ quản lý trường mầm non; có khả năng vận dụng tri thức để giải quyết một số tình huống quản lý trường mầm non và nhóm/lớp mầm non	2	HK6	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
40	Đánh giá trong GDMN	Sinh viên hiểu rõ lý luận về đánh giá trong GDMN và vận dụng vào việc đánh giá trong GDMN hiệu quả. Hình thành lòng yêu thích học phần, học tập tích cực, phát triển lòng yêu nghề cho sinh viên.	2	HK5	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
41	Giáo dục dinh dưỡng	- Cung cấp kiến thức cơ bản về dinh dưỡng trẻ em lứa tuổi mầm non - Hướng dẫn SV xây dựng thực đơn, khẩu phần cho trẻ Mn	2	HK4	
42	Phương pháp biên đạo múa trong trường mầm non	Đào tạo sinh viên mầm non có kiến thức về sáng tác múa và biên đạo múa; có kỹ năng thành lập tổ hợp và biên đạo một số thể loại múa phù hợp với chương trình học và lễ hội của trường mầm non. Hình thành lòng yêu thích học phần, học tập tích cực, phát triển lòng yêu nghề cho sinh viên.	2	HK4	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%

**Biểu mẫu 18**

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

45	Cơ sở toán học của việc hình thành biểu tượng toán học sơ đẳng cho trẻ mầm non	Cung cấp Cơ sở toán học của việc hình thành biểu tượng toán học sơ đẳng cho trẻ mầm non: kiến thức toán học và kiến thức tâm lý ảnh hưởng đến việc HTBT toán cho trẻ MN	2	HK4	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
46	Thực hành sư phạm 1+2		2	HK4- HK5	
47	Thực tập sư phạm đợt 1		2	HK3	
48	Thực tập sư phạm đợt 2		4	HK6	
<b>VI</b>	<b>Khóa luận tốt nghiệp hoặc các học phần thay thế</b>		<b>5</b>		
49	TCHĐ phát triển ngôn ngữ cho trẻ theo hướng tích hợp	Cung cấp cho sinh viên các lí thuyết cơ bản và chuyên sâu về đặc điểm ngôn ngữ của trẻ, nhận biết các cách thức giúp trẻ sử dụng ngôn ngữ như là phương tiện giao tiếp quan trọng nhằm phát triển tư duy, góp phần giáo dục trẻ mầm non một cách toàn diện. Đồng thời, qua học phần, người học cũng được tiếp cận và phân tích, đánh giá chương trình phát triển ngôn ngữ ở trường mầm non hiện nay.	3	HK6	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
50	TCHĐGD trong trường mầm non theo hướng tích hợp	Giới thiệu cho sinh viên cơ sở lý luận định hướng của vấn đề giáo dục tích hợp nói chung và tích hợp trong GDMN nói riêng. - Giúp sinh viên nắm được hướng đổi mới trong GDMN của một số nước trên thế giới, trong khu vực và ở Việt Nam. - Giúp sinh viên có kỹ năng thiết kế, tổ chức và đánh giá hoạt động giáo dục cho trẻ ở trường mầm non theo hướng tích hợp. Từ đó giúp cho sinh viên có cách tiếp cận đúng đắn với khoa học GDMN theo hướng tích hợp.	2	HK6	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%

**Biểu mẫu 18**  
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

		- Phát huy tính tích cực, tính độc lập của sinh viên trong học tập và nghiên cứu học phần này.			
<b>TỔNG SỐ TÍN CHỈ TOÀN KHÓA</b>			<b>102</b>		

D. Công khai thông tin về giáo trình, tài liệu tham khảo do cơ sở giáo dục tổ chức biên soạn

STT	Tên giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)	Năm xuất bản	Kế hoạch soạn thảo giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)
1	Giáo trình Nguyên lý kế toán	2019	
2	Giáo trình Kế toán tài chính 1	2019	
3	Giáo trình Kế toán tài chính 2	2019	
4	Giáo trình Kế toán chi phí		Đang chờ xuất bản

E. Công khai thông tin về đồ án, khóa luận, luận văn, luận án tốt nghiệp Đại học

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
<b>Năm học 2020-2021</b>				
1	Cảm thức không gian và thời gian nghệ thuật trong “Vang bóng một thời” của Nguyễn Tuân	Hồ Thị Thanh Loan	TS. Hồ Thị Thanh Thủy	
2	Quan niệm nghệ thuật về con người trong “Chiến tranh và hòa bình” của L.Tolstoy	Trần Thị Phương Thảo	TS. Đoàn Thị Huệ	
3	Nông thôn Việt Nam qua tiểu thuyết “Mẫu thượng ngàn” của Nguyễn Xuân Khánh	Bùi Ngọc Giàu	TS. Trương Thị Kim Anh	
4	Chiến tranh Việt Nam qua tiểu thuyết “Ăn mày dĩ vãng” của Chu Lai	Nguyễn Thành Vĩnh	TS. Trương Thị Kim Anh	
5	Số phận người định cư ở nước ngoài trong Chinatown của Thuận	Nguyễn Thị Thùy Trang	TS. Trương Thị Kim Anh	

**Biểu mẫu 18**  
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
6	Khảo sát thành phần hóa học cao Chloroform của địa y Parmotrema cristiferum	Nguyễn Thị Ánh Minh	TS. Huỳnh Bùi Linh Chi	
7	Khảo sát thành phần hóa học cao ethyl acetal của địa y Parmotrematinctorum	Tào Quỳnh Trang	TS. Huỳnh Bùi Linh Chi	
8	Nghiên cứu tính chất đan rối của trạng thái thêm hai bốt một photon lên trạng thái kết hợp cặp và ứng dụng vào trạng thái viễn tải lượng tử	Trần Hải Hưng	ThS. Hồ Sỹ Chương	
9	Phân tích mẫu địa chất bằng phương pháp trùng phùng gamma- gamma	Nguyễn Hoàng Phúc	TS. Trương Văn Minh	
10	Vận dụng thuyết đa trí tuệ vào dạy học phần “Quang hình học” vật lý lớp 11 THPT	Nguyễn Quang Thạch	ThS. Nguyễn Văn Nghĩa	
11	Tổ chức hoạt động dạy học khái niệm tích phân trong chương trình môn Toán lớp 12 hiện hành	Lê Thị Kim Ngọc	ThS. Nguyễn Thị Thanh Thanh	
12	Dạy học khám phá khái niệm giới hạn dãy số trong chương trình môn Toán lớp 11 hiện hành	Lê Hoàng Quân	ThS. Nguyễn Thị Thanh Thanh	
13	Giả số Sylow	Nguyễn Minh Phương	TS. Trương Hữu Dũng	
14	Số nhóm con Sylow trong một nhóm hữu hạn	Trần Nam Sơn	TS. Trương Hữu Dũng	

G. Công khai thông tin đào tạo theo đơn đặt hàng của nhà nước, địa phương và doanh nghiệp

STT	Tên đơn vị đặt hàng đào tạo	Số lượng	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Kết quả đào tạo
1					
2					



**Biểu mẫu 18**

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

**H. Công khai hội nghị, hội thảo khoa học do cơ sở giáo dục tổ chức**

<b>STT</b>	<b>Tên chủ đề hội nghị, hội thảo khoa học</b>	<b>Thời gian tổ chức</b>	<b>Địa điểm tổ chức</b>	<b>Số lượng đại biểu tham dự</b>

**I. Công khai thông tin về các hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, sản xuất thử và tư vấn**

Trong năm 2020-2021, Trường ĐH Đồng Nai không có hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, sản xuất và tư vấn.

**K. Công khai thông tin về các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng**

<b>STT</b>	<b>Tên các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng</b>	<b>Người chủ trì và các thành viên</b>	<b>Đối tác trong nước và quốc tế</b>	<b>Thời gian thực hiện</b>	<b>Kinh phí thực hiện</b>	<b>Tóm tắt kết quả hoạt động</b>
1	Các khóa học ngắn hạn dành cho SV, cộng đồng					
2	Các hội thảo khoa học trong và ngoài nước, các đề tài, dự án NCKH phục vụ sản xuất					
3	Các hoạt động vì cộng đồng của Công đoàn trường					
4	Các hoạt động tình nguyện vì cộng đồng của Đoàn viên, thanh niên trong Trường					

**L. Công khai thông tin kiểm định cơ sở giáo dục và chương trình giáo dục**

**Biểu mẫu 18**

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT  
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên cơ sở đào tạo hoặc các chương trình đào tạo	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/Công nhận	Nghị quyết của Hội đồng KĐCLGD	Công nhận đạt/không đạt chất lượng giáo dục	Giấy chứng nhận/Công nhận	
						Ngày cấp	Giá trị đến
1							
2							

....., ngày ..... tháng .... năm .....

HIỆU TRƯỞNG

(Ký tên và đóng dấu)



*TS. Lê Anh Đức*